GIỚI LUẬT PHẬT GIÁO

Thích Viên Lý

GIỚI LUẬT PHẬT GIÁO

THÍCH VIÊN LÝ

Xuất bản lần thứ Nhất, 2024

Thích Viên Lý © Copyright 2024

Dàn trang: Lê Giang Trần

THÍCH VIÊN LÝ

GIỚI LUẬT PHẬT GIÁO

Bodhi Wisdom
DN Publishing
2024

MỤC LỤC

Lời Giới Thiệu 15
Dẫn Nhập 21

Chương I
Tổng Quan Về Giới Luật Phật Giáo

1. Khái Niệm 23
2. Phân loại 24
    2.1. Biệt giải thoát giới, Định cộng giới và Đạo cộng giới 24
    2.2. Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình giới 25
    2.3. Biệt giới và Thông giới 26
    2.4. Tánh giới và Giá giới 26
    2.5. Giới pháp, Giới thể, Giới hạnh và Giới tướng 27
    2.6. Sự giới và Lý giới 28
3. Nguyên nhân chế định giới luật 29
4. Từ hình thành đến phát triển 38

5. Quá trình truyền trì giới luật 43
6. Nguồn gốc của các bộ luật được lưu truyền 49
7. Những đặc điểm quan trọng của Giới Luật 67
8. Tầm Quan Trọng Của Giới Luật 74

Chương II
Giới Luật Trong Phật Giáo Nguyên Thủy Và Đại Thừa

1. Giới Luật Trong Phật Giáo Nguyên Thủy 87
2. Giới Luật Trong Phật Giáo Đại Thừa 92
3. Phân Tích Và So Sánh 98

Chương III
Ngũ Giới

1. Giới Thiệu 104
2. Chi Phần 109
3. Vai Trò Và Tác Động 117

Chương IV
Bát Quan Trai Giới

1. Giới Thiệu 124
2. Chi Phần 126
3. Vai Trò Và Tác Động 134

Chương V
Thập Giới Của Sa Di Và Sa Di Ni

1. Giới thiệu 139
2. Chi Phần 143
3. Vai Trò Và Tác Động 148
4. Xuất Gia Gieo Duyên 154

Chương VI
Thức Xoa Ma Na Giới

1. Giới Thiệu 155
2. Chi phần 157
3. Vai Trò Và Tác Động 180

Chương VII
Tỳ-kheo Giới

1. Giới Thiệu 184
2. Chi Phần 191
2.1. Những Giới Luật Cụ Thể Mà Chư Tỳ-kheo Nam Tông Thọ Trì 191
2.2. Những Giới Luật Cụ Thể Mà Chư Tỳ-kheo Bắc Tông Thọ Trì 199
3. Vai Trò Và Tác Động 232

Chương VIII
Tỳ kheo Ni Giới

1. Giới Thiệu 241
2. Chi Phần 244
3. Bát Kỉnh Pháp 264
4. Vai Trò Và Tác Động 267

Chương IX
Bồ Tát Giới

1. Giới Thiệu 272
2. Chi Phần 275
    2.1. Mười Giới Trọng 275
    2.2. Bốn Mươi Tám Giới Khinh 279
3. Vai Trò Và Tác Động 285
4. Những đặc điểm độc đáo của Bồ Tát Giới 291

Chương X
Yết Ma

1. Định Nghĩa 293
2. Đối Tượng Của Yết Ma 294
3. Phân Loại Yết Ma 296
    3.1. Tâm niệm Yết ma 296
    3.2. Đối thú Yết ma 299
    3.3. Tăng pháp Yết ma 301
4. Các Giai Đoạn Tiến Hành Yết Ma 304

5. Các Yếu Tố Để Thành Tựu Yết Ma 305
6. Già yết Ma 306
7. Phi Tướng Yết Ma 307
8. Vai Trò Và Ý Nghĩa Của Yết Ma 308

Chương XI
Kết – Giải giới

1. Khái thuật 313
1.1. Khái niệm 313
1.2. Phân loại 314
1.3. Ý nghĩa 318
1.4. Quá trình Đức Phật chế giới kết giới 319
2. Kết – Giải Đại Giới Không Giới Tràng 321
3. Kết – Giải Đại Giới Có Giới Tràng 331
3.1. Khái lược 331
3.2. Nghi thức kết – giải Đại giới có giới tràng 333

Chương XII
Pháp An Cư

1. Khái thuật: 339
1.1. Khái niệm 339
1.2. Duyên khởi (nguồn gốc) 339
1.3. Nội dung – ý nghĩa 340
1.4. Thời gian an cư 341

1.5. Địa điểm an cư 344
1.6. Phân chia phòng xá 344
2. Yết Ma An Cư 345
2.1. Đối thú Yết ma An cư 345
2.2. Tâm niệm An cư 349
3. Dời hạ khi có nạn 350
4. Một số vấn đề trong an cư 351

Chương XIII
Pháp Thuyết Giới

1. Khái thuật 356
1.1. Duyên khởi 356
1.2. Tên gọi 357
1.3. Thời gian thuyết giới 358
1.4. Người thuyết giới 358
2. Nội dung – ý nghĩa của Bố tát thuyết giới 359
3. Thuyết giới nghi quỹ 363
4. Một số vấn đề trong Bố tát thuyết giới 373

Chương XIV
Pháp Tự Tứ

1. Khái thuật 375
1.1. Duyên khởi 375
1.2. Tên gọi 376
1.3. Thời gian tự tứ 377

1.4. Người tự tứ 378
1.5. Nhị – ngũ đức tự tứ 378
2. Nội dung – ý nghĩa 381
3. Tự tứ nghi quỹ 382
4. Một số vấn đề khi tự tứ 390

Chương XV
Hiện Thân Của Giới Luật
So sánh và ý nghĩa 398

Chương XVI
Đạo Đức Phật Giáo
Qua Lăng Kính Giới Luật Học
(Nội dung) 402

Chương XVII
Kết Luận 410

**

Thư mục Tài liệu Tham Khảo 415
Sách Cùng Tác Giả xuất bản 419

Nhà Xuất Bản Giới Thiệu

Trong Đại Chánh Tạng, quyển 40 có chép: *"Giới luật là thọ mạng của Phật pháp, giới luật còn thì Phật pháp còn"* hay trong Tư Trì Ký cũng có nói rằng: *"Bồ Tát Ma Ha Tát giáo hóa chúng sanh phát tâm Bồ đề, vì thế khiến cho Phật bảo không đoạn diệt; khai thị cho chúng sanh kho tàng Diệu pháp, vì thế khiến cho Pháp bảo không đoạn diệt; thọ trì đầy đủ luật nghi giáo pháp, vì thế khiến cho Tăng bảo không đoạn diệt"*…

Xưa nay nếu để luận về vai trò của giới luật – quả thật, chưa bao giờ là đủ và luôn là đề tài muôn thuở đối với bảy chúng đệ tử Phật. Giới luật là kim chỉ nam cho lộ trình tu tập từ sơ cơ cho đến thánh vị, dù cho ở bất kỳ một bộ phái hay tông phái nào; nhân Giới sanh Định, nhân Định phát Tuệ; nhờ giới luật mà người xuất gia mới có thể cất bước lên đến phương trời cao rộng, tâm ý và hành vi mới xuất trần, thoát tục; kế thừa và hưng khởi mạng

mạch Thánh chủng, chấn nhiếp quân đội bốn ma; trên đền bốn ân, dưới cứu ba cõi; người tại gia mới có thể chân thật nhập đạo, Phật hóa gia đình, Phật hóa xã hội. Nói cách khác, công phu trì giới chính là bảo chứng cho thành tựu tu hành của hành giả, đồng thời cũng là nền tảng của trụ trì Phật pháp. Do đó, trước lúc Niết bàn, Đức Thế Tôn đã để lại lời di huấn cuối cùng: *"Sau khi Như Lai nhập diệt, các ông (đệ tử Phật) phải lấy Ba-la-đề-mộc-xoa (giới luật) làm thầy"* (Kinh Di Giáo).

Thấu rõ tầm quan trọng vô cùng của giới luật, đặc biệt là trong xã hội phát triển đa chiều như ngày nay, mỗi một chúng xuất gia cũng như tại gia – hơn bao giờ hết – cần có một hải đảo tâm linh để nương tựa cho quá trình tiến tu giải thoát của mình mà Hòa Thượng Thích Viên Lý đã viết nên quyển ***"Giới Luật Phật Giáo"*** vô cùng cặn kẽ và chi tiết, tóm yếu toàn bộ đại cương của hệ thống luật tạng Phật giáo. Đây là một công trình mang ý nghĩa sâu sắc, giúp người đọc hiểu rõ hơn về những nguyên tắc, quy tắc sống theo tinh thần của Phật giáo.

Với kiến thức uyên thâm và kinh nghiệm hành trì cẩn mật, Hòa thượng Thích Viên Lý đã trình bày một cách rõ ràng và chi tiết về các giới điều, từ

những giới căn bản cho đến những giới dành cho hàng Tỳ kheo và Tỳ kheo ni.

Thông qua quyển sách này, người đọc sẽ tìm thấy được những hướng dẫn cụ thể để áp dụng lời Phật dạy vào đời sống hàng ngày, giúp cho tâm hồn thanh tịnh, cuộc sống an lạc và đạt được sự giác ngộ. Hòa thượng Thích Viên Lý không chỉ đưa ra những lời dạy về giới luật mà còn giải thích ý nghĩa sâu xa và tầm quan trọng của việc giữ giới trong việc phát triển đạo đức và trí tuệ.

"Giới Luật Phật Giáo" không chỉ là một cuốn sách dành cho những người tu hành mà còn là một tài liệu quý báu cho tất cả những ai muốn tìm hiểu và thực hành theo giáo lý của Đức Phật. Với ngôn ngữ giản dị nhưng sâu sắc, Hòa thượng Thích Viên Lý đã mang đến cho người đọc một công cụ hữu hiệu để bước vào con đường tu tập, hướng đến cuộc sống hạnh phúc và giải thoát.

Trên cương vị là một Tuyên Luật Sư của các trường hạ, một học giả đã được Phật Giáo Tích Lan trao bằng tuyên xưng là bậc Tam Tạng Pháp Sư (Tipiṭakācariya), Hòa thượng Thích Viên Lý đã viết "Giới Luật Phật Giáo" dưới ngòi bút mang tầm vóc tinh thần và học thuật tinh túy, giúp người đọc bước vào thế giới tâm linh của Phật giáo một cách sâu sắc

và toàn diện. Bằng trí tuệ uyên bác và kinh nghiệm tu hành phong phú, Hòa thượng Thích Viên Lý đã khéo léo kết hợp lý thuyết và thực hành, mang đến một tài liệu quý giá cho cả những người mới bắt đầu và những ai đã đi sâu vào con đường tu tập. Đó không chỉ là một tập hợp các quy tắc và nguyên tắc đạo đức, mà còn là cánh cửa mở ra con đường giải thoát và giác ngộ. Mỗi giới luật được trình bày trong sách đều chứa đựng ý nghĩa sâu xa và mục tiêu cao cả, hướng dẫn người đọc sống một cuộc đời có ý nghĩa, hài hòa với tự nhiên và xã hội.

Hơn cả một quyển sách lý thuyết, "Giới Luật Phật Giáo" còn là một hành trình tâm linh, mời gọi người đọc tự vấn, tự khám phá bản thân và nâng cao tâm thức; truyền tải những giá trị đạo đức và tâm linh, không chỉ dưới góc nhìn của Phật giáo mà còn trong mối tương quan với xã hội hiện đại. Qua từng trang sách, người đọc sẽ cảm nhận được sự thanh tịnh của tâm hồn, sự sáng suốt của trí tuệ và lòng từ bi vô hạn.

Đặc biệt, đối với lý tưởng của người xuất gia, "Giới Luật Phật Giáo" là một kim chỉ nam không thể thiếu. Những giới luật trong sách chính là nền tảng vững chắc, giúp người tu hành giữ vững được phẩm hạnh và thanh tịnh tâm hồn trên con đường

tìm cầu giác ngộ, độ hóa nhân sinh. Việc giữ gìn và thực hành giới luật không chỉ giúp người xuất gia tự hoàn thiện bản thân mà còn là phương tiện để truyền bá giáo lý của Đức Phật, góp phần làm lợi lạc cho muôn loài. Hòa Thượng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tuân thủ giới luật như là một phương tiện để diệt trừ phiền não, tăng trưởng trí tuệ và đạt được niềm an lạc chân thật.

Chúng tôi tin rằng "Giới Luật Phật Giáo" sẽ trở thành một ngọn đuốc sáng dẫn lối, một nguồn động viên mạnh mẽ cho tất cả những ai đang trên hành trình hướng thiện và hướng thượng, lập nên Tăng cách quý hơn vàng ngọc của đệ tử Như Lai, là anh lạc vô giá trang nghiêm giáo lý vô thượng Phật đà.

NXB Bodhi Wisdom DN Publishing

Dẫn Nhập

Tác phẩm này giới thiệu tầm quan trọng và ứng dụng thực tế cũng như nguồn gốc của giới luật Phật giáo trong các truyền thống khác nhau, từ đó tập trung nhiều hơn vào Phật giáo Nguyên thủy và Đại thừa.

Mục đích của tác phẩm này là cung cấp một cái nhìn tổng quan về giới luật Phật giáo, ảnh hưởng của chúng đối với xã hội, sự thực hành của cá nhân, sự tương tác tổng hợp giữa các bộ phái cũng như những khác biệt về số lượng của giới và sự hành trì.

Giới luật đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc thúc đẩy tư duy đạo đức và hành vi thánh thiện của Phật giáo. Điều này đã không chỉ tác động đến sự phát triển tâm linh và sự thanh tịnh hòa hợp của Tăng Đoàn mà còn có khả năng rút ngắn lộ trình hướng đến giải thóat giác ngộ của mọi hành giả.

Giới luật giữ một vị trí chủ yếu trong việc phát huy định lực, tăng triển tuệ giác và vun bồi đạo

đức. Giới luật thanh lọc tâm thức, nâng cao chánh niệm, tỉnh giác và từ bi.

Giới luật chỉ ra hai mục tiêu rõ ràng đó là: ngăn ngừa sai lầm và đình chỉ những hành vi bất thiện thông qua việc kiêng cữ, tạo điều kiện phát triển định và tuệ bằng cách sống trung thực, liêm khiết, đạo đức, vô ngã… vốn là những nhân tố bảo đảm sự an trú bền vững trong phạm hạnh, có tác dụng tối hảo cho hạnh phúc cá nhân, ổn định xã hội và sự cửu trụ của chánh pháp.

Dù đã cố gắng nhiều, nhưng do Phật sự đa đoan nên chắc chắn không sao có thể tránh khỏi những sơ xuất ngoài ý muốn, vì vậy bút giả sẽ bổ sung nếu có những điều cần hoàn chỉnh.

Mùa An Cư năm Giáp Thìn – 2024

Tỳ-kheo Thích Viên Lý

Chương I

Tổng Quan Về Giới Luật Phật Giáo

1. Khái Niệm

Giới chữ Phạn là **Sīla**, chữ Hán dịch là 戒 (giới), có nghĩa là phòng hộ những sai lầm, chấm dứt các việc ác (Phòng phi chỉ ác).

Theo Luận Bồ Đề Tư Lương (菩提資糧論), quyển 1 của Tổ Long Thọ (龍樹; Nāgārjuna) thì, giới gồm có có 10 nghĩa: Tập cận, bản tính, thanh lương, an ổn, an tĩnh, tịch diệt, đoan nghiêm, tịnh khiết, đầu thủ và tán thán.[1]

---

1 Tổ Long Thọ (龍樹; Nāgārjuna), *Bồ-đề Tư Lương Luận* (菩提資糧論), quyển 1:「言尸羅 (śīla)者, 謂習近也(按:戒有:行爲, 習慣, 性格, 道德, 虔敬之意。), 此是 體相。又(有)本性義，如世間有樂戒, 苦戒(苦, 樂行爲)等。又清涼義，為不悔因，離 心熱憂惱故。又安隱義，能為他世樂因故。又安靜義，能建立止觀故。又寂滅義，得涅 槃樂因故。又端嚴義，以能莊飾故。又淨潔義，能洗惡戒垢故。又頭首義，能為入眾無 怯弱因故。又讚歎義，能生名稱故。」

Giới gồm có: Danh, Chủng, Tánh và Tướng. Trong đó:

Danh: là tên chỉ cho mỗi giới, như giới không sát sanh…

Chủng: là các chủng loại như giới trọng hay giới khinh.

Tánh: là tánh chất, bản chất bên trong.

Tướng: là hình tướng bên ngoài. Khi trì giới oai nghi giới hạnh biểu hiện nơi hình tướng có thể thấy được.

Luật chữ Phạn là Upalaksa, Vinaya (Tỳ nại da), Hán dịch là 律 (luật). Luật có nghĩa là kỷ luật, luật lệ, phép tắc, khuôn khổ, xử đoán nặng nhẹ, điều phục, diệt, thiện trị. Ví dụ như các pháp Yết ma trong lễ Tự tứ, các khóa An cư, các Đại giới đàn…

2. Phân loại

2.1. Biệt giải thoát giới, Định cộng giới và Đạo cộng giới

- Biệt giải thoát giới hay còn gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa, tiếng Phạn là Patimokkha. Pati nghĩa là hướng về, mokkha nghĩa là giải thoát, tức thọ giới nào thì giải thoát tương ứng với giới đó.

- Định cộng giới chỉ cho việc chuyên tu Thiền định, pháp nhãn thanh tịnh, đạt được vô lậu giải

thoát mà không cần thọ giới, tức lấy định làm giới.

- Đạo cộng giới chỉ cho việc hành trì Tứ đế v.v… thường như Phá kiết sử Tỳ-kheo, khi đức Phật bảo Thiện lai Tỳ kheo thì "kiến đế" và phá trừ mọi kiết sử phiền não vì đã gieo trồng thiện căn từ vô lượng kiếp quá khứ. Đạo cộng giới lấy tuệ làm giới, khi trí tuệ vô lậu phát sinh thì ngay đó giới thể viên mãn, được giải thoát mà không cần phải thọ giới.

2.2. Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới và Nhiêu ích hữu tình giới

Trong Luận Du Già Sư Địa, quyển thứ 40 có ghi rõ Tam Tụ Tịnh Giới (三聚淨戒; Tri-vidhāni śīlāni) cũng gọi là Bồ-tát Tam Tụ Giới (菩薩三聚戒), hoặc Tam Tụ Viên giới (三聚圓戒) hoặc Tam Tụ Thanh Tịnh Giới (三聚清淨戒) tức 3 loại giới pháp thanh tịnh có thể thâu nhiếp hết thảy các giới Đại thừa), gồm:

- Nhiếp luật nghi giới (攝律儀戒; S. sajvara-śīla; P. Samvara-śīla): là xa rời tất cả việc ác. Theo tụ tịnh giới này thì Chỉ là trì và Tác là phạm, vì thế phải nghiêm trì giới luật.

- Nhiếp thiện pháp giới (攝善法戒; S.kuśala-dharma-sajgrāhaka-śīla; P. Kuśala-dharma-samgrāha-

ka-śīla): phải thực hiện, tích lũy tất cả việc thiện. Với tụ giới này thì Tác là trì và Chỉ là phạm.

- Nhiếp Chúng Sanh Giới (攝眾生戒; S. sattvārtha-kriyā-śīla; P. Sattvārtha-kriyā-śīla) còn gọi là Nhiêu ích hữu tình giới: tức là phát tâm độ hết tất cả chúng sanh bằng tâm đại từ bi vô lượng.

Đây cũng được xem là 3 công năng đặc thù của Bồ Tát giới

2.3. Biệt giới và Thông giới

Ngoài ra, Giới còn gồm có Biệt giới và Thông giới.

Biệt giới là những giới dành riêng cho hàng Xuất gia hoặc Cư sĩ.

Thông giới là giới Bồ tát dành chung cho người Tu sĩ Xuất gia và Cư sĩ tại gia

2.4. Tánh giới và Giá giới

Giới còn được chia thành Tánh giới và Giá giới:

Tánh giới thuộc về bản chất đạo đức tự nhiên và mang tính phổ quát. Tánh giới cũng còn gọi là Cựu giới hay Chủ giới. Tánh giới là bản chất của tội ác. Đối với tánh giới nếu làm những việc bất thiện thì vi phạm lý thể. Do vậy dù Phật có chế định hay không chế định, nếu giết hại, trộm cắp, tà dâm thì

phạm tội. Bất cứ người nào làm các việc ác như Sát sanh, trộm cắp, tà dâm v.v… thì đều phạm giới.

Giá giới còn gọi là Tân giới hay Khách giới, tức là giới ngăn chặn sự cơ hiềm của thế gian, lìa xa các ác pháp. Giá giới tức là giới mà bản chất của nó không phải là tội ác nhưng cần phải gìn giữ. Ví dụ như giới không được uống rượu và sử dụng các chất là say cuồng… để ngăn chặn sự vi phạm các trọng giới. Giá giới còn được hiểu là trước khi Phật chế định giới, những ai phạm phải những giới này được cho là không có tội. Sau khi đức Phật đã chế định các giới, nếu làm thì phạm giới, ví dụ như giới về ba Y v.v…

2.5. Giới pháp, Giới thể, Giới hạnh và Giới tướng

Trong Tứ Phần Luật cũng có dạy về giới Pháp, giới Thể, giới Hạnh và giới Tướng:

Giới pháp: là 5 giới, 8 giới, 10 giới, 58 giới, 250 giới, 348 giới… 184 pháp Yết-ma và vô lượng oai nghi tế hạnh…

Giới thể: là khi thọ giới, lãnh nạp giới pháp nơi thân tâm, làm phát sanh giới thể. Giới thể dù không nghe thấy và biết, nhưng trọn đời vẫn hằng tương tục, giới thể có công năng phòng ngừa những việc

sai lầm và ngưng chỉ các ác pháp. Tùy theo lúc phát tâm thọ giới mà được phân chia thành ba: Hạ phẩm, Trung phẩm và Thượng phẩm. Giới tử nếu muốn đắc giới thể thượng phẩm thì phải phát Bồ đề tâm trong lúc thọ giới.

Giới hạnh: là sau khi đắc giới thể, mọi hành vi trong cuộc sống đều tự tại an nhiên tùy thuận theo giới đã thọ lãnh, nhất cử nhất động đều không phạm giới đều không rời giới hạnh.

Giới tướng: là những giới do Phật chế định. Mỗi một giới đều có những phần thọ trì mà phạm hay không phạm, còn có sự phân biệt nặng hay nhẹ, khai hay giá. Trì tức là thuận theo giới thể đã thọ mà lập danh, và được phân thành hai phần, chỉ trì cùng tác trì. Phạm tức là do vi phạm giới thể đã thọ mà lập danh, và được phân làm chỉ phạm cùng tác phạm.

2.6. Sự giới và Lý giới

Trong Ma Ha Chỉ Quán, quyển 4 ghi rằng: Giới gồm có Sự và Lý.

- Sự giới, còn được gọi là Tùy Tướng Giới có khả năng đưa dẫn đến ba cõi là: trời, người và A-tu-la.

- Lý giới là giới không thủ chấp vào các hình tướng mà chỉ trụ trong Tam quán: không quán, giả quán và trung quán.

3. Nguyên nhân chế định giới luật

Việc hình thành giới luật theo lời dạy của Đức Phật Thích Ca, bắt đầu từ thế kỷ thứ 6 trước Tây lịch và phát triển dần dần, từng bước một. Đức Phật đã chế định các giới luật dựa trên những sự việc và thách thức cụ thể mà Tăng Đoàn cũng như Phật tử tại gia phải đối mặt, phản ánh cách tiếp cận thực tế của Đức Phật trong việc hướng dẫn đạo đức và ổn định xã hội. Đức Phật lần đầu tiên nói ra những lời dạy của Ngài, sau đó chúng được hình thành dưới dạng chữ viết. ***Giới luật*** (Vinaya Pitaka) quy định các quy tắc và chuẩn mực hướng dẫn đời sống cho cả cư sĩ lẫn tu sĩ. Đại tạng Kinh bằng tiếng Pali và Sanskrit của Phật giáo ngày nay được phiên dịch sang rất nhiều ngôn ngữ và Luật tạng là một trong ba tạng kinh điển được gọi là Tam Tạng. Luật tạng giải thích chi tiết về các nguyên nhân, điều kiện và môi trường cụ thể dẫn đến việc Đức Phật chế định từng mỗi giới luật. Việc thiết lập giới luật chế ngự các hành vi không đúng chánh pháp của một ít tu sĩ thiếu tỉnh giác đồng thời bảo vệ các nguyên tắc đạo đức cũng như thể hiện sự năng động, linh hoạt và thù ứng trong mỗi tình huống.

Phụ vương của thái tử Tất Đạt Đa (Siddhartha), vua Tịnh Phạn (Suddhodana) đã nuông chiều con

mình, không để thái tử phải đối mặt với những khó khăn của cuộc sống. Tuy nhiên, tầm nhìn của ngài về bốn cảnh sanh, già, bệnh, chết và người tu khổ hạnh nên ngôi vàng điện ngọc đã không thể ngăn cản được quyết tâm giải thoát khổ đau của con người và muôn loài chúng sanh của Thái tử Tất Đạt Đa. Quyết định từ bỏ cuộc sống vương giả của mình và áp dụng cuộc sống khổ hạnh là một cuộc mạo hiểm vô tiền khoáng hậu. Sau 6 năm khổ hạnh ngài đã từ bỏ chúng và đi theo con đường Trung đạo vì qua kinh nghiệm, ngài ý thức rõ phương pháp khổ hạnh ép xác không thể đưa dẫn đến giải thoát giác ngộ và, cuối cùng ngài đã đạt được giác ngộ dưới gốc cây bồ đề ở Bodh Gaya sau 49 ngày đêm thiền định. Sau khi giác ngộ Đức Phật bắt đầu giảng dạy giáo pháp, đặc biệt ưu tiên con đường Trung Đạo, con đường tránh xa khuynh hướng rơi vào hai thái cực: khổ hạnh và buông thả. Do những giáo lý vi diệu và bầu không khí chính trị và tôn giáo vào thời của ngài, nhiều phong trào tôn giáo và triết học cũ và mới xuất hiện và đặt câu hỏi về niềm tin cốt lõi của các giáo nghĩa thực hành Trung đạo cũng như những sai phạm của một số hành giả sơ tâm sau 12 năm giáo pháp của Đức Phật được lưu bố, chính những yếu tố này đã hình thành nên giới luật.

Đức Phật đã đặt ra những giới luật tạo thành một bộ quy tắc để giữ kỷ cương và đạo đức trong cộng đồng tín đồ của Ngài, được gọi là Tăng đoàn. Đức Phật đã dạy những giới luật đầu tiên để đáp ứng chức năng cơ bản của tư tưởng triết học để tu dưỡng đạo đức; những điều này bao gồm các giới cấm giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối và say xỉn cùng nhiều giới cấm khác... Những giới do Đức Phật chế định một trong số đó là Năm Giới, để hướng dẫn các hành giả tại gia hướng tới một lối sống đạo đức và làm nền tảng cho sự phát triển tâm linh trong Phật giáo. Ngài cũng dạy cho các tu sĩ nam nữ của mình một bộ luật với những quy tắc sâu rộng và chi tiết hơn nhiều, sau này được biên soạn thành Giới bổn Ba-la-đề-mộc-xoa (Patimokkha). Một bộ luật gồm có 311 giới dành cho chư Tỳ-kheo-ni và 227 giới dành cho chư Tỳ-kheo mà Phật giáo Nguyên Thủy đã và đang ứng dụng. Một bộ luật khác gồm có 348 giới cho chư Tỳ-kheo-ni và 250 giới cho chư Tỳ-kheo mà Phật giáo Đại Thừa đã và đang ứng dụng. Nhiều giới luật bao gồm cách tiếp cận với cư sĩ và người không phải Phật tử, các thủ tục xử lý phẩm vật và giải quyết xung đột… Vì vậy, điều quan trọng đối với người lãnh đạo Tăng đoàn là hướng dẫn các thành viên hướng tới một Tăng Đoàn thanh tịnh và hòa hợp, bảo đảm cả người mới

gia nhập và các bậc tôn túc trưởng lão, tất cả đều tuân thủ các thực hành giới luật, nền tảng đạo đức của Phật giáo.

Quá trình chế định giới luật là một phản ứng năng động và tiến triển đối với những nhu cầu đặc biệt của cộng đồng tu sĩ. Với sự gia tăng số thành viên của Tăng đoàn, nhu cầu về trật tự, thanh tịnh và hòa hợp càng trở thành nhu cầu thiết cốt. Chúng cũng phục vụ như một biện pháp bảo vệ chống lại các hành vi vô đạo đức, bảo đảm tất cả các tăng ni tuân thủ các nguyên tắc giới luật và đạo đức của Phật giáo. Do một số sự kiện nhất định, chẳng hạn như tranh cãi giữa các tu sĩ hoặc hoạt động vi phạm đạo đức, nên mới có những giới luật cụ thể, thể hiện sự linh hoạt trong cách thống lý của Đức Phật. Xét cho cùng, giới luật vượt ra ngoài việc thiết lập các chuẩn mực hành vi để bao gồm việc rèn luyện tinh thần, chánh niệm, đức hạnh và các phẩm chất như trung thực, từ bi và chừng mực… Cộng đồng tu sĩ đã điều chỉnh các giới luật nhỏ cho phù hợp với từng bối cảnh một cách thực tế và có chánh niệm, tỉnh giác, bảo đảm tính hiệu quả và phù hợp của chúng như những hướng dẫn cho hành vi đạo đức.

Môi trường chính trị xã hội vào thời điểm đó rất thuận lợi cho sự ra đời và phổ biến các nguyên

tắc chuẩn mực. Ở Ấn Độ cổ đại, giới luật đã hình thành cùng với những thay đổi về xã hội và văn hóa. Việc thọ trì giữa bối cảnh xã hội có rất nhiều người thiếu thành thật và tín đồ các giáo phái du sĩ hay công nhân, quyến thuộc của những người giàu có, giới hoàng tộc và thậm chí có cả một ít giới tăng lữ là một lợi ích hết sức to lớn. Sự trỗi dậy của các vương quốc và thành phố hùng mạnh đã như nhân tố giúp Phật giáo truyền bá rộng rãi những giáo pháp và giới luật do Đức Phật khai thị. Các nhà lãnh đạo chính trị đương thời đã nhiệt tâm hỗ trợ cho sự phát triển của Tăng đoàn Phật giáo vì nhận thấy nếp sống của Tăng đoàn là mẫu mực đạo đức cao quý của xã hội trong đó có vua Bimbisara của Magadha và Vua Prasenajit của Kosala. Sự phát tâm cúng dường và bảo trợ của hoàng gia đối với Tăng đoàn đã dẫn đến sự phát triển Tăng đoàn một cách tốt đẹp mà biểu hiện cụ thể là tự do và dân chủ đích thực; với nếp sống của một thể chế dân chủ toàn diện Tăng đoàn đã thu hút những người theo dõi bất kể sự khác biệt về đẳng cấp và địa vị xã hội. Vì vậy, bối cảnh lịch sử, xã hội thời đại của Đức Phật cùng với nhu cầu đạo đức và tâm linh của nhân loại đã một phần là nguyên nhân tạo nên sự ra đời các quy chuẩn đạo đức hay nói khác hơn là giới luật do Đức Phật chế định.

Dưới sự giáo hóa của Đức Phật, những thay đổi sâu sắc trong lĩnh vực chính trị, xã hội, giáo dục và văn hóa đã là những dấu ấn đầy ấn tượng của bối cảnh lịch sử đầy phức tạp và hoàn cảnh xã hội bất bình đẳng ở Ấn Độ cổ đại. Sự suy tàn của nền văn minh thung lũng Indus bắt đầu vào cuối thời kỳ Vệ Đà, khoảng 1500-500 trước Tây lịch với sự bảo trợ của người Ấn-Aryan đối với văn hóa Vệ Đà. Trong thời kỳ này, việc thành lập các trung tâm đô thị và sự phát triển của các cộng đồng nông nghiệp định cư đã đặt nền móng cho hệ thống xã hội phức tạp. Trong thời kỳ này, hệ thống phân biệt đẳng cấp đã xuất hiện, chia xã hội thành nhiều phân tầng thứ bậc khác nhau dựa trên nơi sinh theo truyền thống của Ba la môn giáo. Trong hệ thống phân chia giai cấp xã hội, các Giáo sĩ của Bà la môn được xếp hàng đầu; Kshatriyas, đại diện cho những vua chúa và các tướng quân được xếp vào hàng thứ hai; Vaishyas, những người đại diện cho thương gia và địa chủ được xếp vào hàng thứ ba; Shudras, những người đại diện cho những tôi tớ và người lao động. Kiểu phân tầng này định hình vai trò và giai cấp, dẫn đến căng thẳng và bất bình đẳng xã hội.

Bối cảnh tôn giáo của Ấn Độ cổ đại rất năng động và không đồng nhất, với nhiều phong trào

triết học và tâm linh thách thức dòng chính thống Vệ Đà. Vào thời Đức Phật, những bất đồng về các nghi lễ cúng tế thần linh bắt đầu nảy sinh, dẫn đến hình thành các phong trào Sa môn. Các phong trào Sa môn phải đối mặt với thách thức của tầng lớp Bà la môn thông qua những con đường giải phóng tâm linh đã dẫn đến sự phát triển của các sa môn cá nhân.

Một yếu tố xã hội khác ảnh hưởng đến môi trường chính trị xã hội vào thời Đức Phật còn tại thế là sự mở rộng mạng lưới thương mại và sự phát triển của các vương quốc hùng mạnh. Vua Bimbisara và người kế vị ông, Vua Ajatashatru, người được biết đến với sự hỗ trợ của các Phật tử và các nhóm tôn giáo khác, đã biến vùng Magadha, nơi Đức Phật dành phần lớn cuộc đời thuyết pháp, thành một trung tâm kinh tế và chính trị. Sự chuyển biến này đã giúp Tăng đoàn Phật giáo phát triển và tồn tại. Sự hỗ trợ của triều đình đối với Phật giáo đã tạo điều kiện cho sự xuất hiện của các tu viện và truyền bá thông điệp từ bi, bình đẳng, trí tuệ và giải thoát của Phật giáo trên toàn bộ tiểu lục địa Ấn Độ.

Sự phát triển của các tuyến đường thương mại và đô thị hóa đã tạo điều kiện cho việc truyền bá các

hệ thống tư tưởng và thực hành tôn giáo mới. Có sự thành lập các trung tâm tranh luận triết học và tôn giáo bởi các cá nhân tại các địa điểm như Rajagaha, Varanasi, và Savatthi… Số lượng ngày càng tăng của các thương nhân và người hành hương đến thăm những thị trấn này, cùng với những người tu khổ hạnh, đã dẫn đến sự truyền bá các ý tưởng văn hóa và tôn giáo. Giáo pháp giải thoát phiền não khổ đau, lòng từ bi, trí tuệ tối thắng và hành vi đúng đắn trong lối sống của Đức Phật đã thu hút mọi tầng lớp, từ thương gia đến thợ thủ công thuộc mọi thành phần trong xã hội. Điều này làm cho các thành phố có bầu không khí thuận lợi cho việc truyền bá Phật giáo và cảm hóa nhiều người thuộc các nhóm đa dạng đang tìm cách thoát khỏi hệ thống đẳng cấp cứng nhắc và các nghi lễ tế tự của tôn giáo Vệ Đà.

Có rất nhiều sự chuyển động xã hội cũng như thái độ hoài nghi chung đối với các giá trị truyền thống trong môi trường xã hội ở thời của Đức Phật. Xã hội ngày càng có tính quốc tế hóa nhờ sự hình thành các tuyến đường thương mại mới và sự phát triển của tầng lớp thương gia. Những ý tưởng xã hội và tôn giáo mới, thách thức trật tự cũ, đã phát triển trong thời kỳ này. Một triết lý hoàn chỉnh để hiểu và vượt qua đau khổ: Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo đã có

sức hấp dẫn lớn đối với tất cả những ai không hài lòng với tôn giáo và trật tự xã hội hiện tại. Trên nền tảng của Giới, Định, Tuệ, thông qua tính xác thực, sự quán chiếu với trí tuệ như thật, con đường Trung đạo thực tế và dễ tiếp cận hướng tới sự giải phóng tinh thần vượt qua ranh giới xã hội và đẳng cấp đã trở thành khả thi đối với mọi người.

Có mười lý do khiến Đức Phật chế định giới luật như Ngài đã trả lời câu hỏi của Tôn giả Upàli đó là:

1- Vì sự thanh tịnh của Tăng đoàn (savghasutthutaya; 為僧團的清淨)
2- Vì sự hòa hợp và an lạc của Tăng đoàn (Savghaphasutaya; 為僧團的和樂)
3- Vì điều phục những người ác (dummavkunam puggalanam niggahaya 為調伏眾惡人)
4- Vì sự an trú của chúng Tỳ-kheo (pesalanam bhikkhunam phasuviharaya 為比丘眾的安樂住)
5- Vì để đề phòng và chấm dứt các lậu hoặc trong đời hiện tại (diṭṭhadhammikānaṃ āsavānaṃ saṃvarāya 為防止現世諸漏)
6- Vì đánh lùi (ngăn chặn) các lậu hoặc ở đời vị lai (samparāyikānaṃ āsavānaṃ paṭighātāya; 為擊退來世諸漏)

7- Vì hướng dẫn người không có tín tâm khởi sanh tín tâm (appasannānaṃ pasādāya; 為引導沒有信心的人生起信心)
8- Vì hướng dẫn người đã sanh tín tâm tăng trưởng hơn nữa (pasannānaṃ bhiyyobhāvāya; 為引導已生信心的人更增長)
9- Vì khiến chánh pháp cửu trụ (saddhammaṭṭhitiyā; 為正法久住)
10- Vì thọ trì giới luật (vinayānuggahāya; 為受持戒律)[2]

4. Từ hình thành đến phát triển

Sau khi thành đạo dưới cội Bồ đề, Đức Phật đã nghĩ đến hai vị thầy của mình là Alara kalama và Uddaka Ramaputta, dù hai vị này đã không thể giúp cho Đức Phật đạt được sự giác ngộ; tuy nhiên họ đã qua đời. Sau đó, Ngài đi đến vườn Lộc Uyển (Deer park) để hóa độ năm anh em Tôn giả Kiều Trần Như, Tăng đoàn được thành lập sau khi năm anh em Tôn giả Kiều Trần Như chứng thánh quả. Tiếp đó, Đức Phật hóa độ Yasa cùng 50 (có thuyết là 54) người bạn của ông, 500 vị đồ chúng của tôn giả Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp, 250 vị đồ chúng của tôn giả Na-đề-ca-diếp, 250 vị đồ chúng của tôn giả

2 Tăng chi Bộ Kinh

Già-Da-Ca-Diếp, 200 vị đồ chúng của hai tôn giả Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên…

Tăng đoàn trong thời kỳ đầu được thành lập luôn sống trong sự thanh tịnh và hòa hợp nên thời gian này chưa có bất kỳ quy định nào được đặt ra. Cho đến 12 năm sau (có thuyết là 13 năm) kể từ khi Đức Phật thành đạo, khi tăng chúng ngày một đông, kéo theo đó là một số sự việc hữu lậu xảy ra ảnh hưởng trực tiếp đến con đường tu chứng của hành giả cũng như cơ hiểm của thế gian, lúc này Đức Phật mới bắt đầu chế định giới luật theo nguyên tắc "tùy phạm tùy chế", dần như vậy mà có hệ thống Luật tạng như bây giờ.

Đối với việc trở thành một Tỳ-kheo, trong thời gian đầu cũng vô cùng đơn giản, những ai muốn xuất gia sống đời phạm hạnh chỉ cần đến trước Phật phát tâm tu hành, sau khi quán chiếu thấy đã đầy đủ nhân duyên, Đức Phật chỉ cần nói rằng: "Thiện lai Tỳ-kheo" (Ehi Bhikkhu) hoặc "Hãy đến, này các Tỳ-kheo" (Etha Bhikkhavo) tùy theo số lượng nhiều hay ít, thì lập tức áo xiêm trên người đều biến thành ca sa, tóc trên đầu tự rụng mà đầy đủ giới pháp cụ túc, lập tức trở thành Sa môn Thích tử[3].

---

3 Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa, quyển 7
Kinh Tăng Nhất A Hàm, quyển 15 (Đại 2, 621 hạ)

Về sau, để có thể truyền bá Phật pháp một cách rộng rãi, chư Thánh tăng đã mỗi người một phương mà thực hiện sứ mạng hoằng pháp lợi sanh (chỉ trừ 3 tháng an cư mùa mưa). Trên đường du hóa, chư Tỳ-kheo nếu gặp những trường hợp thính chúng những ai muốn phát tâm xuất gia tu hành thì đều phải trở về bạch Phật để tiếp nhận họ vào Tăng đoàn. Một thời gian sau, khi trở ngại về đường xá xa xôi ngày một lớn cũng như sức khỏe của hành giả không cho phép, Đức Phật đã khai mở cho chư Tăng được phép thâu nhận và độ cho những ai muốn xuất gia mà không cần phải trình lên Phật. Ngài dạy: "Này các Tỳ kheo, ta cho phép kể từ nay ở trong mọi phương, mọi xứ sở, chính các ông hãy cho xuất gia, hãy cho tu lên bậc trên"[4]. Với thủ tục trước tiên phải cạo bỏ râu tóc, khoác y ca sa trạch bày vai phải, đảnh lễ dưới chân chư Tỳ-kheo mà đọc lời phát nguyện quy y Tam bảo:

Buddham Saranam Gacchami – Con quy y Phật.
Dhammam Saranam Gacchami – Con quy y Pháp.
Sangham Saranam Gacchami – Con quy y Tăng.

---

4 Vinaya text, part 1, the Mahavagga (abridged) reverence to the Blessed One, the Holy one, the Fully enlightened one, first khandhaka (volume), (the admission to the order of bhikkhus), 2008, p. 115.

Sau khi đọc xong 3 lần thì vị đó chính thức trở thành đệ tử Phật, là thành viên của Tăng đoàn[5].

Khi bốn chúng đệ tử ngày một phát triển đông đúc, những thành phần muốn tham dự vào cộng đồng tu sĩ ngày một đa dạng, buộc phải có một phương cách, thủ tục cụ thể để chư Tăng có thể y theo đó mà tiếp độ tha nhân. Từ đó mà quy định tác pháp yết ma được ra đời, tức một lần bạch và ba lần yết ma thông qua dưới sự chứng minh của ít nhất bốn vị Tỳ kheo (Tăng)[6]. Cho đến sau này, nghi thức thọ giới để tiếp nhận một người trở thành một Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ngày một phức tạp và chi tiết hơn, đòi hỏi phải có đầy đủ "tam sư thất chứng" (10 vị) đối với Tỳ- kheo và hai bộ đại tăng (20 vị) đối với Tỳ-kheo-ni…

Ở thời cận đại và hiện đại, những ai muốn thọ giới Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni phải hội đủ những yếu tố và điều cần có, ví dụ như phải trải qua thời gian xuất gia tu tập bao nhiêu năm; phải có trình độ học vấn bao gồm cả chương trình phổ thông và nội điển Phật học, đó là chưa kể dù có trình độ

5 Edward J Thomas, The Life of Buddha as legend and History, Munshiram Manoharlal Publishers, Delhi, 2003, p. 90.

6 Thanissaro Bhikkhu (trans.), The Buddhist Monastic Code I, The Patimokkha Rules, The Abbot Metta Forest Monastery P.O. Box 1409, Valley Center, CA 92082 U.S.A, 1994, p. 219.

học vấn như được ấn định nhưng nếu không vượt qua các đợt thi cử như phải trả lời bằng miệng và bằng giấy những câu hỏi do Ban Kiến Đàn đưa ra dưới sự khảo hạch của Ban giám khảo; không thuộc bốn cuốn luật và các thời công phu thì cũng không thể có đủ tiêu chuẩn để thọ giới Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo-ni.

Qua đây có thể thấy, Giới luật trong Phật giáo mang đặc tính linh động, cẩn trọng và không hề mang tính áp đặt, cưỡng buộc mà hoàn toàn do sự phát nguyện. Giới luật xuất hiện là để phương tiện đối trị các vấn đề hữu lậu phát sinh trong quá trình tu hành và theo lời Phật dạy, có thể sửa đổi các giới nhỏ nhặt (trừ một số giới trọng) sao cho phù hợp với môi trường và hoàn cảnh. Điều này thể hiện nguyên tắc dân chủ, tự do và trí tuệ trong khuôn khổ của Phật giáo. Đức Phật không hề vô cớ đặt ra điều lệ và bắt người khác phải tuân theo như một mệnh lệnh, thay vào đó, Ngài tùy duyên để tín chúng thấy được đâu là nên làm và đâu là không nên làm mà định chế giới luật. Do đó, giới luật là khuôn khổ, nhưng là khuôn khổ được xây dựng trên nền tảng tự giác, tự ý thức và tự điều chỉnh. Nên khi ngài Xá Lợi Phất thỉnh Phật chế giới vì biết rằng chư Phật quá khứ nhờ chế giới mà Phật

pháp trường tồn lâu dài, Đức Phật đã dạy: "Này hiền giả, Ta biết thời phải làm gì, nay chưa tới thời nên Ta chưa chế giới. Khi nào trong Tăng chúng có việc vì danh lợi, vì hữu lậu xảy ra thì Như Lai mới chế giới"[7]. Đây chính là tính công bằng, dân chủ đặc trưng của Giới luật, đồng thời cũng chính là đỉnh cao của Đạo đức Phật giáo.

5. Quá trình truyền trì giới luật

Luật tạng (律藏; Vinayapiṭaka) là một tạng trong Tam tạng kinh điển (三藏; S. Tripiṭaka ; P. Tipiṭaka) của Phật giáo. Luật tạng được kiết tập trong mùa An Cư 3 tháng sau khi Đức Phật thị hiện nhập Niết bàn tại nước Magadha (Ma Kiệt Đà) dưới sự Chủ trì của Tôn giả Maha Kassapa (Ma ha Ca Diếp) với sự bảo trợ của vua Ajāssapa (A Xà Thế).

Trong tạng Luật, chứa đựng rất nhiều giới luật do chính đức Phật chế định dựa vào những trường hợp cụ thể để ngăn ngừa những suy nghĩ, lời nói và hành vi bất thiện. Bằng các giới luật ấy và tấm gương phạm hạnh tối thắng của Đức Phật mà Tăng đoàn đã tinh tấn hành trì. Với sự hành trì giới luật

---

7 See, I.B. Horner, M.A, (trans.), Book of the Discipline, Vinaya pitaka, v.2, Suttavibhaṅga, London: PTS, 1969, p. 18-19.

tinh nghiêm, người trì giới có thể thanh lọc tâm trí để từ đó khiến họ đạt được đại định, phát triển trí tuệ và thành tựu giác ngộ một cách viên mãn. Đức Phật chế ra giới luật không chỉ để phát huy phạm hạnh thanh tịnh của Tăng đoàn mà còn để làm cho Tăng đoàn có được sự kính trọng đối với mọi giới. Vì thế, việc nghiêm trì giới luật của những người xuất gia chẳng những sẽ dẫn đến mối quan hệ tốt hơn đối với giới Cư sĩ tại gia mà đồng thời còn thúc đẩy và nâng cao sự thanh tịnh hòa hợp và đoàn kết, thống nhất nội bộ, chính vì thế mà có thể nói Giới luật là nền tảng của mọi nền tảng.

Quá trình truyền thừa Luật tạng được tìm thấy trong hai truyền thống lớn của Phật giáo ngày nay: Nam truyền Thượng Tọa bộ bắt nguồn từ Phân biệt Thuyết bộ (分別說部, P: Vibhajjavāda，S: Vibhajyavāda) và Luật Tạng được gọi là Thượng Tọa bộ (上座部, S; sthaviravāda, P: theravāda) hoặc Đồng Diệp Luật (銅鍱律. S:Tāmraparṇīya，P:Tambapaṇṇiya) còn gọi là Hồng Y bộ (紅衣部, Tāmraśāṭīya). Giới bổn Tỳ-kheo (Bhikkhu Pāṭimokkha) ở trong bộ luật có tên Sutta Vibhanga của Thượng Tọa bộ gồm 227 giới Tỳ-kheo và 311 giới Tỳ-kheo-ni Ngày nay, truyền thống này đang truyền thừa ở Sri Lanka, Myanmar, Thailand, Lào, Campuchia…

Từ Bát Thập Tụng Luật (八十诵律) do Đức Phật chế định và Tôn giả Upāli (Ưu-ba-li) tụng lại 80 lần trong kỳ Đại hội Kiết tập Kinh điển lần thứ nhất mà 5 bộ luật sau đây đã được hình thành:

1- **Tứ Phần Luật** (四分律) còn được gọi là Đàm Vô Đức Luật (昙无德律; Dharmaguptaka) của Pháp Tạng bộ (法藏部).
2- **Thập Tụng Luật** (十誦律) của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (說一切有部; Sarvastivada (Tát-bà-đa).
3- **Ngũ Phần Luật** (五分律) của Hóa địa bộ (化地部; Mahisasaka).
4- **Tăng Chỉ Luật** (僧只律) tức Ma Ha Tăng Kỳ Luật (摩訶僧祇律; Mahasanghika) của Đại chúng bộ (大眾部).
5- **Giải Thoát Luật** (解脱律) của Ca Hiệp Di Bộ (迦叶遗部)

Trong 5 bộ Luật xuất phát từ Bát Thập Tụng Luật thì bộ Tứ Phần Luật là bộ Luật được lưu truyền rộng rãi nhất trong Phật giáo Đại thừa ở các nước Đông Á.

Ngoài ra còn có luật tạng của Nam truyền Thượng tọa bộ ngày nay, truyền trì Xích Đồng Diệp Bộ, Đại Tự Phái, với giới bổn được trích trong Sutta-vibhaṅga.

Giới bổn (Bhikkhu Pātimokkha) của Thượng Tọa bộ (上座部) tức Phật giáo Nam truyền nội dung có thể chia thành 3 đại bộ phận:

1. **Kinh Phân Biệt** (经分别; Sutta-vibhaṅga)
2. **Kiền độ** (犍度; Khandhaka）
3. **Phụ Tùy** (附随; Parivāra).

Luật tạng thường chia thành 5 bộ phận lớn: Ba-la-di (波羅夷; parajikapali）; Ba-dật-đề (波逸提; pacittiyapali; Đại phẩm (大品; mahavaggapali); Tiểu phẩm (小品; cullavaggapali; Phụ biên (附篇; parivarapali).

Luật tạng của Thượng Tọa bộ, Tỳ-kheo ba-la-đề-mộc xoa (比丘波罗提木叉; Bhikkhupātimokkha）gồm có 227 giới và Tỳ-kheo-ni-ba-la-đề-mộc-xoa (比丘尼波罗提木叉; Bhikkhunī-pātimokkha）gồm có 311 giới.

- **Trong 227 giới của Tỳ-kheo gồm có:**
  - Bốn (4) Ba la di (波罗夷; Pārājikā)
  - Mười ba (13) Tăng Tàn (僧殘) tức Tăng già bà thi sa (僧伽婆尸沙; Saṅghādisesā）.
  - Hai (2) Bất định (二不定; aniyata）
  - Ba mươi (30) Ni tát kỳ ba dật đề (泥薩祇波逸提; Nissaggiya-pācittiyā）

- Chín mươi hai (92) Ba dật đề (波逸提; Suddha-pācittiyā).
- Bốn (4) Hối quá (悔过; Pāṭidesanīyā）
- Bảy mươi lăm (75) Chúng học pháp (众学法 Sekhiyā)
- Bảy pháp diệt tránh (灭淨法; Adhikaraṇasamathā).

- **Trong 311 giới của Tỳ-kheo-ni (Bhikkhunã Pàtimokkha) gồm có:**
  - Pàràjika 8
  - Saṅghādisesa 17
  - Nissagiya Pàcittiya 30
  - Pàcittiya 166
  - Pàñidesaniya 8
  - Sekhiya 75
  - Adhikarõa Samatha 7

- **Theo Tứ Phần Luật thì Tỳ-kheo có 250 giới. Tỳ-kheo-ni có 348 giới.**

  Trong 250 giới của tỳ-kheo gồm có:
  - Pārājikas 4
  - Saṃghādisesas 13
  - Aniyatas 2
  - Nissaggiyas 30
  - Àcittiyas 90

- Pāṭidesanīyasm 4Sekhiyas 100
- Adhikaranasamathas 7

- **Trong 348 giới của Tỳ-kheo-ni gồm có**
  - Pàràjika 8
  - Saṅghādisesa 17
  - Nissagiya Pàcittiya 30
  - Pàcittiya 178
  - Pàñidesaniya 8
  - Sekhiya 100
  - Adhikarõa Samatha 7

Theo tác phẩm *The Bhikkhunã Pàtimokkha of the Six Schools 1* thì số lượng giới luật khác nhau của Tỳ-kheo-ni trong ***6 Trường phái*** như sau:

1- Bhikkhunã Pàtimokkha: Theravàda 311 giới.
2- Bhikkhunã Pàtimokkha: Mahàsaïghika 348 giới.
3- BhikkhunãPàtimokkha: Mahisàsaka 380 giới.
4- BhikkhunãPàtimokkha: Sarvàstivàda 390 giới.
5- BhikkhunãPàtimokkha: Dharmagupta 354 giới.
6- BhikkhunãPàtimokkha: Mula-Sarvàstivàda 346 giới.

6. Nguồn gốc của các bộ luật được lưu truyền

Khái niệm Giới liên quan đến giới luật và là một trong những sự sắp xếp thiết yếu trong đạo đức và thánh thiện của Phật giáo. Phật tử coi giới luật là những quy tắc rèn luyện để trau dồi định lực, lòng từ bi và trí tuệ của mỗi cá nhân. Năm giới là năm lá chắn phòng hộ cơ bản nhất ngăn ngừa những điều ác và tạo nên những thực hành đạo đức cốt lõi mà những Phật tử thuần thành phải tuân theo. Những giới luật này bao gồm Không sát sanh, Không trộm cắp, Không tà dâm, Không vọng ngữ và Không uống rượu cũng như sử dụng các chất làm say cuồng. Như vậy, Năm Giới hình thành nên sự rèn luyện chánh niệm, tỉnh thức, tình yêu thương và đạo đức thánh thiện ở một con người. Mọi người sẽ dần dần điều chỉnh hành vi của mình thông qua Năm Giới, tạo nền tảng cho sự thăng tiến và thẳng hướng đến cứu cánh giải thoát. Không gây hại, trọng tâm của những nguyên tắc này, truyền cảm hứng cho những hành động ngăn ngừa tổn hại cho bản thân, người và sinh vật khác, từ đó tiến tới mục tiêu cuối cùng là giải thoát khỏi tất cả khổ đau cho muôn loài chúng sanh.

Những Phật tử thuần thành thường phát tâm tu Bát Quan Trai Giới vào những ngày Uposatha và

những dịp đặc biệt khác, tượng trưng cho một cam kết đạo đức lớn hơn nhiều so với Năm Giới. Những giới luật bổ sung này tạo thành một phần của Năm giới và yêu cầu người giữ giới phải không trang sức, hát múa và cố ý xem nghe; không nằm ngồi trên giường sang trọng; kiêng ăn sau buổi trưa. Một số Cư sĩ thậm chí còn sử dụng Bát Giới để thực hành việc thường xuyên tuân thủ, nhằm phát triển ý thức sâu sắc hơn về thực hành tâm linh và kỷ luật đạo đức. Những giới luật này chắc chắn rất quan trọng đối với việc chuẩn bị cho người Cư sĩ tại gia muốn phát tâm xuất gia, đơn giản vì chúng đóng vai trò như một mô hình chuyển tiếp giữa đời sống thế tục và xuất thế. Việc tuân theo những nguyên tắc này sẽ làm cho cuộc sống đơn giản và tập trung hơn, điều này sẽ rất lý tưởng cho việc thực hành thiền định, sự an định nội tâm và phát triển trí tuệ.

Giới luật của người xuất gia thì toàn diện hơn vì bao gồm nhiều giới luật. Các chấp sự, còn được gọi là Sa di, tuân theo Mười giới. Ngoài năm giới thông thường, những người này tránh ca hát, nhảy múa và cố ý xem nghe cũng như các trò tiêu khiển khác; họ không đeo đồ trang sức cá nhân; không ngồi, nằm giường cao sang trọng; không ăn phi thời và không cất giữ vàng bạc. Đây là những quy

định giúp các tập sinh bước đi trên con đường sống đời sống Phật có kiểm soát, khiến họ sẽ được phép thọ Đại giới khi đạt được những điều kiện ắt có và đủ.

Các tu sĩ thọ Đại giới được gọi là các Tỳ-kheo (bhikkhu) và Tỳ-kheo-ni (bhikkhunis). Theo truyền thống Nguyên Thủy, giới bổn Patimokkha có 311 điều luật dành cho chư Tỳ-kheo-ni và 227 điều luật dành cho chư Tỳ-kheo. Các quy tắc này tổng hợp ba khía cạnh khác nhau của hành vi, chẳng hạn như tập quán xã hội, điều gì là phù hợp và lợi ích chung. Lễ Bố tát mỗi tháng hai lần để tụng Giới bổn (Patimokkha), đóng vai trò như một lời nhắc nhở liên tục, nhất quán về các tiêu chuẩn đạo đức mà người xuất gia cần phải có.

Theo truyền thống Đại thừa, các Tỳ-kheo-ni giữ 348 giới và các Tỳ-kheo giữ 250 giới. Ngoài giới Tỳ-kheo nếu muốn thực hành lý tưởng Bồ tát đạo thì cần phải phát tâm thọ Bồ tát giới. Những người tuân theo giới luật trong truyền thống này đều nhằm mục đích đạt được giác ngộ cho mình và chúng sinh khác. Những đức tính được trau dồi bao gồm nhẫn nhục, nhu hòa, từ bi, hỷ xã, vô ngã, lợi tha v.v… được nhấn mạnh trong 58 giới Bồ Tát. Giới luật quy định những hành động phải tránh,

bao gồm tự khen mình, làm ô nhục người khác, nuôi dưỡng ác ý và đố kỵ… Trong Phật giáo, bản chất của giới luật, như đã đề cập ở trên, là người Phật tử phải có lòng từ bi, bao dung, vị tha, vô ngã và hết lòng hộ trì chánh pháp. Việc thực hành con đường Đại thừa của hành giả chỉ ra rằng việc thực hành đạo đức vượt xa hành vi cá nhân để tích cực tham gia vào lợi ích và hạnh phúc đích thực và lâu dài của người khác. Họ tuân theo những quy tắc linh hoạt mang tính phương tiện thiện xảo này vì họ tin rằng chúng góp phần vào sự phát triển cá nhân và hạnh phúc của tha nhân. Mối liên hệ giữa đạo đức và sự phát triển trí tuệ và từ bi, những phẩm chất thiết yếu để đạt được Phật quả, được coi là một phần cốt lõi của Giới luật Bồ Tát. Chính nhờ giới luật mà người Phật tử phát triển bản chất thanh tịnh của mình qua việc tìm kiếm sự thanh lọc và soi sáng tâm thức. Do đó, giới luật tượng trưng cho hai đức tính trọng tâm trong lối sống của người Phật tử: Trí tuệ và lòng từ bi.

Hệ thống Giới Luật được tuyên thuyết bởi Đức Thế Tôn và được tuyên đọc, tập hợp cũng như phát triển rộng rãi bởi chư Thánh tăng sau khi Ngài nhập vô dư Niết bàn. Từ lúc hình thành cho đến khi phát triển, Luật tạng vẫn luôn trên căn bản lời dạy

của Phật mà được tín chúng uyển chuyển nhưng rất nghiêm túc để thực hành, cho đến phân nhánh để truyền bá.

Trong mùa An Cư 3 tháng sau khi Đức Phật thị hiện nhập Niết bàn, Đại hội Kiết tập Kinh điển lần thứ nhất diễn ra ở Magadha (Ma Kiệt Đà), trong động Sattapāni. Được bảo trợ bởi vua Ajātasattu (A Xà Thế), con trai của vua Bimbisara (Tần Bà Sa La), dưới sự chủ trì của Tôn giả Mahākassapa (Ma-ha Ca-Diếp), 500 vị A-la-hán được chọn tham dự cuộc họp. Tôn giả Upāli (Ưu Bà Ly, 優波離尊者) được chọn để trả lời các câu hỏi về Luật tạng, các quy định kỷ luật của Tăng ni. Trong Đại Hội Kiết Tập Kinh Điển lần thứ nhất này, Tôn giả Ưu-ba-li đã trùng tuyên lại những Giới Luật do đức Phật chế định, ngài tụng đến 80 lần mới hoàn thành toàn bộ tạng Luật mà Đức Phật đã dạy nên Bộ Luật đầu tiên được gọi là Bát Thập Tụng Luật (八十诵律). Căn cứ vào bộ Đồng Diệp Luật (銅鍱部) thì, sau khi Phật nhập diệt cho đến thời Đại đế Asoka (A Dục Vương; 阿育王) thì có 5 vị truyền thừa đó là: Tôn giả Upāli (Ưu-pa-li; 優波離), Tôn giả Dāsaka (Đà-tả-câu; 馱寫拘), Tôn giả Sonaka (Tô-da-câu; 蘇那拘),Tôn giả Siggava (Tất-già-bà; 悉伽婆) và Tôn giả Moggaliputta tissa; (Mục-kiền-liên-tử đế-tu;目

犍連子帝須). Xuất phát từ Đại Chúng Bộ (大眾部; S:Mahāsāṃghika; P: Mahāsaṅghika) mà phân chia thành Pháp Tạng Bộ (法藏部; S: Dharmaguptaka; P: Dhammagutta, dhammaguttika) và sau đó phân thành **Năm Bộ Luật**[8]. Trong Xá Lợi Phất Vấn Kinh (舍利弗問經) ghi rằng Luật Tạng do Tôn giả Đại Ca-diếp kiết tập là Đại Chúng Luật (大眾律) của Đại Chúng Bộ.

Xá Lợi Phất Vấn Kinh có đề cập đến Văn Thù Sư Lợi vì ngài xưng tán Đại Chúng Bộ nên có người cho rằng kinh này thuộc về kinh của Đại Chúng Bộ. Kinh này bao gồm các bộ phái trong đó có Dị Bộ Tông Luân Luận (異部宗輪論), một trong những bộ phái được phân chia sau này trong đó gồm có Ba ngàn oai nghi của đại tỳ-khưu (大比丘三千威儀) có ghi về năm bộ đặc sắc và phục sắc giống nhau.

Sự phân chia thành Năm bộ luật theo ngài Pháp Hiển thì ở vào thời kỳ rất sớm, Thượng Tọa Bộ và Đại Chúng Bộ đã phân Pháp Tạng Bộ thành 5 bộ luật.

Theo Bộ Thiện Kiến Luật Tỳ-bà-sa (善見律毘婆沙) thì, ở thời vua Asoka, trong Đại hội Kiết

8 Pháp Hiển (法顯: 337 - 422), Ma Ha Tăng Kỳ Luật Tư Ký (摩訶僧祇律私記)

tập kinh điển lần thứ 3, vua Asoka đã hỏi rằng thế nào là Phật pháp? Tôn giả Mục Kiền Liên Tử Đế Tu (目犍連子帝須尊者) đã trả lời rằng: "Phật phân biệt thuyết" (佛分別說), ***Xích Đồng Diệp Bộ tự*** cho là **Phân Biệt Thuyết Bộ**. ***Luật tạng*** được gọi là **Thượng Tọa bộ** (上座部) hoặc ***Đồng Diệp Luật*** (Vinayapiṭaka; 銅鍱律; S: Tāmraparṇīya; P: Tambapaṇṇiya) cũng còn gọi là **Hồng Y Bộ** (紅衣部; S:Tāmraśāṭīya). Và, sau này đã phân chia thành 3 phái chính:

1- **Mahavihara (Đại tự phái)** là phái mà hiện nay Phật giáo Nam tông tức Thượng Tọa Bộ (上座部) dùng làm chỗ lập cước.
2- **Abhayagirivihara (Vô Uý Sơn Phái**; 無畏山派) còn gọi là **Pháp Hỷ Bộ** (法喜部)
3- **Jetavanavihara (Đề-đà-lâm Phái**; 祇陀林派) cũng còn gọi là **Hải Bộ** (海部)

Ngày nay, truyền thống Mahavihara (Đại tự phái) đang truyền thừa ở Tích Lan, Miến Điện (Myanmar), Thailand, Lào, Campuchia… Phân Biệt Thuyết Bộ từ Tôn giả Ưu-bà-li trở về sau, sau Đại hội Kiết tập của 700 vị thường được gọi là Thất bách Kiết tập (七百集結) thì Thượng Tọa Bộ ở tây nam Ấn Độ Avanti Phân Biệt Thuyết Bộ đã phát triển mạnh. Đến thời Asoka, Đại hội Kiết tập lần thứ 3 đã dùng Phân Biệt Thuyết Bộ của ngài Mục-

Kiền-Liên-Tử Đế-Tu làm cơ sở của Thượng Tọa Bộ và khi truyền sang Sri Lanka thì Đồng Diệp Bộ được hình thành và hiện nay vẫn còn đang được truyền thừa. Ngày nay Phật giáo Nam truyền đang hành trì giới luật được lưu truyền từ Xích Đồng Diệp Bộ Đại Tự Phái (赤銅鍱部大寺派).

Phân Biệt Thuyết bộ (分別說部, P: Vibhajjavāda, S: Vibhajyavāda) là một bộ phái Phật giáo mà từ đó có ***Thượng Tọa Bộ, Đại Chúng Bộ, Độc Tử Bộ*** và ***Thuyết Nhất thuyết Hữu Bộ*** là 4 hệ phái lớn ở thời tối sơ Phật giáo.[9] Sự phân hóa của các bộ phái Phật giáo ở thời rất sớm chủ yếu đều xuất phát từ vấn đề giới luật tức "Luật phân Ngũ bộ" .

Quá trình truyền thừa **Luật tạng** qua truyền thống Bắc truyền xuất phát từ bộ ***Bát Thập Tụng Luật*** (八十诵律) và, từ Bát Thập Tụng Luật được chia thành năm nhóm. Với sự ghi nhớ khác nhau nên tạo thành năm bộ Luật. **Năm bộ Luật** này do

9 Đại Tỳ Bà Sa Luận, (大毘婆沙論) còn gọi là A Tỳ Đạt Ma Đại Tỳ Ba Sa Luận (阿毘達磨大毘婆沙論; S: Abhidharma-mahāvibhāṣā-śāstra, cũng còn được gọi là Tỳ Bà Sa Luận (毘婆沙論). Theo cuốn History of Buddhism in India, tác giả là Tāranātha (1575–1634) đã nêu ra hai giả thuyết, thứ nhất: Tỳ bà Sa Luận được biên soạn bởi các vị A La Hán tại Upasana và, hai là bộ luận này được biên tập bởi 700 vị Tỳ-kheo tham dự Đại hội Kiết tập lần thứ hai, do ngài Yasa (Da-xá; 耶舍 làm thượng thủ, sau khi Đức Phật nhập diệt 100 năm.

5 vị đệ tử của Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa (鄔波毱多 - Upagupta) truyền tụng gồm có:

1. Đàm Ma-Quật-Đa (曇摩崛多) còn gọi là **Đàm Vô Đức Bộ** (曇無德部; S: Dharma-guptaka), cũng gọi là ***Đàm Vô Đức*** hay ***Pháp Tạng Bộ*** (法藏部). Truyền trì luật **Tứ Phần Luật** (律昙无德四分律) gồm có 45 quyển[10]; tuy nhiên, căn cứ theo luật Ngũ Phần của Linh Sơn Pháp Bảo Đại tạng Kinh thì ***luật Tứ Phần*** gồm có 60 quyển và, đây được xem là thuyết được sử dụng nhiều nhất. Bộ luật này do hai ngài Phật-đà-da-xá (佛陀耶舍, Buddhayasas) và Trúc Phật Niệm (竺佛念) dịch là ***Luật Tỳ-kheo*** (比丘律), dịch vào năm 410-412. Đây là bộ luật được phổ biến rộng rãi nhất ở các quốc gia Đại thừa Phật giáo như Việt Nam, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan… và được Đại sư Đạo Tuyên (道宣, 596-667) còn được gọi là Nam Sơn Luật Sư (南山律師) hoặc Nam Sơn Đại Sư (南山大師) ở thời nhà Đường sớ giải, từ đó hình thành nên Luật Tông Nam Sơn rất nổi tiếng.

Nội dung của Luật Tứ Phần chia thành bốn phần:

a. Sơ phần (初分): tức phần đầu tiên nằm trong 25 quyển đầu từ quyển 1 đến quyển 21, giới thiệu tổng quan về danh xưng của 250 giới Tỳ-kheo.

10 Phật Quang Đại Từ Điển (佛光大辭典) của Pháp sư Từ Di (慈怡法師) chủ biên

b. Nhị phần (二分): tức phần thứ hai gồm 15 quyển kế tiếp từ quyển 22 đến quyển 37, khái quát về đề mục của 348 giới Tỳ-kheo-ni và 4 Kiền độ (犍度 - Skandhaka) như thọ giới (受戒), thuyết giới (說戒), an cư (安居) và tự tứ (自恣).

c. Tam phần (三分): tức phần thứ ba gồm có 14 quyển từ quyển 38 đến 49, nói về 15 Kiền độ (犍度) trong đó nói thêm về những pháp tự tứ, da thuộc (皮革) , y ca sa (衣), thuốc (藥), y công đức (迦絺那衣), Câu-thiểm-di (拘睒彌), Chiêm-ba (瞻波), quở trách (呵責), nhân (人), phú tàng (覆藏), giá (遮), phá Tăng (破僧), diệt tránh (滅諍), Tỳ-kheo-ni (比丘尼) và pháp (法).

d. Tứ phần (四分): dạy về 50 Kiền độ khác, gồm 11 quyển từ quyển 50 đến 60, quy định về phòng xá (房舍), xen tạp (雜), Đại hội Kiết tập pháp 500 của vị Tỳ-kheo (五百集法), Đại hội Kiết tập của 700 người vị Tỳ-kheo (七百集法), Điều bộ Tỳ-ni (調部毘尼) và Tỳ-ni tăng nhất (毘尼增一).

2. Tát-bà-đa Bộ (薩婆多部; S: Sarvāsti-vāda) còn gọi là Tát-bà-đa: (薩婆多), hay Tát-bà-đế-bà (薩婆諦婆), dịch ý là ***Nhất thiết hữu*** (一切有). Bộ luật được truyền bá rộng rãi là **Thập Tụng Luật**

(十诵律), gồm có 61 quyển, do hai ngài Phất-nhã-đa-la (姚秦弗若多羅) và Đàm-ma-lưu-chi (曇摩流支譯) ở đời Diêu Tần dịch. Vào đời Hậu Tần, Hoằng Thủy, năm thứ 6 (404), ngài Phất-nhã-đa-la xuất bản tại một ngôi chùa ở Trường An.[11]

Thập Tụng Tỳ-kheo Ba-la-đề-mộc-xoa giới bổn, 1 quyển, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào thời Diêu Tần. Thập Tụng Tỳ-kheo-ni Ba-la-đề-mộc-xoa giới bổn, 1 quyển, do ngài Pháp Hiển ở thời Lưu Tống tập xuất. Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Giới Kinh, 1 quyển, do ngài Nghĩa Tịnh thời Đường dịch. Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Bí-sô-ni Giới Kinh, 1 quyển, do ngài Nghĩa Tịnh thời Đường dịch.

61 quyển của Luật Thập Tụng gồm:

a. Tụng 1 (từ quyển 1-6): Nêu dẫn về các giới pháp của Tỳ kheo

b. Tụng 2 (từ quyển 7-13): Nêu dẫn về các giới pháp của Tỳ kheo (tt)

c. Tụng 3 (từ quyển 14-20): Nêu dẫn về các giới pháp của Tỳ kheo (tt)

d. Tụng 4 (từ quyển 21-28): Nêu dẫn về 7 pháp (thọ giới cụ túc, bố tát, tự tứ, an cư, bì cách, y dược, y phục)

e. Tụng 5 (từ quyển 29-35): Nêu dẫn về 8 pháp (ca-

---

11 后秦弘始六年, 弗若多**罗**

hy-na y, câu-xá-di, chiêm ba, bát-trà và lư-già, tăng tàn - hối, pháp già, ngọa cụ, tránh sự…)

f. Tụng 6 (từ quyển 36-41): Nêu dẫn về 2 tạp tụng là sự việc của Điều Đạt và các pháp linh tinh

g. **Tụng 7** (từ quyển 42-47): Nêu dẫn về các giới pháp của Tỳ kheo ni

h. Tụng 8 (từ quyển 48-51): Nêu dẫn về pháp tăng thêm một

i. Tụng 9 (từ quyển 52-55): Nêu dẫn về tôn giả Ưu-ba-ly thưa hỏi Phật

j. Tụng 10 (từ quyển 56-59) là nêu dẫn các phần Tỳ kheo tụng, hai thức tỳ ni cùng tạp dụng… và 2 quyển 60 và 61 sau cùng nêu tóm lược sự kiện 500 vị A-la-hán kết tập Pháp tạng…

3. Di Sa Tắc Bộ (彌沙塞部; S: Mahīśāsaka) tức Hóa Địa Bộ（化地部), còn gọi là **Chánh địa bộ** (正地部). Di Sa Tắc (彌沙塞), dịch ý là Bất trước hữu vô quán, được truyền bá rộng rãi với tên là Ngũ Phần Luật (五分律) gồm có 30 quyển); do hai Ngài Phật Đà Thập (thế kỷ 5 TL) và Trúc Đạo Sanh (355 – 434) dịch vào đời Lưu Tống (420 – 478), truyền trì, gồm có 30 quyển và được chia thành 5 phần:

a. Phần 1 (quyển 1-10): giới thiệu giới pháp Tỳ kheo

b. Phần 2 (quyển 11-14): giới thiệu giới pháp Tỳ kheo ni

c. Phần 3 (quyển 15-22): nêu dẫn các pháp thọ giới, an cư, bố tát, tự tứ…

d. Phần 4 (quyển 23-24): nói về pháp diệt tránh và yết ma

e. Phần 5 (quyển 25-30): nói về các pháp phá tăng, ngọa cụ, oai nghi, kết tập Pháp…

4. Ma Ha Tăng Kỳ Bộ (摩訶僧祇部; Mahā-savghika) còn gọi là **Đại Chúng Bộ**（大众部). Bộ Ma Ha Tăng Kỳ Luật (摩訶僧祇律), gồm có 40 quyển do ngài hai ngài Pháp Hiển (法顯) và Phật Đà Bạt Đà La (佛陀跋陀羅, Buddhabhadra) dịch vào thời Đông Tấn (317 - 419). Ma Ha Tăng Kỳ Luật Đại Tỳ-kheo giới bổn[12] (摩訶僧祇律大比丘戒本, 東晉佛陀跋陀羅譯), 1 quyển, do ngài Phật Đà Bạt Đà La ở thời Đông Tấn dịch. Ma Ha Tăng Kỳ Tỳ-kheo-ni giới bổn, 1 quyển, do hai ngài Pháp Hiển và Giác Hiền ở đời Đông Tấn dịch.

Luật Tăng Kỳ gồm có 40 quyển và được chia làm 3 phần:

a. Phần 1 (quyển 1-22): giới thiệu về giới pháp của Tỳ kheo

---

12 摩訶僧祇律大比丘戒本**,** 東晉佛陀跋陀羅譯

b. Phần 2 (quyển 23-35): nêu dẫn về phẩm Tạp Tụng và pháp Oai nghi

c. Phần 3 (quyển 36-40): giới thiệu về giới pháp của Tỳ kheo ni

5. Ca Diếp Di Bộ (迦葉遺部; S: Kāśyapīya) / hay Ca Hiệp Di Bộ (迦叶遗部). Ca Diếp Di, dịch ý là Trùng không quán (重空觀) tức là lấy Không (空) cũng không (空) để quán. Bộ luật này được truyền bá rộng rãi với tên gọi là Giải Thoát Luật (解脫律) hay Ẩm Quang bộ（饮光部).

Tuy nhiên, đây là căn cứ theo Phật Quang Đại Từ Điển, nếu căn cứ theo luật Ngũ Phần của Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh thì bộ luật thứ 5 là Hữu Bộ của Hữu bộ Ca Thấp Di La, được chia thành hai:

a. Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da, do Đại sư Nghĩa Tịnh dịch vào đời Đường (618 - 906), gồm có 50 quyển. Bộ này chủ yếu được áp dụng tại các nước vùng Hy Mã Lạp Sơn và Mông Cổ, Tây Tạng…

b. Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Bí Sô Ni Tỳ Nại Da, do Đại sư Nghĩa Tịnh dịch vào đời Đường, gồm 20 quyển[13].

Ngoài ra, Căn cứ vào Dị Bộ Tinh Thích của ngài Thanh Biện và Ấn Độ Phật Giáo Sử của

13 Linh Sơn Pháp Bảo Đại tạng Kinh, Luật Ngũ Phần I, tập 71, trang XIX.

Tāranātha [14] thì sau đó Phân Biệt Thuyết Bộ chia thành bốn bộ: Hóa Tha Bộ (化地部), Pháp Tạng Bộ, (法藏部) Ca Diếp Bộ (迦葉部) và Đồng Diệp Bộ (銅鍱部). Hiện nay Phật giáo Nam truyền Thượng Tọa Bộ truyền trì Xích Đồng Diệp Bộ, Đại Tự Phái.

Về cơ bản, các giới điều ở các bộ luật trên khá tương đồng nhau, chỉ có một vài sai biệt ở các giới Ba-dật-đề và Chúng học pháp mà thôi. Dưới đây là bảng tóm tắt so sánh các bộ luật trên (xem trang sau)

Trong 5 Bộ luật nêu trên bộ Luật Tứ Phần là bộ luật được lưu truyền rộng rãi nhất ở các nước Đông Á và Việt Nam.

Luật tạng của Thượng Tọa bộ (上座部) của Phật giáo Nam truyền nội dung có thể chia thành 3 đại bộ phận: ***Kinh Phân Biệt*** (经分别; Sutta-vibhaṅga; ***Kiền độ*** (犍度; Khandhaka）và ***Phụ Tùy*** (附随; Parivāra). Luật tạng thường chia thành 5 bộ phận lớn: Ba-la-di (波羅夷; parajikapali); Ba-dật-đề (波逸提; pacittiyapali; Đại phẩm (大品; mahavaggapali); Tiểu phẩm (小品; cullavaggapali; Phụ biên (附篇; parivarapali).

---

14 Thanh Biện (清辯**),** Dị Bộ Tinh Thích **(**異部精釋**);** Tāranātha (1575–1634) History of Buddhism in India.

- **Bảng tóm tắt Tỳ kheo giới:**

Phân loại	Luật Tứ Phần	Luật Thập Tụng	Luật Ngũ Phần	Luật Tăng Kỳ	Luật Hữu Bộ	Luật Suttavibhaṅga (Bhikkhunī Pāṭimokkha)
Cực ác pháp Ba la di (Parajika)	4	4	4	4	4	4
Tăng tàn pháp Tăng-già-bà-thi-sa (Sanghadisesa)	13	13	13	13	13	13
Bất định pháp (Aniyata)	2	2	2	2	2	2
Xả đoạ pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề (Nissaggiya Pacittiya)	30	30	30	30	30	30
Đơn đoạ pháp Ba-dật-đề (Suddha Pacittiya)	90	90	91	92	90	92
Hối quá pháp Ba-la-đề Đề-xá-ni (Patidesaniya)	4	4	4	4	4	4
Chúng học pháp Thức-xoa-Ca-la-ni (Sekhiya)	100	113	100	66	99	75
Diệt tránh pháp (Adhikaranasamatha)	7	7	7	7	7	7
Tổng cộng	250	263	251	218	249	227

- **Bảng tóm tắt Tỳ kheo ni giới:**

Phân loại	Luật Tứ Phần	Luật Thập Tụng	Luật Ngũ Phần	Luật Tăng Kỳ	Luật Hữu Bộ	Luật Suttavibhaṅga (Bhikkhunī Pāṭimokkha)
Cực ác pháp Ba la di (Parajika)	8	8	8	8	8	8
Tăng tàn pháp Tăng-già-bà-thi-sa (Sanghadisesa)	17	17	17	19	20	17
Xả đoạ pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề (Nissaggiya Pacittiya)	30	30	30	30	33	30
Đơn đoạ pháp Ba-dật-đề (Suddha Pacittiya)	178	178	210	141	181	166
Hối quá pháp Ba-la-đề Đề-xá-ni (Patidesaniya)	8	8	8	8	11	8
Chúng học pháp Thức-xoa-Ca-la-ni (Sekhiya)	100	107	100	77	98	75
Diệt tránh pháp (Adhikaranasamatha)	7	7	7	7	7	7
Tổng cộng	348	355	380	290	358	311

Bên cạnh một số sai khác về số lượng của các giới điều nhỏ, một điểm khác biệt nữa giữa các bộ luật trên là cách ở cách sắp xếp bố cục từ chương. Luật Tứ Phần được chia theo bố cục 4 phần: Giải thích Tỳ-kheo giới; Giải thích Tỳ-kheo-ni giới; Những kiền độ liên quan đến các việc như thọ giới,

thuyết giới, an cư, tự tứ… và, cuối cùng là cách thức làm phòng xá và tạp sự. Trong khi đó, Luật Thập Tụng và Luật Ma Ha Tăng Kỳ lại chia theo bố cục: Tỳ-kheo phân biệt giới, Kiền độ, Tỳ-kheo-ni phân biệt giới. Hai bộ luật đặt các Kiền độ (Skandha) ở giữa hai giới pháp Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni nhằm tách kỳ kiết tập ra khỏi các Kiền độ cũng như xếp chúng trong phần phụ lục (Luật Thập Tụng).

Ngoài ra, điểm chung giữa các bộ luật Tứ Phần, Ngũ Phần và Thập Tụng là đều trình bày một cách khái quát và tóm tắt nhất về sự kiện kiết tập. Trong đó, Luật Tứ Phần còn mô tả thêm đôi nét về hành trình cuối cùng (Niết bàn) của Phật và, Luật Thập Tụng được xem là bộ luật trình bày chi tiết và phong phú nhất bởi lẽ có thêm nhiều chi tiết, dữ kiện về việc Đức Thế Tôn đại-bát-niết-bàn.

Bỏ qua những khác biệt nhỏ ở trên thì hầu hết các bộ luật đều thống nhất cho rằng thời gian kiết tập lần thứ nhất là vào mùa hạ đầu tiên sau khi Phật nhập diệt, địa điểm diễn ra là tại thành Vương Xá nước Ma Kiệt Đà, 500 vị A la hán được chọn để tham gia đại hội, được tôn giả Ưu Bà Ly đảm trách việc đọc lại các giới pháp (sau đó là tôn giả A Nan chịu trách nhiệm trùng tuyên Kinh tạng), người được cho là vui mừng nhất khi hay tin Phật nhập diệt là Tỳ-kheo bán thế xuất gia Bạt Nan Đà

và cuối cùng là tất cả đều nhất trí giữ nguyên các giới điều đã được Phật chế định.

7. Những đặc điểm quan trọng của Giới Luật

Một trong số những đặc điểm quan trọng của giới luật đó là Khai, Giả/giá, Trì và Phạm.

+ **Khai** (開): Giới mở ra cho những trường hợp đặc biệt, cho phép thực hiện.

+ **Giả** (遮): Giới ngăn cấm không được vi phạm.

+ **Trì** (持): Nghiêm túc hành trì, gìn giữ các giới đã thọ.

+ Phạm (犯): Vi phạm các giới đã thọ, không giữ giới thanh tịnh là phạm.

Trì và phạm: Gồm có Chỉ trì và Tác trì, trong 5 giới, 10 giới, 250 giới, 348 giới thuộc về Thanh văn giới gọi là Chỉ trì, có nghĩa là gìn giữ không làm thì không phạm giới, nếu làm là phạm (Chỉ trì tác phạm). Tuy nhiên, giới Bồ tát hay các pháp Yết ma thì gọi là Tác trì, nghĩa là những gì cần làm thì phải thực hiện, nếu không thực hiện là phạm giới (Chỉ phạm tác trì). "Trì" nghĩa là đúng theo giới thể đã thọ mà lập danh được chia thành hai phần đó là Chỉ trì và Tác trì. "Phạm" nghĩa là vì vi phạm giới thể đã thọ mà lập danh cũng được chia thành Chỉ phạm và Tác phạm. Chỉ trì - Tác trì, Chỉ

phạm – Tác phạm trên lý tánh tuyệt đối thì đồng nhất nhưng khi phân loại thì có sự sai biệt. Tất cả đều xuất sanh từ tâm. Hay nói cách khác, Tác trì là tên gọi đối xưng của Chỉ trì. Nói một cách đơn giản hơn là ***"đình chỉ mọi điều ác"*** và ***"thực hành mọi pháp lành"***, là ***"sinh thiện diệt ác"***.

Chỉ trì và tác trì là hai môn song hành của Tăng nhân cũng như Tăng đoàn Phật giáo. Hai môn này quan trọng như nhau và được ví như hai cánh của con chim, giống như hai bánh xe của một cỗ xe cùng vận hành… toàn bộ tinh thần giới luật được thể hiện một cách trọn vẹn nhất khi trong môi trường tăng đoàn, tập thể.

Luật sư Đạo Tuyên đề xuất: *"Thọ giới thể chỉ trì, nhiếp tu rốt ráo không vượt qua giới bổn; thực hành tác trì, định đoạt cốt yếu chỉ có yết ma"*. Ngài nói thêm: *"Tâm yếu của trì giới có hai lối (lưỡng triệt): chỉ trì thì giới bổn xứng là đứng đầu, Tác trì thì yết ma kết làm đại khoa"*. Đại sư Bàn Đàm nói: *"Ý chính của luật nghi, đại thể không ngoài hai môn Chỉ và Tác. Tức là chỉ trì và tác trì. Có nghĩa là, Chỉ lấy Chỉ làm trì; Tác lấy Tác làm trì; gọi là nhị trì"*. Trong các bộ luật đều lấy hai tông chỉ này làm đầu và được xem là cương yếu của toàn bộ giới luật, là mạng mạch của Phật pháp thường trụ.

Đức Phật định chế giới luật trên nguyên tắc "tùy phạm tùy chế". Do đó, trong quá trình thực hiện nếu có chỗ nào chưa phù hợp với môi trường, hoàn cảnh, phong tục nơi đâu thì Phật cho phép khai duyên (khai), trừ những tội thuộc về trọng giới (giá) ảnh hưởng đến con đường giải thoát của hành giả cũng như chiêu vời sự cơ hiềm của thế gian, bảo đảm đời sống Tăng đoàn được thiết lập trên nguyên tắc hòa hợp, thanh tịnh và đạo đức. Đây được xem là tinh thần dân chủ và văn minh cao nhất của giới luật Phật giáo.

Luật tạng là một trong những phần quan trọng nhất của Tam tạng kinh điển Phật giáo. Đây là cẩm nang quan trọng về tổ chức đời sống cho những người xuất gia, dù họ là Tăng hay Ni nếu mở ra thì bao gồm cả Cư sĩ Phật tử. Phật giáo thời kỳ đầu giới luật chỉ được nhắc đến trong các giáo giới. Với Tăng Đoàn ở thời kỳ đầu tương đối chưa đông đảo nên đã không có bất kỳ sai phạm nghiêm trọng nào vì thế cũng chưa có những giới luật hay quy tắc kỷ luật nghiêm mật nào được chế định mà chỉ là những nhắc nhở nhẹ nhàng qua các kinh giáo giới. Khi Tăng Đoàn phát triển thành một cộng đồng đông đảo đã gặp phải một số trường hợp hành vi sai trái, đòi hỏi phải thiết lập một quy tắc thực hành

tiêu chuẩn để duy trì một hệ thống trật tự thanh tịnh và hòa hợp. Theo thời gian, Đức Phật đã đưa ra một bộ quy tắc kỷ luật thống nhất nhằm đối phó với những khó khăn và đặt ra những quy tắc cụ thể khi cần thiết, tùy thuộc vào môi trường và nhu cầu hiện tại.

Luật Tạng chủ yếu bao gồm ba phần: Khandhaka, Suttavibhanga và Parivara.

Khandhaka có nghĩa là nhóm hay chương, bao gồm những quy ước liên hệ được cấu trúc thành các chương và phân chia thành hai: Đại Phẩm (Mahāvagga) và Tiểu Phẩm (Cullavagga).

Parivāra là phần tập yếu phân tích về giới luật dựa theo các tiêu đề qua dạng vấn đáp để hướng dẫn cho việc thực thi giới luật. Parivāra có nghĩa là phụ kiện, là cuốn thứ ba và cũng là cuốn cuối cùng của Theravādin Vinaya Pitaka. Nó bao gồm một bản tóm tắt và nhiều phân tích về các quy tắc khác nhau được xác định trong hai cuốn sách đầu tiên của Vinaya Pitaka là Suttavibhanga và Khandhaka, chủ yếu là để giáo huấn.

Suttavibhaṅga là phần phân tích giới bổn (Pātimokkha; 波羅提木叉) trong đó bao gồm 227

giới của Tỳ-kheo và 311 giới của Tỳ-kheo-ni hay những con số khác nhau về các giới của các truyền thống mà thí dụ điển hình là 348 giới của Tỳ-kheo-ni và 250 giới của Tỳ-kheo v.v…

Sutta Vibhanga bao gồm các giới bổn (Patimokkha), một bộ luật cơ bản dành cho các Tỳ- kheo và Tỳ-kheo-ni, cùng với những lời giải thích và những câu chuyện về nguồn gốc của nó. Được tìm thấy trong danh mục của bộ luật này là các quy tắc từ bi, trải dài từ những vi phạm nghiêm trọng nhất đến những vi phạm nhỏ nhặt nhất. Do đó, Khandhaka có thể cùng một lúc thuộc cả hai phần Mahavagga và Cullavagga. Mahavagga bao gồm tất cả các quy định liên quan đến nghi lễ xuất gia, đời sống Tăng sĩ và nhiều thủ tục hành chính mà thuật ngữ gọi là yết ma. Cullavagga phải giải quyết những vấn đề như nghi thức tu tập, vật chất cá nhân và tài sản chung cũng như các vấn đề kỷ luật khác. Parivara là phần phụ lục trong văn bản tóm tắt và đồng thời tóm tắt các thuật ngữ đồng lúc đánh giá chúng; như vậy, điều này cho phép trình bày chi tiết hơn, làm cho toàn bộ quá trình xem xét và áp dụng trở nên ít phức tạp hơn.

Các cộng đồng Phật giáo thời kỳ đầu, đặc biệt là Đại Hội đầu tiên được tổ chức sau khi Đức Phật thị

hiện nhập Niết bàn không bao lâu, đã liên kết chặt chẽ với sự phát triển lịch sử của Luật Tạng. Trong Đại Hội này, tôn giả Upali đã tụng thuộc lòng các giới luật do đức Phật chế định và sau này được ghi chép lại thành chữ viết. Qua nhiều thế kỷ, phương thức truyền trì bằng miệng này vẫn tồn tại, đạt đến đỉnh điểm là việc ghi lại các quy tắc bằng các văn bản. Việc bảo tồn và truyền trì Luật Tạng đã bảo đảm tính liên tục và toàn vẹn của giới luật, nhờ nỗ lực của các Đại hội Kiết tập Tam tạng Kinh điển ở thời sơ khai và các thế hệ Tăng sĩ tiếp theo mà các truyền thống Phật giáo khác nhau như Phật giáo Nguyên thủy, Phật giáo Đại thừa tiếp tục bảo tồn và tuyên lưu, mặc dù có những sửa đổi đối với những giới luật nhỏ nhặt phản ánh môi trường lịch sử và văn hóa tương ứng đã được đức Phật cho phép.

Tầm quan trọng của Luật tạng vượt ra ngoài danh sách các nguyên tắc. Về bản chất nó có tính nguyên mẫu hơn; nó mang lại tinh thần bao trùm tất cả như Đức Phật đã vạch ra trên con đường hướng tới giác ngộ. Điều đó có nghĩa là, bằng cách tránh những hành động đáng chê trách và trau dồi sự hoàn thiện tích cực trên nền tảng của Tam vô Lậu học: Giới, Định, Tuệ. Nhân cách đạo đức của một người trở nên mẫu mực, hoàn hảo thông qua

việc giữ giới. Tuân theo những giới luật này, người tu sĩ thiết lập một môi trường thích hợp cho sự phát triển tâm linh của mình và từ đó thiết lập một mô hình thích hợp cho người tại gia. Nói cách khác, cần phải duy trì sự hoàn hảo của Tăng Đoàn và sự toàn vẹn của Giới Luật (Vinaya Pitaka).

Các quy định trong Luật tạng không chỉ hướng dẫn các sinh hoạt hàng ngày của chư Tăng Ni mà còn đánh dấu và mô tả hầu như mọi thứ về sự tương tác của họ với Cư sĩ. Những quy tắc này chi phối nhiều hoạt động được thực hiện bởi chư Tăng Ni, chẳng hạn như hành vi đúng đắn trong các vấn đề liên quan đến việc khất thực và những người phát tâm cúng dường, các phương pháp thích hợp và chính đáng để thọ nhận pháp khí các yêu cầu liên quan đến việc tham gia An cư tu tập, các nghi thức truyền giới và các cuộc họp của Tăng đoàn v.v… Bằng cách tuân thủ quy tắc đạo đức cao nhất và sống hài hòa với nó, những quy định của giới luật khiến người thực hành bảo đảm rằng họ đang sống theo hướng dẫn tổng thể nhưng cũng rất chi tiết. Chư Tăng ni có thể nâng cao hơn nữa khả năng thực chứng thông qua những hướng dẫn cụ thể như vậy, đồng thời giúp loại bỏ khả năng bị gián đoạn sự tăng triển do vượt qua ranh giới đạo đức hoặc xung đột nội tâm.

8. Tầm Quan Trọng Của Giới Luật

Một trong những phương pháp thực hành Phật pháp là thực thi Giới luật (Sila), có nghĩa là những quy tắc đạo đức. Vì vậy, khái niệm Giới giữ vững sự thức tỉnh của Phật giáo đối với việc kiểm soát đạo đức và hành vi tốt. Mọi người nên tuân theo nhiều quy tắc và hướng dẫn của giới để trau dồi nhân cách đạo đức và hành vi đạo đức. Trước đây, Giới là một phần không thể thiếu trong lời dạy của Đức Phật, qua đó Ngài đặt nền móng cho sự phát triển tâm linh và hòa bình xã hội. Các quy tắc tập trung vào việc giúp mọi người thực hành sự kiềm chế, giảm bớt đau khổ và biến thế giới thành một nơi tốt đẹp hơn để đạt được trí tuệ, giải thoát. Theo truyền thống Nguyên Thủy, năm giới cấm (Pañca-Sila) rất quan trọng mà người Phật tử tại gia phải tuân theo một cách thường xuyên. Họ được khuyên tránh sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối và uống rượu. Nếu các Cư sĩ có thể thực hành những quy tắc cơ bản đó, họ thực sự có thể sống cuộc sống hàng ngày với một số hình thức chánh niệm, tỉnh giác và quan tâm đến đạo đức thánh thiện.

Giới rất quan trọng trong con đường giải thoát giác ngộ của Phật giáo vì nó thúc đẩy hành vi tốt, từ đó loại bỏ đi mọi ý nghĩ xấu xa và bất tịnh khỏi

tâm thức, khiến tâm thức trở nên thanh tịnh và phát sanh trí tuệ. Đức Phật đã xác định rằng việc chế ngự các bất thiện để có một nhân cách đạo đức thánh thiện là phương tiện để có được một tâm thức yên lắng và cuối cùng dẫn đến giác ngộ. Những thực hành này nâng cao khả năng của một cá nhân trong việc kiềm chế các hành động tiêu cực, bất thiện và khuyến khích sự phát triển các phẩm chất nội tại tích cực như lòng tốt, sự trung thực, liêm chánh và nhận thức như thực. Vì vậy, thông qua định hướng rõ ràng về những gì được phép và những gì không được phép trong cuộc sống hàng ngày, nó tạo thành nền tảng cho cuộc sống của các tu sĩ và cư sĩ. Ý tưởng về giới là một phần rất quan trọng của Bát Chánh Đạo, bao gồm chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng, tất cả đều có tác dụng chấm dứt khổ đau và đạt đến giác ngộ, an trú niết bàn. Người Phật tử tin rằng tất cả những điều này thực sự quan trọng để tạo ra những điều kiện thích hợp cho thiền định và trí tuệ.

Toàn bộ Luật tạng được chia thành nhiều bộ, mỗi bộ nhằm vào một mức độ nghiêm trì và vai trò khác nhau trong xã hội/cộng đồng Phật giáo. Đức Phật đã chế định 5 giới cho người Phật tử tại gia, 8 giới cho các cá nhân phát tâm thọ trì Bát quan

trai giới và những giới luật nghiêm tịnh hơn, chẳng hạn như 10 giới dành cho các Sa Di, Sa di Ni; 4 căn bản, 6 học pháp và 292 Hành Pháp của Thức xoa Ma na; 227 giới (Patimokkha) dành cho Tỳ Kheo Nam tông; 250 giới dành cho Tỳ Kheo Bắc tông; 331 giới của Tỳ kheo Ni Nam tông; 348 giới của Tỳ kheo Ni Bắc tông; 58 giới Bồ tát. Mục đích của người thọ trì giới pháp là nâng cao hành vi đạo đức và thực hành con đường giác ngộ. Luật tạng đã trình bày chi tiết rất nhiều quy tắc rất cụ thể dành cho chư Tăng và chư Ni. Những quy định này cho thấy trật tự trong xã hội tu viện/ Tăng đoàn phải nghiêm ngặt như thế nào. Mọi người xem Năm Giới như một bộ nguyên tắc đạo đức cơ bản làm nền tảng cho những thực hành vi tế hơn. Giới luật tạo ra một mức độ khác nhau của việc rèn luyện đạo đức từ những người không phải tu sĩ cho đến những tu sĩ xuất gia trọn đời.

Những quy tắc này có từ thời Đức Phật, khoảng năm 600 trước Tây lịch. Để làm cho Tăng đoàn thanh tịnh hòa hợp và trật tự, Đức Phật đã đưa ra những quy tắc này, nhằm cung cấp nền tảng đạo đức cho sự phát triển tâm linh của người tại gia. Đây là những quy tắc mà Đức Phật đặt ra để giải quyết những vấn đề và tình huống mà các đệ tử của

Ngài đang gặp phải. Ví dụ, phương pháp bất bạo động của Phật giáo, hay ahimsa, phù hợp với quy tắc không sát sinh để bảo vệ mọi sinh vật khỏi bị tổn hại. Các giới luật còn nhằm mục đích thúc đẩy người tại gia hướng tới một cuộc sống trung thực và đạo đức. Những giới luật này, nếu được tuân theo, sẽ giúp cá nhân phát triển đạo đức. Nó còn giúp con người trở nên mẫu mực và khôn ngoan hơn trong cuộc sống, cuối cùng đạt được mục tiêu tối hậu là thoát khỏi đau khổ.

Giới cũng cực kỳ quan trọng trong việc phát triển nhân cách đạo đức. Giới đưa ra những hướng dẫn cho các Phật tử về cách sống một cuộc sống trung thực, thánh thiện và nhận thức chân xác đối với mọi hiện tượng trong mọi tình huống mà cuộc sống của họ thường gặp phải. Việc tuân thủ những nguyên tắc này giúp thanh lọc tâm thức, giảm bớt hành vi xấu và khuyến khích những đức tính tốt như kiên nhẫn, trung thực, từ bi thánh thiện v.v… Đạt được nền tảng đạo đức này là rất quan trọng để đạt được sự trong sáng và ổn định về tinh thần, điều cần thiết cho việc thiền định và hiểu biết sâu sắc hơn bằng trí tuệ như thật. Các tài liệu nghiên cứu đã chứng minh rằng hành vi đạo đức, tương tự như Năm Giới, giúp tăng cường sức khỏe tinh thần,

nâng cao sự hài lòng trong cuộc sống, giảm mức độ căng thẳng và lo lắng ở mỗi cá nhân, 5 giới còn có khả năng kiến lập một gia đình hạnh phúc, xã hội ổn định, một thế giới hòa bình... Các chuẩn tắc đều là những cách để sống một cuộc sống đạo đức, chánh niệm và tỉnh giác, theo cách cá nhân hoặc cộng đồng.

Mục đích của tác phẩm này là nghiên cứu ý nghĩa và việc áp dụng giới luật Phật giáo trong hai hệ thống khác nhau: Nguyên thủy và Đại thừa, cũng như những khác biệt và tương đồng trong cách học và thực hành của chúng. Do đó, nghiên cứu này sẽ tìm cách đưa ra một bức tranh hoàn toàn rõ ràng về vị trí của giới luật trong Phật giáo; do đó, nó sẽ cố gắng xem xét giới dưới góc độ bối cảnh lịch sử và các quy tắc cụ thể dành cho các nhóm khác nhau và nền tảng logic của đạo đức. Nghiên cứu sẽ chứng minh sự cần thiết của đương thời cũng như mọi thời về những hướng dẫn đạo đức này và lợi ích của chúng đối với cả cá nhân lẫn xã hội.

Đức Phật, còn được gọi là bậc lưỡng túc tôn, đã chế định giới luật của mình với mục tiêu kép là thúc đẩy sự phát triển tâm linh của các cư sĩ và bảo tồn bản thể thanh tịnh của cộng đồng tu sĩ trong Tăng đoàn. Phần lớn những lời dạy của ngài

tập trung vào hành vi đạo đức, thường được coi là điều kiện tiên quyết để giác ngộ, dẫn đến trạng thái thanh lọc tâm thức. Việc xây dựng các giới luật nhằm mục đích thiết lập các quy tắc rõ ràng và trong sáng về hành vi đạo đức, phát huy các đức tính như bất bạo động, trung thực, ôn hòa và thánh khiết. Tuy nhiên, mục đích chính của việc tuân thủ những giới luật đạo đức này là để duy trì trật tự, kỷ cương, thanh tịnh và hòa hợp trong Tăng đoàn, tránh những hành vi bất thiện và tạo ra một bầu không khí thuận lợi cho việc hành trì Phật pháp.

Đức Phật thiết lập các giới luật để giải quyết các vấn đề đạo đức độc đáo và những thách thức mà các tín đồ của Ngài phải đối mặt. Cộng đồng của ngài càng mở rộng thì những trường hợp vi phạm đạo đức và xung đột giữa những người thiếu ý thức càng gia tăng. Điều này đòi hỏi phải thiết lập các quy tắc để duy trì sự thanh tịnh và hòa hợp.

Giới Luật được xây dựng nhằm đáp lại những sự kiện và thách thức cụ thể mà Tăng đoàn thời kỳ đầu phát triển phải đối mặt, đóng vai trò như một bộ quy tắc và thủ tục chi tiết mà đời sống tu sĩ nên tuân theo để duy trì kỷ luật và trật tự. Đức Phật đã đặt ra những quy tắc này cho một đời sống cộng đồng có kỷ luật và để giải quyết các tranh chấp, chẳng hạn

như cãi vã giữa các thành viên thất niệm trong cộng đồng và những hành vi xấu của những người chưa khai ngộ. Luật Tạng một bộ luật dạy rất đầy đủ về đời sống xuất gia, có thể bao gồm cách một người nên hành xử khi ở cạnh cư sĩ, cách một tu sĩ nên quan tâm đến các vấn đề cá nhân của mình và cách thực hiện giải quyết mâu thuẫn với chính mình và tranh chấp với những người đồng học.

Một lý do mạnh mẽ khác khiến Đức Phật dạy Giới và Luật là để thấm nhuần đức hạnh và vun bồi đức tin trong giới cư sĩ, những người mà các tu sĩ nam nữ có mối liên hệ mật thiết trong sứ mệnh tuyên dương chánh pháp lợi lạc quần sanh. Đức Phật liễu giải rằng với những giới luật nghiêm túc, mọi người sẽ có mọi lý do để tin tưởng và tinh tấn trong việc hành trì, đó chính là căn nguyên tại sao Ngài đã giáo giới cho Tăng đoàn một cách nghiêm khắc về mặt đạo đức. Sự giữ giới của cộng đồng cư sĩ là yếu tố hết sức quan trọng đối với sự tồn tại và hạnh phúc của bản thân và gia đình họ, khiến điều này càng trở nên quan trọng hơn đối với sự tồn tại của xã hội lành mạnh, ổn định. Giới luật cũng giúp ngăn cấm những hành vi có thể gây ra sự xấu hổ hoặc tai tiếng cho công chúng, từ đó bảo vệ danh tiếng và sự liêm chính của cộng đồng Phật giáo.

Giới luật là một toa thuốc nội tâm hữu ích để hướng dẫn hành giả kiềm chế và ngăn ngừa những phiền não trong tâm, đặc biệt là tham lam, sân hận và si mê. Giới luật coi kỷ luật tự giác và chánh niệm là chủ đề chính, làm nền tảng để nâng cao địa vị tâm linh của con người. Một cá nhân tuân thủ giới luật phải chịu trách nhiệm về mặt đạo đức và sẽ thể hiện những hành vi tốt như khiêm tốn, chân thành, trung tín và tự chủ. Sự chuyển hóa nội tâm này được coi là một khía cạnh quan trọng của sự giác ngộ, vì nó cho phép khắc phục những khuynh hướng tiêu cực và phát triển một tâm trí thanh tịnh và an lạc vững chắc.

Giới luật bảo đảm sự gắn kết và ổn định của cộng đồng tôn giáo với điều kiện là họ duy trì kỷ luật và trật tự cần thiết trong Tăng đoàn. Bảo vệ đòi hỏi phải ngăn chặn hành vi sai trái và bảo đảm rằng hành vi của chư Tăng Ni tuân thủ các nguyên tắc Phật giáo vốn là chuẩn mực tinh thần và đạo đức không thể khiếm khuyết. Do đó, những nguyên tắc được chế định này xây dựng một cách tiếp cận có trách nhiệm đối với nhau và tôn trọng lẫn nhau, từ đó loại bỏ dần sự bất hòa và mở ra sự hợp tác giữa các thành viên của Tăng đoàn. Chánh niệm và sự tự kiềm chế là một số sự khuyến khích do giới luật

mang lại, tạo nên những phần rất quan trọng của những gì phải đạt được thông qua việc rèn luyện tinh thần để phát triển tâm linh. Luật tạng (Vinaya pitaka) tiếp tục mô tả rất chi tiết một loạt các hành vi, từ cách ăn uống đúng pháp đến cách cư xử đúng mực khi tiếp xúc với cư sĩ và các tu sĩ của Tăng Đoàn. Do đó, các Tăng Ni có thể tiến lên và tạo ra một môi trường cho phép thực hành giáo pháp viên mãn khi họ thiết lập trật tự và hỗ trợ thông qua việc tuân theo những hướng dẫn như vậy.

Trong khi Luật tạng bao gồm các giới ngăn cấm và luật quy định, đoạn văn sau đây mô tả bản chất của các giới ngăn cấm. Giới cấm nghiêm cấm các hành động như sát hại, trộm cắp, hành vi sai trái về tình dục. Những giới này bảo vệ các thành viên trong xã hội khỏi tham gia vào các hành vi có hại và không hạnh phúc, an lạc, từ đó thúc đẩy và nâng cao cuộc sống đạo đức giữa các thành viên. Mặt khác, những luật quy định nhằm xác định hành vi tích cực mà người tu sĩ nên thực hành và tuân theo. Việc thường xuyên tham dự các buổi lễ Tự tứ và tham gia tích cực vào quá trình đưa ra quyết định chung qua các pháp yết ma là bằng chứng cho thực tế này. Những giới luật này nuôi dưỡng tinh thần cộng đồng và hỗ trợ lẫn nhau, nếu không có giới

luật thì không thể duy trì sự hòa hợp lẫn nhau giữa các thành viên của Tăng đoàn.

Giới luật đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc giải quyết xung đột và thừa nhận hành vi phạm tội của một thành viên đối với bản thân và người khác trong Tăng đoàn. Luật Tạng đã vạch ra các thủ tục và quy trình để quản lý xung đột và khôi phục các quy tắc bị vi phạm. Quá trình này bảo đảm sự công bằng và nhất quán trong việc giải quyết các vấn đề, ngăn chặn sự bất hòa trong Tăng đoàn có thể dẫn đến mất trật tự và hòa kính. Mức độ minh bạch và trách nhiệm giải trình cao trong việc thực thi các quy định trong các pháp Yết ma dẫn đến sự tin cậy và hợp tác ngày càng tăng trong cộng đồng tu sĩ. Giới luật có vai trò quan trọng chủ yếu đối với việc đào tạo và giáo dục từng tu sĩ nam nữ. Thông qua việc tuân thủ các quy định, người tu hành sẽ phát triển tính tự chủ và chánh niệm, hai phẩm chất quan trọng trong việc tu hành. Việc tuân thủ giới luật cũng có xu hướng nâng cao nhận thức của một người về hành động của mình và những hậu quả tiềm ẩn, từ đó thúc đẩy sự hiểu biết sáng suốt về hành vi đạo đức và tầm quan trọng của nó đối với sự phát triển tâm linh. Kỷ luật đạo đức rất quan trọng trên con đường dẫn đến giác ngộ vì nó

làm trong sạch tâm trí và trau dồi những đức tính cần thiết để đạt được giải thoát.

Giới luật thực hiện hai chức năng: duy trì trật tự trong Tăng đoàn và tạo ra mối liên kết tốt hơn giữa đoàn thể tại gia và Tăng đoàn xuất gia. Hành vi đạo đức của người tu sĩ không chỉ làm gương cho người tại gia mà còn giúp mang lại sự tôn trọng và gắn kết trong mối tương thuộc. Kết quả là, cộng đồng cư sĩ cúng dường các nhu yếu phẩm cho các thành viên Tăng đoàn và Tăng đoàn truyền trao chánh pháp cho các cư sĩ vốn là món ăn tinh thần giúp đoạn trừ mọi vô minh và giải thoát mọi phiền não khổ đau. Giới luật gợi ý rằng cả cư sĩ và tu sĩ đều làm việc vì lợi ích của toàn thể cộng đồng Phật giáo cũng như xã hội nhân loại và tất cả sinh loại bằng cách thực hiện các nghĩa vụ đạo đức của mình và hình thành một mối quan hệ cộng sinh và thánh khiết, mối quan hệ dựa trên sự hỗ trợ và tôn trọng lẫn nhau là mối quan hệ vô cùng thiết cốt. Luật Tạng cung cấp một số hướng dẫn rõ ràng cho việc quản lý và điều hành cộng đồng tu viện. Về vấn đề quản trị cộng đồng, Đức Phật khuyên nên xây dựng một thể chế dân chủ, theo đó tất cả các thành viên Tăng đoàn được xuất gia đúng cách, không có bất kỳ hình thức phân biệt đối xử nào,

phải có tiếng nói bình đẳng với sự đồng thuận cao trong việc đưa ra những quyết định. Sự đồng thuận tuyệt đối của tất cả các thành viên sẽ giải quyết các vấn đề chính trong cộng đồng, bảo đảm rằng mỗi thành viên đều có tiếng nói và Tăng đoàn hoạt động trên một nền tảng bình đẳng như giới luật đã quy định. Việc quản lý cộng đồng có phạm vi quy định rộng rãi, từ giải quyết tranh chấp đến chia sẻ tài vật, tạo tác và sử dụng các pháp khí, nhận và cho các pháp phục, bảo vệ môi sinh, gìn giữ oai nghi cho đến việc truyền giới cho các tăng ni hậu tấn, các phương thức tiến hành các Phật sự v.v… Đức Phật còn dạy thêm rằng trong những nguyên tắc này, các thành viên cùng nhau tạo thành một cộng đồng có tổ chức và hiệu quả, có thể hỗ trợ việc thực hành chánh pháp của các thành viên nhưng đồng lúc mang lại phúc lợi lâu dài cho sinh loại.

Chính Đức Phật đã nhận ra tầm quan trọng của hạnh kiểm tốt và sự tự chủ trên con đường hướng tới giác ngộ bằng cách thiết lập giới luật trong Luật tạng. Một quy tắc ứng xử rõ ràng và toàn diện hiện thực hóa mục tiêu giúp người tu tập tránh những hành động sai trái đồng thời phát triển những phẩm chất tích cực giúp nâng cao sự phát triển định lực và trí tuệ thù thắng. Sự nhấn mạnh vào hành vi

tốt, chánh niệm, tỉnh giác và sự thanh tịnh hòa hợp trong giới luật Phật giáo chắc chắn sẽ nâng cao mối quan hệ qua lại giữa phúc lợi cá nhân và cộng đồng liên quan đến con đường giải thoát và giác ngộ. Giáo lý của Đức Phật về cơ bản bao gồm các giới luật, giúp thiết lập một cộng đồng có kỷ luật và hòa hợp, có khả năng theo đuổi sự giải thoát một cách hiệu quả và viên mãn.

Chương II

Giới Luật Trong Phật Giáo Nguyên Thủy Và Đại Thừa

1. Giới Luật Trong Phật Giáo Nguyên Thủy

Phật giáo Nguyên thủy là trường phái Phật giáo y cứ những lời dạy của Đức Phật, được tìm thấy trong Kinh điển Pàli. Những lời dạy của Đức Phật bằng miệng sau này đã được ghi lại bằng chữ. Luật Tạng, là tạng đầy đủ về các quy tắc và nghi thức kỷ luật nhằm điều chỉnh đời sống xuất gia và, Giới bổn (Pàtimokkha), minh họa cho 311 quy tắc dành cho chư Ni (bhikkhunis) và 227 quy tắc dành cho chư Tăng (bhikkhus). Đức Phật đặt ra những quy định này để ứng phó với những sự việc và vấn đề cụ thể trong cộng đồng tu sĩ đầu tiên, qua đó phản ánh chính xác hơn sự giáo hóa rất thực dụng của Ngài về sự hướng dẫn của Tăng đoàn trên nền tảng đạo đức.

Năm giới trong truyền thống Nguyên thủy là những hướng dẫn quan trọng về cách sống đúng đắn trong hành trình hướng tới sự cao quý của một cá nhân. Giới luật có trật tự đạo đức và nhờ đó chúng có khả năng chuyển hóa thành những phẩm chất như chánh niệm, tỉnh giác, chân thật và từ bi, trí tuệ… những phẩm chất rất cần thiết nếu một người muốn có đủ điều kiện để đạt được giác ngộ.

Luật tạng của Tam tạng kinh điển Phật giáo, được gọi là Vinaya Pitaka, đưa ra quy tắc ứng xử cho cộng đồng tu sĩ. Các thành viên cộng đồng có thể tập trung vào các hoạt động tu học và hoằng pháp của mình, không có xung đột nội bộ hoặc vi phạm đạo đức, nhờ những quy tắc này thúc đẩy bầu khí thanh tịnh, hòa hợp và bất bạo động. Việc trì tụng Giới bổn (Patimokkha) cũng bổ sung ý thức trách nhiệm cộng đồng đối với giới luật và là một cách hữu ích để duy trì kỷ luật cao cho cả Tăng và Ni. Bằng cách tuân theo một cách tiếp cận có phương pháp, người ta có thể đạt được quả vị A La Hán thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử, mục tiêu cuối cùng của truyền thống Phật giáo Nguyên Thủy.

Truyền thống Nguyên thủy cũng tập trung vào việc phát triển tính cách đạo đức và tuân thủ một số quy tắc nhất định. Ví dụ, tất cả các Phật tử tại

gia phải tuân theo Năm giới cấm sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối và say sưa trong cuộc sống. Những nguyên tắc cơ bản này, nuôi dưỡng một cuộc sống phản ánh đạo đức suốt đời, có chức năng ngăn cản một người gây thương tích cho chính mình cũng như cho người khác. Ba-la-đề-mộc-xoa (Patimokkha) nêu lên nhiều khía cạnh của cuộc sống, bao gồm hành vi của con người, hoạt động nhóm, phương pháp giải quyết tranh chấp và các hướng dẫn bổ sung về đời sống thánh thiện. Luật Tạng cũng vạch ra những quy định bổ sung về hạnh kiểm xuất gia của chư Tăng Ni, là một phần trong những quy định về hành vi phạm tội của Tăng Đoàn. Những quy tắc này cũng áp dụng cho các cử tội về hành vi bất thiện v.v… Bằng cách tuân thủ quy tắc ứng xử đạo đức của Đức Phật, toàn bộ cộng đồng tu viện duy trì sự tồn tại hài hòa, ổn định, thanh tịnh và an lạc.

Giới luật trong truyền thống Phật giáo Nguyên thủy nhấn mạnh hai thành phần cốt lõi của hành vi đạo đức: tác ý và chánh niệm. Làm chủ tâm thức bao gồm việc phát triển một tâm thức thoát khỏi mọi ý định xấu xa nhưng tràn đầy lòng trắc ẩn và sự khôn ngoan. Hành vi đạo đức vượt xa việc tuân theo các quy tắc đơn thuần. Quan trọng nhất, nó

nêu bật sự chuyển hóa bên trong tâm trí của một người hướng tới mục tiêu cuối cùng là giác ngộ và cung cấp hướng dẫn cho các tín đồ thực hành Phật pháp. Chỉ những kinh nghiệm mà giới luật mang lại mới có thể dẫn đến sự hiểu biết về thực tại, sự thanh lọc trạng thái tinh thần và khát vọng giải thoát cuối cùng khỏi đau khổ. Tính chính trực và chân thành trong hành vi đạo đức của các hành giả thể hiện sự phát triển của một cá nhân và cộng đồng, vì họ rất chú trọng đến chánh niệm và tác ý trong hành vi của mình.

Tăng đoàn Nguyên thủy tụng Patimokkha, một quy tắc ứng xử chung, hai lần một tháng. Nhưng rất độc đáo vì không ngừng chỉ ra những quy tắc đạo đức mà các tu sĩ nam nữ phải nắm vững và ghi nhớ. Các quy tắc và kỷ luật được đặt ra trong Patimokkha cung cấp thông tin về một số thực hành và quy trình trong tu viện, bao gồm nghi thức, lối sống tu viện theo các quy tắc kỷ luật và cơ chế giải quyết các tranh chấp nhỏ nhặt giữa các hành giả xuất gia. Việc tuân thủ tất cả các quy định này cho thấy sự chấp nhận trách nhiệm lẫn nhau và tôn trọng hệ thống kỷ luật nghiêm ngặt trong nếp sống Tăng đoàn. Hơn nữa, giới luật của Phật giáo Nguyên thủy đặc biệt tập trung vào việc bảo vệ và

củng cố đức tin và sức sống của giới cư sĩ, những người sẽ hỗ trợ tứ phẩm vật cho tu sĩ. Chư Tăng Ni thực hiện nhiệm vụ xây dựng niềm tin vào giới luật của Phật giáo. Họ cũng là những tấm gương hướng dẫn cho tất cả các tín đồ khác ở các giai đoạn khác nhau trong cuộc đời, thể hiện lợi ích của hành vi đạo đức thông qua việc tuân thủ các quy tắc giới luật. Hành vi thánh thiện trong môi trường tu viện vẫn rất quan trọng đối với niềm tin và sự bảo trợ của cư sĩ. Trên thực tế, việc vi phạm giới luật của một hoặc nhiều Tăng Ni có thể làm tổn hại đáng kể đến uy tín của Tăng đoàn, làm xói mòn niềm tin của người dân đối với họ một cách không thể phục hồi. Vì vậy, sức khỏe tâm lý do trì giới trở thành một vấn đề hết sức quan trọng không chỉ đối với đức tin chung chung mà đặc biệt còn đối với sự tin tưởng vào giới luật của những người cư sĩ.

Tương tự như vậy, Phật giáo Nguyên thủy đã chứng kiến sự phát triển lịch sử của mình được hình thành bởi các quá trình truyền tải và thích ứng trong các nền văn hóa và khu vực khác nhau. Phật giáo Nguyên thủy xuất phát từ Ấn Độ để lại một di sản giúp hình thức Phật giáo đặc biệt tồn tại và phát triển ở Sri Lanka. Từ đó lan rộng khắp Đông Nam Á và trở thành trường phái Phật giáo chiếm

ưu thế ở Lào, Thái Lan, Myanmar và Campuchia. Mục đích của Phật giáo Nguyên Thủy, như được ghi lại bằng văn bản, là để bảo tồn và phổ biến những lời dạy của qua Kinh điển Pali. Theo các nguyên tắc đạo đức được nêu trong Kinh điển Pali và Luật tạng, Phật giáo Nguyên thủy đã duy trì tính nhất quán lịch sử trong việc sử dụng pháp phục và trì bát khất thực, tuy nhiên ngày nay truyền thống khất thực đã không còn duy trì ở những nơi mà hoàn cảnh xã hội đã có nhiều thay đổi.

2. Giới Luật Trong Phật Giáo Đại Thừa

Từ các cộng đồng Phật giáo sớm nhất, Phật giáo Đại thừa đã xuất hiện. Cuộc sống diễn ra trong mối quan hệ chặt chẽ giữa sự phát triển lịch sử của giới luật Đại thừa và sự mở rộng và đa dạng hóa các thực hành Phật giáo nói chung giữa bối cảnh xã hội có nhiều đổi thay và tiến bộ. Phật giáo Đại thừa chấp nhận các tư tưởng phát triển và xem chúng như những phương tiện hóa độ thù ứng với căn cơ của từng cá thể và cộng đồng. Nói chung, Kinh điển là sự mở rộng những gì Đức Phật đã dạy về bản chất của thực tại, bản chất của lòng từ bi và những con đường đạt đến Phật quả. Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Viên Giác, Kinh Đại Bảo Tích, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Đại Bát

Nhã, Kinh Pháp Hoa, Kinh Duy Ma Cật v.v… là hiện thân của sự phát triển tâm linh và đạo đức có thể tạo nên sự hy vọng lớn của một cá nhân trong việc trở thành một vị Bồ Tát trong hạnh nguyện dấn thân vào biển sanh tử khổ đau để giải thoat đau khổ cho muôn loại.

Giới luật của truyền thống Đại thừa rất đáng chú ý ở chỗ chúng thể hiện tầm nhìn phổ quát, trong đó hạnh nguyện lớn, lòng vị tha vô biên vì hành vi vị tha phải mở rộng đến tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới. Về cốt lõi, Năm giới mà người cư sĩ tuân thủ vẫn rất cơ bản và hết sức quan trọng, với các giới luật và thực hành bổ sung thể hiện cách tiếp cận toàn diện và viên mãn của Phật giáo Đại thừa. Ví dụ, Giới luật Bồ Tát bao gồm lời nguyện bảo vệ tất cả chúng sinh khỏi bị tổn hại và tránh những hành vi ích kỷ trong khi phát triển các đức tính như kiên nhẫn, từ bi, trí tuệ, bố thí, xả thân vì đạo… Hướng dẫn này giúp cá nhân không chỉ bằng cách ngăn chặn hành vi có hại mà còn bằng cách tích cực làm điều tốt cho người và muôn loại khác. Hướng dẫn này truyền cảm hứng cho người theo học để có chí nguyện lợi tha bằng cách thực hành lý tưởng của Bồ tát, dấn thân vào những hành động tốt để mang lại lợi ích cho tất cả chúng sinh khác.

Truyền thống Đại thừa có những giới luật rõ ràng về Sáu Ba La Mật, hay sáu sự hoàn hảo là những thực hành chung liên quan đến Bồ Tát. Trong số đó có bố thí (dana), trì giới (sila), nhẫn nhục (ksanti), tinh tấn (virya), thiền định (dhyana) và trí tuệ (prajna). Các vị Bồ Tát trau dồi từng đức tính một, được biểu tượng bằng một ba la mật, để hoàn thiện nhân cách của một người và nâng cao sứ mệnh nhân từ của một cá thể. Kinh điển Đại thừa nhấn mạnh đáng kể vào mối quan hệ qua lại giữa tất cả chúng sinh, cung cấp những hướng dẫn chi tiết về cách thực hành của các hành giả. Do đó, quan điểm này cho rằng bất kỳ hành động nào có tính chất đạo đức không nên được coi là vấn đề cá nhân mà là một khía cạnh cần thiết của lợi ích chung. Hành giả Đại thừa đạt được những phẩm tính thiết yếu của Phật quả bằng cách tuân thủ những giới luật, điều này cũng bảo đảm sự giải thoát cho tất cả chúng sinh.

Hơn nữa, giới luật của Đại thừa hướng dẫn sự phát triển trí tuệ và sự chứng ngộ các thuộc tính tánh Không, vốn là cốt lõi của sự đồng nhất này. Nói chung, các hoạt động đạo đức trong giới luật và triết học của Phật giáo Đại thừa đều có nguồn gốc sâu sắc từ thực tế của vũ trụ, pháp giới. Hành giả

được khuyến khích nắm vững sự hiểu biết này về mối liên hệ lẫn nhau của muôn hữu vũ trụ và hành động theo cách chung cho thấy rằng họ cũng hiểu và thể hiện sự liễu triệt một cách triệt để. Tổ Long Thọ (Nagarjuna) và các Đại luận sư, triết gia lớn của Phật giáo Đại thừa đã mở rộng giáo nghĩa tánh Không; đặc biệt nhấn mạnh đến tính linh hoạt và trôi chảy của sự tồn tại; vô ngã và bình đẳng và yêu cầu tất cả hành giả, theo cách tương tự, hành động như thể họ có sự linh hoạt trong các phương tiện, lòng từ bi và sự kiên nhẫn trên căn bản của trí tuệ. Đó là lý do tại sao khuôn khổ thực tiễn dù nghiêm túc nhưng lại kết hợp chiều sâu triết học đạo đức với chiều hướng hành vi thánh thiện hàng ngày.

Một trong những thành phần cơ bản của đạo đức Đại thừa xây dựng một tầm nhìn rộng rãi về Bồ Tát Giới vượt xa Năm Giới cơ bản. Chúng không áp dụng cho những hành động mà một người thực hiện với tư cách cá nhân; những điều này phản ánh sự gắn kết của một người với người khác như là kết quả của sự cam kết của người đó đối với con đường đạt được nhiều công bằng xã hội hơn cho thấy tính tương tác tương tại tương sinh tương tồn là yếu tính hết sức quan yếu mà hơn bao giờ như bây giờ trước viễn ảnh đen tối bởi chiến tranh, nghèo đói, khủng

hoảng, bất công, bạo động v.v… thế giới giới nhân loại đang rất cần đến. Các đại Bồ tát không tham gia vào bất kỳ hoạt động nào có thể gây tổn hại, nói lên sự thật về một tuệ giác siêu việt và tình thương vô điều kiện và không hề ủng hộ hay thậm chí bỏ qua các hoạt động bóc lột và bất công trong bất kỳ khía cạnh nào. Những nguyên tắc thực tế này phù hợp với các khía cạnh xã hội và môi trường của phương trình, khuyến khích nhân loại tham gia vào các hoạt động yêu thương nhằm nâng cao hạnh phúc của mọi cuộc sống có ý thức. Khuôn khổ đạo đức này mang tính tổng thể và phản ánh cam kết của Phật giáo Đại thừa đối với lòng từ bi phổ quát và những tác động to lớn mà một hành động đạo đức mang lại.

Một lĩnh vực khác mà Phật giáo Đại thừa thực hành các giới luật của mình là thực hành hạnh nguyện Bồ tát để có thể giải thoát tất cả chúng sinh. Tứ vô lượng tâm: từ (maitri), bi (karuna), hỷ (mudita) và xả (upeksha) đưa bốn hạnh nguyện này vào thực hành thiền định và hành vi đạo đức dẫn đến một tâm trí trong sáng bên trong, giúp ta có thể hành động tử tế, thánh thiện trong mọi tình huống cũng như trong lúc ứng xử với người khác. Trên thực tế, những hành giả Đại thừa có thể đóng

vai trò là nguồn cảm hứng lớn vì hiệu quả đặc biệt của họ trong việc chuyển hóa tâm thức và đạo đức theo những tiêu chuẩn cao nhất. Sự chuyển hóa này đạt được thông qua sự kết hợp giữa thiền định, hành vi đạo đức và trí tuệ.

Với sự phát triển lịch sử của đạo đức Đại thừa, mọi người cho rằng truyền thống này sẽ áp dụng hoặc sửa đổi bất kỳ yếu tố văn hóa hoặc tôn giáo bản địa hiện có nào để Phật pháp được phổ biến khắp năm châu nhằm mang lại sự tịnh lạc cho cá nhân và thái hòa cho thế giới. Phật giáo Đại thừa đã liên kết các giáo lý đạo đức của mình với các triết lý và thực hành tôn giáo, văn hóa bản địa khi du nhập và đã lưu bố rộng rãi đến các khu vực và quốc gia như Việt Nam, Hồng Kông, Đài Loan, Trung Quốc, Mông Cổ, Đại Hàn, Nhật Bản, Tây Tạng, Indonesia, Malaysia, Singapore và ngày nay đang lưu truyền trên khắp thế giới. Tuy nhiên, sự đa dạng trong các nghi lễ và thực hành này, từ các thực hành Mật tông được quan sát trong Phật giáo Tây Tạng đến lòng sùng mộ Tịnh độ ở Đông Á, chỉ ra bản chất dung hợp của Đại thừa. Bất chấp những khác biệt khu vực như vậy, những điểm đạo đức chính của giới luật Đại thừa là lòng từ bi, tuệ giác siêu việt và lòng sùng mộ đối với con đường Bồ

tát, là những điều không thay đổi theo môi trường văn hóa hay xã hội.

3. Phân Tích Và So Sánh

Sự so sánh các giới luật Nguyên thủy và Đại thừa cho thấy những khác biệt, cũng như nó chỉ ra những điểm tương đồng cơ bản giữa nền tảng triết học và giáo lý cụ thể của mỗi dòng truyền thừa. Có một mức độ khác biệt cơ bản giữa phạm vi và trọng tâm của giới luật. Phật giáo Nguyên thủy là sự giải phóng cá nhân và đạt được quả vị La Hán thông qua việc tuân thủ nghiêm ngặt Luật Tạng. Truyền thống này đề cập đến những giới luật áp dụng cho cả đời sống đạo đức của tu sĩ và cư sĩ. Các hành giả của truyền thống Nguyên thủy hành trì Luật Tạng đã được chế định dành cho cuộc sống của một tu sĩ, được đánh giá cao trong Kinh điển Pali. Theo những giới luật này, người ta có thể đạt được sự giải thoát cao nhất khỏi tiến trình tái sinh bằng cách phát triển đức hạnh của mình và tránh những hành vi tiêu cực, bất thiện.

Phật giáo Đại thừa còn mở rộng hơn nữa bằng cách khẳng định niềm tin về sự giác ngộ và giải thoát tất cả chúng sinh. Truyền thống Đại thừa nhấn mạnh đáng kể vào con đường của một vị Bồ

Tát, lời nguyện trì hoãn sự giác ngộ cá nhân để hỗ trợ sự giải thoát của các chúng sinh khác là một lý tưởng tiêu biểu. Trọng tâm của đạo đức Đại thừa là Bồ tát nguyện qua việc hành trì Lục độ Ba la mật, trau dồi các đức tính bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ đặc biệt là Tứ hoằng Thệ nguyện. Quan điểm phóng khoáng ở trên chứa đựng khái niệm cố hữu trong Đại thừa: quan niệm về Bồ tát, người trì hoãn sự giác ngộ của chính mình để giúp đỡ người khác đạt được giải thoát giác ngộ.

Bất chấp sự khác biệt này, hai truyền thống Nguyên Thủy và Đại thừa đều tuân theo các nguyên lý đạo đức chung do Đức Phật đặt ra. Nguyên Thủy và Đại Thừa phản ánh những khía cạnh đạo đức cơ bản nhất của Ngũ Giới. Giới luật khẳng định rằng những người sùng đạo phải tránh mọi hành động xấu xa như hành vi sai trái trong quan hệ tình dục, trộm cắp, sát hại, nói dối và uống rượu. Đây là những nguyên tắc trọng tâm đối với giới luật trong việc thúc đẩy một bầu không khí không bị đe dọa cho việc thực hành con đường giác ngộ. Điều quan trọng là cả hai truyền thống đều nhấn mạnh tầm quan trọng của tác ý và sự hiện diện trong hành động của một người như những hoạt động dựa trên

đạo đức, với sự nhấn mạnh vào sự chuyển hóa nội tâm ở cốt lõi của hoạt động đạo đức. Về vấn đề đó, điều quan trọng cần lưu ý là hành vi nêu trên vẫn thể hiện những đặc điểm phổ quát của đạo đức Phật giáo đối với tất cả các tông phái Phật giáo cách mà những giới luật này ảnh hưởng đến cộng đồng và thực hành khác nhau giữa hai truyền thống. Phật giáo Nguyên thủy thúc đẩy một cộng đồng tu sĩ có kỷ luật, sạch sẽ và trật tự do nhấn mạnh vào kỷ luật cá nhân và tuân thủ nghiêm ngặt các chi tiết cụ thể của quy tắc tu viện. Cho đến ngày nay, mỗi người trong số họ đều tâm niệm rằng việc tuân thủ giới bổn (Patimokkha) giúp tạo ra ý thức trách nhiệm lẫn nhau giữa các Tăng Ni đối với một tiêu chuẩn cao về hành vi đạo đức. Cách tiếp cận có hệ thống, được mô tả ngắn gọn ở trên, phục vụ mục tiêu giải thoát cá nhân của Phật giáo Nguyên Thủy thông qua việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc đạo đức và thiền định. Cộng đồng tu sĩ tuân thủ các giới luật rõ ràng và chính xác của Luật tạng, nhằm mục đích tạo ra một môi trường thúc đẩy sự phát triển tâm linh trong sáng.

Mặt khác, quan điểm Phật giáo Đại thừa lại ít thể hiện lòng vị kỷ và tình yêu thương cá nhân hơn. Sự tập trung chủ yếu vào con đường của Bồ Tát thúc

đẩy những hành động này nhằm tìm kiếm sự giúp đỡ nâng cao khả tính giác ngộ hoặc giúp đỡ trong việc giải quyết các vấn đề xã hội. Cách tiếp cận chủ yếu mang tính cộng đồng tích cực này có thể coi đạo đức là một nhu cầu rất cơ bản vì lợi ích tập thể của mọi người tham gia. Tụng kinh và thiền định cũng như nhiều phương pháp thực hành, cùng với vô số những nghi lễ khác liên quan đến Giới luật Bồ Tát, tạo cơ hội cho sự gắn kết cộng đồng và thể hiện tinh thần Bồ Tát đạo. Trong khi điều này cho thấy sự nhấn mạnh của Phật giáo Đại thừa về sự cứu độ phổ quát, thì khía cạnh cộng đồng của Phật giáo Đại thừa cũng thúc đẩy ý thức cộng sinh vừa gắn kết vừa hỗ trợ để cùng nhau cùng thăng tiến.

Giới luật trong Nguyên thủy và Đại thừa là những quy tắc chung về kỷ luật dẫn dắt một người đi theo con đường giác ngộ tương ứng của mình. Chúng mang lại sự cân bằng giữa những căng thẳng đặt ra trong việc tích cực trau dồi các đức tính tích cực nhằm tránh những hành động có hại cho bản thân và người khác và thông qua đó, chúng góp phần phát triển tính cách đồng cảm và sáng suốt. Giá trị lịch sử và triết học to lớn của cả hai truyền thống đều chứng thực tầm quan trọng và vị trí không thể thiếu của chúng trong thực hành Phật giáo. Phật

giáo cung cấp một hệ thống đạo đức tinh vi và sâu sắc mà từ đó tất cả chúng sinh sẽ hưởng được lợi ích lâu dài bằng cách sống một cách tỉ mỉ theo những giới hạn nghiêm ngặt của giới luật Nguyên thủy và những tiền đề từ bi được khẳng định bởi những hạnh nguyện của Bồ tát Đại thừa.

Phật giáo Nguyên thủy dạy rằng các quy tắc nghiêm ngặt cung cấp nền tảng cho tự do cá nhân. Trong số những giới luật được chú trọng cụ thể là Giới thứ ba, khuyến khích cư sĩ không hành xử theo cách thỏa hiệp tùy tiện về mặt tình dục. Giới luật này áp dụng toàn diện cho những tu sĩ phát nguyện, cũng như những người hoàn toàn trong sạch đó là không dâm dục. Sự nhấn mạnh vào sự thanh tịnh và tự kiềm chế này là nền tảng của thực hành Nguyên thủy.

Chánh niệm là con đường đi đến bất tử (Niết Bàn), không chánh niệm là con đường dẫn đến cái chết. Người có chánh niệm thì không chết; người không chánh niệm thì như đang sống mà đã chết rồi. Mặt khác, Phật giáo Đại thừa có thêm những lời nguyện Bồ tát mô tả sự rộng lượng và lòng từ bi. Cam kết của Bồ Tát để bảo vệ tất cả chúng sinh là yếu tố quan trọng nhất trong giới luật Đại thừa. Bên trong họ là những cảm xúc chân thành về sự

phụ thuộc lẫn nhau được khám phá trong cuộc sống và mong muốn giúp đỡ người khác đạt được sự giác ngộ trước bản thân mình.

Trong lời khuyến khích sống một đời hiền triết, trí tuệ và từ bi, một cam kết đạo đức rộng lớn hơn không ngừng vang lên: *"Chúng sanh không số lượng thề nguyện đều độ khắp. Phiền não không cùng tận thệ nguyện đều dứt sạch. Pháp môn không kể xiết, thệ nguyện đều tu học. Phật đạo không gì hơn, thệ nguyện được viên thành"*.

Chương III

Ngũ Giới (Pañcasīla)

1. Giới Thiệu

Ngũ giới (五戒; S: pañca-sīla; P: pañca-śīla) còn gọi là **Năm giới** của Ưu-bà-tắc (優婆塞五戒) hoặc Ưu-bà-tắc-giới (優婆塞戒) gồm có:

1.1. Không sát sanh

(不殺生; Pànàtipàtà veramanì): tức tránh việc giết hại/ tổn hại đến bất kỳ sinh vật nào (to abstain from killing any being).

1.2. Không trộm cắp

(不偷盜; Adinnàdàna veramanì): tức không lấy của không cho, những vật thuộc sở hữu của người khác (to abstain from stealing).

1.3. Không tà dâm

(不淫欲; Kàmesu micchàcàrà veramanì): tức tránh mọi hành vi sai trái liên quan đến tình dục (to abstain from all sexual misconduct).

1.4. Không vọng ngữ

(不妄語; Musà vàdà veramanì): tức không nói dối (to abstain from telling lies).

1.5. Không uống rượu

(不飲酒; Suràmeraya majjappamàdatthàna veramanì): tức tránh mọi chất gây say, gây nghiện (to abstain from all intoxicants).

Ưu bà tắc (Upāsaka) và Ưu bà di (Upāsikā upsiks) là những Phật tử nam nữ tại gia (gahaṭṭha), những người cùng nhau tạo nên một phần không thể thiếu của cộng đồng Phật tử. Họ có xu hướng định nghĩa bản chất của họ là hiện thân của những lời dạy của Đức Phật trong cuộc sống thực tế của họ, nghĩa là người Phật tử nhập thế. Nói cách khác, họ sống theo gương hạnh của Đức Phật, nhưng đồng thời vẫn hòa mình trong vực thẳm của sự hỗn loạn, phức tạp, ô nhiễm của thế gian. Mặt khác, trong vai trò của Phật tử Cư sĩ tại gia, những người sống trong xã hội, xung quanh và giữa những người khác, có thể ứng dụng Phật pháp trong mọi việc họ làm, trong mọi nơi họ sống, trong bất kỳ tương tác nào hoặc khi phải thực hiện bất cứ nhiệm vụ gì. Người Phật tử tại gia quy y Tam Bảo và phát tâm thọ trì Năm Giới, điều này đại diện cho một phần đáng kể về hạnh nguyện Hộ pháp trong

suy nghĩ và hành động của họ. Họ cũng mang một trách nhiệm rất lớn, đó là sát cánh với Tăng đoàn bảo vệ Phật giáo nhất là trong những thời kỳ khó khăn và pháp nạn.

Ở quy mô lịch sử, một phần rất lớn việc bảo vệ Phật giáo như những vị Hộ pháp đích thực là các vị Cư sĩ. Kể từ thời Đức Phật, các Phật tử tại gia đã cúng dường, cung cấp cho chư Tăng ni những vật dụng cần thiết cơ bản để tu hành, những nhu cầu cơ bản nhất như thức ăn, y áo, chỗ ở và thuốc men. Trong những công trình kiến lập đạo tràng, trùng tu tự viện, từ thiện xã hội… lực lượng Cư sĩ Phật tử là lực lượng có một vai trò hết sức quan trọng vì lúc nào cũng phát tâm cúng dường tịnh tài và toàn tâm, toàn lực trong những Phật sự quan trọng.

Vì vậy, trên nền tảng của đại bi tâm, vì sự khổ đau của chúng sanh, vì sự trường tồn của chánh pháp, Tăng sĩ và Cư sĩ đã gắn bó với nhau một cách hài hòa khả ái, cho phép Tăng Ni theo đuổi lộ trình giải thoát giác ngộ mà không phải lo lắng về việc mưu kế sinh nhai và chư Phật tử tại gia cũng không bị lạc lõng vì được sự hướng dẫn tâm linh của những bậc chân tu thạc đức. Các Phật tử tại gia thường đảm nhận nhiều vai trò tương thích, giúp truyền bá giáo lý Phật giáo ra ngoài giới hạn

của cộng đồng tu viện. Kết quả là cộng đồng tu sĩ phát triển mạnh mẽ và giáo lý của Đức Phật đã đến được với nhiều đối tượng hơn trong đời thường đầy phức tạp. Đối với các Cư sĩ, chính Đức Phật đã nhấn mạnh tầm quan trọng của một Tăng Đoàn vững mạnh nhờ được hỗ trợ hết lòng của các vị Cư sĩ trong sứ mệnh hoằng dương Phật pháp, lợi lạc quần sanh.

Tăng đoàn xuất gia và Phật tử tại gia duy trì mối quan hệ được đánh dấu bằng sự tương thuộc và tôn trọng lẫn nhau. Các vị Tu sĩ xuất gia hướng dẫn các vị Cư sĩ tại gia hiểu và thực hành Phật pháp. Ngược lại, các hành giả tại gia hỗ trợ những hành giả xuất gia về các phương tiện vật chất cần thiết. Điều này đã dẫn đến nhận thức cộng sinh, tương trụ trên nền tảng của giáo nghĩa duyên khởi nhằm khẳng định sức mạnh tương tác tổng hợp để đẩy mạnh sứ mệnh xiển dương chánh pháp, phục vụ muôn sinh.

Năm giới: 1. Không sát sanh; 2. Không trộm cắp; 3. Không tà dâm; 4. Không vọng ngữ (không nói sai sự thật, không nói lời độc ác, không nói lời chia rẽ, không nói lời dua nịnh); 5. Không uống rượu và sử dụng các chất gây say nghiện, tạo thành một đạo đức phổ quát được chia sẻ bởi cả các đệ tử

xuất gia và tại gia. Chính trên một quy tắc thống nhất và hài hòa như vậy đã đặt nền tảng đạo đức cho một cộng đồng thống hợp, trong đó các Phật tử tại gia là một phần hữu hiệu trong việc thúc đẩy và bảo vệ các giá trị Phật giáo. Mối quan hệ năng động này nhấn mạnh tầm quan trọng của sự giúp đỡ và hợp tác lẫn nhau trong đời sống vô ngã lợi tha của Phật giáo.

Năm giới cung cấp sự hướng dẫn đạo đức cần thiết cho những người Phật tử thuần thành. Nghiên cứu kỹ lưỡng những giới luật cơ bản này sẽ thấy rằng chúng cấm tham gia vào các hoạt động liên quan đến sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối và sử dụng các chất có thể gây say. Đây không phải là những quy tắc được ấn định thông qua nghĩa vụ mà là lời hứa về sự cam kết tự nguyện của các Phật tử tại gia để đạt được đạo đức thánh thiện và có một đời sống hạnh phúc, an lạc và lan toả năng lượng đạo đức thanh tịnh vào xã hội. Năm giới cung cấp những hướng dẫn thiết thực cho người Phật tử tại gia để hướng tới một lối sống danh dự đầy khả kính, một đời sống chánh niệm và tỉnh giác để tự giảm thiểu mọi ái nhiễm khổ đau và vững tiến trên con đường hướng tới giải thoát, giác ngộ.

2. Chi Phần

Ngũ giới là những hướng dẫn đạo đức cơ bản nhất cho một Cư sĩ Phật giáo. Chúng là công cụ để hướng tới một cuộc sống có hạnh kiểm tốt và chánh niệm tỉnh giác cao.

Giới đầu tiên trong số 5 giới là ***không giết hại sinh mạng*** (不殺生), thể hiện nguyên tắc bất bạo động (ahimsa). Con người phải tôn trọng và quan tâm đến sự sống còn của tất cả chúng sinh. Giới này giúp phát triển tâm từ bi với người khác, dù họ là con người, động vật hay thậm chí là những loài côn trùng nhỏ bé nhất.

Tuân thủ giá trị này không chỉ có nghĩa là từ bỏ việc sát sinh mà còn khuyến khích tăng triển đức hiếu sinh, cụ thể như tránh những hành động gây tổn hại, phát tâm ăn chay và vận động bảo vệ quyền động vật, phóng sanh... Quan điểm mạnh mẽ về bất bạo động như vậy giúp các Phật tử tại gia xây dựng cho mình những phẩm chất từ bi và nhân ái không chỉ quan trọng đối với hạnh phúc tinh thần của họ mà còn để xây dựng một thế giới tươi sáng hơn cho tất cả mọi người.

Giới thứ nhất còn dạy phải bảo vệ môi sinh vì chúng sanh bao gồm hai loại đó là chúng sanh hữu

tình và chúng sanh vô tình. Chúng sanh vô tình chính là môi trường, sinh thái… nên người phát tâm thọ giới phải bảo vệ không khí trong sạch, không làm ô nhiễm môi sinh v.v…

Giới thứ hai, ***không trộm cắp*** (不偷盗) đề cao tính chính trực và tôn trọng tài sản của người khác, bao gồm việc tuân thủ nguyên tắc không lấy của không cho dù đó là một vật rất nhỏ hay không có giá trị lớn. Đây là quy tắc chống trộm cắp hoặc bất cứ hình thức bóc lột nào khác có thể xảy ra. Giới không trộm cắp khuyến khích các Phật tử tại gia hành động một cách chính trực, liêm khiết, thúc đẩy sự tin cậy và công bằng trong cộng đồng trong đời sống cá nhân và nghề nghiệp. Sống theo giới luật này sẽ xây dựng được sự hài lòng và biết ơn của con người, dẫn đến việc bớt tham lam và bận tâm về vật chất. Nguyên tắc đạo đức này cũng dạy về sự hào phóng, vị tha vì nó khuyến khích sự bố thí, cho đi một cách tự nguyện và ngăn cản hành vi tham lam bất chính.

Đây là một chủ đề mạnh mẽ về sự trung thực và liêm chính đi cùng với các chủ đề rộng hơn trong Phật giáo, chẳng hạn như sinh kế phù hợp với lương tâm đạo đức và giới không sát hại hoặc không gây thương tích cho người khác trong phương tiện kiếm

sống của mình. Đây cũng là giới chống lại tệ trạng tham nhũng một cách hữu hiệu nhất.

Giới thứ ba ***không tà dâm*** (不淫欲) bảo đảm hạnh phúc và sự an toàn cho con người và một đời sống xã hội thật sự tốt đẹp. Nó cảnh báo chống lại những hành vi có thể gây tổn hại về thể chất hoặc tinh thần, chẳng hạn như ngoại tình, bóc lột hoặc ép ai đó quan hệ tình cảm, nạn buôn người, nạn nô lệ tình dục v.v... Theo giới luật này, một Phật tử tại gia học cách tự chủ và tôn trọng ranh giới của người khác, cả hai đều là điều kiện tiên quyết cho các mối quan hệ đạo đức và lành mạnh. Các mối quan hệ có trách nhiệm và đồng thuận là một khía cạnh khác của giới luật chống lại hành vi sai trái tình dục nhằm hỗ trợ một xã hội không bị tổn hại, nơi mọi người cảm thấy an toàn và được tôn trọng. Giới này mở rộng đạo đức Phật giáo về việc không gây tổn hại đến những mối quan tâm về trách nhiệm cá nhân và đạo đức trong nỗ lực tương tác với người khác.

Giới không tà dâm này không chỉ bảo vệ hạnh phúc và phẩm giá cá nhân hay gia đình của mình mà còn tôn trọng và bảo vệ hạnh phúc và phẩm giá của cá nhân và gia đình người khác đồng thời cũng làm cho xã hội không phải đối diện với những vấn nạn hoặc thảm kịch hết sức thương tâm và đau khổ.

Giới thứ tư, ***Không vọng ngữ*** (不妄語) nhấn mạnh tầm quan trọng của sự trung thực và chánh ngữ. Người Phật tử nên tránh tham gia vào những lời nói độc hại, nói dối và lừa dối, bao gồm cả việc ngồi lê đôi mách và nói xấu, gây chia rẽ. Giới này thúc đẩy sự tin tưởng và trung thực trong trao đổi giữa các Phật tử tại gia, từ đó thúc đẩy sự giao tiếp thẳng thắn và rõ ràng với mọi người trong xã hội.

Trong việc thúc đẩy các mối quan hệ hài hòa và tuân thủ sự thật, có hai yếu tố cơ bản khẳng định lời nói trung thực là nền tảng của hành vi đạo đức. Có ý thức và thực hiện sự tự chủ trong lời nói. Một cá nhân thọ trì nghiêm túc giới thứ tư này thông qua ý thức không làm tổn thương cuộc sống của người khác bằng lời nói và lạm dụng bằng lời nói.

Bằng cách này, có thể bảo đảm rằng những lời nói của một cá nhân sẽ truyền cảm hứng và nâng cao tinh thần hơn là mang lại tổn hại hoặc đánh lừa người khác. Điều này tiếp tục hỗ trợ đối thoại mang tính xây dựng giúp người khác thành đạt, tự tin, hoan hỷ, chẳng hạn như bày tỏ lòng biết ơn chân thành và nguồn cảm hứng thanh tịnh, nhằm nuôi dưỡng một cộng đồng hiểu biết và thương yêu trên tinh thần đồng thể đại bi và vô duyên đại từ.

Giới thứ năm ***Không uống rượu*** (不飲酒) nhấn mạnh đến việc kiêng cữ những chất gây u ám tâm trí và tước đi điều kiện sức khỏe cần có. Mọi người áp dụng giới này như những biện pháp để duy trì tinh thần minh mẫn và chánh niệm. Giới này liên quan đến việc kiêng rượu, ma túy và bất kỳ chất nào khác có thể gây ra tình trạng mơ hồ khó nhận biết trong khả năng nhận thức, có khả năng dẫn đến bất cẩn, tai nạn, bất hòa... Các Phật tử tại gia, thông qua việc tuân thủ giới này, sẽ tăng cường khả năng đưa ra những quyết định sáng suốt và đạo đức, từ đó nâng cao khả tính giác ngộ toàn diện. Quy tắc này được thiết lập để ngăn chặn những hành vi có thể xuất phát từ việc đưa ra quyết định kém đạo đức, chẳng hạn như gây hấn, tai nạn và hành vi liều lĩnh. Người ta phải có đầu óc tỉnh táo để thực hành chánh niệm và tỉnh giác, cả hai thực hành quan trọng liên quan đến con đường đưa đến giải thoát giác ngộ của Phật giáo. Đây là giới tạo nên tính kỷ luật tinh thần và một tâm trí tập trung, rõ ràng và sáng suốt. Hiện nay nhiều quốc gia đã ban hành luật cấm uống rượu quá liều lượng trong lúc lái xe là một minh chứng hùng hồn về sự nguy hiểm xuất phát từ việc không tuân giữ giới cấm thứ năm do Đức Phật chế định.

Trong 5 giới có 2 giới thuộc về Khai đó là giới thứ 4 và giới thứ 5. Giới thứ tư cấm nói dối, tuy nhiên trong trường hợp đặc biệt cần phải nói dối để cứu lấy mạng sống của người và động vật khác thì không bị phạm giới.

Giới thứ năm cấm uống rượu, tuy nhiên nếu bị bệnh nặng cần phải sử dụng những loại thuốc có rượu thì phải tác bạch cho đại chúng biết trước như thế thì không phạm giới.

Là người Phật tử chân chính, vâng theo lời dạy của Đức Phật, do ý thức rõ sự lợi ích to lớn của 5 giới, vì thế không chỉ không được sát sanh mà cần phải phóng sanh... Không chỉ không được trộm cắp mà cần phải bố thí. Không chỉ không được tà dâm mà còn cần phải bảo vệ hạnh phúc của người khác. Không chỉ không được vọng ngữ mà phải khuyến khích người khác không vọng ngữ. Không chỉ không được uống rượu mà còn khích lệ người khác không được uống rượu v.v…

Nếu thọ Tam quy và trì Ngũ giới thì sẽ không bị đọa vào ba đường ác đó là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

Năm giới đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển sâu sắc về đạo đức và tâm linh của những Phật tử thuần thành. Giới luật là những hướng dẫn

hướng tới sự rèn luyện tự nguyện giúp cá nhân tránh xa những hành động có hại và phát triển những trạng thái tâm trí đạo đức cao thượng, là nhân tố chủ yếu để kiến lập hòa bình, thịnh vượng cho thế giới nhân loại chứ không phải là những quy tắc đơn giản, thuần túy. Bằng cách đạt được những hiểu biết như vậy và gắn bó với chúng, những người Phật tử thuần thành tìm cách xoa dịu nỗi đau khổ của chính họ và của người khác theo những cách sẽ dẫn đến gia tăng phúc lợi chung.

Giới luật cung cấp nền tảng cho việc thực hành thiền định vì với hành vi đạo đức, tâm trí của một người sẽ trong sáng, không hối hận, khiến việc phát triển định tâm và tuệ giác trở nên dễ dàng hơn. Giới luật cũng đưa ra một góc nhìn về sự phản ánh hành động và sự lựa chọn tự nguyện của một người trong Phật pháp; do đó, giới luật chính là năng lực có động lực thúc đẩy sự phát triển đạo đức và nguồn lực tạo nên định lực và trí tuệ.

Các quy tắc đạo đức của Phật giáo đặt Năm giới trong một khuôn khổ chung dựa vào nhân-duyên và nghiệp-quả, những lý tưởng để giảm bớt đau khổ và nâng cao hạnh phúc, như tôn trọng và bảo vệ sự sống, tính chính trực liêm khiết, sự chung thủy không lang chạ, lời nói trung thực không tổn hại và tiết chế các nghiện ngập để bảo vệ nhận thức

trong sáng, là những tiêu chuẩn tối thiểu mà người Phật tử thường xuyên quan tâm trong việc hướng tới một đời sống đạo đức, chủ động thực hiện và nỗ lực hướng tới một cuộc sống giác ngộ viên mãn. Hành trì đúng theo giới luật để đạt được kết quả tích cực nhằm bảo đảm sự thăng tiến đạo đức, là những chân lý vi diệu của Bát Chánh Đạo. Giới luật là hình ảnh thu phối về những lời dạy của Đức Phật về hành vi đạo đức; chúng là những ứng dụng thực tế của các nguyên tắc cơ bản của lý thuyết căn bản của Phật giáo, bao gồm lòng từ bi, năng lực định tĩnh và tuệ giác siêu việt.

Năm giới nuôi dưỡng chánh niệm và nhận thức trong sáng, đạo đức. Do đó, những Phật tử tại gia giữ những giới luật này sẽ liên tục tự suy ngẫm và trau dồi đạo đức trong cuộc sống. Điều này giúp phát triển mức độ tự nhận thức cao hơn và hiểu rõ hơn về ưu và nhược điểm trong các hoạt động của một cá nhân đối với bản thân và người khác cũng như tất cả chúng sanh.

Giới luật còn nhắc nhở chúng ta sống tỉnh thức, cẩn thận phân biệt hành động nào có lợi cho mình và hành động nào phục vụ lợi ích chung. Hai nguyên tắc chánh niệm, tỉnh giác và đời sống đạo đức, thánh thiện làm nổi bật hơn nữa bản chất

tổng thể của Phật giáo thông qua việc tuyên lưu và truyền trì giới luật.

3. Vai Trò Và Tác Động

Năm Giới đóng vai trò là kim chỉ nam cho hành vi đạo đức của một Phật tử tại gia vì về mặt thực tế, chúng thâm nhập vào mọi lĩnh vực của cuộc sống hàng ngày, đó không phải là việc tuân thủ một quy tắc ứng xử áp đặt mà là lựa chọn một lối sống thúc đẩy sự phát triển cá nhân và mang lại lợi ích lâu dài cho nhân quần xã hội. Phật tử tại gia đóng góp tích cực vào việc thiết lập một nền văn hóa bất bạo động và một nền văn minh từ bi bằng cách thực hiện những hành động nhân từ và sống theo giới luật: Không sát sinh, Không trộm cắp, Không tà dâm, Không vọng ngữ, Không uống rượu. Khi mọi người đều tôn trọng và bảo vệ sự sống; giao dịch về mặt xã hội và tài chính với nhau một cách chân thành và liêm chính; không tà hạnh; nói năng trung thực và mang tính xây dựng; không say nghiện; do đó, người Phật tử tại gia có thể hình thành các mối quan hệ hài hòa đồng thời thiết lập được trật tự, ổn định, thái bình cho xã hội.

Năm giới là trọng tâm của việc đưa ra những đánh giá đúng đắn về mặt đạo đức bằng cách đòi

hỏi sự tỉnh táo và nhận thức trách nhiệm cao về hậu quả của suy nghĩ, lời nói và hành động của mình.

Năm giới củng cố hành vi đạo đức, phát triển chánh niệm và trí tuệ. Việc nghiêm túc tuân thủ Năm Giới của các Phật tử tại gia nhằm mục đích truyền đạt nhận thức cao về đạo đức có thể thấm nhuần vào suy nghĩ, lời nói và hành động của họ. Loại hành vi đạo đức này không phải vì lợi ích của một cá nhân mà thông qua niềm tin và sự tôn trọng. Giới luật đóng vai trò là kim chỉ nam đạo đức giúp con người tìm ra con đường vượt qua mê cung của cuộc đời mà vẫn có thể sống giữa trần gian đầy ô nhiễm. Nhận thức rõ giá trị đạo đức siêu việt này giúp tạo điều kiện cho sự phát triển cá nhân cũng như kiến lập nền hòa bình của thế giới.

Rất nhiều câu chuyện cá nhân và sự xác nhận với tất cả chứng cớ đã cho chúng ta biết về những thay đổi to lớn trong cuộc sống nhờ thực hành Năm Giới. Những thay đổi sâu sắc liên quan đến những thói quen sát hại sinh vật trong quá khứ, hay phương thức giải quyết các xung đột vì những nguyên nhân thiếu bi trí hoặc tăng cường điều kiện sức khỏe thể chất và tinh thần cũng như khả năng an nhẫn trước những tình huống mà nếu không nhờ

Giới thì không thể tự kiềm chế được. Tiềm năng của giới luật trong việc mang lại sự trưởng thành và phát triển cá nhân, đóng vai trò là nguồn cảm hứng cho những người khác bắt tay vào hành trình đạo đức tương tự. Những lợi ích thực tế của việc trau dồi Năm Giới là vô cùng to lớn và hết sức cụ thể.

Việc tuân thủ Năm Giới cho thấy một dấu ấn sâu sắc mà chúng để lại cho hạnh phúc cá nhân, sự phát triển một cách tự nhiên niềm an lạc nội tâm và phúc lạc lâu dài cho sinh loại. Người cố gắng giữ giới sẽ ít hối hận, không lo lắng, chẳng căng thẳng và sợ hãi. Sự tự tin ngày càng tăng rằng hành động của họ không gây hại cho bản thân hoặc người khác có thể giải thích và minh chứng cho thực tế này.

Giới luật cũng ảnh hưởng đến các mối quan hệ cá nhân bằng cách thúc đẩy hành vi nuôi dưỡng sự tôn trọng, đồng cảm và tin tưởng lẫn nhau. Kết quả là, người Cư sĩ Phật tử thường có mối quan hệ sâu sắc và trọn vẹn hơn với người bạn đời, đồng nghiệp và các thành viên trong gia đình. Năm giới còn có tác dụng giữ gìn hòa bình và trật tự xã hội. Hành vi đạo đức của các cá nhân tạo ra một chuỗi các phân nhánh dần dần xây dựng nên đặc tính của xã hội. Tuân thủ giới luật dựa trên lý tưởng từ bi, chính

trực và công bằng sẽ làm giảm tỷ lệ tội phạm, hạn chế tham nhũng và dẫn đến tình trạng ít suy thoái xã hội trên mọi mặt nói chung. Giới luật có tác động tuyệt vời đến môi trường vì nguyên tắc không gây hại hỗ trợ các lựa chọn lối sống trong sạch, bền vững nhằm bảo vệ trái đất và tài nguyên của nó.

Ứng dụng thực tế của Năm Giới rất sâu sắc và có thể được bộc lộ ngay trong hiện tại cuộc sống. Những thực hành hằng ngày kết hợp sâu sắc các quy tắc đạo đức, ảnh hưởng đáng kể đến các quyết định về hành vi trên nhiều khía cạnh khác nhau của cuộc sống. Ví dụ, giới cấm sát sinh thúc đẩy một cuộc sống từ bi và liên quan đến điều đó, nhiều Phật tử đã áp dụng việc ăn chay hoặc tham gia vào các nỗ lực bảo vệ đời sống động vật… vì thế biến hành tinh này thành một đại gia đình với tất cả thương yêu và hiểu biết. Đối với người Phật tử tại gia trong kinh doanh, giới luật không trộm cắp đề cao sự trung thực trong giao dịch tài chính. Chúng đại diện cho những lời nhắc nhở liên tục phải hành động có chánh niệm, tỉnh giác và đạo đức, ngay cả trong những hoàn cảnh khó khăn nhất.

Năm giới là chìa khóa vàng vì chúng phục vụ như một phương pháp rèn luyện chánh niệm, tỉnh giác và đạo đức. Năm giới có tác dụng thấm nhuần lối

sống kỷ luật đối với Phật tử tại gia, từ đó ảnh hưởng đến sự tiến bộ tâm linh của họ. Giới luật giúp hành giả trau dồi nhận thức sâu sắc hơn về tâm, lời nói và hành động của mình. Trạng thái ý thức cao hơn sẽ dẫn đến khả năng tự điều chỉnh được cải thiện và khả năng ứng phó với các tình huống bằng trí tuệ và lòng từ bi. Công năng của giới luật thấm nhuần ý thức trách nhiệm trong người Phật tử, buộc họ phải duy trì các tiêu chuẩn ứng xử chuẩn mực như là thước đo giá trị của nhân cách đạo đức.

Kinh điển Phật giáo chứa đựng rất nhiều giáo lý nhấn mạnh đến tầm quan trọng của Năm Giới. Điều đáng chú ý là Đức Phật đã khuyên một Cư sĩ rằng người ta có thể hy sinh hành vi bất thiện của mình để tuân thủ Năm Giới thay vì hy sinh chúng bằng việc giết mổ động vật để tế lễ các vị thần. Đức Phật dạy rằng không chỉ đơn giản là lòng biết ơn đối với vận may hiện tại mà làm tăng cơ hội đạt được niềm vui và vận may trong tương lai bằng cách thọ trì năm giới. Trong Kinh Abhisandha, Đức Phật gọi Ngũ Giới là năm món quà lớn cho phép giải thoát khỏi nguy hiểm, giải thoát khỏi sự thù địch và giải thoát khỏi sự nô dịch của vô số chúng sinh. Những câu chuyện này cung cấp những ví dụ thuyết phục về việc Năm Giới có thể

tác động sâu sắc đến đời sống tinh thần của một cá nhân như thế nào và truyền cảm hứng cho họ thực hiện các hành động đạo đức ra làm sao.

Những Phật tử tại gia trong lịch sử cũng như hiện tại đã không chỉ mang lại sự hạnh phúc, an lạc và thành công cho bản thân và gia đình mà còn là tấm gương đạo đức cho rất nhiều người khác trong việc thực hành Ngũ Giới. Các kinh điển Phật giáo khẳng định rằng hai thương gia Trapusa và Bhallika tại thị trấn Ukkala là những đệ tử Cư sĩ đầu tiên của Đức Phật. Đây là những ví dụ về những cá nhân có định hướng kinh doanh, sống cuộc sống thế tục, có thể tự nguyện áp dụng lối sống theo chánh pháp. Bằng những cách như vậy, người tại gia ngày nay ngoài bổn phận và trách nhiệm đối với gia đình và xã hội vẫn còn phải phấn đấu để cố gắng tuân theo Giáo pháp. Khi làm như vậy, họ trở thành biểu tượng cho nhiều cách mà họ đã ứng dụng Năm Giới vào cuộc sống thực tế. Cách mà họ thể hiện nếp sống đạo đức bằng việc hành trì 5 giới chứng minh một cách thuyết phục sự quan trọng của giới luật trong suốt chiều dài lịch sử cũng như sự thích ứng bất khả phủ bác của 5 giới giữa các nền văn minh và văn hóa khác nhau.

Cuối cùng, bằng cách thực hành Năm Giới, người ta sẽ có thể tự mình thấy được cuộc sống có ý nghĩa, giá trị và tràn ngập yêu thương, hạnh phúc như thế nào. Tuân thủ những nguyên tắc này sẽ phát triển trạng thái nhận thức của con người một cách tự nhiên và đưa con người tới một cuộc sống hòa hợp, trí tuệ và vô lượng từ bi. Người Phật tử thường hiểu các giới luật, bao gồm tôn trọng sự sống, trung thực, thanh khiết, đoan chánh, đức hạnh, ngay thẳng, chính trực và duy trì thái độ định tĩnh, ý thức minh mẫn, làm nền tảng cho những quyết định sáng suốt, đúng đắn về mặt đạo đức của họ.

Như vậy, những giới luật này không phải là những quy tắc đạo đức cưỡng chế mà là những hướng dẫn nhẹ nhàng để người Phật tử có một cuộc sống có ý nghĩa và chính trực, liêm khiết về mặt đạo đức phát sinh từ trí tuệ của Giáo Pháp soi sáng cuộc sống mà họ đang sống mỗi ngày.

Chương IV

Bát Quan Trai Giới
(八關齋戒; Atthanga-Sila)

1. Giới Thiệu

Tám Giới, tiếng Anh: The eight precepts; tiếng Sanskrit: aṣṭāṇga-śīla hoặc aṣṭā-sīla; tiếng Pali: aṭṭhaṅga-sīla là một giáo giới khác về 8 nguyên tắc đạo đức, tiến xa hơn một bước so với 5 giới mà hầu hết các Phật tử tại gia đều phát tâm thọ trì. Năm giới cung cấp một loại hướng dẫn về những điều căn bản nhất của hành vi đạo đức. Tám Giới bao gồm các yếu tố thanh tịnh, đạm bạc và giản dị, thường gắn liền với đời sống của những vị xuất gia. Tám giới đóng vai trò là sự tuân thủ chính trong những ngày tu Bát quan Trai giới (Uposatha) do đó tăng cường sự thực hành và lòng sùng mộ của các vị Cư sĩ. Việc thực hành Tám Giới có khả năng làm giảm thiểu sự cám dỗ và gắn bó với những thú vui

giác quan, vì nó thúc đẩy mức độ nhạy cảm và tính tự giác cao ở những người thực hành.

Tám Giới là một sự thiết lập có hệ thống mà qua đó những người không phải xuất gia trọn đời có thể áp dụng để thực nghiệm cuộc sống phạm hạnh. Kết quả là, khi thực hành những giới luật đó, các hành giả thực hành theo ý nguyện của mình quyết định sống đơn giản, thanh bạch và kiềm chế hơn đối với mọi cám dỗ vật chất và sắc dục, do đó, họ sẽ tinh tấn hơn trong việc thực hành Phật pháp. Tám giới không chỉ tránh những hành vi bất thiện mà còn thực hành những hành vi thiện như an nhẫn, từ bi, phạm hạnh… Tám giới được xem là nền tảng của việc thực hành Phật pháp, vì 8 giới là kim chỉ nam cho hành vi đạo đức để chuẩn bị cho một tâm thức minh tuệ và thanh tịnh trường cửu.

Điều quan trọng cho sự phát triển đức hạnh (sila) và tự chủ là Tám Giới. Chúng giúp kiềm chế ham muốn của một con người khi đối diện với ngoại cảnh và tập trung vào bên trong, tạo ra một môi trường thuận lợi để đạt được sự giác ngộ. Phật tử tại gia nên phát tâm thọ trì tám giới này để suy nghĩ và hành động của mình phù hợp với giáo Pháp. Tám Giới là sự hỗ trợ cho mục đích sống có nhận thức, có thể góp phần hướng tới một

lối sống phù hợp với lời dạy của Đức Phật để đạt được sự chứng ngộ.

Phát tâm thọ trì tám giới vào Ngày Uposatha (Bố tát hay Trai giới) là một phát tâm vô cùng quan trọng và hết sức ích lợi. Những Phật tử thuần thành thọ Bát quan Trai giới để vừa tích lũy công đức vừa có thể bước vào đời sống xuất gia một cách thanh tịnh, bình đẳng nhằm làm sâu sắc thêm lòng sùng mộ của họ đối với Phật pháp cũng như vun bồi hạnh nguyện sống đời sống Phật và củng cố mối quan hệ mật thiết của họ với Tăng đoàn. Người Phật tử cũng tin rằng đây là ngày mà việc thực hành Tám giới sẽ trở thành một việc thực hành có công đức, giúp họ hiểu sâu hơn về Giáo pháp và phát triển khả tính giác ngộ.

2. Chi Phần

Tám giới là một bộ hướng dẫn đạo đức bổ sung được các Phật tử tại gia thực hành thường xuyên bên cạnh Năm Giới. Tám Giới mở rộng dựa trên đạo đức chung được đề cập trong Năm Giới, nhưng bao gồm các đức tính đạm bạc, giản dị và thanh tịnh, phản ánh nhiều hơn về cuộc sống trong môi trường thoát tục của những người xuất gia. Những ngày Uposatha là thời gian thực hành chuyên sâu thọ trì tám giới vào thời điểm có đầy đủ ý thức tự

chủ nhằm củng cố quyết tâm giải thoát mọi phiền não khổ đau của họ.

Không sát sinh: **Giới đầu tiên** trong Tám Giới là lời cam kết long trọng tránh gây tổn hại cho bất kỳ sự sống nào bằng cách tôn trọng và bảo vệ sự sống. Nó không chỉ là sự tránh xa hành động sát hại về mặt thể xác, mà còn là một thái độ tinh thần dẫn đến sự thương yêu lo lắng và thông cảm cho tất cả chúng sinh vì người ham sống sợ chết thì vật cũng ham sống sợ chết. Ý thức sâu sắc giá trị của mỗi sự sống và hiệu quả của việc thực hành bảo vệ sự sống là đạt đến đỉnh cao ở một cá nhân có lòng nhân từ và sự tôn trọng tối đa đối với mọi sinh vật. Đây chính là nền tảng của đạo đức Phật giáo. Nó khuyến khích sự chu đáo và tận tâm về những gì chúng ta đang làm và đồng thời ảnh hưởng tốt đến thế giới xung quanh chúng ta, từ đó nuôi dưỡng sự chung sống và hợp tác hài hòa với các sinh vật khác. Nguyên tắc trên về cơ bản là nền tảng của hai thành phần quan trọng trong thực hành thiền định của Phật giáo: trau dồi lòng từ, được gọi là metta và trau dồi lòng bi, được gọi là karuna.

Không lấy của không cho**: Giới thứ hai** khuyến khích sự trung thực và tôn trọng tài sản của người khác. Giới này không chỉ vượt xa việc không trộm

cắp mà còn bao gồm việc kiêng cữ bất kỳ hình thức không trung thực nào đồng thời khuyến khích các phương tiện trung thực và công bằng để có được những tài sản cần có mà không gây bất cứ phương hại nào cho bất cứ ai. Điều này giúp mang lại sự hài lòng, làm giảm thiểu tâm tham lam và ham muốn được sở hữu nhiều hơn. Hành trì giới này sẽ khắc sâu lòng quảng đại và trung thực, những giá trị quan trọng đối với mọi người trong việc phát triển các mối quan hệ thương mại quốc tế. Tuân thủ giới này cũng có nghĩa là nhận thức được tác động lợi ích của các hoạt động liêm khiết, ngay thẳng của mình đối với người khác và phát triển tư duy ban cho và chia sẻ lợi nhuận thay vì thu thập và tích trữ một cách ích kỷ.

Tránh mọi hành vi mang tính nhục dục là **Giới thứ ba** trong Tám Giới liên quan đến việc kiêng cữ mọi hình thức quan hệ tình dục và là phiên bản nghiêm ngặt hơn của điều thứ ba trong Năm Giới: tham gia vào các hành vi sai trái về tình dục. Hầu hết mọi người, những người không phải là hành giả xuất gia trọn đời, thường phát tâm thọ trì Tám giới trong những dịp đặc biệt như ngày Bát quan Trai giới (Uposatha) để tịnh hóa thân tâm. Xuất gia là thực hành bảo tồn và phát huy năng lượng

thanh tịnh, chuyển hóa những năng lượng ô uế thành năng lượng thanh tịnh. Điều này cũng giúp phát triển sự tôn trọng phẩm giá và thăng hóa nhân phẩm trong các mối quan hệ. Việc nghiêm trì giới luật này sẽ dẫn đến việc loại bỏ tâm khao khát ham muốn nhục dục, được coi là rào cản của sự giải thoát vòng luân hồi sanh tử khổ đau (Căn bản sanh tử dục vi đệ nhất).

Giới ***không được vọng ngữ*** là **giới thứ tư** trong Tám giới. Cấm làm chứng gian, không được nói sai sự thật, không nói những lời độc ác, không nói những lời gây phân hóa, không nói lời phù phiếm dua nịnh là nhấn mạnh vào tính trung thực và sức mạnh của lời nói có tác dụng lớn trong khả năng xây dựng hạnh phúc, an lạc cho tất cả mọi người.

Giới ***không được uống rượu và sử dụng các chất làm say*** cuồng tâm thức là **giới thứ năm**. Chất gây say là vấn đề khó khăn cho sự phát triển tâm linh vì chúng có tác dụng khiến ai đó mất tự chủ và cuối cùng có thể buông lỏng những hành vi và ảnh hưởng xấu xa của mình. Giới cấm này hướng dẫn việc nuôi dưỡng một tâm trí tỉnh táo, là điều rất cần thiết trong quá trình tu tập và trưởng dưỡng đạo đức.

Giới thứ sáu: Không được đeo đồ trang sức, thoa dầu thơm, múa hát và cố xem nghe. Không khiêu vũ, ca hát, thưởng thức âm nhạc và các loại giải trí cũng như trang sức nhằm hạn chế sự tốn kém xa xỉ và tiết kiệm được thời gian, tránh khỏi những phiền nhiễu và thú vui dựa trên lạc thú giác quan có thể ảnh hưởng đến nội tâm tĩnh lặng. Giới này mang lại lợi ích là có thể tập trung vào sự định tĩnh và niềm vui nội tâm mà không nhất thiết phải tìm kiếm niềm vui trong thế giới vật chất bên ngoài. Giới luật này đặc biệt phù hợp để chúng ta tránh những thú vui chìm đắm nhằm trau dồi chánh niệm và nâng cao kỹ năng thiền định của chúng ta. Điều này đơn giản là vì sự giải trí thường gắn liền với việc tạo ra rào cản giữa con người thật và những ảo giác.

Không ngồi nằm giường cao và sang trọng là **Giới thứ bảy** đề cao lối sống thiểu dục và kiêng khem, cổ vũ việc từ bỏ chỗ ngủ và giường ngủ sang trọng. Được phép thoát khỏi niềm kiêu hãnh, sự gắn bó với tiện nghi và xa hoa, nhận thức về thân phận mong manh của một con người và trải nghiệm sự đồng cảm với những mảnh đời bất hạnh, sẽ dẫn đến sự san bằng hố cách biệt đối với người khác. Việc thực hành trì giới này cũng phát

triển hơn nữa lòng khiêm cung và hạnh biết đủ, ít muốn bằng cách đặt cá nhân vào nghĩa vụ nhận thức được những khuynh hướng và thói quen của mình đối với sự thoải mái và đam mê vật chất xa hoa .

Không được ăn phi thời, mà phải nhịn ăn từ giữa trưa cho đến rạng sáng ngày hôm sau là **giới thứ tám**. Giới này nuôi dưỡng một tinh thần tiết độ, kiềm chế những ham muốn ăn uống khiến hành giả dễ chế ngự những thèm khát nhục dục hơn. Ngoài những lợi ích thiết thực, giới này còn thúc đẩy quá trình tiêu hóa và giúp cho điều kiện sức khỏe tốt đẹp hơn, vốn là một hỗ trợ cần thiết cho việc tu tập cũng như thúc đẩy ý thức hiểu biết sâu sắc hơn những liên quan đến các nhu cầu và phản ứng của cơ thể. Giới này có thể tạo ra thể trạng điều độ một cách hiệu quả, giảm bớt sự phụ thuộc vào khoái cảm thể xác, hạn chế những chi tiêu tốn kém không thích hợp và hỗ trợ buông bỏ những thói quen gắn bó với bản thân, một trong những ác kiến đó là thân kiến.

Những người không phải là Phật tử cũng có thể thử nghiệm một loạt các thực hành về ***Tám Giới*** (Atthanga-Sila), để xả ly tham dục là nguyên nhân căn bản giải thoát mọi lậu hoặc khổ đau.-

Hành giả thọ **Bát quan Trai giới** là những người phát tâm thọ **Tám giới** (The Eight Precepts; Attha-sila), gồm:

1- Không sát sanh
2- Không trộm cắp
3- Không dâm dục
4- Không vọng ngữ
5- Không uống rượu và sử dụng các chất say nghiện
6- Không đeo đồ trang sức, không múa hát và cố ý xem nghe
7- Không ngồi nằm giường cao sang trọng
8- Không ăn phi thời

Thực hành Bát quan trai giới chính là để đóng bít tám cánh cửa dẫn vào ba ác đạo.

Trai cũng được hiểu là thanh tịnh bởi vì Bát quan trai giới giúp tâm thức thanh tịnh, đoạn trừ mọi phiền não.

Trai còn được hiểu sau giờ ngọ thì không được ăn. Trai cũng có nghĩa là Bố Tát với nội hàm hai ý nghĩa chính: Tịnh trụ và Trưởng dưỡng.

Bát quan trai còn gọi là ***Cận Trụ Luật Nghi***, gồm có ba nghĩa:

- Thứ nhất, ***cận thời nhi trụ:*** Chỉ thọ Bát quan trai giới trong thời gian ngắn một ngày đêm.

- Thứ hai, ***cận tận thọ giới trụ:*** Phát tâm thọ trì Bát quan trai giới đến trọn đời.
- Thứ ba, ***cận A La Hán trụ:*** Thân cận với các vị A La Hán.

Trong kinh Tăng Chi Bộ và Kinh Phật Thuyết Trai, đức Phật dạy cho phu nhân Duy Da rằng có 3 loại Bát Quan Trai:

- Mục ngưu trai (người chăn bò)
- Ni kiền
- Phật pháp trai

Kinh Ưu Bà Tắc Giới, phẩm Bát Giới Trai dạy rằng: *"Bát Giới Trai chính là anh lạc trang nghiêm vô thượng Bồ Đề"*. Người phát tâm thọ Bát quan Trai giới gặt hái được công đức rất thù thắng.

Trong Đại Trí Độ Luận ghi rằng: *"Thọ trì tám giới, tùy học các Phật pháp gọi là Bố tát, nguyện gìn giữ phước đức này thì đời đời không bị đọa vào ba ác và tám nạn"*.

Bát Quan Trai Giới có ý nghĩa tâm linh sâu sắc hơn, giúp phát triển đức hạnh và thanh tịnh như những công cụ để giác ngộ trong cuộc sống. Thông qua giới luật, người Phật tử tại gia có thể phát triển hành vi đạo đức và kỷ luật tinh thần, chuẩn bị điều kiện tốt nhất cho trí tuệ tối thắng và chứng đắc Niết

Bàn tịch tịnh. Ngoài ra, Tám Giới còn liên quan đến việc trau dồi các đức tính đạo đức như nhẫn nhục, từ bi đối với người khác một cách có tính xây dựng. Chúng mô tả ứng dụng thực tế của đạo đức giác ngộ, đóng vai trò là nguyên tắc hướng dẫn để sống một cuộc sống phù hợp với Phật pháp.

3. Vai Trò Và Tác Động

Phật tử tại gia cũng có thể đưa chánh pháp vào cuộc sống của mình bằng cách thọ trì Bát Quan Trai Giới để thực hành con đường giác ngộ. Bằng cách thực hành việc ăn chay và có ý thức về môi trường thể hiện nguyên tắc không sát sinh. Công bằng trong mọi tương tác giao dịch là một cách khác để giữ giới không lấy của không cho. Một người tuân thủ nguyên tắc kiêng cử quan hệ tình dục bằng cách phát triển tình bạn trong sạch, thánh thiện và nỗ lực cải thiện cuộc sống ái dục, tịnh hóa thân tâm của mình. Việc tuân thủ mối giao tiếp trung thực và minh bạch là để bảo đảm sự giữ giới không nói dối. Để tránh say nghiện gây ra những gây gổ hoặc tai nạn, người Phật tử có thể cố gắng chỉ tham gia vào các hoạt động giúp đầu óc tỉnh táo và tránh sử dụng mọi thức uống có cồn hay những thứ ma túy. Để tuân thủ giới tránh những trò giải trí phù phiếm, đeo những trang sức tốn kém và

ngồi nằm trên những chiếc giường cao hoặc sang trọng, một người có thể tạo ra một môi trường đơn sơ, yên tĩnh để thiền định hoặc niệm Phật. Tuân thủ giới không ăn phi thời để tránh tình trạng mập phì, tốn kém thời gian và tiền của.

Việc phát tâm và tinh tấn, nỗ lực trong việc thực hành Bát quan Trai giới việc rất quan trọng. Giới luật, ngoài việc là những quy tắc, còn phản ánh sự cam kết đối với lối sống phạm hạnh của người Phật tử. Chính như lý tác ý hay ý nguyện thiết lập lộ trình thực hành chánh pháp là ý thức được hành vi của mình, nhận thức rõ phẩm giá cao quý và đưa ra những lựa chọn phản ánh những giá trị vốn có trong những giới luật hết sức quan trọng này. Sự thực hành giới luật với tất cả nỗ lực là nhân tố quan yếu đưa dẫn đến sự chứng ngộ viên mãn.

Việc thọ trì Bát quan Trai giới mang lại rất nhiều lợi ích hữu hình lẫn vô hình, hữu nghiệm và siêu nghiệm. Hầu hết hành giả nhận ra đức hạnh của mình được nở hoa là do hành trì Bát quan Trai giới. Thọ trì những cấm giới như vậy được coi là sự cống hiến cho những người xung quanh, tạo ra một bầu không khí tươi mát, hòa kính và thanh tịnh.

Tuy nhiên, những người không theo Phật giáo có thể phải đối mặt với những thách thức đáng kể

trong việc giữ gìn Tám Giới, do sự tham gia ngày càng tăng của thế giới vật chất hiện đại vào cuộc sống của họ. Bằng cách tuân thủ những giới luật này, người ta phải từ bỏ một số thú vui, một nhu cầu thường có thể tỏ ra thách thức trong thế giới thường xuyên buông thả ngày nay. Khi các hành giả tiến bộ trong việc thực hành, ban đầu họ cố gắng tích hợp giới luật vào cuộc sống hàng ngày, đặc biệt là trong các khóa tu hoặc các sự kiện khác, bằng cách đơn giản là cố gắng vượt qua những thử thách của một số thú vui tạm bợ này. Hơn nữa, có một cộng đồng hỗ trợ có thể rất hữu ích. Ví dụ, một người có thể tham gia một nhóm những người có cùng chí hướng hoặc tham khảo ý kiến của những bậc thầy có kinh nghiệm. Sự hiểu biết về những lợi ích to lớn và những lý do sâu sắc hơn về giới luật sẽ thúc đẩy nhiều người phát tâm thọ trì Bát quan Trai giới

Thọ trì Bát quan Trai giới mang lại sự phát triển đáng kể về tâm lý, đức hạnh và trí tuệ. Những người thành đạt thường phát triển những đặc điểm then chốt để tinh thần tự chủ tồn tại sâu sắc và bền vững hơn, cụ thể là sự hài lòng, ý thức rõ ước vọng được sinh tồn của người và vật, kiềm chế ham muốn, từ bi, khiêm tốn, biết đủ và nhận thức giá trị của sự từ

bỏ. Sự thanh lọc tự thân như vậy cho phép những bất tịnh giảm bớt sức mạnh công phá, do đó giúp người ta dễ dàng đạt được mục tiêu giác ngộ hoàn toàn. Giới luật phát triển một quan điểm thiên về tinh thần hơn là những lạc thú vật chất. Sự thay đổi nhận thức và thái độ sống như vậy sẽ đơn giản dẫn đến một cuộc sống đầy đủ hơn, thỏa mãn hơn và có ý nghĩa hơn với mục đích chung là giải thoát khỏi đau khổ vì đoạn trừ những nguyên nhân của nó. Những tín đồ bình thường thọ trì Bát quan Trai giới (Atthanga-Sila), còn được gọi là Tám Giới, như một thực hành hữu ích trong Phật giáo để nâng cao sự phát triển tâm linh của họ.

Vô số câu chuyện trong kinh điển Phật giáo chứng minh việc thực hành tám giới này, được dùng làm công cụ sư phạm để truyền đạt những lời dạy sâu sắc của Đức Phật. Đó là câu chuyện về Sa-di Rahula, con trai của Đức Phật trước khi ngài xuất gia, người nổi tiếng vì nỗ lực trung thực trong việc giữ giới. Một lần, Đức Phật quở trách ông vì một lời nói dối nhỏ nhặt vô nghĩa; câu chuyện tôn giả Rahula thể hiện ý nghĩa quan trọng của việc không vọng ngữ. Ngoài ra, có một câu chuyện khác về Tissa còn trẻ và thiếu kinh nghiệm, người được khen ngợi vì sự nghiêm tịnh trong giới luật,

đặc biệt là việc không lấy những gì không được cho phép…

Những câu chuyện vượt qua bản chất thời gian và gửi đi những thông điệp vượt không gian, chắc chắn vẫn còn phù hợp với mọi tầng lớp xã hội ở khắp nơi chốn và thời đại, trong đó bao gồm một câu chuyện về một tu sĩ trẻ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về chất gây say, một bài học cảm động về chánh niệm và sự nguy hiểm của sự bất cẩn vào thời điểm mà việc quan tâm đến lợi ích cá nhân thường vượt qua đạo đức.

Tương tự như vậy, Tỳ-kheo Tu-đề-na (須提那; Sudina) là một tấm gương sáng sau khi vướng vào những nhược điểm về tình dục do áp lực quá nặng của mẹ già và trách nhiệm duy trì sự tương tục của dòng họ mà những người thọ trì Tám giới cần thường xuyên suy niệm. Đó chính là thước đo phạm hạnh thanh tịnh của người xuất gia.

Chương V

Thập Giới Của Sa Di Và Sa Di Ni (沙彌; Dasa-sīla)

1. Giới thiệu

Sa-di (沙彌) là từ ngữ dùng để chỉ cho những vị đã cạo tóc xuất gia. Tiếng Sanskrit: śrāmaṇera, tiếng Pali: sāmaṇera. Ngài Châu Hoằng đã giải thích ý nghĩa của chữ Sa-di như sau:

"*Phạn ngữ Sa Di, thử vân Tức từ, vị: Tức ác hành từ; tức thế nhiễm nhi từ tế chúng sanh dã. Diệc vân Cần sách, diệc vân Cầu tịch."*[1] Nghĩa là:

"Tiếng Phạn là Sa Di, ở đây dịch là Tức Từ, ý nói: Dứt ác, thực hành từ bi, chấm dứt ô nhiễm để từ bi cứu độ chúng sanh. Còn dịch là tiếp thọ sự khuyến khích chuyên cần, hoặc dịch là tìm cầu Niết bàn tịch lặng."

---

1 Sa môn Châu Hoằng, Sa Di Luật Giải Yếu Lược
"梵語沙彌, 此云息慈,謂息惡行慈, 息世染而慈濟眾生也。亦 云勤策, 亦云求寂."

Sa-di được phân ra làm hai chủng loại và ba đẳng vị.

Hai chủng loại Sa di là:

Hình đồng Sa di (形同沙彌): Đã cạo tóc mặc áo người tu nhưng chưa thọ 10 giới Sa di, nên gọi là Hình đồng Sa di, nghĩa hình thức tuy đồng với Sa di nhưng chưa phải là Sa di đích thực.

Pháp đồng Sa di (法同沙彌): là người đã thọ giới Sa di

Ba đẳng vị Sa di:

Từ 7 tuổi trở lên và 13 tuổi trở xuống thì gọi là ***Khu ô Sa di*** (驅烏沙彌).

Từ 14 tuổi trở lên và 19 tuổi trở xuống gọi là ***Ứng pháp Sa di*** (應法沙彌): Ở độ tuổi này có thể ứng hợp với pháp hạnh Sa di để thực hành.

Từ 20 tuổi trở lên và 70 tuổi trở xuống gọi là ***Danh tự Sa di*** (名字沙彌). (Từ 20 trở lên và 60 tuổi trở xuống có thể thọ giới Tỳ kheo, nhưng vì nhân duyên không đủ nên phải ở ***pháp vị Sa di***).

Trong truyền thống tu tập của Phật giáo, người ***thọ giới Sa Di*** là những người đã bước vào cuộc hành trình xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình một cách trọn vẹn, nhưng chưa thọ giới Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni. Trong Tăng đoàn, Sa-di

(samaneras) hoặc Sa-di-ni (samaneris) đóng một vai trò rất quan trọng. Họ đang trong giai đoạn chuẩn bị để trở thành một Trưởng tử Như lai, có nghĩa là họ chưa đủ 20 tuổi trước khi có thể thực sự trở thành Tỳ-kheo (bhikkhus) hoặc Tỳ-kheo-ni (bhikkhunis). Ý nghĩa của Sa-di (samanera) là *Tức Từ có nghĩa là dứt trừ điều ác, thực hành lòng từ, dứt trừ sự ô nhiễm thế gian để từ bi cứu giúp chúng sanh. Còn dịch là Cần Sách, hoặc dịch là Cầu Tịch*, biểu thị giai đoạn phát triển bước vào đời sống phạm hạnh thanh tịnh. Thời kỳ này được đặc trưng bởi sự tập trung vào việc tiếp thu các quy tắc ứng xử của giới luật, trau dồi kỷ luật và chuẩn bị cho việc thọ đại giới. Điều này rất quan trọng vì nó được coi là giai đoạn chuẩn bị tối thiết cho việc lãnh thọ giới Cụ túc. Phát tâm xuất gia là hiển thị cho sự cam kết của một người với đời sống thanh tịnh từ bỏ những ham muốn trần tục, đây là một truyền thống đặc hữu dành cho những người muốn chứng quả giải thoát giác ngộ.

Có khá nhiều bối cảnh lịch sử về việc phát tâm xuất gia trong Phật giáo. Nguồn gốc của việc xuất gia thọ giới Sa-di có từ thời Đức Phật. Rahula, con trai của thái tử Tất Đạt Đa, đã nêu gương trong thời niên thiếu bằng cách bước vào đời sống xuất gia với tư cách là một Sa di xuất sắc. Ngài nêu

gương yêu cầu tất cả những người trẻ tuổi khao khát chân lý giải thoát phải cam kết suốt đời với Giới Pháp. Thời gian trôi qua, vai trò của người mới tập sự xuất gia đã thay đổi, nhưng triết lý đào tạo thiết yếu vẫn dựa trên giáo lý sơ khởi được Đức Phật khai thị và những truyền thống được các tông phái trong Phật giáo giải thích. Thông qua việc xuất gia để gia nhập Tăng đoàn, họ đã giáo dưỡng những Sa di sẵn sàng dấn thân vào đời sống Pháp, thực hiện những lời dạy của Đức Phật để đạt được Giác ngộ.

Các Tự viện rất coi trọng những người mới xuất gia tập sự. Những người mới xuất gia tập sự chính là nền tảng mà việc truyền bá giáo lý của Đức Phật phụ thuộc vào. Những người mới tập sự sẽ mang lại sinh lực trẻ trung cho Tăng đoàn thông qua việc học hỏi, hành trì và phục vụ chánh pháp. Sự hiện diện của các Sa di cũng là nguồn cảm hứng cho các Cư sĩ đi theo con đường phát triển tâm linh và giác ngộ. Hơn nữa, trong quá trình tìm kiếm kiến thức về cách thực hành đời sống của người tu sĩ và những gì đòi hỏi sự hòa hợp của cộng đồng, các Sa di thường nhận lãnh những công việc chấp tác hàng ngày cũng như học hỏi Phật pháp từ các vị thầy hướng dẫn. Việc giáo dục và đào tạo các Sa di được coi là rất

quan trọng vì đó là sự truyền thừa trực tiếp từ thế hệ này qua các thế hệ khác một cách chân xác. Việc giáo dưỡng và tác thành các Sa di là sự bảo đảm cho sự duy trì truyền thống kế thừa sứ mệnh hoằng pháp thiêng liêng cao cả của lịch đại tổ sư.

Mối liên hệ giữa Sa di và vị thầy dạy là trọng tâm của Tăng đoàn. Mối quan hệ này dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau và cam kết hơn nữa đối với tiền đồ của Phật giáo. Vị thầy truyền đạt kiến thức không chỉ về kinh điển mà còn về giới luật, đóng vai trò như một tấm gương sống động về Pháp. Quá trình này tạo điều kiện thuận lợi cho sự tăng trưởng và phát triển của người mới tập sự trong việc theo đuổi sự chứng ngộ tâm linh, từ đó bảo đảm việc truyền bá giáo lý của Đức Phật từ thế hệ này sang thế hệ khác. Mối quan hệ thầy trò là mối quan hệ cộng sinh mà đôi bên cùng phát huy để nâng cao khả tính giác ngộ, nắm giữ chìa khóa cho cả chức năng của Tăng đoàn lẫn sự phát triển của từng thành viên.

2. Chi Phần

Mười giới là một bộ hướng dẫn đạo đức làm nền tảng cho đời sống xuất gia của các Sa-di. Giới luật tự thiết lập như những khái niệm về sự rèn luyện

mà người mới tập sự sẽ thực hành để rèn luyện bản thân nhằm phát triển kỷ luật đạo đức và nhận thức vượt ra ngoài những quy định đơn thuần.

Giới thứ nhất dựa trên lời nguyện không sát hại bất kỳ chúng sinh nào (Panatipata veramani sikkhapadam samadiyami). Giới này nuôi dưỡng sự tôn trọng đối với mọi dạng sống, từ đó nuôi dưỡng sự đồng cảm và ngăn ngừa bạo lực.

Giới thứ hai là Không trộm cắp (Adinnadana veramani sikkhapadam samadiyami), ngụ ý khắc sâu tính trung thực và tôn trọng tài sản của người khác.

Giới thứ ba là Không dâm dục (Abrahmacariya veramani sikkhapadam samadiyami), liên quan đến việc kiềm chế cũng như chấm dứt quan hệ tình dục, đồng thời giúp đỡ các Sa di trẻ tuổi thực hành đời sống độc thân, thanh tịnh.

Giới thứ tư là Không vọng ngữ (Musavada veramani sikkhapadam samadiyami), khuyến khích việc trở nên trung thực, thành thật và tránh sử dụng lời nói bất thiện.

Giới thứ năm là Không uống rượu (Surameray-amajja pamadatthana veramani sikkhapadam samadiyami), khuyến khích các Sa di kiềm chế việc

tiêu thụ các loại thức uống gây say và các chất có thể dẫn đến mất tập trung và lười biếng, thay vào đó hãy cố gắng đạt được tinh thần thật minh mẫn và kỷ luật tự giác cao.

Giới thứ sáu là Không đeo đồ trang sức, không dùng dầu thơm để xoa thân (Mala-gandha-vilepana-dharana-mandana-vibhusanatthana veramani sikkhapadam samadiyami), dạy rằng hãy tránh việc làm đẹp vì một trong các hạnh của người xuất gia là hủy bỏ các hình tướng tốt đẹp để tránh sự đam mê hình sắc.

Giới thứ bảy là Không múa hát và cố xem nghe (Nacca-gita-vadita-visuka-dassana), để tránh sự vọng động tâm ý.

Giới thứ tám là Không ngồi nằm giường cao tốt đẹp (Uccasayana-Mahasayana veramani sikkhapadam samadiyami), gợi ý rằng các Sa di không nên ngủ ở những chỗ sang trọng và nơi giàu có để có thể tăng trưởng hạnh tri túc, thiểu dục và tâm khiêm tốn vô ngã.

Giới thứ chín là Không ăn phi thời (Vikalab-hojana veramani sikkhapadam samadiyami), tức là không ăn những lúc không phù hợp mà phải ăn trước giờ ngọ, bồi dưỡng tính tự chủ và có thái độ kỷ luật đối với việc tiêu thụ thực phẩm.

Giới thứ mười là Không cất giữ vàng bạc (Jata-rupa-rajata-patiggahana veramani sikkhapadam samadiyami), là tượng trưng cho ý thức tách rời khỏi của cải trần tục để khắc sâu ý thức xả ly.

Khi kết hợp lại, các giới luật đóng vai trò là những hành động mang tính đạo đức, hướng dẫn người mới tập sự xuất gia nếp sống lành mạnh, đạm bạc, thanh tịnh. Các Sa-di hành hoạt như những tấm gương soi lại những việc làm và ý định tốt của những người mới xuất gia, đồng thời thiết lập một con đường riêng để hoàn thiện bản thân và rèn luyện đức hạnh. Mỗi giới luật của Sa di là một bước bổ sung-hướng tới đạo đức trên bậc thang dẫn đến đỉnh cao tâm linh, phản ánh cách mỗi người cam kết đạt được cứu cánh giải thoát giác ngộ.

Tầm quan trọng của mọi nguyên tắc đối với con đường giác ngộ của người được điểm đạo không thể không được nhấn mạnh tối đa. Những lời dạy của Đức Phật về 10 giới được xây dựng trên nền tảng phạm hạnh mà chúng đặt trên đó. Sa-di hành trì giới để hỗ trợ cho việc thiết lập định và phát triển tuệ. Mỗi giới luật là một bài học về nhận thức, dạy người mới tu tập luôn chánh niệm và tỉnh giác về những gì mình làm, nói và suy nghĩ.

Việc hành trì giới không ngừng nghỉ này có ý nghĩa quan trọng đối với cá nhân từ sự chuyển hóa căn bản, dẫn đến sự phát triển những phẩm chất thù thắng. Người mới cầu đạo thực hành giới luật để chuẩn bị cho những sứ mệnh thiêng liêng cao cả của một vị Tỳ kheo trong tương lai, đặt nền tảng vững chắc cho việc tiếp thọ giới luật đầy đủ của một bậc Như Lai trưởng tử, chỉ áp dụng cho các Sa-di và Sa-di-ni. Chúng bảo đảm rằng những người mới tập sự chắc chắn được chuẩn bị để duy trì các tiêu chuẩn khắt khe của đời sống phạm hạnh và lòng sùng mộ đối với Giáo Pháp.

Hơn nữa, những giới luật này là sự chuẩn bị cho những bổn phận xuất gia trọn đời sau này. Khi một Sa di trưởng thành và đạt được sự hiểu biết cũng như kinh nghiệm, họ có thể theo đuổi việc xuất gia trọn đời, bao gồm việc tuân thủ một bộ hướng dẫn chi tiết hơn được nêu trong Luật Tạng. Mười Giới đã chuẩn bị đầy đủ cho họ đối mặt với giai đoạn này của cuộc đời. Do đó, điều này bảo đảm rằng họ luôn cập nhật những kỹ năng cần thiết để duy trì các tiêu chuẩn cao hơn mà các tu sĩ nam nữ xuất gia luôn mong đợi. Vì thế, 10 giới có thể được coi là cầu nối giữa giai đoạn khởi đầu của cuộc hành trình xuất gia và sứ mệnh thiêng liêng không bao

giờ kết thúc của vị Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni gắn liền với việc hoằng dương chánh pháp vì lợi ích miên trường của tất cả chúng sinh.

3. Vai Trò Và Tác Động

Chức năng chính của giới luật trong Phật giáo là hướng dẫn người mới xuất gia về kỷ luật hành vi đạo đức và phát triển nhân cách trong cuộc sống; chúng dẫn đến việc thiết lập một kỷ luật tự giác và tự nguyện thay vì chỉ tuân theo những quy định của pháp luật thế tục như người bị cưỡng buộc, tạo điều kiện cho những người mới tu tập phát triển lối sống thanh tịnh hòa hợp như Giáo Pháp. Hàng ngày, họ suy ngẫm về giới luật, một phần trong đó liên quan đến việc quan sát xem hành động của họ tác động như thế nào đến bản thân họ và người khác. Tất cả những phẩm chất được mô tả ở trên là kết quả của việc thực hành các giới luật về an nhẫn, phạm hạnh và bi mẫn đối với tất cả chúng sinh. Việc thực học và hành trì giới luật biến một người xuất gia thành một hình mẫu đạo đức trong sạch cho Tăng đoàn và xã hội, là một tấm gương sáng về giáo lý của Đức Phật. Giới luật bảo vệ phạm hạnh bằng cách ngăn ngừa nghiệp ác và những chướng ngại cho sự thành tựu giác ngộ. Thông qua chúng, một người mới tu tập có thể quản lý các xung lực của mình và

phát triển một lối sống hài hòa, tập trung, thiên về thiền định và những hiểu biết sâu sắc hơn.

Kết quả là, sự cam kết hành vi của họ đối với giới luật có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển cá nhân và tinh thần của họ. Việc hành trì chúng giúp người mới tu tập sống ở một mức độ chánh niệm và tỉnh giác mới, thường là giảm bớt sự tắc nghẽn tinh thần phát sinh từ các vấn đề đạo đức và do đó có được sự gia tăng của an tịnh nội tâm. Tinh thần minh mẫn dẫn đến sự hiểu biết về bản thân và phát triển định lực và trí tuệ nhiều hơn nữa. Giới luật cũng giúp hành giả phấn đấu đạt được mức độ ý thức cao hơn và cuối cùng đạt được giải thoát giác ngộ. Các nhà nghiên cứu đã phát hiện ra rằng việc tuân thủ giới luật sẽ chống lại những tác động tiêu cực của căng thẳng và chứng loạn thần kinh, dẫn đến giảm các triệu chứng trầm cảm và tăng khả năng phục hồi tâm lý. Thậm chí còn phù hợp hơn với thời điểm hiện tại, các giới luật khuyến khích người mới tu tập sống một cuộc sống đơn giản và an tịnh khi xã hội của chúng ta ngày càng trở thành một xã hội tiêu dùng. Những người mới tu tập tạo ra một nền văn hóa nhạy cảm về mặt đạo đức và chánh niệm tỉnh giác thông qua việc tuân thủ giới luật, với khả năng truyền cảm hứng cho

những thay đổi tích cực trong xã hội. Nhưng trước và trên hết, thọ giới Sa-di là bước vào con đường thoát khổ nhưng đồng thời cũng là bước khởi đầu cho sứ mệnh cứu khổ độ sanh.

Nhìn chung, việc đào tạo Sa di có ảnh hưởng to lớn đến phần còn lại của thế giới Phật giáo. Những nhà lãnh đạo Tăng đoàn tương lai này là những người mới được đào tạo bài bản về giới luật và Phật học, họ có nhiệm vụ bảo vệ và truyền bá giáo lý của Đức Phật. Kỷ luật và đạo đức của họ truyền cảm hứng cho việc tuân thủ mạnh mẽ giới luật trong đời sống của mỗi cá nhân. Theo nghĩa này, nó là một hiệu ứng lan tỏa ra bên ngoài và củng cố nền tảng đạo đức của cộng đồng Phật giáo. Việc phát tâm để trở thành các vị thầy là một dấu hiệu cho thấy tính chất năng động của truyền thống Phật giáo và sự thật là nó thực tế như một tĩnh tại và sinh động. Những lời dạy của Đức Phật bảo đảm cho nhân loại về trí tuệ và phương hướng bằng cách sống theo các giới luật của người xuất thế, những điều thiết thực thông qua giáo pháp. Đây là điều tạo nên sức sống và sự liên tục trong Giáo pháp. Giới luật đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành tính cách và tinh thần tự lợi và lợi tha của những người mới tập sự, do đó ảnh hưởng đến thái độ tâm

linh và sự phát triển cá nhân với những hậu quả sâu rộng trong toàn thể cộng đồng Phật tử. Về cơ bản, chúng là nền tảng của một cuộc sống có thể được đặc trưng bởi sự hài hòa và chính trực, dù là tập thể hay cá nhân. Trong truyền thống Phật giáo, giới luật không phải là những nguyên tắc tĩnh mà là những nguyên tắc năng động, phát triển liên tục cùng với những người mới tu tập khi họ tiến bộ trên hành trình tu chứng của mình.

Phần lớn văn học về Phật giáo chứa đầy những câu chuyện làm sống động việc áp dụng thực tế các thực hành liên quan đến giới luật của Sa di. Một ví dụ như vậy là người mới phát tâm xuất gia, sau khi thực hành việc không sát sanh đã biểu hiện lòng từ bi đối với mọi sự sống không chỉ giới hạn trong loài chúng sanh hữu tình mà bao gồm tất cả chúng sanh vô tình trong khắp mười phương thế giới.

Trong một câu chuyện khác, một thanh niên tìm thấy ý nghĩa của sự biết đủ và niềm vui của sự bố thí thông qua việc tuân thủ quy tắc đạo đức không trộm cắp. Người kiểm soát tâm ích kỷ và ghen tị với đồ đạc của người khác đã trải qua một cuộc chuyển hóa toàn diện về mặt cá nhân và trở thành một người mới bắt đầu rộng lượng, người mà việc cho đi thì vui hơn là sở hữu.

Vị Sa di trong câu chuyện nói về sự không dâm ô, tượng trưng cho các vấn đề đương thời là xâm phạm không gian cá nhân và xâm phạm chủ quyền của người khác. Kết quả là, thái độ ấn tượng ban đầu lịch sự đối với sự trong trắng, phạm hạnh cho phép một người phát triển ước muốn và học cách thực hiện việc tự phân tích bản thân một cách nghiêm túc và phát triển cấp độ chứng ngộ, từ đó sẽ giúp một người xây dựng nhân cách và mối quan hệ của mình với người khác một cách đúng đắn.

Câu chuyện không nói dối của Sa-di là tấm gương cho sự nhận ra sức mạnh của lời nói trong việc thanh lọc tâm trí. Việc tuân thủ không khoan nhượng chỉ nói sự thật đã mang lại mức độ an lạc nội tâm và sự tín nhiệm cao hơn với những người đồng học, điều mà trước đây người đó đã gặp rắc rối.

Những câu chuyện mô tả xu hướng của những người học sau đại học đồng thời truyền tải những nguyên tắc đạo đức cơ bản phù hợp với mọi thời kỳ và mọi nền văn minh. Đây là một trong những câu chuyện về các tu sĩ trẻ vi phạm giới thứ năm, giới luật cấm uống đồ uống có men, dẫn đến thiếu định tâm và mất ý thức vì say xỉn. Đó là một mô tả về xã hội đương đại, nêu bật sự nhạy cảm và nhận thức ngày càng tăng về các hành vi sai trái và thất bại về

mặt đạo đức do các tin tiêu cực thường xuyên trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Những đệ tử Phật không muốn sử dụng ma túy, điều này có thể giúp nhận thức của họ chân xác hơn về thế giới và hạn chế sự phát triển thêm đối với các thói quen bệnh lý.

Từ quan điểm áp dụng giới luật vào cuộc sống hiện đại, những người mới tu tập có thể xem những giới luật này không phải là những quy định cổ xưa mà là những ngôi sao dẫn đường giúp họ sống một cuộc sống trong sáng về mặt đạo đức và chiều sâu tâm linh. Ví dụ, giới cấm sát sinh khuyến khích lòng từ bi đối với mọi sinh vật, điều này phù hợp với những cam kết hiện đại hướng tới bảo vệ môi trường và các sáng kiến bất bạo động. Việc dạy không trộm cắp nuôi dưỡng sự lương thiện và tin cậy như những giá trị cốt lõi trong mỗi cộng đồng. Những câu chuyện này và những nguyên tắc đạo đức mà chúng truyền đạt sẽ cung cấp một hướng dẫn đạo đức bảo đảm các nguyên tắc phổ quát của Phật giáo vẫn phù hợp và cần thiết cho các cá nhân cũng như hỗ trợ rất lớn cho những Sa-di trong cuộc sống đương đại rằng giới luật là nền tảng để đạt sự giác ngộ và xây dựng một xã hội đặc trưng bởi lòng từ bi chánh niệm và tỉnh giác.

4. Xuất Gia Gieo Duyên

Ngày nay, có nhiều tự viện tổ chức các khóa ***xuất gia gieo duyên ngắn hạn*** với mục đích tạo thắng duyên cho những người Phật tử tại gia phát tâm sống một đời sống xuất gia phạm hạnh, dù khóa tu ngắn với thời gian tùy theo hoàn cảnh và điều kiện của mỗi tự viện, tuy nhiên các hành giả đều phải tuân thủ nghiêm túc các giới pháp mà mình đã phát tâm thọ trì bên cạnh các thời khóa tu học cũng như thanh quy thiền đường một cách nghiêm tịnh.

Các hành giả có thể thọ 10 giới Sa di và đắp mang y nhưng cũng có thể thọ giới Bồ tát nếu chưa đủ duyên lành để thọ giới Bồ tát trước đó.

Các hành giả xuất gia gheo duyên ngắn hạn không phải cạo tóc như những vị xuất gia trọn đời, tuy nhiên nếu ai muốn cạo tóc thì cũng có thể thực hiện để biểu tỏ quyết tâm hũy bỏ mọi tướng hảo mà người đời thường rất ham thích.

Vì là xuất gia gieo duyên nên dĩ nhiên những chuẩn tắc mà các hành giả không phải tuân thủ một cách khắt khe như những vị Sa di hay Sa di Ni đã phát tâm thọ giới Sa di, tuy nhiên các hành giả xuất gia gieo duyên ngắn hạn được khuyến tấn là phải tinh tấn tu học nhằm đáp ứng nhu cầu giải thoát mọi phiền não khổ đau.

Chương VI

Thức Xoa Ma Na Giới (Sikkhamànà sīla)

1. Giới Thiệu

Thức-xoa-ma-na hay Thức-xoa-ma-ni (式叉摩那 / 式叉摩尼; S: śikṣamāṇā, P: sikkhamānā), dịch là Học pháp nữ (學法女), Chánh học nữ (正學女) hay Học giới nữ (學 戒女). Giới pháp Thức-xoa-ma-na là một thuật ngữ trong Phật giáo, chỉ đến một loại giới pháp đặc biệt dành cho các sa-di-ni (nữ tu tập sự) trước khi thọ nhận giới cụ túc (tức là thọ đầy đủ các giới của một Tỳ-kheo-ni).

Đây là giai đoạn thực tập của một Sa-di-ni trước khi chính thức trở thành Tỳ-kheo-ni và được kéo dài trong 2 năm. Trong truyền thống Phật giáo, giai đoạn "Thức-xoa-ma-na" là một bước chuyển quan trọng đối với các ni chúng trước khi chính

thức trở thành một Tỳ kheo ni với đầy đủ giới luật. Giai đoạn này kéo dài hai năm, trong đó các ni chúng sẽ được hướng dẫn và rèn luyện về đạo đức, kỷ luật cũng như các giáo lý Phật pháp một cách nghiêm túc.

Các ni chúng trong giai đoạn này sẽ phải tuân thủ một số giới luật nhất định (4 trọng giới, 6 học pháp và 292 học hành pháp), bên cạnh đó là học cách sống đời sống phạm hạnh và phát triển tâm từ bi, trí tuệ trước khi bước lên thềm bậc Tỳ kheo. Đây cũng là thời gian để họ học cách phục vụ cộng đồng, phát triển sự hiểu biết sâu sắc về giáo lý và thực hành thiền định.

Mục tiêu của giai đoạn "Thức xoa ma na" là giúp các ni chúng xây dựng một nền tảng vững chắc về kiến thức và thực hành, chuẩn bị tâm lý và tinh thần để tiếp nhận toàn bộ giới luật của một Tỳ kheo ni khi thọ cụ túc giới. Sau khi hoàn thành giai đoạn này, ni chúng sẽ được chính thức thọ đại giới, trở thành một trong nhị bộ đại Tăng với đầy đủ trách nhiệm và quyền lợi trong cộng đồng Phật giáo.

Giai đoạn "Thức-xoa-ma-na" không chỉ là một quá trình học tập mà còn là một hành trình tu dưỡng tâm linh, giúp các Sa di ni phát triển một lối

sống thanh tịnh, giản dị và hòa hợp với các nguyên tắc của Phật giáo. Giai đoạn này kéo dài hai năm, đánh dấu sự chuyển từ đời sống thường ngày sang cuộc sống xuất gia của các Sa di ni. Trong đó các ni chúng sẽ được hướng dẫn và rèn luyện về đạo đức, kỷ luật, và các giáo lý Phật pháp một cách nghiêm túc.

Giai đoạn "Thức-xoa-ma-na" vừa là một giai đoạn học tập, vừa là một thời gian quan trọng để các Sa-di-ni rèn luyện tâm tính, chuẩn bị hành trang để tiếp nhận trách nhiệm trong Tăng đoàn. Đây là bước ngoặt quan trọng trên con đường tu hành, giúp họ xây dựng một cuộc sống có ý nghĩa và ý thức rõ ràng hơn về mục đích của mình trong đời sống xuất gia.

2. Chi phần

Giới pháp Thức xoa ma na được chia thành 3 phần: 4 trọng giới, 6 học pháp và 292 học hành pháp

4 trọng giới:

1.- Không dâm dục
2.- Không trộm cắp
3.- Không sát sinh
4.- Không nói dối

6 học pháp:

1- Không xoa chạm với thân thể người nam có tâm ô nhiễm
2- Không với ý thức trộm cắp mà lấy vật dưới 5 tiền
3- Không sát hại sinh mạng
4- Không cố ý vọng ngữ đối với tăng chúng
5- Không ăn phi thời
6- Không uống rượu

292 hành pháp:

1- Không được đem tâm ô nhiễm cùng người nam cũng có tâm ô nhiễm nắm tay, nắm y, vào chỗ khuất, đứng chung, nói chung, đi chung, thân thể dựa nhau, hoặc hẹn hò với nhau
2- Không được che giấu tội lỗi người khác.
3- Không tùy tùng với người bị chư tăng cử tội
4- Không được làm mai mối
5- Không được vì giận dữ mà vô căn cứ phỉ báng người khác
6- Không được vì giận dữ mà lấy lỗi nhỏ vô căn cứ phỉ báng người khác
7- Không được đến cửa quan
8- Không được độ nữ tặc xuất gia
9- Không được một mình lội nước, một mình vào làng xóm, một mình ngủ lại, một mình đi sau

10- Nếu biết người nam có tâm ô nhiễm thì không được từ nơi người ấy nhận lấy thức ăn và những vật khác.
11- Không được bảo người khác từ nơi người ấy nhận lấy thức ăn và những vật khác.
12- Không phá hòa hợp tăng
13- Không được làm phe cánh với kẻ phá hoại hòa hợp tăng
14- Nếu ở trong thành thị hay thôn xóm mà làm hoen ố tín đồ và làm nhữngviệc xấu, thì chư tăng trục xuất, không được không phục tùng.
15- Không được ngoan cố không chịu nghe ai nói
16- Không được cùng người khác sống gần gũi nhau, cùng nhau làm những điều bất thiện, che giấu tội lỗi cho nhau.
17- Nếu ai bị chư tăng tác pháp Yết Ma sống riêng hay bị khiển trách răn đe, thì không được chỉ bày cho họ, rằng đừng chịu sống riêng, hãy cứ sống chung.
18- Không được vội vã vì một việc nhỏ mà tức giận không vui, liền giận bỏ Tam bảo
19- Không được ưa tranh cãi.
20- Không được cất giữ y dư quá 10 ngày mà không tịnh thí.
21- Không được rời y mà ngủ.

22- Không được xin y nơi cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải bà con; trừ khi y bị cướp, bị mất, bị cháy, bị trôi, thì được xin.
23- Nếu y bị cướp, bị mất, bị cháy, bị trôi, mà cư sĩ hay vợ cư sĩ xin tùy ý cúng y, thì phải nhận một cách biết vừa đủ.
24- Nếu cư sĩ hay vợ cư sĩ sắm tiền mua y, muốn mua y cúng cho, nhưng thức xoa ma na trước chưa nhận lời xin tùy ý, thì không được vì muốn có y tốt nên đến nhà họ mà khen ngợi để đòi y.
25- Nếu có 2 cư sĩ và vợ 2 cư sĩ sắm tiền mua y, muốn mua y cúng cho, nhưng thức xoa ma na trước chưa nhận lời xin tùy ý, thì không được vì muốn có y tốt mà đến nhà 2 cư sĩ, khen ngợi, khuyên họ chung tiền lại sắm 1 y.
26- Nếu thí chủ phái người đến đưa tiền sắm y cho thức xoa ma na, nhưng thức xoa ma na vì không được nắm giữ tiền ấy nên không nhận lãnh. Người được phái đem tiền ấy giao cho người giúp việc rồi về. Khi thức xoa ma na cần y thì nên hai ba lần đến chỗ người giúp việc mà nói tôi cần y. Nói như vậy mà không được y thì bốn năm sáu lần đến đứng yên lặng trước người giúp việc, và được y thì tốt. Nếu vẫn không được y thì không được quá số ấy

mà đến đòi y. Phải nói cho thí chủ biết mình không nhận được y để họ lấy lại tiền sắm y, đừng để mất đi.

27- Không được tự tay cầm lấy vàng bạc và tiền, hoặc bảo người khác cầm lấy.

28- Không được làm những cách bán mua.

29- Nếu dùng cái bát dưới 5 chỗ hàn bịt, bát ấy cũng chưa rỉ nước, thì không được vì tốt đẹp mà kiếm bát mới.

30- Không được tự kiếm chỉ sợi, bảo thợ dệt không phải thân quyến của mình dệt y giúp.

31- Nếu thí chủ bảo thợ dệt dệt y cho thức xoa ma na, mà trước đó thức xoa ma na chưa nhận lời xin tùy ý, thì không được vì tốt đẹp mà đến nơi thợ dệt bảo dệt cho rộng, dài, bền, tỉ mỉ, ngay thẳng, và hứa trả thêm tiền dầu chỉ đáng giá một bữa ăn.

32- Nếu đem y cho người khác rồi, sau đó không được vì tức giận mà đoạt lại hay bảo người khác đoạt lại.

33- Nếu vì bịnh nên cất sữa tô, dầu, sữa tô tươi, mật, đường phèn, thì được dùng cách đêm trong 7 ngày, không được quá 7 ngày mà còn dùng.

34- Nếu còn 10 ngày nữa hết kiết hạ an cư, có người vì lý do vội vàng mà đem y cúng cho, thì nên nhận, nhận rồi chỉ cất giữ trong thì hạn của y, không được cất giữ nhiều hơn.

35- Nếu biết là vật người ta muốn cúng cho chư tăng thì không được tìm cách xoay lại cúng cho mình.
36- Không được muốn đòi hỏi cái này rồi lại đòi hỏi cái khác.
37- Nếu biết thí chủ cúng cho chư tăng là để làm việc khác, thì mình không được đổi làm những việc khác.
38- Nếu biết thí chủ cúng đồ vật là để làm việc khác, mình kiếm cũng là kiếm cho chư tăng, thì mình không được đổi làm việc khác.
39- Nếu biết thí chủ cúng đồ vật là để làm việc khác, thì không được đổi làm việc khác.
40- Nếu biết thí chủ cúng đồ vật là để làm việc khác, mình kiếm cũng là kiếm cho chư tăng, thì mình không được đổi làm việc khác.
41- Không được cất giữ trường bát dư.
42- Không được cất giữ nhiều đồ màu tốt.
43- Nếu hứa cho người bịnh y thì sau đó nên cho.
44- Không được phi thời y nhận làm thời y.
45- Nếu đổi y với người khác, sau đó không được giận dữ đoạt lại, hoặc bảo người đoạt.
46- Nếu kiếm áo dày thì nên ngang với giá tiền 4 tấm vải mịn, không được quá hơn.
47- Nếu kiếm áo mỏng thì cao lắm cũng chỉ đến giá 2 tấm rưỡi vải mịn, không được quá hơn.

48- Không được cố ý nói dối.
49- Không được chưởi mắng.
50- Không được nói ly gián.
51- Không được ngủ một nhà với người nam.
52- Không được cùng với người nữ chưa thọ đại giới ngủ chung một nhà mà quá 3 đêm.
53- Không được cùng với người chưa thọ đại giới đọc tụng kinh pháp.
54- Nếu biết người khác có tội lỗi nặng thì không được nói với người chưa thọ đại giới.
55- Không được nói những pháp hơn người với người chưa thọ đại giới.
56- Không được nói pháp cho người nam quá năm sáu lời. (Năm là 5 ấm, sáu là 6 căn hay trần, hoặc còn có những lời tương ứng với năm sáu pháp khác. Nếu bên cạnh có người nữ trí thức thì nói quá hơn cũng không phạm).
57- Không được tự tay đào đất hay bảo người đào.
58- Không được hủy hoại thôn xóm của quỉ thần.
59- Không được bày đặt nói quanh để làm người khác bực mình.
60- Không được ghét mắng người khác.
61- Nếu đem đồ của chư tăng như giường dây, giường cây, đồ nằm, nệm ngồi, tự mình sắp ra trên mặt đất trống hay bảo người sắp ra, thì khi đi phải tự xếp cất hay bảo người xếp cất.

62- Nếu sắp đồ nằm của chư tăng ra trong tăng phòng, tự mình sắp ra hay bảo người sắp ra, thì khi đi phải tự xếp cất hay bảo người xếp cất.
63- Nếu biết chỗ của người ở trước, mình đến sau, thì không được trải đồ nằm ra ở giữa mà ngủ nghỉ, ý muốn họ hiềm chật quá mà tự tránh đi.
64- Không được tức giận không vui với người khác, nên trong phòng của chư tăng mà tự lôi họ ra hay bảo người lôi ra.
65- Không được ở trên gác mà nằm ngồi trên giường dây giường cây sút chân.
66- Nếu biết nước có trùng thì không được tự dùng dội trên đất trên cỏ, hay bảo người dội.
67- Nếu làm phòng lớn, có cửa cánh, cửa sổ, và những đồ trang trí khác, thì nên chỉ bảo lợp tranh chừng hai ba bậc, không được quá.
68- Nếu thí chủ cúng một bữa ăn thì, không bịnh, nên ăn 1 bữa, không được quá.
69- Không được ăn riêng tăng chúng.
70- Nếu không bịnh, đến nhà thí chủ, họ xin cúng thức ăn, thì không được nhận quá vài ba bát, và về chùa không được không chia cho các vị khác cùng ăn.
71- Không được ăn đồ cách đêm.
72- Không được thức ăn hay thuốc mình không nhận lời mời mà đã bỏ vào miệng.

73- Nếu trước đã nhận lời mời rồi, thì không được đến giờ bữa ăn trước và bữa ăn sau đi đến nhà khác mà không dặn ni khác.
74- Nếu trong nhà ăn có vật báu thì không được miễn cưỡng ngồi dai.
75- Nếu trong nhà ăn có vật báu thì không được ngồi chỗ khuất.
76- Không được một mình cùng với người nam ngồi chung một chỗ ở đất trống.
77- Nếu hứa trước với người khác cùng đến xóm làng thì kiếm thức ăn cho, nhưng rồi không khuyên cúng thức ăn, lại bảo: tôi với chị ngồi hay nói với nhau một chỗ thì tôi không ưa; tìm cách xua đuổi người ta như vậy thì phạm tội.
78- Nếu thí chủ xin cho thuốc 4 tháng, thì không bịnh cũng nên nhận, nhưng không được nhận quá thì hạn ấy.
79- Không được đi coi quân trận.
80- Nếu có lý do thì được đến trong quân đội tá túc 2 đêm 3 đêm mà không được quá hơn.
81- Khi tá túc trong quân đội 2 đêm 3 đêm thì không được coi quân đội dàn trận, không được coi lực lượng tượng binh diễn tập.
82- Không được giỡn dưới nước.
83- Không được lấy ngón tay thọc léc người khác.

84- Không được không chấp nhận mọi sự khuyên can.
85- Không được dọa cho người ta sợ.
86- Nếu nửa tháng tắm rửa, không bịnh thì nên nhận như vậy, không được quá hơn.
87- Nếu không bịnh thì không được đốt lửa giữa đất trống hay bảo người đốt.
88- Không được tự mình hay bảo người cất giấu vật dụng của người khác như y, bát, đồ ngồi, ống kim, dầu chỉ để giỡn chơi.
89- Nếu tịnh thí y cho người khác rồi, sau đó không hỏi người chủ của y ấy thì không được lấy mặc.
90- Nếu được y mới thì phải nhuộm bằng 3 thứ làm hỏng nguyên màu đi, đó là màu xanh, màu đen, màu nấu vỏ cây mộc lan. Không làm như vậy thì không được dùng.
91- Nếu biết nước có trùng thì không được uống.
92- Không được cố quấy rối người khác, dầu chỉ làm cho họ chốc lát không vui.
93- Nếu biết người có lỗi thì không được che giấu giúp.
94- Nếu biết sự việc tranh cãi đã sám hối đúng phép rồi, thì sau đó không được khơi dậy trở lại.
95- Nếu biết là giặc thì không được cùng đi một đường, dầu chỉ bằng đến thôn xóm.

96- Nếu phát sinh kiến thức ác hại, nói rằng theo tôi biết giáo pháp Phật nói thì hành dâm không phải là sự chướng đạo; nói như vậy mà được can gián thì phải xả bỏ tức khắc.

97- Nếu biết đó là người không chịu xả bỏ kiến thức ác hại và sai lầm, chư tăng chưa tác pháp kiết ma giải tội cho, thì mình không được chứa chấp, ngủ chung.

98- Nếu biết đó là sa di ni có kiến thức ác hại, bị chư tăng trục xuất, thì mình không được chứa chấp, ngủ chung.

99- Nếu khi được can gián đúng phép thì không được nói rằng tôi nay không học giới này, tôi sẽ gạn hỏi vị trì luật nào có trí tuệ.

100- Khi nghe thuyết giới thì không được khinh chê giới pháp, nói rằng thuyết những giới điều vụn vặt ấy làm gì, chỉ làm cho người bực dọc, xấu hổ, thắc mắc mà thôi.

101- Khi nghe thuyết giới thì phải chuyên nhất tâm trí, thâu nhiếp thính giác mà nghe cho kỹ.

102- Nếu cùng tăng chúng cho người ta đồ vật rồi, sau đó không được nói rằng vị đó theo bạn thân nên lấy vật của chư tăng mà cho họ.

103- Nếu chư tăng xử việc chưa xong thì khi đó mình không được giữ dục mà đứng dậy đi ra.

104- Nếu giữ dục rồi sau đó không được hối tiếc.

105- Không được lén nghe tranh cãi rồi sau đó đem lời ấy nói với người khác.
106- Không được tức giận không vui mà đánh người khác.
107- Không được tức giận không vui mà lấy tay tát người khác.
108- Không được tức giận không vui, đem sự vô căn cứ mà phỉ báng người khác.
109- Nếu vua chưa ra khách, chưa cất bảo vật, thì không được vào quá ngưỡng cửa của cung vua.
110- Nếu là vàng ngọc hay đồ trang sức bằng vàng ngọc thì không được cầm giữ hay bảo người cầm giữ.
111- Không được đi vào làng xóm không phải lúc mà không dặn lại ai cả.
112- Nếu làm giường dây giường cây thì chân chỉ cao bằng 8 ngón tay của Phật, không được quá hơn.
113- Không được lấy bông đâu la độn nệm lót giường dây giường cây, hay độn ngọa cụ tọa cụ.
114- Không được ăn hành tỏi.
115- Không được cạo lông 3 chỗ.
116- Nếu dùng nước tác tịnh thì nên giới hạn 2 ngón tay, mỗi ngón 1 đốt, không được quá.
117- Không được dùng những vật như hồ giao làm nam căn.

118- Không được cùng vỗ nhau
119- Nếu khi tỷ kheo không bịnh thì mình không được bưng nước, đứng trước mặt lấy quạt mà quạt.
120- Không được xin lúa hay lúa mạch sống.
121- Không được đại tiểu tiện hay hỷ nhổ trên cỏ tươi.
122- Nếu sáng sớm, không ngó ngoài tường thì không được đổ bỏ đại tiện tiểu tiện.
123- Không được đi xem nghe kỹ nhạc.
124- Không được đi vào làng xóm mà cùng với người nam đứng và nói chuyện ở chỗ khuất.
125- Không được cùng với người nam đi vào chỗ khuất và có vật ngăn che.
126- Không được vào trong làng trong hẻm, bảo bạn đi xa đi, rồi cùng người nam ở chỗ khuất đứng chung và kề tai mà nói.
127- Nếu vào ngồi trong nhà cư sĩ thì không được không nói với chủ nhân mà bỏ đi.
128- Nếu vào trong nhà cư sĩ thì không được không nói với chủ nhân mà ngồi liền trên giường.
129- Nếu vào nhà người, không nói với chủ nhân thì không được tự sắp liền chỗ mà ngồi, ngủ, nghỉ.
130- Không được cùng người nam vào trong nhà tối.
131- Không được không thẩm định lời nói mình tiếp nhận mà đã nói ngay với người khác.

132- Nếu có lý do hay sự việc nhỏ nhặt thì không được thề liền rằng đọa ác đạo, không sinh trong Phật pháp.
133- Không được tranh cãi với người khác vì không khéo nhớ sự việc tranh cãi rồi đấm ngực khóc la.
134- Nếu không bịnh thì không được 2 người nằm chung 1 giường.
135- Không được nằm chung 1 nệm, cùng 1 chăn.
136- Không được vì quấy rối mà tụng kinh, hỏi nghĩa và chỉ dạy trước mặt người ta.
137- Nếu người sống chung bị bịnh thì không được không trông nom.
138- Nếu đầu an cư cho người ta đặt giường trong phòng mình, thì sau đó không được tức giận mà đuổi người ta ra.
139- Không được mùa xuân, mùa hạ, mùa đông, tất cả các mùa đều du hành dân gian.
140- Nếu kiết hạ an cư rồi không được không đi.
141- Không được ngoài khu vực có chỗ nghi là đáng sợ mà vẫn đi vào dân gian.
142- Không được trong khu vực có chỗ nghi là đáng sợ mà vẫn đi vào dân gian.
143- Không được thân thiết với cư sĩ và con cư sĩ, sống chung, rồi làm hạnh bất tùy thuận, can cũng không bỏ.

144- Không được đi coi hoàng cung với điện đường sơn vẽ, vườn rừng hồ tắm.
145- Không được khỏa thân tắm trong nước sông, nước suối, nước hồ.
146- Nếu làm khăn tắm thì phải dài bằng 6 gang tay của Phật, rộng bằng 2 gang rưỡi, không được quá hơn.
147- Không được may y quá 5 ngày.
148- Không được quá 5 ngày không coi sóc y.
149- Không được ngăn cản cúng y cho chư tăng.
150- Nếu không hỏi người chủ thì không được tự tiện mang y của họ.
151- Không được cầm y sa môn mà cho ngoại đạo hay cư sĩ.
152- Nếu chư tăng chia y đúng phép, thì không được ngăn cản vì sợ đệ tử không được phần.
153- Không được có ý thức muốn hưởng lâu 5 sự nên làm cho chư tăng hiện không xả y công đức, để sau sẽ xả.
154- Không được có ý thức muốn hưởng lâu 5 sự nên ngăn cản tỷ kheo ni tăng xả y công đức.
155- Nếu có ni khác nói với, rằng xin diệt trừ sự tranh cãi ấy cho tôi, thì thực thi phương tiện liền mà diệt trừ.
156- Không được tự tay đưa thức ăn cho cư sĩ và ngoại đạo ăn.
157- Không được làm người sai sử cho cư sĩ.

158- Không được tự tay xe chỉ đánh sợi.
159- Nếu vào nhà cư sĩ thì không được ngồi hay nằm trên giường lớn giường nhỏ của họ.
160- Nếu đến nhà cư sĩ ngủ lại thì sáng ngày phải cáo từ chủ nhân mới đi.
161- Không được tụng tập chú thuật của thế tục, hoặc chỉ dạy cho người tụng tập.
162- Nếu biết là người như vậy như vậy thì không được độ cho xuất gia.
163- Không được không có 2 năm theo hòa thượng ni.
164- Nếu tỷ kheo ni tăng kiết hạ an cư rồi, không được không đến giữa tỷ kheo tăng, nói 3 sự thấy, nghe, nghi, để cầu tự tứ.
165- Không được ở chỗ không có tỷ kheo mà kiết hạ an cư.
166- Nếu biết tăng già lam có tỷ kheo thì phải thưa rồi mới vào.
167- Không được mắng tỷ kheo.
168- Không được ưa tranh cãi vì không khéo nhớ sự việc tranh cãi, sau đó giận dữ không vui, mắng cả ni chúng.
169- Nếu thân thể sinh ung nhọt và các thứ ghẻ, mà không bạch trong chúng, không nói với ai, thì không được nhờ người nam mổ hay băng.

170- Nếu trước nhận lời thỉnh mời, ăn đủ rồi, thì sau đó không được ăn thức ăn chính.
171- Không được đối với thầy mình mà sinh tâm ganh ghét.
172- Không được dùng hương liệu mà xoa xát thân thể.
173- Không được lấy cặn dầu mè xoa xát thân thể.
174- Không được bảo người khác xoa xát thân thể.
175- Không được mặc quần lót độn dày.
176- Không được cất chứa đồ trang điểm thân thể phụ nữ.
177- Không được đi mà mang dép da và cầm dù.
178- Không bịnh thì không được đi xe.
179- Nếu không mặc tăng kỳ chi thì không được vào làng xóm.
180- Không được sắp tối mà đến nhà cư sĩ.
181- Không được sắp tối, mở cửa chùa ra đi mà không dặn ni khác.
182- Nếu không việc thì phải tiền an cư, có việc thì phải hậu an cư, không được không an cư.
183- Không được học tập thuật số thế tục để tự mưu sinh.
184- Không được đem thuật số thế tục chỉ dạy cho cư sĩ.
185- Nếu bị trục xuất thì không được không đi.
186- Nếu muốn hỏi nghĩa lý kinh pháp nơi vị tỷ

kheo, thì trước hết phải cầu xin cho phép rồi sau đó mới hỏi.

187- Nếu biết người ở trước mình đến sau, người đến sau mình ở trước, thì không được muốn quấy rối người ta, ở trước mặt họ mà kinh hành, đứng, ngồi, và nằm.

188- Nếu biết là chùa có tỷ kheo thì không được xây tháp nơi chùa ấy.

189- Nếu thấy vị tỷ kheo mới thọ cụ túc giới thì phải đứng dậy, đón rước, cung kính, lễ bái, hỏi han, mời ngồi.

190- Không được vì làm dáng cho đẹp nên đi mà lắc mình rảo bước.

191- Không được dùng đồ trang sức của phụ nữ, dùng hương liệu xoa mình.

192- Không được nhờ nữ nhân ngoại đạo xoa xát hương liệu vào mình.

193- Không được không bịnh mà kiếm để ăn 8 thứ: sữa tô, dầu, mật ong, đường phèn, sữa, sữa lạc, cá, thịt.

194- Nên mặc quần cho tề chỉnh.

195- Nên mặc y cho tề chỉnh.

196- Không được vắt trái y đi vào nhà cư sĩ.

197- Không được vắt trái y ngồi nhà cư sĩ.

198- Không được quấn y nơi cổ vào nhà cư sĩ.

199- Không được quấn y nơi cổ ngồi nhà cư sĩ.

200- Không được trùm đầu vào nhà cư sĩ.
201- Không được trùm đầu ngồi nhà cư sĩ.
202- Không được vừa đi vừa nhảy vào nhà cư sĩ.
203- Không được vừa đi vừa nhảy vào ngồi nhà cư sĩ.
204- Không được ngồi xoạc đùi trong nhà cư sĩ.
205- Không được chống nạnh đi vào nhà cư sĩ.
206- Không được chống nạnh ngồi nhà cư sĩ.
207- Không được lắc mình đi vào nhà cư sĩ.
208- Không được lắc mình ngồi nhà cư sĩ.
209- Không được vung tay đi vào nhà cư sĩ.
210- Không được vung tay ngồi nhà cư sĩ.
211- Khéo che mình kín đáo vào nhà cư sĩ.
212- Khéo che mình kín đáo ngồi nhà cư sĩ.
213- Không được nhìn bên này liếc bên kia đi vào nhà cư sĩ.
214- Không được nhìn bên này liếc bên kia ngồi nhà cư sĩ.
215- Yên lặng vào nhà cư sĩ.
216- Yên lặng ngồi nhà cư sĩ.
217- Không được giỡn cười đi vào nhà cư sĩ.
218- Không được giỡn cười ngồi nhà cư sĩ.
219- Chú ý khi ăn
220- Lấy cơm chỉ ngang miệng bát mà ăn.
221- Cả đồ ăn nữa cũng chỉ lấy ngang miệng bát mà ăn.

222- Đồ ăn và cơm phải lấy tương đương với nhau.
223- Tuần tự mà ăn
224- Không được moi xốc giữa bát mà ăn.
225- Không bịnh thì không được tự hỏi cơm và đồ ăn cho mình.
226- Không được lấy cơm đậy đồ ăn lại để mong có đồ ăn nữa.
227- Không được liếc xem trong bát của người ngồi bên cạnh.
228- Phải để ý nơi bát mà ăn.
229- Không được dồn cơm lớn miệng mà ăn.
230- Không được hả lớn miệng để chờ cơm mà ăn.
231- Không được ngậm cơm mà nói chuyện.
232- Không được nắm cơm ngoài xa ném vào miệng.
233- Không được ăn mà còn sót lại
234- Không được bung má mà ăn.
235- Không được nhai ra tiếng mà ăn.
236- Không được hớp cơm mà ăn.
237- Không được le lưỡi liếm mà ăn.
238- Không được rảy tay mà ăn.
239- Không được lượm cơm rơi mà ăn.
240- Không được tay dơ cầm đồ đựng thức ăn
241- Không được đổ nước rửa bát trong nhà cư sĩ.
242- Không được đại tiện tiểu tiện, hỷ nhổ vào nước sạch

243- Không đứng mà đại tiện tiểu tiện
244- Không được thuyết pháp cho người vắt áo lên vai, không cung kính
245- Không được thuyết pháp cho người quấn áo nơi cổ
246- Không được thuyết pháp cho người che đầu
247- Không được thuyết pháp cho người trùm đầu
248- Không được thuyết pháp cho người chống nạnh
249- Không được thuyết pháp cho người mang dép da
250- Không được thuyết pháp cho người mang guốc gỗ
251- Không được thuyết pháp cho người cưỡi ngựa
252- Không được ngủ nghỉ trong tháp Phật, trừ ra để coi giữ.
253- Không được cất giấu của cải trong tháp Phật, trừ ra để cho chắc chắn.
254- Không được mang dép da vào trong tháp Phật.
255- Không được cầm dép da vào trong tháp Phật.
256- Không được mang dép da đi nhiễu quanh tháp Phật.
257- Không được mang giày ủng vào trong tháp Phật.
258- Không được cầm giày ủng vào trong tháp Phật.

259- Không được ngồi ăn nơi tháp Phật mà xả rác và thức ăn làm dơ đất.
260- Không được khiêng thây chết đi qua tháp Phật.
261- Không được chôn thây chết nơi tháp Phật.
262- Không được đốt thây chết nơi tháp Phật.
263- Không được hướng về tháp Phật mà đốt thây chết.
264- Không được đốt thây chết bốn phía tháp Phật để hơi hôi bay vào.
265- Không được mang áo và giường người chết đi qua tháp Phật, trừ ra đã giặt, nhuộm và xông hương.
266- Không được đại tiện tiểu tiện nơi tháp Phật.
267- Không được hướng về tháp Phật mà đại tiện tiểu tiện.
268- Không được đại tiện tiểu tiện bốn phía tháp Phật để hơi thối bay vào.
269- Không được mang ảnh tượng của Phật đến chỗ đại tiện tiểu tiện.
270- Không được ở nơi tháp Phật mà xỉa răng.
271- Không được hướng về tháp Phật mà xỉa răng.
272- Không được bốn phía tháp Phật mà xỉa răng.

273- Không được nơi tháp Phật mà hỷ mũi khạc nhổ.

274- Không được hướng về tháp Phật mà hỷ mũi khạc nhổ.
275- Không được bốn phía tháp Phật mà hỷ mũi khạc nhổ.
276- Không được ngồi duỗi chân trước tháp Phật.
277- Không được để tượng Phật ở phòng dưới còn mình ở phòng trên.
278- Người ngồi mà mình đứng thì không được thuyết pháp cho họ
279- Người nằm mà mình ngồi thì không được thuyết pháp cho họ
280- Người ngồi ghế mà mình ngồi chỗ không phải ghế thì không được thuyết pháp cho họ
281- Người ngồi chỗ cao mà mình ngồi chỗ thấp thì không được thuyết pháp cho họ
282- Người đi trước mà mình đi sau thì không được thuyết pháp cho họ
283- Người ở chỗ kinh hành cao mà mình ở chỗ kinh hành thấp thì không được thuyết pháp cho họ
284- Người đi giữa đường mà mình đi lề đường thì không được thuyết pháp cho họ
285- Không được dắt tay nhau mà đi đường.
286- Không được trèo cây cao quá đầu người
287- Không được đựng bát vào đãy, xâu vào đầu tích trượng rồi vác trên vai mà đi.

288- Người cầm gậy, không cung kính, thì không được thuyết pháp cho họ
289- Người cầm kiếm thì không được thuyết pháp cho họ
290- Người cầm mâu thì không được thuyết pháp cho họ
291- Người cầm dao thì không được thuyết pháp cho họ
292- Người che dù thì không được thuyết pháp cho họ

(Một số giới ở trên nếu trường hợp bệnh sẽ được khai duyên)*

3. Vai Trò Và Tác Động

Giới thức xoa ma na đóng một vai trò quan trọng trong truyền thống Phật giáo, đặc biệt là trong cộng đồng nữ tu. Đây là thời gian giúp họ rèn luyện đạo đức và kiểm soát tâm trí, trau dồi tính kỷ luật, sự kiên nhẫn và khả năng tự quán chiếu. Thức-xoa-ma-na được đào tạo để chuẩn bị cho đời sống tu hành nghiêm túc và kiên trì hơn khi họ trở thành Tỳ kheo ni. Đây là bước chuyển tiếp quan trọng trong quá trình phát triển tâm linh và cam kết của họ trên con đường giải thoát.

Thông qua việc tu học và rèn luyện này mà những tân Tỳ kheo ni sẽ đóng góp vào việc xây

dựng và duy trì một cộng đồng tu hành hòa hợp và hỗ trợ lẫn nhau, biết học cách sống chung, hợp tác và giúp đỡ nhau trong các hoạt động hàng ngày cũng như trong quá trình tu học. Việc trải qua giai đoạn Thức xoa ma na giúp các nữ hành giả chuẩn bị về mặt tinh thần và tâm lý cho những thách thức và trách nhiệm lớn hơn khi trở thành Tỳ kheo ni. Họ phải học cách đối mặt với khó khăn, duy trì sự tĩnh lặng và bình an trong tâm hồn.

Thức-xoa-ma-na cũng có vai trò trong việc học hỏi và thực hành giáo pháp, sau đó truyền bá những kiến thức này cho người khác. Họ có thể giảng dạy và hướng dẫn chúng sanh, góp phần vào việc lan tỏa những giá trị và nguyên lý từ lời Phật dạy. Đây còn là thềm bậc, nấc thang để các Thức xoa ma na phát triển lòng từ bi và sự hiểu biết sâu sắc về khổ đau của chúng sinh. Điều này giúp họ trở thành những người tu hành có lòng nhân ái và sẵn sàng giúp đỡ mọi người xung quanh.

Trong môi trường tu tập ngày nay, thời gian thực hành giới thức xoa ma na là cơ hội để các tu sĩ tập sự học hỏi thêm về giới luật, kinh điển, và các nghi thức trong chùa. Họ cũng được hướng dẫn cách cư xử, tu tập và hòa hợp với nếp sống thiền môn, nó giúp nâng cao chất lượng tu hành, phẩm chất đạo

đức, từ đó góp phần quan trọng trong việc duy trì và phát triển truyền thống tu học của Phật giáo, giúp truyền đạt các giá trị và nguyên tắc đạo đức từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Nói đúng hơn, đây là giai đoạn tạo dựng nền tảng tâm linh và giới luật vững chắc giúp cho những ni chúng sơ cơ học được cách quản lý bản thân và hỗ trợ người khác trong quá trình tu học. Điều này rất hữu ích khi họ đảm nhận các vị trí trách nhiệm trong tự viện sau này. Các tu sĩ đã thọ giới cụ túc và đã trải qua giai đoạn giới thức xoa ma na thường trở thành những tấm gương tốt cho các thế hệ tu sĩ sau này, nhờ vào kinh nghiệm và sự trưởng thành mà họ đã tích lũy được trong 2 năm học giới.

Cuối cùng, nhờ quá trình học hỏi và thực hành trong giai đoạn giới Thức xoa ma na, ni chúng tập sự có thể tránh được nhiều sai lầm và lạc lối khi bước vào cuộc sống tu hành chính thức. Họ đã được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để đối mặt với những thử thách và cám dỗ trong cuộc sống tu hành.

Giới thức-xoa-ma-na đóng một vai trò quan trọng trong quá trình tu học của các tu sĩ Phật giáo. Nó không chỉ giúp chuẩn bị về mặt tâm lý

và kiến thức cho các tu sĩ tập sự mà còn góp phần duy trì và phát triển truyền thống Phật giáo, nâng cao chất lượng tu hành và tạo sự ổn định trong nếp sống Tăng đoàn. Từ đó, giới Thức xoa ma na tạo ra những tu sĩ có phẩm chất đạo đức và tâm linh cao, trở thành những tấm gương sáng và người lãnh đạo có trách nhiệm trong tương lai.

Chương VII

Tỳ-kheo Giới
(Bhikṣu Pātimokkha Sīla)

1. Giới Thiệu

Tỳ-kheo (比丘) tiếng Pali: bhikkhu, tiếng Sanskrit: bhikṣu; có 4 nghĩa chính:

Khất sĩ (乞士): Trên cầu giáo pháp của chư Phật, dưới xin những thực phẩm của thế gian để sống.

Kinh Bảo Ngũ ghi rõ mười điều khi đi khất thực cần phải thực hiện:

1- Nhiếp thọ các loài hữu tình,
2- Khất thực theo thứ lớp, không phân biệt giàu nghèo,
3- Không mệt mỏi, không nhàm chán hạnh khất thực,
4- Biết đủ, không khất thực nhiều và mong có được món ăn ngon,
5- Chia thức ăn nhận được thành bốn phần: để

ăn, cho các vị đồng tu, bố thí người bần cùng, bố thí chúng sanh trong đường ác,

6- Không tham luyến thức ăn,
7- Ăn chừng mực để duy trì sức khỏe,
8- Thể hiện phẩm chất cao đẹp
9- Vun bồi thiện căn,
10- Xa lìa ngã chấp.

Trong Kinh Đại Bảo Tích ghi rằng: "Đức Phật bảo Trưởng lão Đại Ca Diếp: "Thế nào là Tỳ Kheo khất thực?

Nầy Đại Ca Diếp! Nếu có Tỳ Kheo trước an trụ bổn thệ: Tôi y khất thực xuất gia, nay tôi an trụ bổn thệ: Tỳ Kheo ấy chuyên niệm có hay không dua vạy, lìa tất cả thỉnh thực, lìa tất cả sự cúng dường trong Tăng chúng mà vững tự trang nghiêm. Ở trong tất cả vị, Tỳ Kheo khất thực chẳng nên quan niệm hảo vị. Với thượng diệu vị, Tỳ Kheo ấy nên khuyên nhủ lòng mình mà suy nghĩ rằng: Tôi như Chiên Đà La, phải thanh tịnh thân tâm mà chẳng nên tịnh ăn uống. Tại sao? Vì món ngon được ăn xong sẽ thành vật dơ thúi, tôi chẳng nên cầu món ăn ngon. Tỳ Kheo ấy điều phục tâm mình rồi, hoặc vào thành ấp tụ lạc thứ đệ khất thực chẳng nên quan niệm nam tử thí cho tôi chẳng phải nữ nhơn, hay nữ nhơn thí cho tôi chẳng phải nam tử, đồng

nam thí chẳng phải đồng nữ hay đồng nữ thí chẳng phải đồng nam, nên được đồ ăn tốt chẳng phải xấu, nên được đồ ăn ngon chẳng phải dở, nên cố ý thí cho chẳng phải chẳng cố ý cho, nên dễ được chẳng phải khó được, nên mau được chẳng phải chẳng mau, nên được cung kính chẳng phải chẳng kính trọng, nên được đồ ăn mới chẳng phải cũ, nên được đồ ăn của nhà giàu chẳng phải của nhà nghèo, mọi người đến tiếp rước tôi. Tất cả pháp bất thiện trên đây, Tỳ Kheo khất thực chẳng nên tư duy, phải tự trang nghiêm như vậy, đây là pháp thông thường được hành trì của Tỳ Kheo khất thực.

Lúc khất thực dù được hay không được, Tỳ Kheo ấy chớ nên sanh lòng ưu hỉ, cũng chẳng quan niệm đồ ăn tốt hay xấu. Tại sao? Vì có nhiều chúng sanh tham trước món ăn ngon, do đây mà tạo ác nghiệp rồi đọa ác đạo. Nếu là người tri túc thì nên bỏ đồ ăn tốt mà thọ món xấu, trừ lưỡi dính món ăn, trong lòng luôn tri túc, được món ăn cực xấu cũng tri túc. Người ấy nếu mạng chung sẽ sanh cõi trời hay trong loài người, sanh cõi trời rồi được ăn món ngon cõi trời.

Nầy Đại Ca Diếp! Tỳ Kheo khất thực như vậy rời lìa mến luyến món ăn mà điều phục tâm mình, dầu cả bảy ngày phải ăn đậu ăn củ cũng chẳng sanh lòng lo phiền. Tại sao? Vì vừa đủ nuôi sống thôi.

Nay tôi được ăn rồi để đủ hành đạo, vì để hành đạo mà tôi ăn vậy.

Nầy Đại Ca Diếp! Tỳ Kheo khất thực được phần ăn rơi vào trong bát, được món ăn đúng pháp, được lợi dưỡng đúng pháp, nên cùng Tỳ Kheo phạm hạnh ăn chung phần ăn ấy.

Tỳ Kheo khất thực có lúc phải bịnh không có người giúp việc, không thể đi khất thực, thì nên điều phục tâm mình như vầy: Tôi cô độc không bạn một thân xuất gia, chánh pháp là bạn tôi, tôi phải nhớ đến chánh pháp, nay tôi có bịnh khổ như lời đức Thế Tôn dạy: Tỳ Kheo phải nhớ pháp. Những pháp tôi đã được nghe tôi phải khéo suy gẫm. Thế nào là khéo suy gẫm? Quán thân đúng thiệt. Quán thân đúng thiệt rồi, nếu là người có trí huệ thành tựu nhứt tâm có thể được sơ thiền, được vui sơ thiền, hoặc một ngày đến bảy ngày dùng thiền duyệt làm món ăn tâm được hoan hỉ.

Hành pháp như vậy, nếu Tỳ Kheo bịnh ấy chẳng được thiền thì nên siêng tu hành an trụ trong thiện pháp có nhiều người hay biết, chư Thiên, Long, Quỉ, Thần đưa món ăn đến cho, đây là báo lìa khổ ách vậy.

Nầy Đại Ca Diếp! Nếu Tỳ Kheo khất thực gặp trời mưa lớn hoặc gió bụi nhiều chẳng đi khất thực được, bấy giờ dùng từ tâm làm món ăn để tự trang

nghiêm, nơi pháp được tu nên an trụ tư duy. Nếu đến hai đêm ba đêm mà chưa được ăn thì nên nghĩ rằng: Có nhiều chúng sanh đọa vào loài ngạ quỉ, vì họ gây nghiệp ác, bị đói khổ bức thiết đến cả trăm năm không nuốt được chút nước miếng. Nay tôi an trụ trong các pháp môn, dầu thân tâm yếu kém, tôi vẫn chịu được đói khát siêng tu thánh đạo chẳng nên thối chuyển.

Nầy Đại Ca Diếp! Tỳ Kheo khất thực chẳng nên thân cận người tại gia những nam tử, nữ nhơn, đồng nam, đồng nữ.

Nếu Tỳ Kheo khất thực bảo người tại gia lựa bỏ những vật bất tịnh, nên ngồi tại chỗ mà thuyết pháp cho họ đến lúc món ăn đã tịnh rồi lại thọ món ăn đứng dậy đi.

Nầy Đại Ca Diếp! Tỳ Kheo khất thực chẳng nên tự hiện dua vậy. Thế nào là tự hiện dua vạy?

Nếu Tỳ Kheo vì người mà nói rằng: Nay tôi xin được món ăn xấu dở lại còn chẳng đủ cùng nhiều người ăn chung, tôi ăn ít nay tôi đói khát thân thể yếu kém. Đây là tự hiện dua vạy, mà Tỳ Kheo khất thực phải xa lìa.

Nầy Đại Ca Diếp! Tỳ Kheo khất thực đối với tất cả sự phải sanh tâm xả bỏ. Những món ăn rơi vào bát hoặc tốt, xấu, ngon, dở, tịnh, bất tịnh, nhiều ít,

tất cả đều nên thọ lòng không ưu hỉ, thường gìn tâm thanh tịnh quán các pháp tướng, vừa đủ nuôi thân để hành thánh đạo mà thọ món ăn vậy.

Nầy Đại Ca Diếp! Tỳ Kheo khất thực, hoặc lúc vào thành ấp tụ lạc thứ đệ khất thực bát không trở về, thì nên nhớ đức Như Lai có oai đức lớn xả bỏ ngôi Chuyển Luân Vương đi xuất gia dứt tất cả pháp ác thành tất cả pháp lành, Ngài vào xóm khất thực còn có lúc bát không trở về, huống là tôi bạc phước chẳng trồng căn lành mà chẳng được bát không trở về ư! Vì lẽ ấy mà chẳng nên sanh lòng lo phiền. Tại sao? Vì chẳng trồng căn lành thì chẳng bao giờ được món ăn tốt món ăn xấu. Hoặc giả tôi chẳng được món ăn là tự có ma hay ma sai sử hay ma che ngăn các Bà La Môn cư sĩ khiến tôi khất chẳng được. Tôi nên siêng tu rời lìa tứ ma dứt tất cả phiền não. Nếu tôi siêng tu đạo pháp như vậy thì chẳng phải ma Ba Tuần hay sứ của ma mà có thể làm lưu nạn được.

Nầy Đại Ca Diếp! Tỳ Kheo khất thực nên thọ trì thánh chủng như vậy".[1]

---

1 Hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch, Kinh Đại Bảo Tích, Pháp hội Bửu Lương Tụ thứ bốn mươi bốn, Phẩm Tỳ kheo khất thực thứ sáu.

- **Bố ma** (怖魔): Luận Đại Trí Độ[2] quyển 3 nói: "Tỷ gọi là bố; khưu gọi là năng, tức tỉ khưu là người cạo tóc xuất gia, mặc áo nhuộm, nhận tịnh giới, có khả năng làm cho vua ma và dân ma sợ hãi. Tại sao phải sợ? Vua ma nói: Người ấy ắt được vào Niết bàn. [X. Pháp hoa nghĩa sớ (Cát Tạng) Q.1]. (xt. Tỉ khưu)"[3].
- **Tịnh giới (**淨戒): Giới luật thanh tịnh, phạm hạnh.
- **Phá phiền não** (破煩惱) hoặc phá ác (破惡): Phá bỏ các phiền não, đoạn trừ mọi ác pháp.

Tại một số quốc gia, đặc biệt là ở Thái Lan, những thanh niên trước khi lập gia đình thường vào chùa xuất gia và thọ giới trong thời gian ngắn hạn 3 tuần, 1 tháng, 3 tháng hoặc 1 năm hay 3 năm v.v… sau đó hoàn tục. Cũng có những người đã có gia đình nhưng phát tâm vào chùa xuất gia thọ giới một thời gian ngắn rồi trở về lại gia đình. Theo truyền thống của Phật giáo Nam tông, một vị tỳ kheo có quyền thọ giới và xả giới Tỳ kheo 7 lần.

---

2 *Mahàprajnàparamitàsatra,* Nàgàrjuna (Long Thọ)

3 Từ Điển Phật Học Online: 梵語 bhikṣu（比丘）之意譯。因比丘必得入於涅槃，而令魔王及魔人民怖畏，故稱怖魔。大智度論卷三（大二五・八〇上）：「比名怖，丘名能，能怖魔王及魔人民。當出家剃頭、著染衣、受戒，是時魔怖。何以故怖?魔王言：『是人必得入涅槃。』〔法華義疏（吉藏）卷一〕（參閱「比丘」1479

2. Chi Phần

2.1. Những Giới Luật Cụ Thể Mà Chư Tỳ-kheo Nam Tông (Theravada) Thọ Trì

Giới bổn Tỳ-kheo (Bhikkhu Pāṭimokkha) bao gồm **227 quy tắc** hướng dẫn các Tỳ-kheo (Bhikkhu) và là nền tảng căn bản của Luật Tạng. Tăng Đoàn đối chiếu một cách tỉ mỉ và tinh cần hành trì những quy tắc này, làm nền tảng cho một loạt các hành vi và hoạt động cần thiết để duy trì trật tự thanh tịnh và hòa hợp. Trong lễ Bố tát (Uposatha) hai lần một tháng, chư Tăng đọc các giới luật (Pāṭimokkha) để nhắc nhở họ về hành vi đạo đức của mình và cho họ cơ hội sám hối và tái cam kết những lời nguyện của mình. Việc lặp lại thường xuyên các quy tắc nhấn mạnh tầm quan trọng của chúng, bảo đảm sự cảnh giác thường xuyên về việc tuân thủ chúng. Căn cứ vào mức độ vi phạm và các biện pháp kỷ luật tương ứng, 227 giới tạo nên bởi Giới bổn (Pāṭimokkha) thì Bốn Ba-la-di (parajikas) là nghiêm trọng nhất sẽ dẫn đến việc trục xuất khỏi Tăng đoàn ngay lập tức và không thể thay đổi được.

Những hành vi phạm trọng tội như vậy (4 Ba-la-di) giống như người đã bị chặt đầu không thể nào sống lại. **Bốn Ba-la-di** gồm có: *Dâm dục, Trộm cắp, Sát nhân* và *Vọng ngữ*. Tinh thần đằng sau các

quy định là để duy trì phẩm giá và sự tin cậy trong Tăng đoàn. Bất kỳ sự vi phạm nào đối với những quy định này đều không thể khắc phục được, thường dẫn đến việc cá nhân Tỳ-kheo ấy bị trục xuất vĩnh viễn khỏi Tăng Đoàn, không được sống chung.

Mười ba (13) pháp Tăng Tàn (saṃghādisesas; Tăng-già-bà-thi-sa) có nghĩa là dù phạm tội nhưng vẫn còn có thể cứu vãn, giống như cái đầu chưa bị chặt đứt hẳn. Trong 13 Tăng Tàn, 9 giới đầu nếu làm lần đầu tiên là phạm; 4 giới sau nếu 3 lần can gián mà không từ bỏ thì phạm. Trong trường xuất tội (xả tội) cho một vị Tỳ-kheo có tội thì phải có đủ 20 vị Tỳ-kheo. Mười ba (13) loại vi phạm này bao gồm những hành vi như:

1- Cố ý xuất tinh
2- Xúc chạm thân người nữ,
3- Nói lời dâm dục với người nữ,
4- Khuyến dụ người nữ cung phụng dâm dục
5- Làm mai mối
6- Tự khất cầu để xây dựng thất không đúng lượng định,
7- Có thí chủ xây dựng tinh xá nhưng không thỉnh chư Tăng đến quyết định nơi chốn
8- Giận hờn vu khống vị khác phạm Ba-la-di để hủy hoại phạm hạnh của Tỳ-kheo khác

9- Vì giận hờn dựa vào tiểu tiết không phải Ba-la-di để vu khống Tỳ-kheo khác
10- Phá hòa hợp Tăng
11- Kết bè kết đảng, nói lời phi pháp phá hòa hợp Tăng
12- Sống trong làng ấp làm hoen ố nhà người
13- Ngoan cố không nghe những lời khuyên can đúng pháp

Các Tỳ-kheo vi phạm các quy định trong 13 giới Tăng Tàn sẽ phải đối mặt với luật biệt chúng một thời gian để sám hối trước khi họ có thể được phục hồi giới luật chính thức. Quá trình này nhấn mạnh trách nhiệm chung trong việc duy trì đạo đức và trách nhiệm giải trình thông qua việc nhận tội công khai và các biện pháp kiểm tra khác. Những quy tắc này chủ yếu ưu tiên cho sự thanh tịnh, hòa hợp và trách nhiệm tập thể trong Tăng đoàn, bảo đảm việc xử lý chung các vi phạm giới luật. Nếu có tỳ-kheo nào phạm tội thì phải cưỡng chế ở riêng tức biệt chúng (*ba-lợi-bà-sa*), biệt chúng xong thì phải thêm 6 đêm Ý hỷ (*Ma-na-đỏa*) tức là đã tâm hoan hỷ thanh tịnh sau đó mới làm phép xả tội (xuất tội). Khi làm phép xả tội thì phải ở giữa 20 vị Tỳ-kheo.

Hai (2) giới Bất Định (aniyatas):

1- Cùng với người nữ ngồi ở chỗ khuất có thể hành dâm, nói lời phi pháp;
2- Cùng với người nữ ở chỗ trống trải, không thể hành dâm, nói lời thô ác.

Nếu Tỳ-kheo phạm 2 giới bất Định thì cần phải như pháp xử trị.

Ba mươi (30) giới Xả đọa (Nissaggiyà Pàcittiya) tức Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề liên quan đến những sai phạm do cất chứa vật dụng không đúng giới luật như Cất chứa y dư, thọ nhận y từ Tỳ-kheo-ni không phải là thân quyến, xin y từ cư sĩ không phải thân quyến… đã biết vật thuộc của Tăng nhưng tìm cách giữ lấy, cần phải xả hết tức là cúng dường những vật dụng ấy cho chúng Tăng.

Chín mươi hai (92) giới Ba-dật-đề còn được gọi là **Tội** Đọa (Pàcittiya) là những quy tắc đòi hỏi phải nhận tội trực tiếp đối với các loại tội nặng nhẹ khác nhau. Những quy định này bao gồm các hành vi như nói lời nhục mạ, nói lời ly gián, ngủ đêm chung nhà với người nữ, ngủ đêm chung nhà với người chưa thọ giới, tụng giới với chưa thọ đại giới, phá hoại mầm sống của cỏ cây v.v… Các quy tắc Hướng Bỉ Hối (Pàtidesaniyà), yêu cầu sự thừa nhận bằng lời nói đối với một số hành vi vi phạm

nhất định, chẳng hạn như việc nhận thức ăn một cách bất hợp pháp. Chín mươi hai nguyên tắc như vậy nhấn mạnh tầm quan trọng của trách nhiệm giải trình và tính minh bạch trong các hoạt động tương tác thường lệ.

Bốn (4) giới Hướng Bỉ Hối (Pàtidesaniyà), phạm tội này cần phải hướng tới một vị Tỳ kheo khác để sám hối.

Bảy mươi lăm (75) quy tắc Chúng Học (sekhiya) nhấn mạnh nhiều vào việc rèn luyện nghi thức và hành vi đúng đắn. Những giới luật này dạy cho các tu sĩ cách sống chu đáo và tôn trọng bên cạnh người khác. Những lĩnh vực đó bao gồm cách mặc áo cà sa đúng cách, bữa ăn với đầy đủ năng lực chánh niệm, thanh tịnh và oai nghi tế hạnh trang nghiêm ở những nơi riêng tư và công cộng.

Thông qua những quy ước như vậy, các tu sĩ có thể tạo ra một môi trường được đánh dấu bằng sự tôn trọng và tỉnh giác trong giao tiếp của họ, do đó củng cố các yếu tố tu tập và đạo đức trong hạnh nguyện tế vật lợi sanh của họ một cách tốt đẹp. Một bầu không khí tôn trọng và chú ý trong giao tiếp củng cố các khía cạnh đạo đức và mục tiêu tối hậu của các người xuất gia.

Bảy (7) pháp Diệt tránh (Adhikarana Samatha). Giới luật giải quyết các tranh chấp một cách khách quan bằng cách áp dụng các quy tắc adhikarana samatha, là những hướng dẫn giải quyết tranh chấp. Khung pháp lý này có thể giải quyết một cách thân thiện các tranh chấp về tài sản, hành vi sai trái và nhiều vấn đề khác trong Tăng đoàn. Bằng cách tuân theo những giới luật này, Tăng đoàn có thể đạt được sự hòa hợp trong và niềm tin tuyệt đối vào giới luật là nền tảng của công lý bình đẳng. Các cơ chế giải quyết xung đột trong lối sống Tăng đoàn nói rõ và làm sáng tỏ các xung đột, phản ánh đạo đức tốt và sự lãnh đạo Tăng đoàn một cách rõ ràng và công bằng.

Các nguyên tắc cơ bản của giới bổn (pātimokkha) nhấn mạnh rằng sống một cuộc sống trong sạch bao gồm sự trong sạch về tinh thần trong lời nói, hành động và ý nghĩ. Ví dụ, một trong 92 điều luật Hướng bỉ hối hay Ưng đối trị (pācittiya), chẳng hạn như không nói dối, cho thấy sự ngay thẳng và trung thực về mặt đạo đức quan trọng như thế nào khi ứng xử với người khác. Việc tránh những hành động bất thiện như làm ô nhiễm môi trường hay sát hại sinh vật có nghĩa là tuân thủ bất bạo động và tôn kính sự sống. Các quy tắc đạo đức trên có

tính chất quy định cũng như bị cấm đoán vì trên thực tế, chúng khuyến khích hành vi tích cực phù hợp với lời dạy của Đức Phật về chánh niệm, từ bi và trí tuệ. Bằng cách này, thông qua các nguyên tắc nêu trên, các Tăng sĩ trau dồi những thuộc tính quan trọng cho sự phát triển tuệ giác siêu việt của họ và mang lại lợi ích cho Tăng đoàn một cách to lớn hơn.

Kết quả là, ý nghĩa của những quy tắc như vậy vượt ra ngoài phạm vi cá nhân và liên hệ mật thiết đến nếp sống Tăng Đoàn của các Tăng sĩ, cũng như tính bình thường của việc trở thành tín đồ của những Phật tử tại gia. Sự minh họa như vậy về hành vi đạo đức của Tăng sĩ liên quan đến giới bổn (pātimokkha) nhấn mạnh tầm quan trọng của kỷ luật đạo đức trên con đường giải thoát giác ngộ, đặc biệt là đối với Cư sĩ. Các tín đồ tại gia thường phát tâm cúng dường, hỗ trợ Tăng đoàn và hành vi đạo đức, phạm hạnh của các Tăng sĩ truyền cảm hứng cho sự tin tưởng và tôn trọng, bảo đảm hơn nữa sự tương tác thiết yếu giữa những người con Phật. Vì vậy, đạo đức do giới bổn (pātimokkha) cung cấp góp phần vào sự ổn định và gắn kết của toàn thể cộng đồng Phật giáo, cho dù đó là Tăng sĩ hay Cư sĩ.

Các loại giới của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni theo truyền thống Nam tông gồm có:

1- Ba-la-di (波羅夷法; Pārājika) còn gọi là Bất cộng trụ. Tỳ-kheo thọ 4 giới; Tỳ-kheo-ni thọ 8 giới
2- Tăng Tàn (僧殘; Sanghàdisesa), Tỳ-kheo: 13; Tỳ-kheo-ni: 17
3- Bất Định (不定法; Aniyatà) Tỳ-kheo: 2
4- Xả đọa (捨墮法; Nissaggiyà Pàcittiya) còn gọi là Ưng xả đối trị. Tỳ-kheo: 30, Tỳ-kheo-ni: 30
5- Tội Đọa hay Đơn Đọa (單墮法; Pācittiya) còn gọi là Ưng đối trị. Tỳ-kheo: 92, Tỳ-kheo-ni: 166
6- Hướng Bỉ Hối hay Đề-xá-ni (四提舍尼法; Pāṭidesanīya) còn gọi là Ưng phát lộ. Tỳ-kheo: 4; Tỳ-kheo-ni: 8
7- Chúng Học Pháp (衆學法; Sekhiya) còn gọi là Ưng học pháp. Tỳ-kheo: 75; Tỳ-kheo-ni: 75
8- Diệt Tránh (滅諍法; Adhikarana Samatha), Tỳ-kheo: 7; Tỳ-kheo-ni 7

Tổng Cộng: **Tỳ-kheo thọ 227 giới. Tỳ-kheo-ni thọ 311**.

2.2. Những Giới Luật Cụ Thể Mà Chư Tỳ-kheo Bắc Tông Thọ Trì

Chư Tỳ-kheo Bắc Tông (Mahayana) thường thọ trì 250 giới do Đức Phật chế định và được ghi rõ trong **Tứ Phần Luật** (四分律).

Nội dung của luật Tứ Phần bao gồm có ba phần chính:

- Phần Tựa
- Chánh Tông
- Lưu Thông.

Phần tựa mục đích tăng trưởng đức tin và cấu trúc bằng một bài kệ gồm Năm tụng ngôn tổng cộng 46 câu rưỡi là để tăng trưởng đức tin và câu "Như Lai tự biết thời" trở lên là lời tựa nhập môn, mô tả nhân duyên về lời thỉnh cầu Đức Phật Kiết giới của Tôn giả Xá Lợi Phất.

Phần chính tông bao gồm giới của **Nhị bộ** (Tăng và Ni) và hai mươi **Kiền độ**.

Trong số giới của Nhị bộ, đầu tiên là giới bổn Tỳ-kheo (Bhikkhu pātimokkha) từ quyển 1 đến quyển 21 bao gồm:

- Bốn (4) ***Ba-la-di*** (波罗夷, Pārājika, the four grave offenses)

- Mười ba (13) ***Tăng tàn*** (Tăng-dà-bà-di-sa (僧伽婆尸沙, Saṅghādisesa, the thirteen crimes against the saṃgha)
- Hai (2) ***Bất định*** (不定, aniyata, the two indeterminates);
- Ba mươi (30) ***Xả Đọa*** (舍堕法); Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề (尼萨耆波逸提, Nissaggiya-pācittiyā, the thirty offenses requiring expatiation and forfeiture);
- Chín mươi (90) ***Ba-dật-đề*** (波逸提, Suddha-pācittiyā, the ninety offenses requiring expatiation);
- Bốn (4) ***Ba-la-đề-đề-xá-ni; Hối quá*** (波罗提提舍尼,悔过; Pāṭidesanīya, the four offenses regarding meals);
- Một trăm (100) ***pháp Chúng học*** (眾學法, Sekhiyā, the hundred admonishments for polishing conduct);
- Bảy (7) ***pháp Diệt tránh*** (滅諍法, Adhikaraṇasamathā, the seven methods for resolving disputes).
- **Tổng cộng có 250 giới**.

Mỗi giới đều giải thích nguồn gốc phụ thuộc của nó: vì lý do gì mà kiết giới; duyên khởi vì người: vì ai kiết giới; sự thiết lập giới: quá trình Đức Phật kiết giới và các giới đã được kiết; sự phân biệt về những giới được chế định: giải thích các điều khoản và phán đoán đúng sai: điều gì là đúng và sai; phán đoán xem một tội phạm có phải là tội phạm hay không và mức độ nghiêm trọng của tội phạm.

Mỗi phần kết thúc một giới có **mười cú nghĩa** (十句義), đó là: 1. Nhiếp thủ vào Tăng; 2. Làm cho Tăng hoan hỷ; 3. Làm cho Tăng an lạc; 4. Người chưa tin khiến tin; 5. Làm cho người đã tin khiến tăng trưởng; 6. Những người khó điều thuận, được điều thuận; 7. Làm cho những người xấu hổ (tàm quý) tìm thấy an lạc; 8. Dứt bỏ sự hữu lậu hiện tại; 9. Dứt bỏ hữu lậu trong tương lai; 10. Chánh pháp được cửu trụ[4].

Có Thập cú nghĩa khác mà Thắng Luận Học Phái (勝論學派; S: Vaiśesika） do Huệ Nguyệt (慧月; S: Maticandra) chủ trương, cho rằng thực thể, thuộc tính và nguyên lý sinh diệt của tất cả các

4 Trong các bộ như: Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da (說一切有部毘奈耶), Ngũ Phần Luật (五分律), Thập Tụng Luật (十誦律) v.v… đều có ghi rõ Thập cú nghĩa: 攝取於僧,令僧歡喜,令僧安樂，未信者信，已信增長，難調者調，慚愧者安，斷現有漏，斷當來有漏，令正法久住.

pháp, có thể được hiển thị trong mười phạm trù có tên gọi là Thập cú nghĩa đó là: Thật, Đức, Nghiệp, Đồng, Dị, Hòa hợp, Hữu, Vô năng, Cụ phân, Vô thuyết.[5]

Kế đến là các giới luật của Tỳ-kheo-ni (bhikshuni). Từ quyển 22 đến quyển 30 bao gồm: 8 Ba-la-di (波罗夷); 17 Tăng-già-bà-thi-sa (僧伽婆尸沙); 30 Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề (尼萨耆波逸提); 178 Ba-dật-đề (波逸提); 8 Ba-la-đề-đề-xá-ni (波罗提提舍尼); 100 pháp Chúng học (眾學法); 7 pháp diệt tránh(滅諍法). Tổng cộng 348 giới.

20 Kiền độ: Kiền độ chữ Sankrist là Khaṇḍa, chữ Hán là 犍度 có nghĩa là chương hoặc biên.

1- Một là ***Thọ giới Kiền độ*** (受戒犍度) từ quyển 31 đến 35, là nói về Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất gia thành Phật, độ người xuất gia thọ giới, quá trình chế định giới luật và thiết lập nghi pháp thọ giới.
2- Hai là ***Thuyết giới Kiền độ*** (說戒犍度) từ quyển 35 đến quyển 36 là nói về duyên khởi

---

5 1. Thật (實;Dravya) cú nghĩa; 2. Đức (德; guna) cú nghĩa; 3. Nghiệp (業; karma) cú nghĩa; 4. Đồng (同; sāmānya) cú nghĩa; 5. Dị (異; viśesa) cú nghĩa; 6. Hòa hợp (和合; samavāya) cú nghĩa; 7. Hữu năng (有能; śakti) cú nghĩa; 8. Vô năng (無能; aśakti) cú nghĩa ; 9. Cụ phân (俱分; sādrśya） cú nghĩa; 10. Vô thuyết (無說; abhāva） cú nghĩa

của việc kiến lập giới luật và chế định giới luật.

3- Ba là ***An cư Kiền độ*** (安居犍度) quyển 37 thuyết minh duyên khởi An cư và pháp An cư.
4- Bốn là ***Tự tứ Kiền độ*** (自恣犍度) từ quyển 37 đến cuốn 38, là dạy về duyên khởi Tự tứ và pháp Tự tứ.
5- Năm là ***Da cách Kiền độ*** (皮革犍度) từ quyển 38 đến quyển 39, nói về duyên khởi sử dụng da thục và các loại khai giá (khai mở và ngăn cấm).
6- Sáu là ***Y Kiền độ*** (衣犍度) từ quyển 39 đến quyển 41 là nói về sự khai và giá (khai mở và ngăn cấm) Y phấn tảo (粪扫衣) và thọ sự thọ thí Y v.v…
7- Bảy là ***Ước Kiền độ*** (藥犍度). Nói về cách sử dụng dược liệu để chữa bệnh.
8- Tám là ***Ca-si-da y Kiền độ*** (迦絺那衣犍度) quyển 43, nói về cách thức may Y ca-hy-na (迦絺那衣: Y công đức), cũng như cách thức nhận và từ bỏ.
9- Chín là ***Câu-viêm-di Kiền độ***, (俱睒彌犍度) quyển 43, là nói về sự tranh cãi của các Tỳ-kheo và 3 pháp yết ma cử tội.

10- Mười là ***Chiêm-ba Kiền độ*** (瞻波犍度) quyển 44, là phân biệt về tác pháp Yết ma đúng pháp hay phi pháp.

11- Mười một là ***Ha trách Kiền độ*** (呵責犍度) từ quyển 44 đến quyển 45, nói về 7 loại yết ma quở trách.

12- Mười hai là ***Nhân Kiền độ*** (人犍度), quyển 45, là phương các trị tội việc vi phạm Tăng-già-bà-thi-sa (僧伽婆尸沙) còn gọi là Tăng tàn.

13- Mười ba là ***Phú tàn Kiền độ*** (覆藏犍度), quyển 46, là hành pháp Phú tàng (行覆藏法). Nói về tội Phú tàng và phương pháp xả tội.

14- Mười bốn là ***Giá Kiền độ*** (遮犍度), quyển 46, là pháp ngăn ngừa và 5 yếu tố cần có của người đóng vai trò cử tội.

15- Mười lăm là ***Phá Tăng Kiền độ*** (破僧犍度), quyển 46, là Điều Đạt (Đề-bà-đạt-đa) phá hòa hợp Tăng và quá trình hòa hợp Tăng đoàn của Tôn giả Xá Lợi Phất và và Tôn giả Đại Mục Kiền Liên (Maha Moggallana), cũng như nội dung nói về quả báo của sự phá hòa hợp Tăng.

16- Mười sáu là ***Diệt tránh Kiền độ*** (滅諍犍度), từ quyển 47 đến quyển 48, nói về ứng dụng 7 loại Tỳ-ni để dứt trừ 4 pháp tranh cãi.

17- Mười bảy là ***Tỳ-kheo-ni Kiền độ*** (比丘尼犍度), từ quyển 48 đến quyển 49, nói về cách thức thọ giới và yết ma thuyết giới của Tỳ-kheo-ni…
18- Mười tám là ***Pháp Kiền độ*** (法犍度), quyển 49, nói về pháp cộng trú, các oai nghi và vấn đề đi đến.
19- Mười chín là ***Phòng xá Kiền độ*** (房舍犍度), từ quyển 50 đến quyển 51, nói về sửa sang phòng xá.
20- Hai mươi là ***Tạp Kiền độ*** (雜犍度等), từ quyển 51 đến quyển 53, nói rộng về việc khai, giá, các thứ Tạp sự (杂事) và trì giới.

Cuối cùng là phần **Lưu thông**, nói về Đại hội Kiết tập Luật tạng gồm có 500 vị A la hán (Ngũ bách Kiết tập) do Ngài Ca Diếp chủ trì, quyển 54. Đại hội Kiết tập Luật tạng gồm 700 vị A la hán (Thất bách Kiết tập) sau Phật thị hiện Niết bàn 100 năm, để xem xét 10 điều bất hợp pháp[6] do các Tỳ-kheo

6 Một, diêm tịnh (kappati singilonakappo). Hai, nhị chỉ tịnh - 2 ngón tay (kappati dvangulakappo). Ba, tụ lạc gian tịnh (kappati gàmantarakappo). Bốn, trú xứ tịnh (kappati àvàsakappo). Năm, tùy ý tịnh (kappati anumatikappo). Sáu, cửu trú tịnh (kappati àcinnakappo). Bảy, sinh hòa hợp tịnh (kappati amathitakappo). Tám, thủy tịnh (kappati jalogi pàtum). Chín, bất ích lũ ni-sư đàn tịnh (kappati adasakam nisidànam). Mười, kim ngân tịnh (kappati jàtarùparajatam).

người Bạt-xà (跋阇子比丘; Vajjiputtakàbhikkhù) ở thànhTỳ-xá-ly (Vesàlikà) chủ trương và thực hiện, quyển 54.

Điều bộ Tỳ-ni (调部毗尼), từ quyển 55 đến quyển 57 kể rằng Tôn giả Ưu-pa-li (优波离; Upali) đã hỏi Đức Phật về sự khác biệt giữa vi phạm và không vi phạm giới luật.

Tỳ-ni tăng (毗尼增), từ quyển 57 đến quyển 60 thêm những Pháp số của Luật học từ số 1 đến 13, 17 và 22. Mặc dù Tứ Phần Luật thuộc về giới của Thanh văn, nhưng lại chứa đựng tư tưởng Đại thừa nên bộ luật này đã được phổ biến rộng rãi và được giới xuất gia theo truyền thống Đại thừa hành trì nghiêm mật.

Theo truyền thống của Phật giáo Đại thừa y cứ vào Luật Tứ Phần thì Tỳ-kheo thọ 250 giới. Giới Tỳ-kheo còn gọi là thọ Đại Giới hay Cụ Túc Giới. Tỳ-kheo là vị hội đủ tư cách đại biểu trong các pháp Yết ma. Trong 250 giới cụ thể gồm có:

Bốn (4) giới Ba-la-di
(Parajika; 四波羅夷法***; the four grave offenses)***

1. Giới dâm dục
2. Giới trộm cắp
3. Giới sát nhân
4. Giới vọng ngữ

Bốn Ba-la-di: Ba-la-di, Phạn tự là Pàràjjka, Tàu dịch là "Khí" – bỏ vứt ra ngoài Tăng chúng. Tội Ba-la-di có bốn, là bốn tội phạm vào thì bị bỏ đi, vứt đi. Mắc bốn tội này coi như bỏ ra ngoài Tăng chúng, vì vậy gọi là Khí (vứt bỏ). Phạm tội này gọi là bất cọng trụ, tức không được phép tham dự tất cả công việc của Tăng. Luận Du-già-sư-địa (瑜伽師地論; Yogacarabhumi)) của Bồ tát Di Lặc (彌勒; S: Maitreya; P: metteyya) cho rằng khi phạm bốn tội này gọi là Tha thắng – tức khi phạm tội nầy thì bị Ma thắng. Vì sao? vì người tu sĩ ví như một chiến sĩ chiến đấu với bốn thứ ma: Ma phiền não, ma ngũ ấm, tử ma, thiên ma. Họ đánh bằng khí giới gì? Họ chiến đấu bằng cách hành trì giới luật. Khi người tu sĩ không trì giới, không giữ giới thì thua bốn thứ ma đó, như vậy là Ma thắng. Do đó phạm bốn Ba-la-di cũng gọi là phạm Tha thắng. Tha là kẻ khác, thắng là hơn. Phạm tội để kẻ khác hơn gọi là Tha thắng. Nếu phạm tội này thì Ma hơn. Còn phạm tội dưới tội đây thì còn dằn co, chưa phân thắng bại.

Ba la di được xem là tội nặng nhất đối với giới Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni phạm phải giới này thì sẽ bị tẫn xuất và không thể sám hối được. Tuy nhiên, nếu Tỳ-kheo nào phạm phải một trong bốn pháp Ba-la-di trên mà thật lòng hổ thẹn, không có tâm che giấu, lòng vẫn mến mộ Phật pháp, không muốn

rời bỏ ca sa và đời sống phạm hạnh thì được xin học hối (xin lại giới Ba la di)[7].

Tỳ kheo phạm tội đầy đủ oai nghi đến lễ tăng, bạch xin học hối (bạch như văn trong Luật):

"*Bạch Đại đức tăng, con Tỳ kheo… đã phạm tội… trong bốn Ba-la-di mà không có một chút tâm niệm che giấu. Nay theo Tăng xin pháp học hối Ba-la-di. Nguyện chư tôn đức rủ lòng thương xót, cho con Tỳ kheo… xin giới Ba-la-di*" (3 lần)

Sau đó Tăng vấn hòa như thông lệ

Yết ma sư: "*Tăng nay hòa hợp để làm gì?*"

Duy na: "*Yết ma cho học hối Ba la di*".

Yết ma sư: "*Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo… phạm giới… Ba-la-di mà không có chút tâm niệm che giấu, đã theo Tăng xin pháp yết-ma học hối Ba-la-di. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo… pháp yết-ma học hối Ba-la-di. Đây là lời tác bạch.* (1 lần)

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo… phạm giới Ba-la-di mà không có chút tâm niệm che giấu, đã theo Tăng xin pháp yết-ma học hối Ba-la-di. Tăng nay cho Tỳ-kheo… pháp yết-ma học hối Ba-la-di. Các Đại đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-

---

7 Luật Ma Ha Tăng Kỳ, quyển 26

kheo… pháp yết-ma học hối ba-la-di thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. (3 lần)

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo… pháp yết-ma học hối Ba-la-di xong, vì im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy".

Tiếp đến là Thượng tọa (Yết ma sư) khai thị, đa phần nói về tội quả của Ba- la-di trong hiện tại và vị lai, nhắc nhở bổn phận phải làm những gì (35 việc)[8]. Tăng bạch tứ yết ma xong, từ đấy đến trọn đời, vị Tỳ kheo ấy phải hành 35 việc ý hỷ.

Tuy nhiên, chúng học hối Ba la di phải luôn trong sinh lòng hổ thẹn, ăn năn sám hối, phải đắp y 5 điều và gánh vác những việc nặng nhọc trong chúng, không được tính vào túc số Tăng khi tham dự Bố tát, tự tứ, ngồi sau tất cả Tỳ kheo và trước tất cả Sa di. Nếu đã học hối mà phạm lại một trong bốn Ba la di, thì dù có thật tâm ăn năn sám hối, cần cầu nhiều lần cũng không cho học hối lại mà yết ma tẫn xuất.

Tỳ kheo ni cũng được học hối Ba ba di[9].

---

8 Năm pháp liên quan đến tư cách làm thầy, Năm pháp liên quan đến Tăng, Năm pháp tự thúc liễm chính mình, Năm pháp liên quan đến luật nghi, Năm pháp liên quan đến sự phục vụ, Năm pháp thuộc về lễ độ và Năm pháp thuộc về kiềm chế.

9 - Kinh Tăng Chi, chương 4 pháp, phẩm Nghiệp, Kinh Phạm Tội
- Tứ Phần Luật Tỳ kheo ni sao, quyển hạ

Mười Ba (13) giới Tăng Tàn
(Sanghadisesa,* 十三僧殘*; the thirteen crimes against the saṃgha)

1. Cố ý làm xuất tinh
2. Xúc chạm thân nữ nhân
3. Nói thô tục về dâm dục với người nữ
4. Xúi người nữ cung phụng dâm dục
5. Làm mai mối
6. Tự làm thất không đúng những quy định
7. Không thỉnh chư Tăng đến chỉ định nơi chốn làm tinh xá
8. Vu khống vị khác phạm Ba-la-di vì muốn hủy hoại phạm hạnh
9. Giận hờn và dựa vào tiểu tiết để vu không, muốn hủy hoại Tỳ-kheo khác.
10. Phá hòa hợp Tăng
11. Kết bè đảng phá hòa hợp Tăng
12. Có hành vi xấu làm hoen ố gia đình người
13. Ngoan cố không nghe lời khuyên can đúng pháp

Mười ba Tăng tàn: Phạn tự là Samghà-vasena. Phiên âm là Tăng-già-bà-thi-sa. Hán dịch là "Tăng tàn". Tăng tàn có hai nghĩa:

Nghĩa thứ nhất: Giới luật là tính mạng của Tăng. Khi phạm Ba-la-di coi như chết hẳn. Còn

nếu phạm Tăng tàn thì như một người chết mà chưa chết hẳn, mới hấp hối thôi, nếu cấp cứu kịp thời, gặp thầy hay thuốc tốt thì có thể cứu được.

Nghĩa thứ hai: Phạm giới này nếu đủ hai mươi Tỳ-kheo hợp lại Kiết-ma đúng pháp, cho họ sám hối thì có thể tiêu diệt được tội này, nên gọi là Tăng tàn. Trong Căn bản Nhất hữu bộ gọi là Chúng giáo. Chúng là chúng Tăng, giáo là giáo dục. Chúng giáo có nghĩa phải có hai mươi vị Tăng giáo dục cho, cho sám hối thì mới hết tội.

Phương cách sám tội Tăng tàn: Nếu tăng phạm tội Tăng tàn mà không che giấu thì phải sám hối với 4 vị Tăng trở lên (Ni: mỗi bộ 4 vị trở lên) và hành Ma-na-đỏa (Ý hỷ) trong 6 ngày (đối với Ni: 15 ngày). Khi tác pháp xuất tội, Tỳ-kheo phạm tội cần phải có đủ 20 vị Tăng để xuất tội (Tỳ-kheo-ni: gồm đủ 2 bộ Tăng và Ni, mỗi bộ 20 vị).

Hai (2) giới Bất Định
(Aniyata; 二不定法***; the two indeterminates)***

1. Cùng với người nữ ngồi ở chỗ khuất có thể hành dâm, nói lời phi pháp.
2. Cùng với người nữ ngồi ở chỗ trống không thể hành dâm, nói lời thô tục .

Hai Bất định: Vì sao gọi là Bất định (Aniyata)? Vì không dứt khoát tội đó là Ba-la-di hay Tăng tàn hay Ba-dật-đề. Nó có thể thành tội Ba-la-di hay tội Tăng tàn hoặc Ba-dật-đề.

Ba Mươi (30) giới Xả Đọa

(Ni-tát-kỳ ba-dật-đề; Nissaggiya pacittiya, 三十捨墮法***, the thirty offenses requiring expatiation and forfeiture)***

1. Cất chứa y dư quá thời gian quy định
2. Rời 3 y mà ngủ
3. Cất giữ vải may y quá thời gian quy định
4. Nhận y từ Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến
5. Bảo Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến giặt y cũ
6. Xin y từ cư sĩ không phải thân quyến, trừ trường hợp đặc biệt
7. Nhận y lấy nhiều y
8. Tự ý đến nhà cư sĩ xin may y
9. Tự ý đến vài nhà cư sĩ xin tiền may y
10. Cố cầu được y quá giới hạn
11. Trộn tơ tằm làm ngọa cụ
12. Làm ngọa cụ bằng toàn lông dê đen
13. Làm ngọa cụ mà không phối hợp lông trắng, đen và xám

14. Làm ngọa cụ mới không đúng quy định thời gian
15. Làm tọa cụ hoàn toàn mới
16. Tự mang lông đi quá không gian quy định
17. Nhờ Ty-kheo-ni không phải thân quyến giặt, nhuộm lông dê
18. Tự tay cầm tiền, vàng…
19. Đổi chác tiền của
20. Buôn bán
21. Cất giữ bát dư quá thời gian quy định
22. Bát cũ chưa hoàn toàn bị hư hủy mà xin bát mới
23. Tự xin chỉ và nhờ thợ dệt không phải thân quyến may ba y
24. Tự ý bảo thợ dệt làm y
25. Đã cho y nhưng đoạt lại y
26. Sử dụng thuốc trị bịnh đã quá thời hạn
27. Tìm cầu khăn tắm trước hạn định
28. Cất chứa y quá hạn
29. Rời y quá hạn định
30. Vật của Tăng tự xoay về cho mình

Ba mươi tội Xả đọa: Tiếng phạn: Nissagiya-pàcittiya, phiên âm: Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Hán dịch là "Xả đọa".

Tội xả và tội đọa. Loại tội này khi các Tỳ-kheo, vi phạm thì phải đọa. Muốn sám hối tội đó thì phải

ở giữa chúng hoặc đối một người mà xả thí đồ vật lấy dùng trái phép trước rồi sám tội sau.

Nói cách khác, khi đề cập đến tội xả đọa là các vật sở hữu của Tỳ-kheo, như y, bát, tọa cụ... lại không làm thủ tục tác pháp thì phải làm phép xả vật, xả tội, chừa bỏ tâm lý chứa chấp, tàng trữ tài vật để khỏi đọa lạc, nó gồm ba mươi giới. Ai phạm nên đưa các phẩm vật ấy ra giữa Tăng, từ bốn vị trở lên để xả thí và đối trước một vị Tỳ-kheo để nói lên việc phạm tội và xin sám hối.

30 giới Xả đọa liên quan đến các vật sở hữu. Người phạm phải giới này muốn sám hối phải đưa các phẩm vật ấy ra giữa Tăng, đối trước 4 vị trở lên mà xả bỏ và đối trước một Tỳ kheo thanh tịnh mà nói tội và xin sám hối.

Văn bạch xả: "*Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Con Tỳ kheo... cố chứa y dư, phạm tội Xả đọa. Nay xin xả cho chúng Tăng*". (1 lần).

Văn bạch sám hối: *"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Con Tỳ-kheo... cố chứa y dư, phạm tội Xả đọa. Y ấy đã xả cho Tăng, nay xin đến trước Tăng cần cầu sám hối, mong Tăng cho con là Tỳ-kheo... sám hối. Xin từ bi lân mẫn"* (3 lần).

Chín Mươi (90) Giới Đọa còn gọi là Đơn đọa ***(ba-dật-đề; Pacittiya,*** 九十單墮法***, the ninety offenses requiring expatiation)***

1. Cố ý nói dối.
2. Nhục mạ bằng các hình thức
3. Nói lời ly gián
4. Cùng người nữ ngủ đêm chung nhà
5. Ngủ đêm chung với người chưa thọ đại giới quá thời hạn
6. Đọc tụng giới chung với người chưa thọ đại giới
7. Nói tội lỗi của vị khác với người chưa thọ đại giới
8. Tự nói mình đắc đạo
9. Một mình thuyết pháp cho người nữ
10. Đào cuốc đất đai
11. Hủy phá mầm sống của cây cối
12. Nói lời gây phiền hà vị khác
13. Nói xấu, chê trách tri sự Tăng
14. Bày trải dụng cụ ngồi nằm trên đất trống khi rời đi không dọn dẹp
15. Bày trải dụng cụ ngồi nằm trong tăng phòng, khi bỏ đi không dọn cất
16. Cố chiếm chỗ nằm
17. Lôi kéo vị khác ra khỏi tăng phòng
18. Nằm ngồi trên giường ghế sút chân
19. Tưới nước có trùng lên bùn hoặc cỏ

20. Lợp nhà quá mức
21. Tự ý đi giáo thọ Tỳ-kheo-ni
22. Được Tăng sai nhưng giáo thọ cho Tỳ-kheo-ni đến tối
23. Phỉ báng vị giáo thọ Tỳ-kheo-ni
24. Cho y Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến
25. May y cho Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến
26. Ngồi một mình với một Tỳ-kheo-ni ở chỗ khuất kín
27. Hẹn đi chung đường với Tỳ-kheo-ni
28. Hẹn đi chung thuyền với Tỳ-kheo-ni
29. Ăn thức ăn do Tỳ-kheo-ni khuyến hóa
30. Hẹn đi chung đường với nữ nhân
31. Ăn quá một bữa, trừ khi bệnh
32. Ăn nhiều lần ăn, trừ khi bị bệnh
33. Ăn riêng tăng chúng trừ trường hợp đặc biệt
34. Nhận vật thực quá giới hạn
35. Ăn đã đủ, không làm phép dư thực mà ăn thêm
36. Mời vị khác ăn thêm vì muốn vị ấy phạm giới
37. Ăn phi thời
38. Cất chứa ăn đồ cách đêm và ăn
39. Ăn thức ăn hoặc uống thuốc không được trao nhận
40. Xin những đồ ăn ngon
41. Tự tay trao thức ăn cho ngoại đạo

42. Đi đến nơi khác mà không báo cho Tỳ-kheo khác biết, trừ trường hợp đặc biệt
43. Cố ngồi lâu trong gia đình có vật báu
44. Trong gia đình có vật báu mà ngồi ở chỗ khuất
45. Một mình ngồi với nữ nhân ở chỗ trống
46. Mời Tỳ-kheo khác cùng vào xóm làng, hứa sẽ cho thức ăn nhưng cuối cùng đuổi Tỳ-kheo ấy đi chỗ khác
47. Nhận thuốc đã quá hạn
48. Đi xem quân trận
49. Ngủ trong quân trại quá hạn định
50. Ở trong quân trại xem diễn tập
51. Uống rượu
52. Đùa giỡn trong nước
53. Thọc léc người khác
54. Không nhận lời khuyên can
55. Dọa nạt Tỳ-kheo khác
56. Tắm sai thời gian quy định, trừ trường hợp đặc biệt
57. Đốt lửa ở đất trống, trừ trường hợp đặc biệt
58. Giấu vật dụng của Tỳ-kheo khác
59. Cho y rồi tự ý lấy lại
60, Dùng y mới chưa hoại sắc
61. Cố sát hại mạng sống loài vật
62. Uống nước có trùng
63. Cố ý quấy rối người khác

64. Cố ý che giấu tội ác Tỳ-kheo khác
65. Người chưa đủ 20 tuổi mà cho thọ đại giới
66. Khơi dậy sự tranh cãi
67. Hẹn đi chung đường với giặc cướp
68. Nói hành dâm dục không phải là pháp chướng đạo
69. Sinh hoạt với người tà kiến
70. Dung túng Sa-di phạm lỗi đã bị tẩn xuất
71. Chống lại sự khuyên can đúng pháp
72. Phỉ báng giới pháp
73. Nguỵ biện để mong được khỏi tội
74. Đã yết-ma nhưng lại nói khác
75. Việc chưa xong không giữ dục mà bỏ đi
76. Đã giữ dục nhưng lại biểu tỏ bất bình
77. Sau khi nghe các Tỳ-kheo tranh cãi đem lời của người này nói với người kia
78. Đánh Tỳ-kheo khác
79. Dọa đánh Tỳ-kheo khác
80. Vu khống Tỳ-kheo khác phạm Tăng-già-bà-thi-sa
81. Bảo vật trong cung vua chưa thu cất nhưng bước vào
82. Tự nắm giữ bảo vật
83. Vào tụ lạc phi thời mà không báo cho Tỳ-kheo khác biết
84. Làm giường quá khuôn khổ quy định
85. Dùng bông độn nệm, lót giường dây

86. Dùng xương, sừng, răng làm ống đựng kim
87. Làm ngọa cụ không đúng quy định
88. Làm y che ghẻ phải đúng lượng
89. Làm y tắm không đúng lượng
90. May ba y không đúng quy định

Ba-dật-đề (Pàcittiya). Hán dịch là **"Đơn đọa"**. Nó liên quan đến các tội tiểu vọng ngữ, cố ý sát hại côn trùng, cùng với nữ nhơn đi chung đường v.v... gồm có chín mươi Đơn đọa là tội không dính dáng gì đến vật dụng. Phạm thì bị đọa, không có vật để xả thí, nên gọi là đơn đọa.

Phương cách sám tội Ba dật đề: Đối trước một vị Tỳ kheo thanh tịnh, bạch:

"*Đại đức nhất tâm niệm! Con Tỳ-kheo…, phạm tội…, là tội Ba-dật-đề. Nay hướng về chư Đại đức Tăng phát lồ sám hối, không dám che giấu. Mong chư Đại đức nhớ cho con thanh tịnh, giới thân đầy đủ, thanh tịnh Bố tát"* (3 lần).

Bốn giới ba-la-đề-xá-ni
(Patidesaniya /sự hối lỗi, 四提舍尼法***, the four offenses regarding meals)***

1. Vào xóm làng nếu không bệnh mà tự nhận và ăn đồ ăn từ Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến

2. Khi nghe thấy Tỳ-kheo-ni chỉ bảo rằng mang dâng cơm canh cho vị này hoặc vị kia trong lúc Tỳ-kheo đang thọ thực trong nhà bạch y mà không khuyên can
3. Nếu không bệnh và không được thỉnh mà tự nhận và ăn thức ăn của học gia (bậc Cư sĩ hữu học)
4. Ăn ở chỗ đáng nghi sợ

Bốn hối quá pháp. Phiên âm từ tiếng Phạn là Ba-la-đề Đề-xá-ni (Pàtidesanniya), Hán dịch là "Hướng bỉ hối". Phạm tội này chỉ hướng tới một Tỳ-kheo khác, nói rõ lỗi lầm đã phạm và xin sám hối. Tóm lại là tội nhỏ, có thể hối cải, người phạm có thể nói tội với một Tỳ-kheo khác mà xin sám hối.

Người phạm giới này thực hiện phương cách sám tội như phạm Ba dật đề.

Một Trăm (100) Pháp Chúng Học
(Sekhiya,* 衆學法*, the hundred admonishments for polishing conduct)

1. Nên mặc Niết bàn Y (chăn) cho tề chỉnh.
2 . Nên mặc 3 y cho tề chỉnh, phải học
3 . Không được vắt trái y đi vào nhà cư sĩ, phải học

4. Không được vắt trái y ngồi nhà cư sĩ, phải học
5. Không được quấn y nơi cổ vào nhà cư sĩ, phải học.
6. Không được quấn y nơi cổ ngồi trong nhà cư sĩ, phải học.
7. Không được trùm đầu đi vào nhà cư sĩ, phải học.
8. Không được trùm đầu ngồi trong nhà cư sĩ, phải học.
9. Không được vừa đi vừa nhảy vào nhà cư sĩ, phải học.
10. Không được nhảy nhót lúc ngồi trong nhà cư sĩ, phải học.
11. Không được ngồi xoạc đùi trong nhà cư sĩ, phải học.
12. Không được chống nạnh đi vào nhà cư sĩ, phải học.
13. Không được chống nạnh ngồi trong nhà cư sĩ, phải học.
14. Không được uốn lắc thân mình đi vào nhà cư sĩ, phải học.
15. Không được uốn lắc thân mình ngồi trong nhà cư sĩ, phải học.
16. Không được vung tay đi vào nhà cư sĩ, phải học.
17. Không được vung tay ngồi trong nhà cư sĩ, phải học.

18. Phải che kín thân thể khi vào nhà cư sĩ, phải học.
19. Phải ăn mặc kín đáo khi ngồi nhà cư sĩ, phải học.
20. Không được nhìn liếc lung tung khi vào nhà cư sĩ, phải học.
21. Không được nhìn liếc lung tung khi trong ngồi nhà cư sĩ, phải học.
22. Phải yên lặng khi vào nhà cư sĩ, phải học.
23. Phải yên lặng khi ngồi trong nhà cư sĩ, phải học.
24. Không được cười giỡn khi đi vào nhà cư sĩ, phải học.
25. Không được cười giỡn khi ngồi trong nhà cư sĩ, phải học.
26. Chánh ý khi thọ dụng thức ăn, phải học.
27. Thọ nhận cơm chỉ ngang miệng bát, phải học.
28. Thọ nhận canh cũng chỉ vừa ngang miệng bát, phải học.
29. Đồ ăn và cơm phải thọ nhận tương đương với nhau, phải học.
30. Tuần tự mà ăn, phải học.
31. Không được moi xốc giữa bát mà ăn, phải học.
32. Không bịnh không được tự đòi cơm và đồ ăn cho mình, phải học.
33. Không được lấy cơm đậy trên đồ ăn để mong có thêm đồ ăn, phải học.

34. Không được liếc nhìn vào trong bát Tỳ-kheo ngồi bên cạnh, phải học.
35. Phải nhiếp tâm nơi bát mà ăn, phải học.
36. Không được dồn cơm thành miếng lớn mà ăn, phải học.
37. Không được há lớn miệng để chờ cơm mà ăn, phải học.
38. Không được ngậm cơm nói chuyện, phải học.
39. Không được vắt cơm ném vào miệng, phải học.
40. Không được để cơm rơi rớt lúc ăn, phải học.
41. Không được bung má mà ăn, phải học.
42. Không được ăn cơm nhai có tiếng, phải học.
43. Không được ăn cơm lua húp cơm có tiếng, phải học.
44. Không được le lưỡi liếm thức ăn, phải học.
45. Không được rảy tay khi ăn, phải học.
46. Không được lượm cơm rơi mà ăn, phải học.
47. Không được tay dơ bưng đồ đựng thức ăn, phải học.
48. Không được đổ nước rửa bát trong nhà cư sĩ, phải học.
49. Không được đại tiện, tiểu tiện, khạc hỷ trên cỏ tươi, trừ lúc có bịnh, phải học.
50. Không được đại tiện, tiểu tiện, khạc nhổ vào nước sạch, trừ lúc có bịnh, phải học.

51. Không được đứng mà đại tiện, tiểu tiện, trừ lúc có bịnh, phải học.
52. Không được thuyết pháp cho người vắt ngược áo, không cung kính, trừ họ có bịnh, phải học.
53. Không được thuyết pháp cho người quấn áo nơi cổ, trừ người có bịnh, phải học.
54. Không được thuyết pháp cho người trùm đầu, trừ lúc họ bịnh, phải học.
55. Không được thuyết pháp cho người phủ khăn trên đầu, trừ người có bịnh, phải học.
56. Không được thuyết pháp cho người chống nạnh, trừ lúc họ bịnh, phải học.
57. Không được thuyết pháp cho người mang dép da, trừ người có bịnh, phải học.
58. Không được thuyết pháp cho người mang guốc gỗ, trừ lúc họ bịnh, phải học.
59. Không được thuyết pháp cho người ngồi trên ngựa, trừ người bị bịnh, phải học.
60. Không được ngủ nghỉ trong tháp Phật, trừ trường coi giữ, phải học.
61. Không được cất giấu tài vật trong tháp Phật, ngoại trừ để cho chắc chắn, phải học.
62. Không được mang dép da vào trong tháp Phật, phải học.
63. Không được cầm dép da đi vào trong tháp Phật, phải học.

64. Không được mang dép da đi nhiễu quanh tháp Phật, phải học.
65. Không được mang giày ủng (phú la) vào trong tháp Phật, phải học.
66. Không được xách giày ủng vào trong tháp Phật, phải học.
67. Không được ngồi ăn, xả rác nơi tháp Phật, phải học.
68. Không được khiêng thây chết đi qua tháp Phật, phải học.
69. Không được chôn tử thi nơi tháp Phật, phải học.
70. Không được thiêu thây chết nơi tháp Phật, phải học.
71. Không được hướng về tháp Phật mà thiêu tử thi, phải học.
72. Không được đốt thây chết bốn phía tháp Phật làm hơi hôi thối bay vào, phải học.
73. Không được mang áo và giường người chết đi qua tháp Phật, trừ ra đã giặt, nhuộm và xông hương, phải học.
74. Không được đại tiện, tiểu tiện nơi tháp Phật, phải học.
75. Không được hướng về tháp Phật mà đại tiện, tiểu tiện, phải học.

76. Không được đại tiện, tiểu tiện bốn phía tháp Phật khiến hơi thối bay vào, phải học.
77. Không được mang tượng Phật đến chỗ đại tiện, tiểu tiện, phải học.
78. Không được ở nơi tháp Phật mà xỉa răng, đánh răng, phải học.
79. Không được hướng về tháp Phật mà xỉa răng, đánh răng, phải học.
80. Không được nơi bốn phía tháp Phật mà xỉa răng, đánh răng, phải học.
81. Không được nơi tháp Phật mà hỉ, nhổ, phải học.
82. Không được hướng về tháp Phật hỉ, nhổ, phải học.
83. Không được ở nơi bốn phía tháp Phật mà hỉ nhổ, phải học.
84. Không được ngồi duỗi chân trước tháp Phật, phải học.
85. Không được thờ tượng Phật ở phòng dưới còn mình ở phòng trên, phải học.
86. Không được đứng thuyết pháp cho đang ngồi trừ họ bị bệnh, phải học.
87. Không được ngồi thuyết pháp cho người đang nằm, trừ người bệnh, phải học.
88. Không được thuyết pháp cho người ngồi ghế mà mình ngồi chỗ không phải ghế trừ lúc họ có bịnh, phải học.

89. Không được thuyết pháp cho người ngồi chỗ cao mà mình ngồi chỗ thấp, trừ người có bịnh, phải học.
90. Không được thuyết pháp cho người đi trước mà mình đi sau, trừ lúc họ có bịnh, phải học.
91. Không được thuyết pháp cho người ở chỗ kinh hành cao mà mình ở chỗ kinh hành thấp, trừ lúc họ có bịnh, phải học.
92. Không được thuyết pháp cho người đi giữa đường mà mình đi bên lề đường trừ lúc họ có bịnh, phải học.
93. Không được dắt tay nhau khi đi đường, phải học.
94. Không được trèo lên cây cao quá đầu người, trừ trường hợp có lý do, phải học.
95. Không được để bát vào đãy xỏ vào đầu gậy rồi quảy trên vai, phải học.
96. Không được thuyết pháp cho người cầm gậy, không cung kính, trừ họ có bịnh, phải học.
97. Không được thuyết pháp cho người cầm kiếm, trừ họ có bịnh, phải học.
98. Không được thuyết pháp cho người cầm mâu, trừ họ có bịnh, phải học.
99. Không được thuyết pháp cho người cầm dao, trừ họ có bịnh, phải học.

100. Không được thuyết pháp cho người che dù, trừ họ có bịnh, phải học.

Một trăm Học pháp phiên âm từ Phạn tự là Thức-xoa-ca-la-ni (Sikkhà Karaniya). Hán dịch là "Chúng học". Chúng học pháp là những pháp cần nên học. Như các sinh hoạt hằng ngày, các oai nghi nhỏ nhặt... Pháp này chủ yếu là tự trách lấy mình. Đây là tội nhỏ nhặt, tội khó giữ nhưng hết sức dễ phạm. Khi biết phạm thì tự trách lấy mình để ăn năn, tự hứa lần sau không tái phạm là đủ.

Người phạm tội này, không cần phải đối trước Tăng mà sám hối. Chỉ tự trách mà hối lỗi ăn năn, tránh không tái phạm là được.

Bảy Pháp Diệt Tránh
(Adhikaranasamatha,* 七滅諍法*,
the seven methods for resolving disputes)

Nếu có sự tranh cãi nổi lên giữa các Tỳ-kheo thì phải diệt trừ ngay.

1- Cần giải pháp hiện tiền tì-ni (có sự hiện diện của các đương sự) thì nên ứng dụng giải pháp hiện tiền tì-ni.
2- Cần giải pháp ức niệm tì-ni (để người phạm tội nhớ lại những tội vi phạm) thì nên ứng dụng giải pháp ức niệm tì-ni.

3- Cần giải pháp bất si tì-ni (chờ người phạm không còn bị si cuồng) thì nên ứng dụng giải pháp bất si tì-ni.

4- Cần giải pháp tự ngôn trị (tự nói tội danh để xử trị) thì nên ứng dụng giải pháp tự ngôn trị.

5- Cần giải pháp mích tội tướng (xét tìm tướng tội) thì nên ứng dụng giải pháp mích tội tướng.

6- Cần giải pháp đa nhân mích (nhiều người xét tìm tướng tội để biểu quyết) thì nên ứng dụng giải pháp đa mích ti-ni.

7- Cần giải pháp như thảo phú địa (như cỏ che đất) thì nên ứng dụng giải pháp như thảo phú địa.

Thất diệt tránh là bảy phương thức để chấm dứt sự tranh cãi giữa chúng Tăng. Sự tranh cãi trong Chúng Tăng thường có 4 việc:

- ***Ngôn tránh:*** Tranh cãi về sự đúng và sai của pháp tướng tạo nên sự bất hòa.

- ***Mích tránh:*** Sự tranh cãi xuất phát từ sự tìm lỗi của người khác, trong lúc dùng ba cách cử tội là: bất kiến cử, bất sám cử và bất xả cử để phán xét là tội ấy thuộc về phá giới, phá kiến hay phá oai nghi do thấy, nghe và nghi.

- Phạm tránh: Sự tranh cãi xuất phát từ sự thảo luận việc phạm giới của vị Tỳ kheo là hư hay thật, là đúng hay không đúng, là có thật hay chỉ do sự dị nghị hay vu khống.

- Sự tránh: Tranh cãi về pháp Yết ma có đúng như pháp hay không như pháp. Phật sự đó nên đơn bạch hay bạch nhị hay bạch tứ…

Xuất phát từ bốn việc trên mà sanh ra tranh cãi. Do vậy phải áp dụng 7 pháp diệt tránh để chấm dứt sự tranh cãi.

1. ***Hiện tiền Tì-ni*** còn được gọi là ***Diện tiền Chỉ tránh luật***, là sự tranh cãi và cần phải có sự đối chất giữa hai bên. Phải có sự có mặt của các đương sự. Trong lúc đối chất phải dẫn chứng Kinh hay Luật để đánh giá sự tranh cãi đúng với Kinh Luật hay không phù hợp với Kinh Luật. Lấy Kinh luật do Phật dạy để giải quyết sự tranh cãi nhằm chấm sự tranh cãi.
2. ***Ức niệm Tì-ni*** còn được gọi là ***Ức chỉ tránh luật***. Luật này là nhắc lại những việc mà người phạm đã làm để người phạm giới biết mình đã phạm giới nhằm chấm dứt sự tranh cãi.

3. ***Bất si Tì-ni*** còn được gọi là ***Bất si chỉ tránh luật***. Khi người phạm giới trong tình trạng bị trầm cảm, căng thẳng hay bị bệnh tâm thần, thì cần phải đợi khi tâm thần định tĩnh không còn si mê mới xét xử như thế mới chấm dứt sự tranh cãi.
4. ***Tự ngôn trị*** còn gọi là ***Tự phát lộ chỉ tránh luật***. Là luật để người phạm tội tự phát lộ nói lên lỗi lầm của mình.
5. ***Mích tội tướng***, còn gọi là ***Cư chỉ tránh luật***. Luật này cho phép nêu lên những tội mà vị ấy đã phạm nếu người ấy không tự nói lên sự thật mà tìm cách biện hộ sai lầm.
6. ***Đa nhân mích tội,*** còn được gọi là ***Triển chuyển chỉ tránh luật***. Luật này chấm dứt sự tranh cãi bằng cách thỉnh nhiều vị Cao tăng thạc đức đến để xem xét và quyết định sẽ dựa vào đa số.
7. ***Như thảo phú địa*** còn được gọi là ***Như khí phấn tảo chỉ tránh luật***. Luật này chấm dứt sự tranh cãi bằng phương cách như lấy cỏ lấp trên mặt đất hoặc vứt bỏ như vứt bỏ vải rách vì đôi bên đã nhận lỗi hoặc những lỗi không nặng.

3. Vai Trò Và Tác Động

Giới bổn (Patimokkha) đóng vai trò then chốt trong việc duy trì kỷ luật Tăng đoàn. Chúng cung cấp một cơ cấu rõ ràng và toàn diện về hành vi đạo đức của các Tăng sĩ. Những giới luật này không chỉ có nghĩa là một loạt những điều cấm đoán; đúng hơn, chúng là một hệ thống được vận hành rất tốt nhằm tạo ra kỷ luật, phát huy bản thể thanh tịnh, hòa hợp tăng triển trí tuệ trong đời sống Tăng đoàn.

Việc Tăng đoàn thường xuyên đọc tụng giới bổn (Patimokkha), củng cố hạnh nguyện của Tăng sĩ trong lễ Bố tát (Uposatha), do đó nâng cao lòng sùng mộ của họ đối với giới hạnh. Giới luật sẽ bảo đảm rằng không chỉ bản thân của những Tăng sĩ không lơ là trong hành vi cá nhân mà còn khắc sâu ý thức trách nhiệm tập thể và sự giúp đỡ lẫn nhau là nhân tố cần thiết cho sự thanh tịnh và hòa hợp của Tăng đoàn.

Các giới luật trong Luật tạng, bao gồm cả giới bổn (Patimokkha), được đặt ra một cách phổ quát để giải quyết nhiều tình huống và hành vi khác nhau, từ những hành vi phạm tội nghiêm trọng tấn công vào tận gốc rễ của Tăng đoàn cho đến những tội nhẹ tầm thường. Luật tạng cung cấp một cách

có hệ thống để giải quyết các hành vi vi phạm vì nó phân loại tội phạm và đưa ra các hình phạt thích hợp. Các quy định của Ba-la-di (Parajika), đòi hỏi phải trục xuất ngay lập tức khỏi Tăng đoàn, là ví dụ điển hình nhất. Điều này bảo vệ Tăng đoàn khỏi một số tu sĩ có hành vi đi chệch hướng đáng kể so với các nguyên tắc cơ bản của đời sống xuất gia. Các quy tắc Pacittiya (đơn đọa) và Nissaggiya Pacittiya (xả đọa) tạo ra một môi trường trung thực và trách nhiệm bằng cách yêu cầu thú nhận và, trong một số trường hợp, thậm chí xả thí các vật dụng thu được bất hợp pháp trong khi xử lý các vi phạm nhỏ.

Những quy định này cung cấp những hướng dẫn rõ ràng về các hoạt động và chức năng hàng ngày của Tăng đoàn, cũng quan trọng không kém trong việc bảo đảm các hành hoạt của người xuất gia. Hướng dẫn của Sekhiya (pháp chúng học) chủ yếu liên quan đến cách ứng xử trong giảng dạy, thức ăn và phép lịch sự, nhân cách đạo đức khả kính, khả ái... Tất cả những điều này nhằm mục đích bảo đảm rằng những người theo Tăng đoàn luôn thể hiện một tư cách cư xử đúng mực và những hành vi đáng kính, dù ở trong tu viện hay tiếp xử với mọi thành phần khác trong xã hội. Các quy tắc

Adhikarana Samatha (diệt tránh) thiết lập một quy trình giải quyết tranh chấp để quản lý các vấn đề một cách công bằng và phù hợp với các nguyên tắc đạo đức của Luật tạng. Việc quản trị thông qua hệ thống các bước liên tiếp này bảo đảm rằng các tranh chấp không leo thang và quan trọng hơn là đẩy nhanh quá trình giải quyết để Tăng đoàn có thể hành hoạt tích cực với sự quan tâm thích đáng đến việc thực hành chánh pháp và không vướng vào những xung đột nội bộ.

Patimokkha có ảnh hưởng sâu sắc đến cộng đồng Phật giáo nói chung. Tăng đoàn đóng vai trò là hình mẫu cho hành vi đạo đức và việc tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật của người xuất gia của Luật tạng đồng thời khuyến khích các cư sĩ giữ gìn Năm giới và trau dồi những đặc điểm như từ bi và chánh niệm và tỉnh giác...

Tuân thủ nghiêm ngặt các giới luật của người xuất gia để duy trì sự toàn vẹn và tôn kính của Phật giáo. Điều này thu hút sự hỗ trợ từ cộng đồng cư sĩ và giúp phát triển niềm tin vào giáo lý của Đức Phật. Mối quan hệ hiệp lực hỗ tương giữa Tăng sĩ và Cư sĩ là vô cùng quan trọng cho sự tồn tại, phát triển và truyền trì lâu dài của truyền thống Phật giáo. Kỷ luật đạo đức của Tăng đoàn mang lại những cải tiến

khác nhau cho từng Tăng sĩ và kết quả là nâng cao đạo đức và khả tính giác ngộ tổng thể của cộng đồng Phật giáo một cách hiệu quả và to lớn hơn.

Câu chuyện về tu sĩ Sudinna, người đã bất chấp quy tắc parajika (Ba-la-di) là không quan hệ tình dục nhưng do áp lực sinh sản của gia đình, đã bất chấp lời nguyện độc thân để bảo toàn danh dự của Tăng đoàn, cũng mạnh mẽ không kém. Khi biết về trường hợp Sudinna, Đức Phật đã đặt ra quy tắc parajika (Ba-la-di) đầu tiên, có thể nói, đánh dấu tầm quan trọng tối cao của tính bất khả xâm phạm đối với phạm hạnh của Tăng đoàn và sự cần thiết tuyệt đối của các Tăng sĩ để duy trì đời sống độc thân và phạm hạnh. Giai thoại này nhấn mạnh vai trò của giới luật trong việc thiết lập các chuẩn mực đạo đức trong Tăng đoàn và bảo vệ Tăng đoàn khỏi các hoạt động có thể làm suy yếu chí nguyện giải thoát giác ngộ của Tăng đoàn.

Một trường hợp điển hình khác là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), một người bà con với Đức Phật, người đã nhiều lần muốn dành quyền lãnh đạo của Đức Phật và làm phân hóa Tăng đoàn. Ông ta đã cố gắng ám hại Đức Phật bằng cách kích động một con voi tấn công Ngài và, ông ta thậm chí còn đi xa đến mức xúi giục sự chia rẽ trong Tăng đoàn

bằng cách áp đặt các thực hành khổ hạnh cực kỳ nghiêm ngặt. Những quy luật của Sanghadisesa (Tăng tàn) đối với các hoạt động phá hoại của Devadatta đã là một trong những lý do khiến Đức Phật chế định những giới luật. Những quy định như vậy đòi hỏi Tăng đoàn phải có hành động chính thức đối với những hành vi vi phạm nghiêm trọng đe dọa hòa hợp và đoàn kết của Tăng đoàn. Vai trò của các quy định là mang lại trật tự và giải quyết tranh chấp trong Tăng đoàn thông qua trách nhiệm tập thể và xây dựng sự đồng thuận tuyệt đối trên nền tảng của chánh kiến, dân chủ, thanh tịnh và hòa hợp.

Những câu chuyện trong Jataka, một tuyển tập những câu chuyện có giá trị mô tả các kiếp trước của Đức Phật, khi ngài thực hạnh Bồ tát… cung cấp những hiểu biết sâu sắc vô giá về việc áp dụng giới luật trong cuộc sống hàng ngày. Ví dụ, câu chuyện Bồ Tát tái sinh làm một thương gia tên Mahajanaka dạy người ta về việc không trộm cắp. Câu chuyện này miêu tả Bồ tát là người có lòng sùng mộ mãnh liệt và kiên định đối với giới luật, đạo đức, đến mức một vụ đắm tàu và bị bỏ rơi nhưng không phải vì thế mà cho phép ngài ăn trộm thức ăn của người sống sót khác. Câu chuyện

thể hiện một niềm tin đạo đức sâu sắc, trong đó giới luật cung cấp sự hướng dẫn về cách vượt qua những tình huống khó khăn bằng cách tuân thủ các giới luật đạo đức, là nền tảng của mọi nền tảng, là sức mạnh của mọi sức mạnh. Chính giới luật đã tạo nên nội lực không thể nghĩ bàn có khả năng giải thoát mọi tai ương khổ ách.

Các khía cạnh tổng hợp này rất quan trọng trong việc xác định hành vi của các cá nhân cũng như của xã hội nói chung. Chính giới luật cung cấp cho từng Tăng sĩ một hướng dẫn cơ bản để họ phát triển định lực và duy trì sự ngay thẳng, chất trực. Các Tăng sĩ học được rằng kỷ luật tự giác là một trong những phẩm chất cần thiết trong hạnh nguyện thiêng liêng cao cả và con đường hướng tới giác ngộ của họ.

Lễ Bố tát (Uposatha) là các buổi lễ củng cố hơn nữa cam kết về sự chân chính bằng cách đóng vai trò như một lời nhắc nhở thường xuyên để trì tụng và suy ngẫm về giới luật và nghiêm túc hành trì giới luật. Nó bảo đảm sự cảnh giác liên tục và thực hiện có ý thức về mọi lời nói và hành động. Cuộc sống có kỷ luật này nuôi dưỡng sự an tịnh nội tâm, đầu óc sáng suốt và cảm giác an lạc, từ bi đối với người khác.

Giới luật có tầm quan trọng đáng kể trong việc nuôi dưỡng sự hòa hợp và tin cậy, cả trong cộng đồng lẫn giữa các cá nhân thành viên của Tăng đoàn. Do đó, Patimokkha cung cấp các quy tắc rõ ràng và chi tiết nhằm xác định khuôn khổ kỷ luật các thành viên vi phạm, vì thế bảo đảm cho hành hoạt chung và luôn thăng tiến trong thanh tịnh, hòa hợp, trật tự, tương kính của Tăng đoàn.

Bên cạnh việc đóng vai trò như một sự khuyến khích để chu toàn trách nhiệm một cách minh bạch, việc tụng giới chung trong các buổi lễ Uposatha còn đóng vai trò là một hoạt động công cộng với mục đích hoàn thành lời nguyện của các Tăng sĩ một cách mẫu mực. Khả năng của các Tăng sĩ trong việc tạo ra một môi trường hòa bình và thuận lợi cho sự phát triển tâm linh của họ thông qua tính năng chung của giới luật phụ thuộc vào việc đạt được ý thức hòa hợp, đoàn kết mạnh mẽ và giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau thành tựu trên lộ trình thể nhập viên giác tính.

Với các giáo lý nhằm mục đích mang lại lợi ích cho cộng đồng Cư sĩ, các Tăng sĩ tinh tấn và dũng xuất hơn đưa ra một mô hình truyền cảm hứng cho những Phật tử bình thường, những người sẽ cố gắng sống theo Năm Giới và tham gia vào các

hoạt động phù hợp với đạo đức. Mối quan hệ như vậy trong đó Cư sĩ và Tăng sĩ cùng nhau tu tập và phụng sự là rất quan trọng để bảo đảm sự tương thuộc trong mục tiêu trường tồn và hợp lực truyền bá của Phật giáo, lợi lạc quần sanh. Mối quan hệ cộng sinh duy trì tính toàn vẹn đạo đức và trật tự của Tăng đoàn. Tăng đoàn Phật giáo truyền cảm hứng cho các cá nhân duy trì các hình thức bố thí và hỗ trợ khác nhau với tư cách là Cư sĩ, từ đó gia tăng số lượng và truyền cảm hứng cho lòng sùng mộ lớn hơn trong tâm trí các tín đồ Phật giáo đồng thời còn duy trì và nâng cao uy tín và sức hấp dẫn của mình bởi đại bi tâm.

Các Tăng sĩ phải cẩn thận về sự thanh tịnh tâm thức và kiểm soát các cơ quan cảm giác. *"Người nào giữ tâm trí mình trên những bất tịnh (của cơ thể), người kiểm soát tốt các giác quan của mình, thì tràn đầy niềm tin và nghị lực, chắc chắn sẽ không bị Ma vương áp đảo, giống như gió bão không thể lay chuyển được núi đá."*

Mọi người gọi đây là một Tăng sĩ trên núi, người, thông qua sự kiểm soát tinh thần và niềm tin, đã tránh được bất kỳ cơn bão lớn nào, một cách diễn đạt ẩn dụ được sử dụng ở đây. Bằng cách này, thông qua sự tu học chăm chỉ, một Tăng sĩ có thể

giữ vững lập trường, hạnh nguyện và không dao động trước những cám dỗ bên ngoài và những bất tịnh bên trong, chẳng hạn như ham muốn hay ác cảm.

Quy tắc ứng xử của Tăng đoàn rút ra những hướng dẫn khác nhau từ những nguyên tắc cơ bản này để bảo đảm rằng các Tăng sĩ có cuộc sống tràn đầy đức hạnh và tâm hồn trong sạch, cuối cùng dẫn đến giác ngộ.

Chương VIII

Tỳ kheo Ni Giới
(Pātimokkha Sīla)

1. Giới Thiệu

Sự nhận thức của Đức Phật về bản chất tự do, giải thoát của Ngài liên quan đến bình đẳng giới trong các vấn đề tâm linh đã lên đến đỉnh điểm trong việc thành lập Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni, hay các nữ tu Phật giáo được thọ giới Cụ-túc. Sự kiện này có tầm quan trọng lịch sử đối với Phật giáo. Sự kiện này diễn ra khoảng năm năm sau khi Tăng đoàn Tỳ-kheo được thành lập. Người lãnh đạo phong trào này là Tôn giả Mahapajapati Gotami, dì ruột và cũng là mẹ kế của Đức Phật. Đức Phật đắn đo trước yêu cầu xuất gia của nữ giới, có lẽ do tác động tiêu cực ở giai kỳ mà xã hội Ấn Độ cổ đại rất xem thường vai trò của nữ giới, đặc biệt là đối với đời sống không nhà cửa và có nhiều bất trắc đối

với Ni chúng trong những khu rừng hoang vu hay những làng quê hẻo lánh và có rất nhiều du sĩ của giáo phái lõa hình (Digambara) cũng như nhiều thành phần bất hảo trong xã hội, nhất là 500 phụ nữ này đều xuất thân từ hoàng tộc, là một giai cấp được trọng vọng và có đủ tiện nghi vật chất cũng như điều kiện an toàn. Nhưng đứng trước bản thân yêu cầu thiết tha của bà Mahapajapati Gotami và lời thỉnh cầu chân thành của tôn giả Ananda, Đức Phật đã đồng ý cho phụ nữ xuất gia với điều kiện họ phải tuân thủ Bát kỉnh pháp (Garudhammas).

Một sự kiện quan trọng khác, lễ truyền giới cho Mahapajapati Gotam, là một cuộc cải cách về triết học và tâm linh. Sau khi những người phụ nữ đã xuất gia, Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni phát triển nhanh chóng. Lần đầu tiên trong lịch sử loài người, thể chế cách mạng mới này đã mang lại cho nữ giới cơ hội giống như nam giới để rời bỏ thế giới bị lệ thuộc bởi vật chất và bị nô lệ hóa của các định kiến bất bình đẳng, đồng thời đạt được sự giải phóng tinh thần để bước vào chân trời cao rộng như nam giới. Ngoài sự giàu có về mặt tinh thần mà nó mang lại cho Phật giáo, việc phụ nữ gia nhập Tăng đoàn trong thời Ấn Độ cổ đại còn có một ý nghĩa khác: nó thách thức chuẩn mực giới

tính đang thịnh hành cũng như phá đổ bao xích xiềng được tạo ra bởi những tà kiến phân biệt đầy bất thiện.

Sự hỗ trợ sâu hơn cho sự phát triển của Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni không ai khác chính là vua Ashoka của Ấn Độ, một minh quân trị vì Ấn Độ vào thế kỷ thứ 3 trước tây lịch và là người bảo trợ hết sức to lớn cho Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni. Chính quyết định cho công chúa Sanghamitta xuất gia và gửi con gái của mình là công chúa Sanghamitta đến Sri Lanka để truyền bá chánh pháp của vua Ashoka đã giúp cho dòng truyền thừa của Ni bộ tồn tại, phát triển và thịnh vượng hơn.

Tuy nhiên, quyết định của Đại đế Ashoka còn đã đặt nền tảng vững chắc cho việc thực hành và xiển dương chánh pháp một cách rất tốt đẹp trong Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni ở Sri Lanka, sau đó mở rộng sang hầu hết các nước châu Á khác, bao gồm cả Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan v.v… Tôn giả Sanghamitta đã thành lập dòng Tỳ-kheo-ni ở Sri Lanka, cung cấp cho nữ tu sĩ một vị thế tôn nghiêm rất quan trọng cho sự phục hồi của nó vào thời hiện đại. Yếu tố đó sẽ đóng một vai trò thậm chí còn lớn hơn trong sự hồi sinh hiện đại của nó.

2. Chi Phần

Trong Luật Tạng, giải thích về quy tắc ứng xử dành cho Tăng Ni trong Phật giáo, có nhiều giới luật dành cho chư Tỳ-kheo-ni hơn là dành cho Tỳ-kheo đã xuất phát từ đại bi tâm của Đức Phật tương ứng với những gì mà Ngài chứng biết. Số giới luật dành cho các Tỳ-kheo-ni mà ngày nay chư Ni thuộc Phật giáo Nguyên thủy thọ trì gồm có 311 giới (Patimokkha) và Tỳ-kheo thì 227 giới. Và, 348 giới cho Tỳ-kheo-ni và 250 cho Tỳ-kheo mà ngày nay chư Tăng của Phật giáo Đại thừa đang thọ trì. Mục đích của những quy định bổ sung này là để bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần của nữ giới, trong đó có tính đến những thách thức đặc biệt và môi trường xã hội mà họ phải đối mặt. Sự quan tâm thấu đáo đối với Tỳ-kheo-ni về giới bổn (Patimokkha) đã đặt nền móng vững chắc cho cách tiếp cận toàn diện đối với trật tự, thanh tịnh và hòa hợp trong cộng đồng Tăng sĩ nữ.

Giống như các vị Tỳ-kheo, các vị Tỳ-kheo-ni cũng tuân thủ 311 giới luật một cách nghiêm túc bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau của cuộc sống trong Tăng đoàn, như đã đề cập trước đây. Tám (8) Pàràjika (Ba-la-di), được nêu ở trên, xử phạt những hành vi vi phạm nghiêm trọng như quan hệ tình

dục, trộm cắp, giết người và tuyên bố một cách không trung thực những thành tựu cao quý tức là vọng ngữ thì bị trục xuất ngay lập tức khỏi Tăng đoàn. Những quy định như vậy nhấn mạnh và lặp lại tầm quan trọng của việc duy trì tính xác thực và độ tin cậy của Tăng Đoàn bao gồm cả Tăng và Ni. Mười bảy (17) quy định của Sanghàdisesa (Tăng tàn) giải quyết các hành vi vi phạm như hành vi sai trái với người khác và phá vỡ sự hòa hợp giữa các Tỳ-kheo thì phải bị biệt trú trong một thời gian và phải trải qua một số xử phạt khác mới được xuất tội bởi một hội đồng với đủ túc số như luật ấn định. Mười bảy quy tắc này tạo thành Sanghadisesa, mang lại sự thanh tịnh, hòa hợp và trách nhiệm chung cho Tăng Đoàn.

Các quy tắc của Nissaggiya Pacittiya gồm 30 pháp Xả đọa đề cập đến những hành vi phạm tội đòi hỏi phải xả thí vật dụng và sám hối. Ba mươi Nissaggiya Pacittiya, chủ yếu tập trung vào việc xử lý đúng đắn của cải vật chất và nhắc nhở Tăng sĩ sống một cuộc sống đơn giản chỉ với những của cải với tinh thần vô ngã chấp. Các quy tắc của Pàcittiya (Tội đọa/ Đơn đọa), chỉ ủng hộ việc nhận lỗi một cách thô sơ, bao gồm nhiều hành vi, bao gồm lời nói, tương tác với những người không có

niềm tin và hành vi cá nhân. Một trăm sáu mươi sáu (166) quy tắc này hỗ trợ chư Ni trong việc trau dồi chánh niệm và kỷ luật tự giác trong cuộc sống hàng ngày, bảo đảm hành vi của họ phù hợp với các giá trị đạo đức chung của Tăng đoàn.

Các quy tắc khác trong Tỳ-kheo-ni giới bổn (Patimokkha) là Tám (8) Pàtidesaniya (ba-la-đề-xá-ni), đề cập đến cách cư xử lịch sự và nghi thức; và Patidesaniya, kêu gọi thú nhận hành vi vi phạm bằng lời sám hối. Do đó, Tỳ-kheo-ni giới bổn (Patimokkha) cảnh giác chư Ni nên giao tiếp với những người ủng hộ với sự tôn trọng thích đáng và tránh những hành vi không phù hợp điển hình, một số trong đó liên quan đến việc nhận thức ăn và các vật phẩm khác.

Bảy mươi lăm quy tắc, hay Sekhiya (pháp chúng học) bao gồm việc lưu tâm đến các hành vi công cộng và riêng tư của chư Ni. Thái độ, thực hành ăn kiêng và truyền giáo là một số quy tắc. Những quy tắc đào tạo này, về cơ bản có ý nghĩa quan trọng đối với việc duy trì sự tôn trọng và phẩm giá trong Tăng đoàn, thực thi các hành vi công khai và riêng tư của các Tỳ-kheo-ni bằng giới luật nghiêm minh. Các quy tắc Adhikarana Samatha (Diệt tránh) đặt ra bảy (7) nguyên tắc giải quyết tranh chấp giữa các

thành viên Tăng đoàn. Các giới này bảo đảm rằng các tranh chấp được giải quyết rõ ràng và công lý sẽ thắng thế với sự cân nhắc về mặt đạo đức dựa trên những gì Luật Tạng đã đặt ra.

**** Lược thuyết 348 Giới Tỳ-kheo-ni:**

8 giới Ba La Di:

1- Giới phạm bất tịnh hạnh
2- Giới không cho mà lấy
3- Giới sát hại mạng người
4- Giới đại vọng ngữ
5- Giới tâm nhiễm, xúc chạm
6- Giới tâm nhiễm tám việc
7- Giới phú tha trọng tội
8- Giới thuận tàng tác cử

17 giới Tăng Già Bà Thi Sa:

1- Giới cấm mai mối
2- Giới không căn cứ mà vu báng
3- Giới chút cớ vu báng
4- Giới thưa kiện cư sĩ
5- Giới biết là tặc nữ vẫn độ xuất gia
6- Giới giải tội ni bị cử
7- Giới một mình qua sông, vào làng, ngủ một mình
8- Giới tâm nhiễm thọ thức ăn

9- Giới khuyên thọ vật nhiễm
10- Giới phương tiện phá Tăng
11- Giới kết bè đảng phá Tăng
12- Giới làm hoen ố nhà người
13- Giới có tính ác, can không nghe
14- Giới che tội
15- Giới dạy người che tội
16- Giới sân xả Tam bảo
17- Giới ưa cãi không nhớ

30 giới Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề

1- Giới cất y dư
2- Giới lìa y ngủ
3- Giới cất y quá 1 tháng
4- Giới không bà con mà xin y
5- Giới lấy y quá hạn
6- Giới tham tốt xin y
7- Giới khuyên chung tiền lại
8- Giới quá 6 lần đòi y
9- Giới tự tay nhận của báu
10- Giới buôn bán các thứ bảo vật
11- Giới buôn bán các thứ
12- Giới kiếm bát quá phận
13- Giới xin chỉ may y
14- Giới tham đẹp dệt thêm
15- Giới sân giận đòi y
16- Giới cất thuốc quá 7 ngày

17- Giới cất y cúng gấp
18- Giới lấy vật của Tăng
19- Giới cầu này đòi kia
20- Giới cúng kiết giới đường đem may y
21- Giới cúng để ăn mà đem may y
22- Giới cúng để làm phòng mà đem may y
23- Giới xây tăng xá mà đem may y
24- Giới chứa bát dư
25- Giới chứa nhiều đồ vật tốt đẹp
26- Giới hứa cho bệnh y mà sau không cho
27- Giới lấy y phi thời làm y phải thời
28- Giới trao đổi y, sau sân đòi lại
29- Giới xin y trọng quá giá
30- Giới xin y nhẹ quá giá

178 giới Ba Dật Đề

1- Giới biết mà nói dối
2- Giới chê bai
3- Giới nói hai lời
4- Giới cùng người nam ngủ chung một nhà
5- Giới ngủ chung với chúng nhỏ quá đêm
6- Giới cùng với bạch y tụng giới
7- Giới hướng vào người thế tục mà nói tội thô của Tỳ kheo ni
8- Giới hướng về người thế tục mà nói pháp tự chứng
9- Giới nói với nam tử quá lời

10- Giới tự tay đào đất
11- Giới hoại quỷ thần thôn
12- Giới nói lời gây phiền não
13- Giới ghét mắng tri sự
14- Giới trải đồ đất trống
15- Giới phòng Tăng không cất ngọa cụ
16- Giới cưỡng chế chỗ nằm
17- Giới lôi người ra khỏi phòng
18- Giới ngồi giường ghế gãy chân
19- Giới dùng nước có trùng để tưới
20- Giới phòng lớn lợp quá mức
21- Giới không bệnh mà ăn quá bữa
22- Giới biệt chúng mà ăn
23- Giới ăn quá 3 bát
24- Giới ăn phi thời
25- Giới ăn thức ăn cách đêm
26- Giới chưa nhận lời mời mà ăn
27- Giới đi mà không nói
28- Giới cưỡng ngồi lâu trong nhà thí chủ
29- Giới ngồi ăn chỗ khuất
30- Giới cùng nam tử ngồi đất trống
31- Giới hứa cho ăn xong đuổi đi
32- Giới thuốc quá 4 Tháng
33- Giới xem đấu chiến
34- Giới ở trong quân trận quá đêm
35- Giới ngủ trong quân đội mà xem chiến đấu

36- Giới uống rượu
37- Giới cười đùa, giỡn trong nước
38- Giới buồn người khác
39- Giới không nghe lời can gián
40- Giới khủng bố Sa di
41- Giới không bệnh mà tắm quá
42- Giới đốt lửa đất trống
43- Giới giấu y vật của Ni
44- Giới cho rồi lấy lại
45- Giới dùng y mới nguyên (không hoại sắc)
46- Giới cố giết hại chúng sanh
47- Giới uống nước có trùng
48- Giới cố tâm khuấy não Tỳ kheo ni khác
49- Giới che giấu lỗi người
50- Giới khơi sự tranh cãi
51- Giới cùng đi với giặc
52- Giới tà kiến sinh phỉ báng
53- Giới theo người có lỗi
54- Giới dung dưỡng Sa di ni bị tẫn
55- Giới nghịch lại lời can, vặn hỏi
56- Giới khinh chê nói giới
57- Giới không học giới luật
58- Giới trái phạm yết ma
59- Giới không gửi dục mà đi
60- Giới gửi dục xong lại trách
61- Giới nói hai lưỡi, lén nghe

62- Giới giận đánh Tỳ kheo ni khác
63- Giới sân giận dọa đánh
64- Giới phỉ báng không căn cứ
65- Giới vào cung vua
66- Giới cầm giữ vàng ngọc
67- Giới vào làng phi thời
68- Giới làm giường quá cỡ
69- Giới dồn bông độn nệm
70- Giới ăn tỏi
71- Giới cạo lông ba chỗ
72- Giới tẩy tịnh quá lượng
73- Giới lấy hồ giao làm nam căn
74- Giới đi cùng nhau vỗ
75- Giới cung cấp quạt và nước
76- Giới xin lúa gạo sống
77- Giới tiểu tiện trên cỏ tươi
78- Giới đổ bậy đồ dơ
79- Giới xem nghe ca nhạc
80- Giới cùng người nam đứng chỗ vắng
81- Giới cùng người nam vào chỗ đứng
82- Giới cùng người nam nói thầm
83- Giới không nói mà đi
84- Giới không nói mà ngồi
85- Giới không nói mà trải tòa ngủ
86- Giới cùng nam tử vào nhà tối
87- Giới không xét kỹ lời nói

88- Giới một chút chuyện nhỏ mà thề thốt
89- Giới đấm ngực khóc la
90- Giới không bệnh mà nằm chung
91- Giới nằm chung đệm và chung chăn
92- Giới hỏi để quấy rối
93- Giới không thăm bệnh
94- Giới an cư rồi mà sân đuổi ra
95- Giới ba thời đi dạo chơi
96- Giới an cư rồi không đi
97- Giới biên giới có nạn mà du hành
98- Giới trong khu vực có nạn mà du hành
99- Giới thân cận thế tục
100- Giới đi xem cung vua
101- Giới khỏa thân tắm sông
102- Giới khăn tắm quá cỡ
103- Giới may y quá ngày
104- Giới quá ngày không xem y
105- Giới ngăn cản cúng y
106- Giới không hỏi người mà lấy đắp mặc y
107- Giới cho ngoại đạo y
108- Giới ngăn Tăng không chia y
109- Giới khiến tăng không xả y
110- Giới ngăn cản ni tăng
111- Giới diệt sự tranh cãi giúp
112- Giới trao đồ ăn cho ngoại đạo
113- Giới làm sứ cho bạch y

114- Giới tự tay quay chỉ
115- Giới nằm ngồi giường thế tục
116- Giới ngủ nhà thế tục đi không chào
117- Giới tụng tập thế tục chú thuật
118- Giới dạy người tụng tập thế tục chú thuật
119- Giới độ người nữ có thai cho thọ giới
120- Giới độ người nữ con còn bú cho thọ giới
121- Giới độ người thiếu tuổi
122- Giới không cho học giới
123- Giới không cho học 6 pháp
124- Giới không cho cứ thọ cụ túc
125- Giới thiếu năm cho thọ cụ túc
126- Giới không thưa chúng tăng mà cho thọ cụ túc
127- Giới độ dâm nữ
128- Giới độ người không đúng pháp
129- Giới hai năm không theo thầy học giới
130- Giới trái Tăng truyền giới cụ túc
131- Giới chưa đủ hạ mà truyền giới
132- Giới không cho mà truyền cụ túc
133- Giới phỉ báng vì không cho
134- Giới người thân ngăn mà cho thọ cụ túc
135- Giới độ người đang yêu
136- Giới hứa cho thọ mà không cho
137- Giới nhận y mà không cho thọ cụ túc
138- Giới độ quá lượng đệ tử trong 1 năm

139- Giới để cách đêm mới đưa sang đại Tăng thọ cụ túc giới
140- Giới không bệnh không đến nhận giáo thọ
141- Giới nửa tháng không cầu giáo thọ
142- Giới không cầu tự tứ
143- Giới an cư chỗ không có Tăng
144- Giới không bạch Tỳ kheo Tăng mà vào chùa
145- Giới mạ lị Tỳ kheo
146- Giới tranh cãi không nhớ
147- Giới mổ nhọt không thưa
148- Giới ăn đủ rồi sau lại ăn
149- Giới tật đố với thầy
150- Giới hương liệu xoa mình
151- Giới dầu mè xoa mình
152- Giới bảo đồng giới xoa thân
153- Giới bảo Thức xoa xoa thân
154- Giới bảo Sa di ni xoa thân
155- Giới bảo phụ nữ xoa thân
156- Giới mặc quần áo độn bông
157- Giới chứa đồ nữ trang
158- Giới đi giày da mà cầm dù (ô)
159- Giới không bệnh mà đi xe
160- Giới không mặc Tăng kỳ
161- Giới tối đến nhà người
162- Giới tối mở cửa chùa
163- Giới mặt trời lặn đi mà không dặn

164- Giới không an cư
165- Giới truyền giới cho nữ nhân bị bệnh thường xuất[1]
166- Giới truyền giới cho hai hình
167- Giới truyền giới cho người hai đường hợp một
168- Giới truyền giới cho người mắc nợ
169- Giới học kỹ thuật thế tục để tự nuôi sống
170- Giới dạy bạch y kỹ thuật thế tục
171- Giới bị đuổi không đi
172- Giới không cầu trước mà hỏi
173- Giới quấy rối chọc tức
174- Giới xây tháp Ni ở chùa Tăng
175- Giới khinh tân Tỳ kheo
176- Giới đi mà tạo dáng
177- Giới dùng đồ trang sức
178- Giới bảo ngoại đạo nữ xoa thân

8 giới Ba-la-đề Đề-xá-ni

1- Giới không bệnh kiếm sữa tô
2- Giới không bệnh kiếm dầu
3- Giới không bệnh kiếm mật
4- Giới không bệnh kiếm đường
5- Giới không bệnh kiếm sữa
6- Giới không bệnh kiếm lạc
7- Giới không bệnh kiếm cá
8- Giới không bệnh kiếm thịt

---

1 Đại tiểu tiện, mũi dãi thường chảy ra

100 pháp Chúng học

1- Nên tề chỉnh mặc quần áo, cần phải học
2- Nên tề chỉnh trược ngũ y, cần phải học
3- Không được vắt y vào nhà thế tục, cần phải học
4- Không được vắt y vào nhà thế tục ngồi, cần phải học
5- Không được y quấn cổ vào nhà bạch y, cần phải học
6- Không được y quấn cổ vào nhà bạch y ngồi, cần phải học
7- Không được che đầu vào nhà bạch y, cần phải học
8- Không được che đầu vào nhà bạch y ngồi, cần phải học
9- Không được đi nhảy vào nhà thế tục, cần phải học
10- Không được đi nhảy vào nhà thế tục ngồi, cần phải học
11- Không được ngồi xổm trong nhà bạch y, cần phải học
12- Không được chống nạnh đi vào nhà bạch y, cần phải học
13- Không được chống nạnh đi vào nhà bạch y ngồi, cần phải học
14- Không được uốn éo thân khi đi vào nhà bạch y, cần phải học

15- Không được uốn éo thân khi đi vào nhà bạch y ngồi, cần phải học
16- Không được vẫy tay khi đi vào nhà thế tục, cần phải học
17- Không được vẫy tay khi đi vào nhà thế tục ngồi, cần phải học
18- Khéo che kín thân vào nhà bạch y, cần phải học
19- Khéo che kín thân vào nhà bạch y ngồi, cần phải học
20- Không được ngó nhìn phải trái vào nhà bạch y, cần phải học
21- Không được ngó nhìn phải trái vào nhà bạch y ngồi, cần phải học
22- Tĩnh mặc vào nhà bạch y, cần phải học
23- Tĩnh mặc vào nhà bạch y ngồi, cần phải học
24- Không được giỡn cười vào nhà bạch y, cần phải học
25- Không được giỡn cười vào nhà bạch ngồi, cần phải học
26- Chánh ý thọ cơm, cần phải học
27- Bằng bát thọ cơm, cần phải học
28- Bằng bát thọ canh, cần phải học
29- Cơm canh cùng ăn, cần phải học
30- Thứ tự mà ăn, cần phải học
31- Không được moi giữa bát mà ăn, cần phải học

32- Không bệnh không được tự mình xin cơm và thức ăn, cần phải học
33- Không được lấy cơm phủ trên thức ăn, mong được thêm, cần phải học
34- Không được nhìn trong bát người ngồi gần khởi tâm hiềm hận, cần phải học
35- Nên chú tâm vào bát quán tưởng mà ăn, cần phải học
36- Không được vắt cơm lớn miếng ăn, cần phải học
37- Không được há miệng lớn đợi cơm ăn, cần phải học
38- Không được ngậm cơm nói, cần phải học
39- Không được nắm cơm từ xa mà tung vào miệng, cần phải học
40- Không được đổ vãi khi ăn cơm, cần phải học
41- Không được phồng má ăn, cần phải học
42- Không được nhai cơm có tiếng khi ăn, cần phải học
43- Không được hớp cơm lớn miếng mà ăn, cần phải học
44- Không được lưỡi liếm thức ăn, cần phải học
45- Không được vung tay khi ăn, cần phải học
46- Không được tay nhặt cơm rơi mà ăn, cần phải học
47- Không được tay bẩn cầm thức ăn, đồ đựng thức ăn, cần phải học

48- Không được đổ nước rửa bát trong nhà bạch y, cần phải học
49- Không được trên cỏ tươi đại tiểu tiện, khạc nhổ, trừ bệnh, cần phải học
50- Không được đại tiểu tiện, khạc nhổ trong nước sạch, trừ bệnh, cần phải học
51- Không được đứng đại tiểu tiện, trừ bệnh, cần phải học
52- Không được thuyết pháp cho người vắt ngược y không cung kính, trừ bệnh, cần phải học
53- Không được thuyết pháp cho người y quấn cổ, trừ bệnh, cần phải học
54- Không được thuyết pháp cho người y trùm đầu, trừ bệnh, cần phải học
55- Không được thuyết pháp cho người khăn quấn đầu, trừ bệnh, cần phải học
56- Không được thuyết pháp cho người tay chống nạnh, trừ bệnh, cần phải học
57- Không được thuyết pháp cho người mang dép da, trừ bệnh, cần phải học
58- Không được thuyết pháp cho người đi guốc mộc (gỗ), trừ bệnh, cần phải học
59- Không được thuyết pháp cho người ngồi trên xe, trừ bệnh, cần phải học
60- Không được trong tháp thờ Phật mà ngủ nghỉ, trừ vì giữ gìn, cần phải học

61- Không được trong tháp thờ Phật cất chứa đồ vật, cần phải học
62- Không được mang giày dép vào trong tháp Phật, cần phải học
63- Không được cầm giày dép vào trong tháp Phật, cần phải học
64- Không được đi giày dép nhiễu quanh tháp Phật, cần phải học
65- Không được đi giày, ủng vào trong tháp Phật, cần phải học
66- Không được cầm giày, ủng vào trong tháp Phật, cần phải học
67- Không được ngồi ăn dưới tháp, để đồ ăn làm nhơ bẩn cỏ và đất, cần phải học
68- Không được khiêng thây chết đi qua tháp Phật, cần phải học
69- Không được ở dưới tháp chôn tử thi, cần phải học
70- Không được ở dưới tháp thiêu tử thi, cần phải học
71- Không được hướng về tháp Phật thiêu tử thi, cần phải học
72- Không được bốn xung quanh phía tháp thiêu tử thi, khiến mùi hôi thúi bay vào, cần phải học
73- Không được đem quần áo của người mất và

giường đi qua dưới tháp, trừ đã giặt nhuộm, xông hương, cần phải học

74- Không được ở dưới tháp đại tiểu tiện, cần phải học

75- Không được hướng về tháp Phật mà đại tiểu tiện, cần phải học

76- Không được bốn phía xung quanh tháp mà đại tiểu tiện, cần phải học

77- Không được đem tượng Phật đến chỗ đại tiểu tiện, cần phải học

78- Không được ở dưới tháp Phật mà xỉa răng, cần phải học

79- Không được hướng về phía tháp Phật mà xỉa răng, cần phải học

80- Không được bốn phía xung quanh tháp Phật mà xỉa răng, cần phải học

81- Không được dưới tháp Phật mà khạc nhổ, cần phải học

82- Không được hướng về phía tháp Phật mà khạc nhổ, cần phải học

83- Không được bốn phía xung quanh tháp Phật mà khạc nhổ, cần phải học

84- Không được ngồi duỗi chân về phía tháp Phật, cần phải học

85- Không được an vị tượng Phật ở phòng dưới, mình ở phòng trên, cần phải học

86- Người ngồi mình đứng không được thuyết pháp, trừ bệnh, cần phải học
87- Người nằm mình ngồi không được thuyết pháp, trừ bệnh, cần phải học
88- Người ngồi ghế giữa mình ngồi ghế bên không được thuyết pháp, trừ bệnh, cần phải học
89- Người ngồi chỗ cao mình ngồi chỗ thấp không được thuyết pháp, trừ bệnh, cần phải học
90- Người đi trước mình đi sau không được thuyết pháp, trừ bệnh, cần phải học
91- Người đi kinh hành chỗ cao, mình đi kinh hành chỗ thấp không được thuyết pháp, trừ bệnh, cần phải học
92- Người ở đường giữa, mình ở lề đường không được thuyết pháp, trừ bệnh, cần phải học
93- Không được nắm tay nhau đi ngoài đường, cần phải học
94- Không được leo cây cao quá đầu người, trừ có nhân duyên, cần phải học
95- Không được bỏ bát vào đẫy, xỏ đầu gậy để trên vai mà đi, cần phải học
96- Người cầm gậy, không cung kính, không nên thuyết pháp, trừ bệnh, cần phải học
97- Người cầm kiếm, không cung kính, không nên thuyết pháp, trừ bệnh, cần phải học

98- Người cầm mâu, không cung kính, không nên thuyết pháp, trừ bệnh, cần phải học
99- Người cầm dao, không cung kính, không nên thuyết pháp, trừ bệnh, cần phải học
100- Người cầm dù (ô), không cung kính, không nên thuyết pháp, trừ bệnh, cần phải học.

7 pháp Diệt tránh

1- Đáng cho hiện tiền tỳ ni nên cho hiện tiền tỳ ni
2- Đáng cho ức niệm tỳ ni nên cho ức niệm tỳ ni
3- Đáng cho bất si tỳ ni nên cho bất si tỳ ni
4- Đáng cho tự ngôn trị nên cho tự ngôn trị
5- Đáng cho tìm tội chướng nên tìm tội chướng
6- Đáng cho nhiều người tìm tội nên cho nhiều người tìm tội
7- Đáng cho như cỏ che đất nên cho như cỏ che đất.

3. Bát Kỉnh Pháp (Garudhamma)

Tám Garudhammas (Bát kỉnh pháp), được đề xuất làm điều kiện cho việc thành lập Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni, là đặc điểm của giới luật dành cho các chư Ni vốn được chế định để bảo vệ chư Ni ở thời điểm có quá nhiều hiểm ách cũng như sự cách biệt xuất phát từ sự phân chia giai cấp, nhưng mục tiêu chính của Bát kỉnh pháp là tạo điều kiện thuận lợi

cho việc hội nhập của các nữ tu vào đời sống vô gia đình của Tăng đoàn đồng thời tránh những xuyên tạc, dị nghị sai lầm từ những thành phần thiếu thiện cảm và không có tầm nhìn thông thoáng và hiểu biết. Chư Tăng đi trước chư Ni để tránh trình trạng đi xen lẫn hoặc đi ngang hàng, cặp kè vốn tạo ra nhiều nghi ngờ, dị nghị về giới đức; nhưng quan trọng hơn, khi chư Tăng đi trước chư Ni cũng là cách bảo vệ sự an toàn cho chư Ni. Chư Tỳ-kheo-ni tuổi đã cao nhưng phải lễ kính các vị Tỳ-kheo là do 500 nữ lưu xin xuất gia lúc ấy đều là những vị có thân thế trong hoàng gia nên có thể có những khinh mạn đối với những Tỳ-kheo trẻ tuổi hoặc những Tỳ-kheo xuất thân từ dòng dõi hạ tiện…

Nhiều quy định chi tiết xác định cuộc sống của một nữ tu đã tập trung vào các cam kết thúc đẩy đời sống đạo đức cao và sống hòa hợp với các thành viên khác trong cộng đồng. Chư Ni, bằng cách tuân thủ những giới bổn (*Pāṭimokkha*), thể hiện những đức tính cơ bản như trí thông minh, chánh niệm, tỉnh giác, tự chủ, lòng từ bi và những đức tính quan trọng khác góp phần vào sự tiến bộ trong cuộc sống của họ. Giới luật của Tỳ-kheo-ni (*Bhikkhuni Pāṭimokkha*) khôi phục kỷ luật, ngăn chặn hành vi sai trái và thúc đẩy một môi trường

thanh tịnh, an lạc, giúp nâng cao khả tính giác ngộ. Quy tắc ứng xử toàn diện này cho phép các nữ tu thực hành hạnh nguyện xuất gia và thúc đẩy sự phát triển tâm linh trong Tăng đoàn giống như các nam tu sĩ trên nền tảng của sự hướng dẫn về mặt đạo đức bởi các giới luật vốn là nhân tố tạo nên một đời sống phạm hạnh, thánh thiện rất khả kính.

Bát Kỉnh Pháp gồm:

1- Tỳ kheo ni dù 100 tuổi hạ, thấy vị Tỳ kheo tăng mới thọ giới cũng phải đứng lên đảnh lễ và trải tòa sạch sẽ mời ngồi.
2- Tỳ kheo ni không được chê bai, mắng nhiếc Tỳ kheo tăng.
3- Tỳ kheo ni không được cử tội, nói lỗi của Tỳ kheo tăng; ngược lại, Tỳ kheo tăng được quyền nói lỗi của Tỳ kheo ni.
4- Thức xoa ma na sau khi trải qua 2 năm học giới nên theo chúng tăng để cầu thọ đại giới.
5- Tỳ kheo ni phạm tội Tăng tàn nên phải nửa tháng ở hai bộ Đại tăng hành pháp Ma na đỏa (ý hỷ).
6- Tỳ kheo ni mỗi nửa tháng phải theo Tỳ kheo tăng cầu thọ học.
7- Tỳ kheo ni không được an cư ở nơi không có Tỳ kheo tăng.

8- Sau an cư, Tỳ kheo ni nên ở trong chúng Tỳ kheo tăng cầu xin ba việc để tự tứ sám hối là thấy, nghe và nghi.

4. Vai Trò Và Tác Động

Đối với Tỳ kheo Ni, giới luật có tầm quan trọng hàng đầu, vì chúng là thành trì của kỷ luật Tăng đoàn và bảo đảm rằng chư Ni hành xử đúng đắn với tư cách là thành viên của một Tăng đoàn Phật giáo. Chư Ni sống theo 311 hay 348 giới là quy tắc cấu thành Bhiṃsuni Pātimokkha, những quy tắc trở nên quan trọng đối với đức tính từ bi, kiềm chế và nhận thức về các hoạt động nhằm phát triển tâm linh. Những giới luật này đóng vai trò là những hướng dẫn sáng suốt và rõ ràng cho cuộc sống.

Sứ mệnh dấn thân phụng sự chúng sanh trên nền tảng của giới luật, nhằm mục đích định hình cuộc sống của một nữ tu sĩ thành một cuộc đời đầy tiềm năng và đức hạnh. Một hệ thống được Tăng đoàn thấm nhuần sẽ hiệu chỉnh nền tảng trật tự, hòa hợp, ngăn chặn những hành vi sai trái và tạo nên một môi trường hỗ trợ hữu hiệu cho hoạt động tâm linh.

Việc tuân thủ các giới luật thúc đẩy cuộc sống cộng đồng hòa hợp, thanh tịnh, một lối sống định tĩnh và trí tuệ.

Theo lịch sử, Tăng đoàn của các Tỳ-kheo-ni đã phải trải qua biết bao thăng trầm hưng phế. Đã có những trường hợp truyền thống này bị suy tàn và tiêu vong ở nhiều vùng khác nhau do các cuộc nổi dậy chính trị và biến động xã hội. Sự tái lập hiện nay của Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni tại một số quốc gia đã gây ra những phản ứng trái chiều, phản ánh thái độ nhận thức của xã hội đối với truyền thống và vấn đề bình đẳng giới. Hầu hết các quốc gia theo Phật giáo Đại thừa đã có thể thành công trong nỗ lực phục hồi truyền thống Tỳ-kheo-ni và nó đang gia tăng rộng rãi tại nhiều quốc gia khác.

Tuy nhiên, cũng có sự phản đối và hoài nghi về tính xác thực và truyền thống của nó trong các lĩnh vực bảo thủ hơn. Bất chấp những thách thức này, một số quốc gia, bao gồm cả Sri Lanka, đã cố gắng bảo tồn và tiếp tục truyền thừa truyền thống Tỳ-kheo-ni một cách đầy đủ, tạo điều kiện cho việc khôi phục truyền thống Ni chúng xuất gia như hiện nay.

Do đó, sự phục hồi gần đây của Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni ở một số nước thể hiện qua những cuộc thảo luận bình đẳng về truyền thống, tính xác thực và công bằng xã hội, gợi ra những mức độ ủng hộ và quan ngại đối lập khác nhau. Ở các quốc gia có

truyền thống Phật giáo Nguyên thủy, những nỗ lực nhằm khôi phục lại việc thọ giới Tỳ-kheo-ni đã đặc biệt khởi sắc và có nhiều dấu hiệu thành công.

Sự phục hoạt của Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni hiện đang diễn ra ở một số quốc gia như Đài Loan, Nam Hàn, Hồng Kông, Việt Nam, Singapore, Malaysia, Hoa Kỳ, Âu Châu, Úc Châu, Sri Lanka... là bằng chứng về truyền thống quan trọng và lâu dài của nữ giới trong Phật giáo. Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni mang lại ý thức mới về mục đích cho phụ nữ tham gia đầy đủ vào công việc của Tăng đoàn và đạt được hạnh nguyện xuất trần thượng sĩ của một đời sống xuất gia phạm hạnh, từ đó tiếp tục phát triển tâm linh của họ cùng với sự phát triển tâm linh của xã hội.

Sự trỗi dậy của nữ giới trong thời hiện đại chứng tỏ nhu cầu hòa nhập và sự công nhận lớn hơn về sự đóng góp quan trọng của nữ giới đối với xã hội trong đó có những hành giả trong Phật giáo. Những nỗ lực của cư sĩ và tu sĩ để giải quyết những vấn đề ảnh hưởng đến chư Ni trong Tăng đoàn giữa thời đại văn minh khoa học hiện đại là hết sức thiết yếu. Bước đi này thúc đẩy bình đẳng giới và đưa các nữ tu sĩ hòa nhập vào cơ cấu Tăng đoàn như thời Đức Phật còn trụ thế.

Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni cũng phải đối mặt với những khó khăn thực tế ở một số nơi. Phần lớn, các nữ tu ở một số quốc gia được công nhận và hỗ trợ rất kém so với nam giới. Vì vậy, để Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni tiếp tục phát triển và hưng thịnh, cần phải có những nỗ lực tập trung trong việc giáo dục chư Ni cũng như cung cấp nguồn lực và hỗ trợ phương tiện hành hoạt cho họ. Những giới luật dành cho chư Ni phục vụ hai chức năng rất quan trọng: duy trì kỷ luật Tăng đoàn và mang lại lợi ích tinh thần cho các nữ hành giả. Điều này không chỉ khiến cho mỗi hành giả tăng trưởng giới đức, tịnh hóa thân tâm mà còn tạo ra một môi trường truyền cảm hứng và động lực cho cả cộng đồng tu sĩ và cư sĩ, làm sâu sắc thêm cam kết của họ đối với giáo lý của Đức Phật.

Giới luật của các Tỳ-kheo-ni đóng một vai trò quan trọng trong việc trao quyền điều hành cho phụ nữ bằng cách đáp ứng nhu cầu về một khuôn khổ lành mạnh, có hệ thống và ngay thẳng về mặt đạo đức, để qua đó họ có thể xuất gia, có một môi trường tu học bình đẳng để đạt được sự chứng ngộ bình đẳng, vô phân biệt như lời Phật dạy. Về vấn đề này, sự hồi sinh của Tăng đoàn Tỳ-kheo-ni có ý nghĩa lớn hơn nhiều trong việc thúc đẩy sự hòa nhập giới

tính trong Phật giáo và củng cố việc thực thi các sứ mệnh hoằng pháp lợi sanh cho nữ giới. Trong suốt lịch sử, việc phụ nữ phát tâm xuất gia đã cho phép họ tham gia vào một hạnh nguyện lớn đã có từ thời Đức Phật. Sau khi khôi phục truyền thống Tỳ-kheo-ni (bhikkhuni), nữ giới có khả năng hoàn toàn trong các công tác văn hóa, xã hội, từ thiện, truyền thông, giáo dục, đào tạo hoằng pháp…; đây là một bước tiến lớn trong sự phát triển tâm linh và làm cho cộng đồng Phật giáo ngày càng vững mạnh hơn. Sự hồi sinh có ý nghĩa quan trọng trong thời đại hiện nay, vì nhu cầu bình đẳng giới cũng như trao quyền cho phụ nữ trong giới tôn giáo và tâm linh đang dần được công nhận.

Ngoài ra, bằng cách tuân thủ giới luật, các Tỳ-kheo-ni có thể truyền cảm hứng cho người khác theo đuổi chánh Pháp với những phẩm chất đạo đức như chánh niệm, từ bi và trí tuệ trong mọi hành vi phòng ngừa của họ. Giới tính còn lại trong trật tự tu viện cung cấp một cán cân cân bằng cho những gì mà Tăng đoàn luôn cổ súy. Kinh nghiệm sống đa dạng trên nền tảng của giới luật làm phong phú thêm việc thực hành Phật sự nói chung trong nhiều trường hợp, qua đó chư Ni thể đóng góp tích cực cho xã hội và trở thành sứ giả khả kính của đức Phật.

Chương IX

Bồ Tát Giới
(Bodhisattva-sīla)

1. Giới Thiệu

Giới luật Bồ tát, hay trong tiếng Phạn, Bodhisattva-śīla, là một bộ luật hướng dẫn đạo đức được chế định có chủ đích để hướng dẫn một hành giả hành hoạt như vị như một vị Bồ tát. Bồ tát là người có ý định đạt được Phật quả vì lợi ích của tất cả chúng sinh khác chứ không phải cho riêng mình. Những giới luật này tồn tại như một mẫu mực của một khuôn khổ cho hành vi đạo đức, theo các giá trị từ bi và vị tha của Phật giáo Đại thừa, mà người ta có thể trau dồi tâm giác ngộ, hay Bồ đề tâm. Chắc chắn chúng phải gợi lên những đức tính cần thiết trên con đường trở thành một vị Bồ Tát như: bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ.

Điều này là do lý tưởng của chư Bồ Tát trong Phật giáo Đại thừa bao gồm lòng từ bi phục vụ tất cả chúng sinh. Bồ Tát là người tìm kiếm Phật quả vì lợi ích của tất cả chúng sinh. Nó là sự kết hợp của từ tiếng Phạn Bodhi – có nghĩa là sự giác ngộ, và sattva – có nghĩa là hiện hữu hay hữu tình. Bồ Tát là những chúng sinh từ bi, phát nguyện sẽ không nhập niết bàn cho đến khi quý ngài hướng dẫn được tất cả chúng sinh khác giải thoát mọi đau khổ, trong khi các hành giả Thanh văn đang cố gắng giải thoát chính mình. Bồ đề tâm, những phương tiện cứu độ chúng sanh, là nền tảng đạo đức của lý tưởng Bồ tát. Ý định tìm kiếm sự giác ngộ vì lợi ích của người khác đang ở đỉnh cao.

Một vị Bồ tát trong Phật giáo Đại thừa áp dụng một hệ thống giới luật rất đa dạng và sâu rộng, hình thành nên mọi hành vi của ngài trong cuộc sống. Những giới luật này có thể được phân loại thành hai nhóm, chính và phụ, tương tự như những hành vi đạo đức rộng rãi được mong đợi ở một vị Bồ tát. Mười giới trọng là những quy tắc cơ bản hướng dẫn hoạt động của con người, bao gồm việc cấm sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối cấm bán rượu... Hơn nữa, giới không vọng ngữ nhấn mạnh rằng người ta không nên tự khen mình trong khi nói xấu người khác; tiết chế, không giận dữ; hủy báng Tam Bảo

(Phật, Pháp, Tăng) cũng như tiếc lẫn tài và pháp. Những giới luật trên tạo thành những nền tảng cơ bản cho việc điều chỉnh đạo đức đối với hành vi của một vị Bồ Tát, bảo đảm rằng hành động của vị ấy vẫn nằm trong khuôn khổ của những đức tính căn bản là từ bi và trí tuệ một cách phổ quát.

Ngược lại với những điều trên, Bốn mươi tám giới khinh đề cập đến phạm vi rộng hơn của các thực hành cá nhân và xã hội đồng thời đưa ra các chuẩn mực đạo đức chi tiết hơn. Trong số đó có những điều như không ăn thịt, không đam mê theo đuổi mục đích tà mạng và không oán giận hay phẫn nộ… Một lần nữa, hai trong số những yếu tố quan trọng nhất nhấn mạnh vào nhu cầu hòa nhập xã hội và thương yêu, hiểu biết trong mọi hành vi trong cộng đồng.

Bồ Tát thuyết pháp, không giấu giếm Phật pháp hay phỉ báng người khác, không bóc lột người khác vì lợi ích cá nhân và giúp đỡ những người gặp khó khăn. Bằng cách tuân thủ những giới luật này, Bồ Tát đạt được những phẩm chất thiết yếu giúp củng cố tâm vị tha và hướng dẫn để hành giả hướng tới giác ngộ. Do đó, bằng cách thực thi giới luật phổ biến này, được thống nhất không thể tách rời bởi kỷ luật đạo đức nghiêm khắc, sẽ khó có thể hành động

phi đạo đức trong một số khía cạnh của cuộc sống trong khi vẫn giữ đạo đức ở những khía cạnh khác.

Trong cách thực hành này, các hành giả cũng phát những thệ nguyện lớn. Bốn lời nguyện lớn thường tóm tắt những lời nguyện như sau: cứu độ tất cả chúng sinh, đoạn trừ mọi phiền não, học tất cả Phật pháp, thực hành và thành tựu viên mãn con đường của Đức Phật. Đây là bản chất của các giao ước được lập ra cho những tiêu chuẩn lý tưởng cao về đạo đức trang nghiêm và hành vi vị tha vô ngã, để lại dấu ấn trong toàn bộ hành trình tu chứng của người thực hành. Ngoài những lý tưởng này, nó còn khuyến khích một người đối mặt với những nghịch cảnh trong cuộc sống với sự bình tĩnh, kham nhẫn và biến những đau khổ thành cơ hội hay thuận duyên cho trí tuệ và lòng từ bi. Được xác định là lời thệ nguyện suốt đời phục vụ người khác và tất cả chúng sanh, người thọ giới Bồ tát nguyện thể hiện lý tưởng Bồ tát trong mọi khía cạnh của cuộc sống.

2. Chi Phần

2.1. Mười Giới Trọng

Bồ Tát Giới, được giải thích rất tỉ mỉ trong Kinh Brahmajāla (kinh Phạm Võng), chỉ được tìm thấy trong trường phái Đại Thừa và bao gồm 48 giới

phụ và 10 giới chính. Những người tu hành, cả tu sĩ và cư sĩ, thực hành những giới này để nâng cao kỷ luật đạo đức, trí tuệ và lòng từ bi, hướng dẫn họ đi theo con đường đúng đắn. Năm giới căn bản là cấm sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối và bán các chất say được coi là những quy tắc cơ bản. Việc vi phạm bất kỳ điều nào trong số đó đều được coi là một vi phạm nghiêm trọng. Hơn nữa, các giới luật bao gồm kiêng những điều như nói xấu người khác, tự tâng bốc và chê bai người khác, tính ích kỷ tham lam, sân hận và phỉ báng Tam Bảo. Giới luật là nền tảng để giữ cho việc thực hành được trong sạch và nguyên vẹn, bảo đảm các hành động của một vị Bồ Tát đều dựa trên các nguyên lý cơ bản của Phật giáo Đại thừa.

Giới thứ nhất, cấm giết hại, không chỉ áp dụng cho con người mà còn cho tất cả các sinh vật có thể cảm nhận được điều đó, nhấn mạnh vai trò của lòng từ bi và lời kêu gọi bất bạo động. Do đó, nó kêu gọi bảo vệ và bảo tồn sự sống và khơi dậy một ý thức tôn trọng sâu sắc đối với mọi sự sống.

Giới thứ hai, cấm trộm cắp, được thiết lập dựa trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của người khác và đề cao các nguyên tắc về sự thành thật và trung thực.

Giới thứ ba, dâm dục, thúc đẩy sự trong sạch và tôn trọng trong các mối quan hệ bằng cách cấm những hành động có thể gây tổn hại hoặc làm tổn thương người khác nhưng đồng thời cũng để bảo vệ thanh danh và hạnh phúc của chính mình. Những giới luật được trích dẫn ở trên là những nguyên tắc đơn giản cấu thành khuôn khổ đạo đức của con đường Bồ tát. Chúng cung cấp hướng dẫn thực tế cho những người dựa vào chúng trong các mối quan hệ xã hội.

Giới thứ tư, cấm vọng ngữ, nhấn mạnh tầm quan trọng của nguyên tắc nói thật và nói đúng. Quy tắc này khuyến khích nói chuyện trung thực và tránh việc lắng nghe những lời dối trá. Giới này cũng cấm nói những lời ác độc, những lời gây chia rẽ, phù phiếm, dua nịnh.

Giới thứ năm, mua bán các loại rượu làm ảnh hưởng đến trí nhớ và sức khỏe, nhằm hạn chế những hành vi cản trở khả năng phán đoán đúng đắn và khuyến khích hành vi trách nhiệm. Bằng cách tuân thủ quy tắc như vậy, người đó giữ cho tâm trí của mình trong sáng và do đó có thể sống ngay chính, không tạo ra những tổn thương cho mình và người.

Giới thứ sáu hạn chế việc nêu ra những lỗi lầm của bạn đồng tu nhằm tạo nên sự hòa hợp và tôn

trọng trong cộng đồng xuất gia và tại gia. Điều này ngăn cản việc phân hóa, phe phái, tạo ra một môi trường quan tâm và từ bi thích hợp cho việc thực hành chánh pháp.

Giới thứ bảy, không cho phép một người tự tôn vinh bản thân đồng thời nói xấu người khác, có liên quan đến vấn đề kiêu ngạo và ghen tị. Nó dạy tính khiêm tốn và nhận ra những phẩm chất tốt đẹp ở người khác, dẫn đến sự hợp tác và thiện cảm thân mật.

Giới thứ tám cấm keo kiệt, ích kỷ, mà phải thực hành lòng từ bi và bố thí một cách công bằng. Tình thương của các hành giả tập trung vào việc thể hiện đạo tình cao đẹp hoặc hợp tác để nâng cao sự hưng thịnh của Tăng đoàn. Các quyết định, chẳng hạn như kiềm chế tham lam ích kỷ bằng cách bố thí, cúng dường…

Giới thứ chín, đóng một vai trò quan trọng trong việc dạy tính kiên nhẫn và hiểu biết, điều tiết sự giận dữ… những điều cần thiết để phát triển nhân cách đầy đủ và hình thành các mối quan hệ an lạc và hạnh phúc.

Giới thứ mười không hủy báng Tam Bảo thể hiện tâm quy kính Tam bảo để phát huy Đồng thể Tam bảo của tự thân và tha nhân.

Mười giới trọng của Bồ tát gồm có:

1- Giới sát sanh
2- Giới trộm cắp
3- Giới dâm dục
4- Giới vọng ngữ
5- Giới bán rượu
6- Giới rao lỗi tứ chúng
7- Giới khen mình chê người
8- Giới keo kiết mắng đuổi
9- Giới giận hờn
10- Giới hủy báng Tam bảo

2.2. Bốn Mươi Tám Giới Khinh

Bốn mươi tám giới khinh đưa ra những hướng dẫn chi tiết và hữu ích về những kỳ vọng và yêu cầu của đời sống đạo đức. Nghĩa là, những giới luật thứ yếu bao trùm nhiều lĩnh vực của cuộc sống, từ hành vi cá nhân đến trách nhiệm xã hội.

Bốn mươi tám giới khinh gồm có:

1- Giới không kính thầy bạn
2- Giới uống rượu
3- Giới ăn thịt
4- Giới ăn ngũ tân
5- Giới không dạy người sám tội
6- Giới không cúng dường thỉnh pháp

7- Giới không đi nghe pháp
8- Giới có tâm trái bỏ đại thừa
9- Giới không khám bệnh
10- Giới chứa khí cụ sát sinh
11- Giới đi sứ
12- Giới buôn bán phi pháp
13- Giới phỉ báng
14- Giới phóng hỏa
15- Giới dạy giáo lý ngoài đại thừa
16- Giới vì lợi mà giảng pháp lộn lạo
17- Giới cậy thế lực quyên góp
18- Giới không thông hiểu mà làm thầy truyền giới
19- Giới lưỡng thiệt
20- Giới không phóng sinh
21- Giới đem sân báo sân, đem đánh trả đánh
22- Giới kiêu mạn không thỉnh pháp
23- Giới khinh mạn không tận tâm dạy
24- Giới không học tập đại thừa
25- Giới tri chúng vụng về
26- Giới riêng thọ lợi dưỡng
27- Giới thọ biệt thỉnh
28- Giới biệt thỉnh tăng
29- Giới tà mạng nuôi sống
30- Giới quản lý cho bạch y
31- Giới không mua chuộc

32- Giới tổn hại chúng sanh
33- Giới tà nghiệp giác quán
34- Giới tạm bỏ bồ đề tâm
35- Giới không phát nguyện
36- Giới không phát thệ
37- Giới vào chỗ hiểm nạn
38- Giới trái thứ tự tôn ty
39- Giới không tu phước huệ
40- Giới không bình đẳng truyền giới
41- Giới vì lợi mà làm thầy
42- Giới vì người ác giảng nói
43- Giới cố móng tâm phạm giới
44- Giới không cúng dường kinh luật
45- Giới không giáo hóa chúng sinh
46- Giới thuyết pháp không đúng pháp
47- Giới cấm chế phi pháp
48- Giới phá diệt phật pháp

Những giới khinh cụ thể bao gồm không ăn thịt, không phóng túng và không sân hận… Thay vì, chúng nhấn mạnh đến sự tham gia xã hội, kiềm chế việc che giấu Phật pháp với người khác, kiềm chế lợi dụng người khác vì lợi ích cá nhân và nhớ giúp đỡ những người gặp khó khăn. Việc trau dồi những phẩm tính cần thiết của Bồ Tát để hỗ trợ việc thực hành lòng vị tha và tiến bộ trong các cấp độ dẫn đến giác ngộ là phương tiện mà các Bồ Tát tiến

hành những lời nguyện này. Bằng cách tuân thủ những giới luật nhỏ này, một cá nhân có thể, thông qua hành động của mình, bảo đảm lợi ích của mọi hình thức tồn tại.

Bốn mươi tám giới khinh, trong Phật giáo Đại thừa, là một hình thức đa dạng của một khuôn khổ đạo đức toàn diện điển hình. Bồ Tát sử dụng cấu trúc giới luật này làm nền tảng cho mọi hành động của mình, khiến họ không thể phạm phải những lỗi lầm nhỏ nhất và liên tục thực hành lòng từ bi và trí tuệ. Ví dụ, giới luật không bỏ qua những vi phạm của cộng đồng Phật giáo sẽ nuôi dưỡng tinh thần cộng đồng và sự tương hỗ giữa các thành viên Tăng đoàn. Tương tự như vậy, giới không giấu diếm Phật pháp khuyến khích việc chia sẻ những chân lý và hướng dẫn về đời sống tâm linh với những hành giả khác như đã được khẳng định trong Lục hòa: "Kiến hòa đồng giải". Những hướng dẫn như vậy sẽ hỗ trợ các tín đồ tiếp tục sống với những phức tạp của cuộc sống đồng thời an nhiên bước đi trên con đường lớn của Bồ Tát.

Việc tuân thủ nghiêm ngặt Bốn mươi tám giới phụ và Mười giới chính tượng trưng chính xác cho sự trưởng thành tâm linh của một hành giả đang hành trì Bồ tát giới. Nó cung cấp một khung tham

chiếu chính thức, minh bạch cho đời sống đạo đức, trong đó nó khiến người ta thực hiện những gì mình đang làm phù hợp với bản thệ và hạnh nguyện chung để mang lại lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Các vị phát tâm thực hành lý tưởng Bồ Tát đạo dấn thân vào một cuộc hành trình tâm linh lâu dài, đồng thời hỗ trợ người khác, vì đức hạnh đóng vai trò là nền tảng cho sự phát triển cá nhân của họ. Họ gieo trồng và trau dồi những đức tính này cũng như tuân thủ các nguyên tắc chỉ đạo với mục tiêu tối hậu là thành tựu chúng sanh, tịnh Phật quốc độ. Bồ tát Giới có hai chức năng chính: chúng đóng vai trò như một chiếc la bàn đạo đức và một công cụ để tịnh hóa thân tâm, tăng trưởng Bồ tát hạnh. Đây là những phương pháp mà người ta sử dụng để thể hiện các chuẩn tắc của Phật giáo Đại thừa. Điều này sẽ hướng dẫn những người theo đạo Phật cách họ có thể ứng xử đại bi tâm trong cuộc sống hàng ngày.

Thông qua sự hành trì giới luật, con đường của Bồ Tát là một cách tiếp cận toàn diện để phát triển đạo đức và tâm linh. Các vị Bồ Tát giáo hóa cho các đệ tử của mình phải chánh niệm và tỉnh giác về những suy nghĩ, ý định, lời nói, hoạt động và các

mối quan hệ của mình, hành động theo những cách thể hiện lòng từ bi và trí tuệ. Cách tiếp cận toàn diện này có nghĩa là con đường Bồ Tát không còn là một khát vọng lý tưởng nữa mà trở thành một lối sống thực tế và thiết thực để hướng dẫn các tín đồ thực hành lòng sùng mộ vị tha và sự phát triển tâm linh sâu sắc. Điều này có nghĩa là các Bồ Tát có thể thể hiện sức mạnh thay đổi xã hội của Phật giáo Đại thừa và đi đầu trong việc xây dựng một thế giới nhân đạo và công bằng hơn bằng cách sống theo những nguyên tắc lý tưởng của Bồ tát.

Kết quả là, ý nghĩa của những nguyên tắc này rất sâu rộng: chúng áp dụng cho sự phát triển của cá nhân của hành giả cũng như mức độ hỗ trợ của cộng đồng. Đối với cá nhân, việc tuân thủ các nguyên tắc này thúc đẩy sự phát triển cá nhân và phát triển tinh thần bằng cách trau dồi các đức tính như kiên nhẫn, từ bi và trí tuệ. Nếu được cá nhân làm theo thì nền tảng tin cậy, tôn trọng và hỗ trợ lẫn nhau trong cộng đồng sẽ bảo đảm cho sự chung sống và hòa nhập hài hòa của Tăng đoàn.

Bằng cách trau dồi những đức tính vị tha như vậy, các hành giả thọ trì giới Bồ Tát sẽ nâng cao sự chứng ngộ của mình và tích cực làm việc vì lợi ích và nâng cao sự thăng tiến của người khác.

Trong bối cảnh này, sự nhấn mạnh vào phúc lợi con người và xã hội là sự phản ánh niềm tin của Đại thừa vào một vũ trụ yêu thương và liên kết với nhau nơi sự giác ngộ của bất kỳ người nào cũng đều được kết nối rất mạnh mẽ với sự giác ngộ của tất cả chúng sinh.

3. Vai Trò Và Tác Động

Trong Phật giáo Đại thừa, giới luật Bồ Tát độc đáo ở chỗ chúng đặc biệt quan tâm đến sự rộng lượng đối với người khác và ước nguyện giác ngộ vì lợi ích của tất cả chúng sinh. Những điều này mở rộng trọng tâm của chúng ra ngoài hành vi cá nhân đơn thuần nhằm giải phóng cá nhân ra khỏi ốc đảo vị kỷ. Đây là một sự thay đổi đáng kể phản ánh tư duy của trung tâm tư tưởng Đại thừa, đó là tiến hóa thành Phật quả một cách vô điều kiện vì lợi ích của tất cả chúng sinh. Giới luật là những hướng dẫn đạo đức giúp chư Bồ Tát tránh xa tổn thương và tham gia giúp đỡ người khác với lòng từ bi và lợi ích đích thực.

Một yếu tố làm cho giới luật Bồ Tát có phần khác biệt so với điều này là việc áp dụng chúng một cách trọn vẹn cho cả hành giả cư sĩ và tu sĩ. Tính phổ quát của một cấu trúc như vậy củng cố ý

tưởng Đại thừa rằng con đường của Bồ tát là rộng mở cho tất cả mọi người, bất kể họ có phải là người xuất gia hay không. Giới luật kêu gọi tất cả các tín đồ phát triển và tích hợp một số đức tính vào cuộc sống của họ, nói chung khẳng định cuộc sống qua hạnh: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Cách tiếp cận toàn diện này dân chủ hóa việc theo đuổi sự giác ngộ bằng cách truyền cho mọi người một ý thức sự tận tâm tập thể đối với hành vi đạo đức và sự phục vụ chúng sanh. Phật giáo Đại thừa dạy về nỗ lực chung sẽ dẫn đến sự chuyển đổi hoàn toàn trong xã hội và lĩnh vực tâm linh.

Ngoài ra, giới luật dành cho Bồ Tát nhấn mạnh cách hành xử đạo đức kết hợp với trí tuệ sâu sắc về tính không (śūnyatā) của vạn vật. Mối quan tâm chính của các vị thọ Bồ tát giới là vượt qua sự bám víu vào bản thân với xu hướng hiểu thực tại theo hướng phi đối lập. Nhận thức này đóng vai trò là nền tảng cho những hành động nhân từ của họ, vì nó thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc hơn về mối liên hệ với nhau của mọi sự sống. Giới luật hướng dẫn cả hành động hướng ngoại và tầm nhìn hướng nội, kết nối các hành động đạo đức với bản chất sâu xa của sự tồn tại. Khi được áp dụng, khía cạnh đạo đức

và triết học này trở thành một dấu hiệu phân biệt mạnh mẽ của con đường Đại thừa, nâng cao và mở rộng chiều sâu và cường độ giáo hóa của Bồ Tát.

Những giới luật này độc đáo ở chỗ chúng cung cấp những hướng dẫn rõ ràng cho cả hành động cá nhân và tập thể. Giới luật khuyến khích các hành giả tham gia vào các hoạt động mang lại lợi ích cho toàn xã hội, chẳng hạn như bảo vệ môi trường, truyền bá Phật pháp và giúp đỡ những người yếu đuối hoặc mất năng lực. Sự nhấn mạnh như vậy về sự tham gia xã hội trong bối cảnh này cộng hưởng với triết lý Đại thừa, cho rằng con người cần hành động để tạo ra những thay đổi tích cực trên thế giới thông qua các hành động từ bi. Các vị Bồ Tát là mẫu mực của niềm tin Đại thừa trong sự tham gia tích cực của họ để giảm bớt nỗi đau cho người khác và tạo ra một xã hội từ bi và công bằng hơn cho tất cả mọi người. Chúng đưa ra một khuôn khổ thực tế giúp chuyển các khái niệm tâm linh thành các hành động có thể định lượng được, nuôi dưỡng một quan điểm tổng thể về sự tồn tại từ góc độ đạo đức.

Những khát vọng và lời nguyện liên quan đến con đường Bồ Tát trong Phật giáo Đại thừa tượng trưng cho một bước quan trọng trong sự phát triển và thực hành Bồ đề tâm, một mong muốn vị tha để

đạt được giác ngộ vì lợi ích của tất cả chúng sinh. Lời thệ nguyện thể hiện sự cống hiến sâu sắc trong việc ưu tiên hạnh phúc của người khác hơn của chính mình, nói rằng người ta chỉ nên theo đuổi sự giải thoát cá nhân sau khi giảm bớt đau khổ cho tất cả chúng sinh. Như vậy, mục đích căn bản của lời nguyện là bày tỏ nguyện vọng giải thoát mọi chúng sinh hữu tình, một biểu hiện của bản chất rộng lớn và bao trùm tất cả của Bồ Tát đạo. Bồ Tát Nguyện thể hiện đại nguyện, được coi là một nguyên tắc của Phật giáo Đại thừa. Trong những lời nguyện này, hành giả nguyện sâu sắc sẽ cứu độ chúng sinh, xua tan mọi ảo tưởng, thông suốt mọi giáo lý và thành Phật. Điều đáng lưu ý là cách diễn đạt của những lời nguyện này có thể bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau tùy theo các trường phái, truyền thống khác nhau.

Các trung tâm Đại thừa khác nhau hiểu Bồ Tát Giới theo những cách khác nhau, nhưng họ luôn hướng đến những điểm cơ bản giống nhau. Trong Thiền tông, một hình thức thường gặp là Tứ đại nguyện: cứu độ tất cả chúng sinh; cắt đứt mọi phiền não; nghiên cứu thông suốt tất cả lời dạy của Đức Phật; thực hành và đạt được giác ngộ viên mãn. Điều này nhấn mạnh phạm vi rộng lớn của những

cam kết của một vị Bồ Tát, bao gồm cả những khía cạnh bên trong và bên ngoài của kỷ luật tâm linh. Lời nguyện giải thoát tất cả chúng sinh nhấn mạnh sự cam kết mạnh mẽ trong hành động thiện của một vị Bồ Tát, trong khi lời nguyện nhổ tận gốc những phiền não, tập trung vào sự chuyển hóa cá nhân và xóa bỏ vô minh.

Ngoài ra, đặc điểm của Bồ Tát Giới, trong tính phổ quát của chúng, cho phép áp dụng chúng trong cả môi trường tại gia và xuất gia, do đó nâng cao tính nổi bật của chúng. Tính phổ quát làm cho những người tham gia vào các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống áp dụng lý tưởng của một vị Bồ Tát bằng cách biến những cam kết sâu sắc này trở thành một phần trong cuộc sống hàng ngày của họ. Những lời nguyện này giúp chư Bồ Tát giữ ý thức rõ ràng về mục đích hướng tới mục tiêu cuối cùng của mình. Những lời nguyện giống như một cánh cửa hay ngọn hải đăng luôn mở rộng hướng tới mục tiêu cuối cùng của hành giả.

Thông qua việc tái cấu trúc lặp đi lặp lại các mối quan hệ của mình với những lời thệ nguyện này trong cuộc sống hàng ngày, cuộc sống đó phù hợp với những lý tưởng ở thế giới vượt ngoài mọi hệ lụy.

Việc sống và thọ Bồ Tát giới liên quan đến sự tương tác năng động, cố hữu giữa nguyện vọng và thực hành. Mặc dù những nguyện vọng chứa đựng trong những lời nguyện là không thể đạt được một cách không thể chịu nổi, nhưng nỗ lực nghiêm túc để hoàn thành chúng sẽ mang lại kết quả là sự phát triển và chuyển hóa tâm linh to lớn. Các Bồ Tát thức tỉnh và nhận ra rằng những nguyện vọng của quý ngài như cứu độ vô số chúng sinh và tiêu trừ vô lượng phiền não, nằm ngoài tầm với của một cá nhân. Tuy nhiên, hạnh nguyện và quyết tâm thực hiện những hạnh nguyện đó vượt qua những giới hạn cá nhân và tạo ra sự phát triển năng động và tiến bộ về lòng từ bi và trí tuệ. Vì đặc tính đầy khát vọng to lớn này, những lời nguyện giúp những người thực hành Bồ tát đạo vượt qua thái độ ích kỷ của họ và trở thành một khái niệm phổ quát hơn, bao trùm hơn về hành trình tâm linh siêu việt.

Giới Bồ Tát trong Phật giáo Đại thừa là kim chỉ nam thực tế tương ứng với con đường tuệ giác, tình yêu thương và lòng bi mẫn, dựa trên hành vi tự nhiên và nguyên tắc hành động vô ngã. Kinh Đại thừa nhấn mạnh một điểm quan trọng: lý tưởng Bồ tát là phổ quát, là thông giới, có thể áp dụng cho tu sĩ và được khuyến khích cho cư sĩ. Các giới luật Bồ

Tát bao gồm mười giới chính và bốn mươi tám giới phụ, tạo thành một khuôn khổ đạo đức toàn diện, dựa trên giới luật, bao trùm tất cả.

Toàn bộ đạo đức của hành giả chứa đựng trong giới Bồ Tát của truyền thống Đại thừa bao gồm một hệ thống đạo đức cho sự phát triển cá nhân đối với thế giới. Đó là một khuôn khổ tổng thể bảo đảm rằng các vị bồ tát không chỉ đi vào biển khổ sanh tử đầy dẫy sự ác với những phương tiện cứu độ tương ứng với từng căn cơ, nguyện ước mà còn trao ban những niềm vui đích thực. Giới luật khuyên các tín đồ thực hành lý tưởng Bồ Tát trong đời sống hằng ngày bằng hạnh nguyện, ý nghĩ, lời nói và việc làm. Nguyên lý cơ bản hướng dẫn hoạt dụng giác ngộ của Phật giáo Đại thừa là lòng từ bi vô lượng và hành vi đạo đức thánh thiện. Nó mô tả tầm quan trọng của việc hành động vì lợi ích chung, cũng như bản chất của mọi thứ đều phụ thuộc lẫn nhau.

4. Những đặc điểm độc đáo của Bồ Tát Giới

Giới luật Bồ Tát có một số đặc điểm vô cùng độc đáo và mang tính chuyên biệt như:

4.1. Bồ tát giới là thông giới nên cả người xuất gia và tại gia dù Tỳ kheo hay Tỳ kheo Ni, Thức

xoa ma na, Sa di, Sa di Ni, Ưu bà tắc hay Ưu bà di đều cũng có thể phát tâm thọ trì giới Bồ tát.

4.2. Nghi thức thọ Bồ tát giới có 3 phẩm loại đó là: thượng, trung và hạ. Như đã được dạy trong Kinh Bồ Tát Bổn Nghiệp Anh Lạc. Thượng phẩm: Thọ giới từ nơi Đức Phật. Giới tử ở trước chư Phật và Bồ tát để phát tâm thọ giới. Trung phẩm: Thọ giới từ các đệ tử của Phật. Hạ phẩm: Thọ giới trước hình tượng Phật nếu không có thầy truyền giới.

4.3. Khi đã thọ Bồ Tát Giới thì giới sẽ không bao giờ mất mà giới luôn gắn liền với người thọ giới cho đến khi thành Phật. Vì thế mà kinh dạy: *"Giới Bồ Tát có pháp thọ mà không có pháp xả; có phạm nhưng không mất giới, vì là giới thể cùng tột đến đời vị lai vậy"*[1]

4.4. Dù người chưa thọ Bồ tát giới vẫn có thể nghe, đọc, tụng hoặc nghiên cứu.

4.5. *"Tất cả chúng sanh trong sáu cõi đều có thể thọ giới Bồ tát"*[2].

---

1 Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Bổn Giảng Ký, Hán văn: Pháp sư Thích Diễn Bồi, Việt dịch: Sa môn Thích Trí Minh.

2 kinh Anh Lạc

Chương X

Yết Ma (羯磨, S: Karmadana, P: Kammadana)

1. Định Nghĩa

Yết ma là thuật ngữ được phiên âm từ tiếng Phạn (S: karma, P: kamma). Hán dịch là **Biện sự Tác pháp**, có nghĩa là mọi Phật sự đều do Yết ma mà thành tựu viên mãn (Vạn sự do tư thành biện cố). Yết ma có nghĩa là hành vi hay hành động của cá nhân hay của tập thể. Tuy nhiên, trong các pháp Yết ma đều áp dụng cho đại chúng.

Theo các tài liệu như: Phật học Đại Từ Điển (佛学大辞典), Luật Tứ Phần (四分律), Tứ Phần Luật Tùy Cơ Yết Ma Sớ Chánh Nguyên Ký quyển thứ 5 (四分律隨機羯磨疏正源記) và Ma Ha Tăng Kỳ Luật (摩訶僧祇律) thì: Yết ma (羯磨, S: karma,

P: kamma) nghĩa là "nghiệp". Nó có ý nghĩa là sở tác (việc được làm), hoặc còn có nghĩa là sự, biện sự, biện sự tác pháp, làm việc, hành vi[1] v.v… Pháp của Tăng đoàn, tức là phương pháp tác bạch với bốn người trở lên, được áp dụng cho những trường hợp như Bố tát (布薩, P: Uposatha, S: Upavasatha), Tự tứ (自恣, Pavarana) hay Thọ giới(受戒) v.v…

Yết ma nói đủ là ***Tăng già Yết ma*** (Sanghakarman), còn mang nghĩa hành động hoặc nghi lễ. Nó tạo nên sự gắn kết, hòa hợp và thanh tịnh trong các mối quan hệ và hành hoạt của Tăng đoàn thông qua một quá trình chung trong việc tiến hành các quyết định. Điều này khẳng định các nguyên tắc và thực hành đạo đức mà Tăng đoàn phải tuân thủ.

2. Đối Tượng Của Yết Ma

Trong lịch sử truyền trì Luật tạng, các vị Luật sư cho rằng có 3 điều được cho là Đối tượng của Yết ma, đó là: Nhân, Pháp và Sự.

2.1. Nhân:

Là người hay nhân cách cá thể. Tác pháp Yết-ma với một cá nhân nào, có đủ tư cách pháp nhân để tham dự hay không, vì nếu là người

---

1 意译作'业'。意指所作、事、办事、办事作法、行为等

chưa thọ cụ túc giới tức giới Tỳ kheo thì không thể tham dự được. Bên cạnh đó còn phải kể đến một số trường hợp đặc biệt khác như túc số 4 vị cho các Phật sự thường như Bố tát, 5 vị Tỳ kheo cho lễ Tự tứ, tối thiểu 10 vị Tỳ kheo cho một Đại giới đàn truyền giới, 20 vị Tỳ kheo cho xuất tội pháp Tăng tàn, đặc biệt là phải thanh tịnh và hòa hợp vì thanh tịnh và hòa hợp là hai yếu tố căn bản để thành tựu pháp Yết ma.

2.2. Pháp:

Hay còn gọi là **Bỉnh pháp:** là những quy định cho các pháp "Đơn bạch", "Nhị bạch" hay "Bạch tứ" đối với các Phật sự thông thường hay quan trọng.

2.3. Sự:

Là các sự việc hay sự vật cụ thể như trường hợp kiết Tiểu giới hoặc Kiết đại giới trường để An cư thì phải nêu ra những tiêu tướng hữu hình cụ thể… Đối với sự vật thì pháp khí nào thuộc về Thường trụ Tăng và pháp khí nào thuộc Chiêu đề Tăng…

3. Phân Loại Yết Ma

Căn cứ trên việc tác pháp mà phân chia thì có ba loại Yết ma, đó là Tâm niệm yết ma, Đối thú yết ma và Tăng pháp (hay Chúng pháp) yết ma.

3.1. Tâm niệm Yết ma (Cita karma):

3.1.1. Khái niệm: Là phép dùng cho một người đối với những công việc nhỏ, đơn giản. Ở dây là những Tỳ kheo độc cư tự tâm niệm và bạch Yết ma thành lời nói.

3.1.2. Cách làm: Khi thực hiện pháp yết ma này, vị Tỳ kheo phải đầy đủ oai nghi, đối trước thánh tượng, tâm nghĩ miệng nói rõ ràng (Tâm nghĩ đến Tăng sự, miệng đọc rõ ràng). Luận Tỳ Ni Mẫu nói: "Nếu nói không rõ ràng thì pháp không thành".

3.1.3. Phân loại: Yết Ma Chỉ Nam nêu lên 3 loại 25 phép, một số bộ luật khác thì nêu lên 3 loại 14 phép. Số lượng khác nhau chỉ ở chỗ khai hợp mà thôi. Đây chỉ là nói lược về pháp thường dùng, ngoài ra còn có những pháp khác nữa. Tâm niệm yết ma được phân thành:

Đản tâm niệm yết ma: "Đản" là chỉ có, duy nhất, nguyên bản, chính. Pháp này dành riêng cho một người thực hiện. Nếu trong giới có người cũng không cần phải thực hiện Đối thú hay Tăng pháp. Đây là phép Tâm niệm dành cho sám tội nhẹ Đột Kiết La. Hoặc khi trong lúc thuyết giới, bản thân phát hiện

mình phạm một lỗi nào đó nhưng chưa kịp thời phát lộ, sợ phạm lỗi che giấu và vọng ngữ ,vì không muốn động niệm chúng và ảnh hưởng đến việc thuyết giới nên Phật cho phép tâm niệm sám hối và chờ sau khi thuyết giới xong sẽ phát lộ sám hối.

Đối thú tâm niệm yết ma: Phép này vốn là nghi thức Tác pháp Đối thú, cần phải có người đối chứng, tức là hai người diện đối diện tác pháp nhưng vì trong giới không có người hoặc ở độc trụ mà có những pháp phải thực thi, phải làm như thuyết giới, thuyết tịnh… nên Phật khai cho làm phép Tâm niệm để có được lợi ích như pháp. Trong Yết Ma Chỉ Nam nêu lên 15 việc, một số bộ Luật khác nêu lên 7 việc. Luật Tứ Phần khai cho phép an cư; Luật Thập Tụng khai cho thuyết tịnh, thọ dược, thọ nhật (xin phép ra ngoài giới trong 7 ngày); Luật Ngũ Phần khai cho thọ và xả ba y; Luận Thiện Kiến nêu phép cho thọ trì bát…

Chúng pháp tâm niệm yết ma: Phép này vốn phải do chúng tăng thực hiện nhưng vì lí do đặc thù, trường hợp đặc biệt (trong chúng không có người/ không đủ người/ độc trụ) nên Phật khai cho được phép thực hiện bằng Tâm niệm yết ma. Trong Yết Ma Chỉ Nam có nêu lên 6 phép, luật khác nêu lên 4 phép, với hai nội dung là vị pháp (thuyết giới, tự tứ) và vị duyên (y bát, ẩm thực, ngọa cụ, thang dược).

Tóm lại, trong 3 phép Tâm niệm Yết ma thì Đản tâm niệm là chính (bản vị), còn hai phép còn lại chỉ là khai duyên (bàng thông) mà thôi.

3.1.4. Một số phép Tâm niệm Yết ma thường dùng

- **Tâm niệm an cư (Đối thú tâm niệm):**
  "*Ngã Tỳ kheo… y… tăng già lam, tiền (hậu) tam nguyệt hạ an cư*". (3 lần)
- **Tâm niệm thọ nhật (Đối thú tâm niệm)**
  "*Ngã Tỳ kheo… kim thọ thất nhật pháp xuất giới ngoại, vị duyên sự cố, hoàn lai thử trung an cư*". (3 lần)
- **Tâm niệm tự tứ (Chúng pháp tâm niệm)**
  "*Kim nhật chúng tăng tự tứ. Ngã Tỳ kheo… thanh tịnh*". (3 lần)
- **Thọ y công đức (Chúng pháp tâm niệm)**
  "*Ngã Tỳ kheo… thọ thử Ca hy na y*". (3 lần)
- **Tâm niệm xả y, bát, Ni sư đàn (Đối thú tâm niệm)**

  - "*Ngã Tỳ kheo… thử tăng già lê* (số lượng tùy theo) *điều, kim xả*". (1 lần)

  - "*Ngã Tỳ kheo… thử tăng già lê* (số lượng tùy theo) *điều, kim thọ*". (3 lần)

3.2. Đối thú Yết ma:

3.2.1. Khái niệm: Đây là phép yết ma không thuộc Tâm niệm, cho đến trong giới không đủ tăng thì được thực hiện Đối thú. Phép này bản vị là do hai người thực hiện và một loại đặc thù là Tiểu chúng sám hối (dành cho tội trung Thâu Lan Giá).

3.2.2. Cách làm: Từ 2 vị Tỳ kheo trở lên (chỉ hướng đến 2 hoặc 3 người), quỳ đối diện nhau để bạch Yết ma.

3.2.3. Phân loại:

- **Căn cứ vào phương pháp thì có 3 loại:**

1- Bản nhân trình bày duyên do, nội dung sự việc cần làm để đối phương biết và thỉnh đối phương chứng minh (Vd: gửi dục…).

2- Bản nhân trình bày duyên do, nội dung sự việc, đối phương cần phải giáo giới, khuyến khích (Vd: phép an cư của đại chúng, phép sám hối, phép bạch xin vào tụ lạc…).

3- Hai bên cùng đối nhau tác pháp (Vd: bố tát, tự tứ…).

- **Căn cứ vào tình hình, sự thể công việc trọng-khinh, lớn-nhỏ thì có hai loại:**

Đản đối thú: Là phép căn bản, phép chính của Đối thú. Đối thú nghĩa là khi thực hiện phải có người đối chứng, diện đối diện đầy đủ oai nghi mà tác pháp. Phép Yết ma này chủ yếu hướng vào một người để tác pháp (Vd: thọ y, xả y, thọ bát, thọ nhật...). Tuy nhiên, theo Nam Sơn Luật Tông thì có triển khai thêm một phẩm nữa là Tiểu chúng Đối thú Yết ma (dành cho sám hối tội trung phẩm Thâu Lan Giá), tức hướng vào 3 vị Tỳ kheo thanh tịnh để tác pháp.

Chúng pháp đối thú: Đây là phép Yết ma vốn phải do tăng thực hiện (4 người trở lên) nhưng vì điều kiện đặc thù (trong chúng không đủ tăng) mà Phật khai duyên cho thực hiện bằng Đối thú. (Vd: sám tội Ba Dật Đề, thuyết giới, tự tứ, nhận vật thí cúng tăng, nhận vật của 5 chúng qua đời).

3.2.4. Một số phép Đối thú Yết ma thường dùng:

- **Thuyết giới pháp:** Vốn dĩ thuyết giới được thực hiện bởi tăng (Tăng pháp) nhưng trong trú xứ chỉ có 2 hoặc 3 người thì được khai duyên cho thực hiện Đối thú. Đến ngày thuyết giới, nghi thức như thường, từng người hướng vào các Tỳ kheo mà tác bạch:

"*(Nhị) Đại đức ức niệm! Kim tăng thập ngũ (tứ) nhật thuyết giới. Ngã Tỳ kheo… thanh tịnh*". (3 lần)

Cách làm này còn gọi là "Tam ngữ bố tát" hay "Tam ngữ thuyết giới".

- **Tự tứ pháp:** Đây là phép dành cho 5 người trở lên thực hiện, vì phải sai người nhận tự tứ. Nhưng nếu chỉ có 4 người trở xuống thì có thể thực hiện đối thú tự tứ.

  Văn bạch: "*Chư (tam/ nhị) Đại đức ức niệm! Kim nhật chúng tăng tự tứ, ngã Tỳ kheo… thanh tịnh*" (3 lần).

  Phép này còn gọi là "Tam ngữ tự tứ". Ngoài văn bạch trên cũng có thể tác bạch đầy đủ như văn đại chúng tự tứ.

3.3. Tăng pháp Yết ma (Saṅgha kamma):

3.3.1. Khái niệm: Phép yết ma này do chúng tăng thực hiện, tức 4 vị Tỳ kheo trở lên, cũng được gọi là Chúng pháp yết ma.

3.3.2. Phân loại: Căn cứ trên pháp thức thì chia thành 3 loại chính gồm: Đơn bạch, Bạch nhị và Bạch tứ[2].

---

2 Luật Ma Ha Tăng Kỳ gọi là Đơn bạch, Bạch nhất và Bạch tam. Tức 1 lần bạch, 2 lần bạch và 3 lần bạch.

Đơn bạch yết ma (單白羯磨 - Ñatti kamma): còn gọi Đơn bạch pháp (单白法). Phép này dùng cho các công việc đơn giản hoặc thường làm, Phật chế định tăng chúng đều phải tuân thủ. Với cách làm chỉ cần một lần tác bạch, tăng thông qua liền thành tựu pháp sự. Yết Ma Chỉ Nam nêu lên 44 pháp, một số luật khác nêu 39 pháp, dành cho những Phật sự thông thường như phép xử lí bát vi phạm (điều 21&22 của Ni Tát Kỳ Ba Dật Đề), phép xử lí nói lời quanh co (điều 12 của Ba Đật Đề), phép cho thuyết giới, khất thực, cạo tóc…

Bạch nhị yết ma (白二羯磨 - Ñatti dutiya kamma): Là phép tác bạch dùng cho những công việc tương đối khó hơn Đơn bạch, trong đó có thể đan xen những việc lớn nhỏ. Trước hết phải một lần tác bạch để Tăng biết, cân nhắc và xem xét, sau đó mới một lần Yết ma nghị quyết thông qua; tức hỏi để lấy biểu quyết (hỏi xem Phật sự đó có làm được không). Trong cuốn Yết-ma Chỉ Nam (羯磨指南*)* có nêu lên 76 pháp. Tuy nhiên, theo Luật Tỳ Kheo Yết Ma Yếu Chỉ của Hòa thượng Trí Thủ biên soạn cũng như một số tài liệu khác thì có đến 78 pháp Bạch nhị Yết ma. Bao gồm những trường hợp như Kiết giới trường, hành trù (bạch nhị và đơn bạch kết hợp), phép cử người nhận tự tứ, phép

xin làm phòng nhỏ/ lớn, phép cử người chia ngọa cụ, phép cử thầy giáo thọ ni...

Bạch tứ yết ma (白四羯磨 - Ñatti catuṭṭha kamma): Là phép yết ma dùng cho những trường hợp trọng đại, hay còn gọi là Nhất Bạch và Tam Yết ma (一白三羯磨), tức là một lần tác bạch, 3 lần Yết ma. Trong Yết Ma Chỉ Nam có nêu lên 39 pháp (các luật khác nêu lên 38 pháp) cần phải thực hiện bạch tứ yết ma như thọ giới, sám hối trọng tội, cử tội, can ngăn…

Ngoài ra, căn cứ theo Luật Ma Ha Tăng Kỳ thì còn có thêm pháp **Cầu thính Yết ma**, tức là lời tác bạch hay lời đề nghị để cầu thỉnh một việc gì đó. Nó còn có tên gọi là ***Thính hứa Yết ma*** hay ***Đồng ý Yết ma***. Vì đây là Phật sự cần bạch Tăng để thông qua nên cũng được xem là một dạng của Yết ma. Phép yết ma này đặc thù với hình thức thông báo 3 lần cho đại chúng hay biết.

Có khi trước làm phép Cầu thính, sau lại thực hiện thêm một phép yết ma khác, chẳng hạn như phép cho một tháng rời y (trước cầu thính, sau bạch tứ) hoặc cũng có thể chỉ dùng một pháp cầu thính cũng thành tựu (phép tạm xin ra ngoài giới giúp việc).

4. Các Giai Đoạn Tiến Hành Yết Ma

Yết ma thực hiện theo 3 giai đoạn:

a. Gia hành: tức là tiền phương tiện

b. Căn bản: tức là chính thức Yết-ma,

c. Hậu khởi: tức giai đoạn kết thúc.

Các pháp Yết-ma Đơn bạch, Nhị bạch và Bạch tứ thì tiền phương tiện đều giống nhau.

Khi Tăng đã nhóm hợp, vị Tỳ kheo đảm trách việc tác pháp Yết ma hỏi. Vị Thủ chúng hay Duy-na trả lời:

Hỏi: Tăng đã họp chưa?

Đáp: Tăng đã họp

Hỏi: Hòa hợp không?

Đáp: Hòa hợp

Hỏi: Người chưa thọ Cụ túc đã ra chưa?

Đáp: Đã ra

Hỏi: Các Tỳ-kheo không đến có thuyết dục và thanh tịnh không?

Đáp: Không có Tỳ kheo thuyết dục và thanh tịnh gởi dục (nếu có thì đáp: Có và bước ra thuyết dục)

Hỏi: Tăng nay nhóm họp để làm gì?

Đáp: Để Yết-ma Tự tứ (hoặc Bố tát hoặc Kiết giới An cư, Giải giới…).

Sau tiền phương tiện là đến giai đoạn chính thức Yết ma. Tùy theo mỗi pháp sự tương ứng mà sử

dụng đơn bạch, nhị bạch (hay bạch nhị), tứ bạch (hay bạch tứ) sao cho phù hợp. Cần phải đúng như pháp mà thực hiện, với thân - khẩu - ý trang nghiêm thì căn bản nghiệp đạo của Yết ma mới được phát sinh, tức Tăng già Yết ma mới được thành tựu.

Sau bước căn bản Yết ma, cuối cùng là phần hậu khởi, tức sau cùng. Sau khi Yết ma xong, mọi Phật sự đã bạch trước đó cứ tuần tự như pháp mà thực hiện, như thuyết giới, truyền giới… cho đến khi hội chúng ra khỏi giới trường thì phần hậu khởi mới được xem là viên mãn. Do đó, cả ba giai đoạn của Yết ma đều quan trọng như nhau và phải được thực hiện một cách đầy đủ, trang nghiêm thì Yết ma mới được xem là thành tựu.

5. Các Yếu Tố Để Thành Tựu Yết Ma

Bốn nhân tố quan yếu để pháp Yết-ma thành tựu viên mãn:

*5.1. **Nhân thành tựu:*** những người tham dự Yết ma phải đủ tư cách pháp nhãn đó là Tỳ kheo.

*5.2. **Tăng thành tựu:*** số lượng Tăng phải đủ như được quy định cho các pháp yết ma.

*5.3. **Giới thành tựu:*** trong phạm vi cương giới đã được quy định.

5.4. Pháp thành tựu: các pháp Yết ma thực hiện đúng pháp.

Có hai trường hợp Yết ma đó là: Cộng yết ma và Bất cộng yết ma.

Cộng yết ma là gồm cả nhị bộ Tăng và Ni cùng tác pháp chung.

Bất cộng yết ma là Tỳ kheo Tăng và Tỳ kheo ni không tác pháp yết ma chung.

6. Già yết Ma

Pháp Tăng Yết ma phải có sự đồng thuận tuyệt đối, nếu chỉ có một người tham dự phủ nhận thì pháp yết ma bất thành.

6.1. Có hai trường hợp được Già Yết ma:

a. Tỳ-kheo thanh tịnh đủ tư cách pháp nhân trong Tăng số có quyền Già Yết-ma.

b. Dù người không đủ tư cách pháp nhân được tính trong Tăng số, nhưng cũng có quyền Già Yết-ma đó là giới tử cầu thọ giới Tỳ kheo nhưng xin không thọ giới nữa nên pháp Yết ma truyền giới không thể thực hiện.

6.2. Có hai trường hợp không thể thực hiện Già Yết-ma.

a. Người được liệt kê trong Tăng số, nhưng không đủ quyền Già Yết ma vì đó những

Tỳ kheo đang là đối tượng của Yết ma ha trách hay bị tẫn xuất vì phạm giới…

b. Người không được liệt kê trong Tăng số, không được quyền Già Yết ma vì không còn là Tỳ-kheo vì đã mất quyền Tỳ kheo do phạm 4 giới Ba-la-di (*Parajika).*

7. Phi Tướng Yết Ma

Nếu làm pháp Yết ma mà không hội đủ 3 nhân tố quan yếu đó là: Nhân, Pháp và Sự nhưng vẫn thực hiện thì đó là phi tướng hay phi pháp. Phi tướng hay phi pháp gồm có 7 trường hợp:

7.1. Phi pháp phi Tỳ ni: sai cách thức tác bạch và sai túc số được quy định.

7.2. Phi pháp biệt chúng: không đủ Nhân, Pháp và Sự và Biệt chúng là sự nhóm họp không đúng quy định và những người không tham dự thuyết dục không đúng pháp.

7.3. Phi pháp hòa hợp: Tăng tuy hòa hợp và nhóm họp đúng theo quy định nhưng thực hiện các pháp yết ma không đúng.

7.4. Như pháp biệt chúng: thực hiện đúng pháp, nhưng Tăng không hòa hợp.

7.5. Pháp tương tự biệt chúng: thực hiện các pháp Yết ma đơn bạch, bạch nhị hay bạch tứ đúng pháp, nhưng thực hiện lộn xộn và Tăng không hòa hợp.

7.6. Pháp tương tự hòa hợp: pháp yết ma tương tự như quy định và Tăng hòa hợp nhưng không thật sự thanh tịnh.

7.7. Già bất chỉ: pháp Yết-ma bị ngăn chặn đúng pháp nhưng không chịu dừng lại mà vẫn tục tục thực hiện.

8. Vai Trò Và Ý Nghĩa Của Yết Ma

Các pháp Yết ma đóng một vai trò tối ư quan trọng trong việc tổ chức và quản lý các nhiệm vụ và trách nhiệm cũng như những qui định về không gian và thời gian v.v… trong một khóa An cư, lễ Bố tát, Tự tứ, Truyền giới, Giải giới… của Tăng đoàn. Về mặt cá nhân hay tập thể, tất cả kết hợp lại trong tinh thần hòa hợp và thanh tịnh để thực hiện những Phật sự trên căn bản của pháp Yết ma bảo đảm mọi việc diễn ra suôn sẻ và thành tựu viên mãn.

Yết ma thiết lập một bầu không khí trong đó chư Tăng hoặc chư Ni có thể tập trung vào sự phát triển và hoàn thành những trọng trách đã được ủy thác mà không gặp trở ngại hay lo lắng nào khi đã được Tăng đoàn biểu quyết.

Các pháp Yết ma mang nền tảng đạo đức vững chắc, vì trách nhiệm của Yết ma là duy trì và củng

cố các giá trị đạo đức hình thành trên nền tảng của giới luật. Giới đại diện cho sự kiềm chế về mặt đạo đức thông qua việc tuân thủ các giới luật đạo đức, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc không làm hại (ahimsa), tính trung thực và chánh niệm tỉnh giác. Tuy nhiên, bằng cách thực hành những giới luật này, pháp Yết ma bảo đảm rằng các chức sự hoàn thành nhiệm vụ của mình phải đáp ứng sự an lạc cho tất cả chúng hội và thực hiện hành động của mình với sự chân thành và tôn kính.

Việc khắc sâu giới luật vào các trách nhiệm nhân quả nghiệp báo sẽ nuôi dưỡng sự phát triển đạo đức cá nhân của thành viên và nuôi dưỡng sự cam kết chung đối với các nguyên tắc Yết ma. Vì vậy, nó đề cao sự đáng tin cậy và nền tảng đạo đức của Tăng đoàn.

Các pháp Yết ma không nhằm mục đích chỉ là một công việc mang tính vị lợi trong bối cảnh hành chính trong truyền thống Phật giáo; đúng hơn, Yết ma được coi là đang thể hiện nguyện vọng chung là điều kiện tiên quyết cần thiết để đạt đến sự đồng thuận và hòa hợp thanh tịnh cao hơn. Pháp Yết ma thực hiện các nghi lễ và chức năng nghi lễ tập thể của Tăng đoàn, được củng cố bởi một đặc điểm rất đặc biệt: đạo đức và nhận thức bởi trí tuệ như thật.

Yết ma như vậy mang lại sự hòa hợp thanh tịnh hướng đến những mục đích tốt đẹp của Tăng đoàn và cũng thúc đẩy sự phát triển tiến trình giác ngộ.

Ngoài ra, mục tiêu của pháp Yết ma không chỉ giới hạn ở việc quản lý theo những cách thích hợp; những quy chuẩn đạo đức còn góp phần tạo ra trải nghiệm tích cực cho xã hội, nuôi dưỡng môi trường lý tưởng cho sự phát triển và định hướng hoằng hóa. Đây chính là bản chất của mối quan hệ tương hỗ đặc trưng cho nhiều nguyên lý của Phật giáo: những nhiệm vụ trần tục nhất trong cuộc sống đều có giá trị tinh thần và khi được gộp lại sẽ góp phần vào hành trình hướng tới giác ngộ tối thượng.

Yết ma là một phương cách quan trọng để các tu sĩ Phật giáo tái khẳng định nguyện vọng sinh hoạt tập thể trong niệm hòa hợp thanh tịnh của mình bằng cách xác định các kiến giải và mục tiêu chung đòi hỏi sự đồng thuận tuyệt đối giúp duy trì Tăng đoàn như một xã hội hài hòa tương kính dựa trên những thủ tục, nguyên tắc hoàn toàn dân chủ với tất cả tâm từ bi và trí tuệ, bảo đảm phù hợp với giới luật hay hành vi đạo đức do Đức Phật chế định.

Yết ma có ý nghĩa quan trọng trong việc mang lại việc chia sẻ kiến giải và thông qua các Phật sự bằng cách đồng thuận tuyệt đối. Yết ma là một

trong những chuẩn tắc chia sẻ sự quan tâm và nói lên sự quyết tâm cao đối với những Phật sự quan trọng sẽ được tiến hành. Sức mạnh tập thể được tạo ra bởi sự nhất trí tuyệt đối qua sự im lặng hoặc trả lời "thành" sau 1 lần "bạch" 1 lần yết ma hoặc 1 lần bạch 2 lần yết ma hay 1 lần bạch 3 lần yết ma là hành vi đạo đức thể hiện tinh thần dân chủ bởi niềm tin vững chắc và sự hòa hợp thanh tịnh tuyệt đối.

Các pháp Yết ma thúc đẩy việc tạo nên những thành quả tối ưu cho tập thể bằng cách sắp xếp sự mọi Phật sự với sự tham gia ý kiến chung dựa trên nền tảng của thanh tịnh và hòa hợp, chẳng hạn như An cư, Tự tứ, Kiết giới, Giải giới, Bố tát, Truyền giới v.v… của Tăng đoàn Do đó, việc thực hành các pháp Yết ma mang lại sự công minh với sự đồng thuận cao và mang lại kết quả tốt cho các Phật sự của Tăng đoàn đồng thời tạo ra sự gắn kết hòa hợp với nhau và chia sẻ mục tiêu với các thành viên khác trong Tăng đoàn trong cùng khu vực hay tự viện. Pháp Yết ma là một phương cách để nuôi dưỡng một nền văn hóa đoàn kết bằng cách tạo ra sự phát triển tinh thần chung và nâng đỡ lẫn nhau giữa các thành viên mà không đánh mất sự bất hòa về mặt đạo đức. Nhờ phương pháp lãnh đạo tập thể này, các pháp Yết ma đóng vai trò là hình mẫu của

giới luật (sila), truyền cảm hứng cho một đời sống đạo đức về mọi mặt. Đây là một ảnh hưởng vượt ra ngoài môi trường tu viện bởi vì những cư sĩ tiếp xúc với Tăng đoàn cũng có thể học hỏi từ việc thực hành các pháp Yết ma và điều này giúp họ sau đó mở rộng việc thực hành các chế định của giới luật một cách rộng rãi.

Yết ma thường giáo dục và tư vấn cho các tu sĩ mới xuất gia hoặc tương đối thiếu kinh nghiệm về trách nhiệm quản lý và cho cả những vị đã xuất gia lâu năm, những chuẩn tắc hay thủ tục này khiến họ tuân thủ giới luật một cách nghiêm túc thực hành các Phật sự một cách thanh tịnh hòa hợp. Yết ma là phương cách hướng dẫn trực tiếp thông qua lối sống tập thể gương mẫu, thể hiện giá trị của hành vi đạo đức và cách người ta có thể ứng dụng giới luật trong cuộc sống hằng ngày. Điều này rất quan trọng cho sự tồn tại và độc đáo của thực hành Phật giáo.

Pháp Yết ma hay còn gọi là Biện sự tác pháp đóng góp hơn nữa vào trật tự tập thể và hạnh phúc tinh thần bằng cách khắc sâu ý thức và thực hành đạo đức tổng hợp, bảo vệ nền tảng triết học đạo đức của Phật giáo thông qua sự trung thực và nghiêm túc trong nhiệm vụ thiêng liêng của những bậc xuất trần thượng sĩ.

Chương XI

Kết – Giải giới

1. Khái thuật

1.1. Khái niệm

- ***Giới:*** "giới" trong Phật học nghĩa là chủng loại, yếu tố. Trong Luật học, còn được hiểu là phạm vi, khu vực, địa điểm (địa vực), thông thường gọi là ranh giới hay cương giới.
- ***Kết giới:*** trên ranh giới đã được hoạch định, chúng tăng cùng tiến hành tác pháp bạch nhị yết ma để công nhận gọi là "kết", tiến hành gia trì cho vùng đất tự nhiên trong phạm vi quy định. Nó có tác dụng ngăn cách giữa chúng tăng ở trong và ngoại giới. Với sự gia trì của việc kết giới thì cương giới có hiệu lực bảo hộ cho chúng tăng cùng chung sống cũng như bố tát, yết ma… Dẫu có chư tăng bên ngoài giới không tham gia thì cũng không phạm lỗi biệt chúng.

- ***Giải giới:*** "giải" tức là giải trừ, gỡ bỏ đi tác dụng gia trì của thánh pháp Yết ma trên cương giới, vùng đất ấy. Cương giới đã được chư tăng kết, khi muốn thay đổi phạm vi, chuyển đổi vị trí hay không sử dụng nữa thì đều phải tiến hành phép giải rồi sau đó mới được kết lại.

1.2. Phân loại

Căn cứ theo tính chất mà chia thành 2 loại: Giới tự nhiên và Giới tác pháp.

- ***Giới tự nhiên:*** Khi Phật chưa chế định hoặc trước khi tác pháp kết giới thì cương giới hoàn toàn tự nhiên (nó có hiệu lực thu nhiếp tự nhiên). Tất cả những nơi tự nhiên đều không phải dựng mốc, phạm vi căn cứ vào nơi ở của Tỳ kheo nên gọi là cương giới tự nhiên hay Giới không tác pháp. Tùy theo nơi chốn, địa vực khác nhau mà Giới tự nhiên được chia thành 4 loại và 6 hình thái:

- Tụ lạc[1] (khả phân biệt/ bất khả phân biệt)
- A lan nhã[2] (có nạn/ không nạn)
- Đạo giới[3]

---

1 Những nơi có nhà ở của dân chúng
2 Khu rừng vắng hoặc những nơi không có dân cư
3 Giới đường bộ

- Thủy giới[4]

Tuy nhiên, Giới tự nhiên chỉ áp dụng cho khi du hành và nó hạn chế về phạm vi cũng như hiệu lực nhiếp hộ của giới.

- ***Giới tác pháp:*** Đây là cương giới mà chúng tăng ấn định phạm vi giới hạn, bốn góc phải có tiêu mốc, bốn phương phải có ranh giới và phải làm phép Yết ma gia trì trên phạm vi giới hạn ấy để cùng công nhận làm nơi ở chung cho chúng tăng hay hoạt động tăng sự. Giới tác pháp dựa trên công năng mà chia thành 3 loại:

1- ***Nhiếp tăng giới:*** Cương giới này có tác dụng nhiếp lấy chúng tăng ở cùng một phạm vi để tác pháp, đồng thời để phân biệt giữa chúng tăng này và chúng tăng khác. Căn cứ vào nhu cầu của chúng tăng thì Nhiếp tăng giới chia làm 3 loại: Đại giới, Giới tràng và Tiểu giới (Tiểu giới là 3 loại khi có nạn gồm Thọ giới, Thuyết giới và Tự tứ). Căn cứ vào nhu cầu của chúng tăng, Đại giới chia thành 3 loại: Nhân pháp nhị đồng, Pháp đồng thực biệt và Pháp biệt thực đồng. Giới Nhiếp tăng có tác dụng thâu nhiếp chúng tăng về ở một nơi

4 Giới đường thủy

(đồng nhất trụ xứ), cùng chung thuyết giới yết ma, không mắc lỗi biệt chúng.

2- ***Nhiếp y giới:*** Luật chế 3 y phải luôn luôn theo bên mình, nếu rời y cách đêm thì phạm lỗi thất y. Nếu kết giới nhiếp y thì có tác dụng thâu nhiếp y thuộc về cá nhân với hiệu lực hộ trì của giới, chúng tăng sẽ không mất lỗi thất y. Y giới tự nhiên có 15 loại (11 loại theo Luật Tứ Phần và 4 loại theo một số luật khác) gồm: Tăng viện, thôn, cây, sông, xe, thuyền, nhà, sảnh đường, kho, tàng, lan nhã, giới đường bộ, giới đường thủy, châu giới (bãi bồi), tỉnh giới (giếng nước).

3- ***Nhiếp thực giới:*** là giới nhiếp thức ăn, vật dụng của tăng. Luật chế Tỳ kheo không được ở cùng với thức ăn, không được đun nấu thức ăn… vì lí do đặc biệt, bảo đảm cho đời sống của chư tăng, Phật chế định kết giới nhiếp thực để tránh lỗi trên.

Căn cứ vào công năng và tính chất (địa hình, đặc điểm), ta có biểu đồ (trang bên):

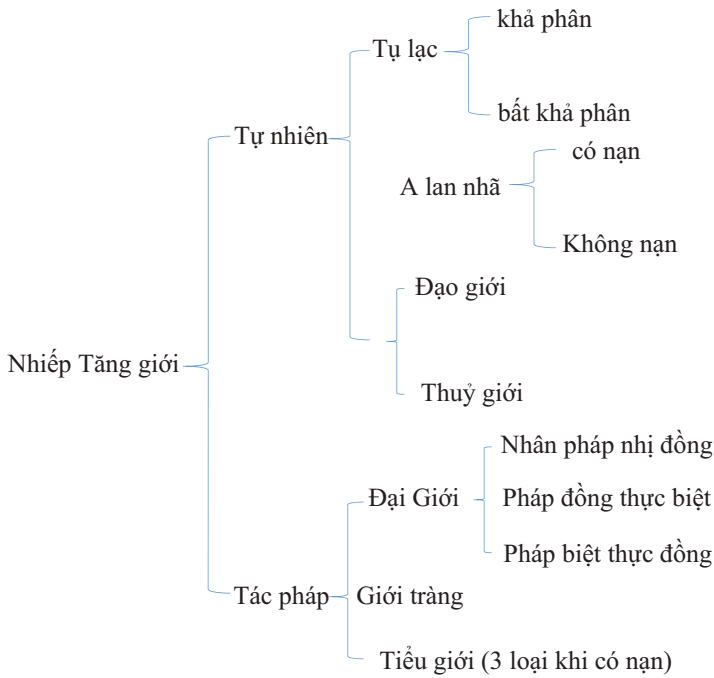
Nhiếp Tăng giới
Tự nhiên
Tụ lạc
khả phân
bất khả phân
A lan nhã
có nạn
Không nạn
Đạo giới
Thuỷ giới
Tác pháp
Đại Giới
Nhân pháp nhị đồng
Pháp đồng thực biệt
Pháp biệt thực đồng
Giới tràng
Tiểu giới (3 loại khi có nạn)

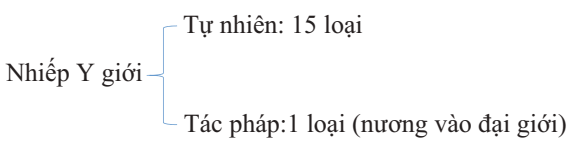
Nhiếp Y giới
Tự nhiên: 15 loại
Tác pháp:1 loại (nương vào đại giới)

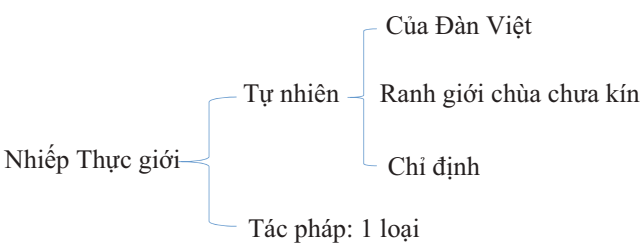
Nhiếp Thực giới
Tự nhiên
Của Đàn Việt
Ranh giới chùa chưa kín
Chỉ định
Tác pháp: 1 loại

1.3. Ý nghĩa

Pháp yết ma là một khâu cơ bản không thể thiếu trong việc triển khai, vận hành, thúc đẩy công việc của tăng đoàn, nhưng pháp yết ma phải được tiến hành trên cương giới thì nó mới có hiệu dụng. Giới chính là xứ – một trong bốn yếu tố của yết ma, không thể thiếu trong việc xử lý công việc của tăng đoàn.

Trong 134 Chúng pháp yết ma (Nam Sơn Luật Tông) thì kết-giải giới là yết ma căn bản nhất, là điều kiện tiên quyết lớn nhất để làm mọi tăng sự. Nếu điều kiện tiên quyết này không đủ thì tất cả các pháp yết ma khác đều không thành tựu. Chỉ sau khi tiến hành yết ma kiết giới thành tựu thì mới có thể tiến hành các hoạt động yết ma khác; cho nên theo các luật và luận về luật, cùng các sách chú sớ, khi lý giải về yết ma thì đều đặt việc kết giới lên đầu tiên.

Trong Tùy Cơ Yết Ma Sớ có nói: "Cho nên, giới là đứng đầu, vì tất cả các loại Chúng pháp đều nương vào giới".

Các bậc cổ đức nhận định: "Tông chỉ của giới luật không ngoài chỉ ác và tu thiện. Chỉ ác chính là giữ gìn những giới điều, giữ giới thì phải thọ giới, thọ giới thì phải tiến hành trên cương giới tác pháp. Tu thiện tức là thực hiện các tăng sự, thực hiện

cũng phải ở trên cương giới tác pháp, cho nên kết giới là căn bản của tỳ ni, phải được coi trọng hết mức. Một khi kết giới không thành thì nghĩa là đầy cõi Diêm Phù Đề này đều là Tỳ kheo không giới."

1.4. Quá trình Đức Phật chế giới kết giới

Việc kết giới theo luật nói trải qua 5 giai đoạn:

a. Tập trung tất cả chư tăng trong cõi Diêm Phù Đề về một nơi. Cứ mỗi nửa tháng, chư tăng ở khắp nơi đều phải về nơi Đức Phật để kết giới, điều này khiến cho các Tỳ kheo vất vả đi lại (có người không đến kịp), điều này không chỉ gây trở ngại cho việc tăng mà còn không có lợi cho việc tu hành cá nhân, cho nên Phật quy định cho kết giới tùy theo trụ xứ Tỳ kheo, chúng tăng ở cùng một cương giới sẽ cùng yết ma, cùng thuyết giới. Cương giới ấy gọi là Đại giới, đầu tiên Đại giới chế định là vì thuyết giới nên Đại giới còn gọi là Bố tát giới.

b. Tập hợp tăng trong giới tự nhiên vì phạm vi tập tăng ở trong phạm vi cõi Diêm Phù Đề là quá lớn, không có lợi cho việc thực thi tăng sự và tu hành cá nhân, do vậy Đức Phật cho phép khai duyên, nơi nào có Tỳ kheo ở thì có cương giới tự nhiên tương ứng và sau đó chỉ cần ở trong phạm vi tự nhiên ấy có thể tiến hành tăng sự như thuyết giới, tự tứ…

c. Tập hợp tăng ở trong Đại giới thuyết pháp: vì giới tự nhiên có hạn chế như số lượng chúng tăng nhiều hay ít, nơi họ đến đi không xác định được. Hơn nữa, khi thuyết giới hay tự tứ, số lượng đông thì giới tụ lạc và đường thủy quá nhỏ không chứa đủ, nếu số lượng người ít, tập tăng ở giới lan nhã hoặc đường bộ thì phạm vi lại quá lớn, đồng thời phạm vi của 6 hình thái của Giới tự nhiên không thể tùy ý thay đổi và không có cách gì để điều chỉnh phạm vi tập trung của tăng chúng dựa trên địa điểm và số lượng cụ thể. Hơn nữa, Chúng pháp yết ma không thể tác trì hay tiến hành trên đất tự nhiên nên Phật đã chế định khi chư tăng ở cố định thì phải tiến hành kết giới tác pháp và nương nhờ vào giới tác pháp, còn Giới tự nhiên chỉ áp dụng cho chư tăng khi đi du hành (không ở cố định).

d. Khai kết giới tràng: có những công việc chỉ cần 20 người tham gia như xử tội Tăng tàn, 10 vị để thọ giới, 5 vị để tiến hành sám tội Xả đọa hoặc có pháp Yết ma chỉ cần 4 người… như vậy, nếu chư tăng ở trong Đại giới thì đều phải bắt buộc tham dự, nếu không tham dự sẽ mắc lỗi biệt chúng. Như vậy, để khắc phục việc vất vả không cần thiết cho chúng tăng, Phật đã cho phép kết giới tràng ở trong Đại giới để xử lý một số công việc đặc thù.

e. Cho phép kết 3 loại Tiểu giới khi có nạn: vì có trường hợp ác Tỳ kheo không theo luật Phật, không những không muốn tập hợp làm việc pháp mà còn gây trở ngại cho chúng tăng tiến hành yết ma, đặc biệt là 3 việc quan trọng như thọ giới, thuyết giới và tự tứ. Vì vậy, Đức Phật đã cho phép với tình hình như vậy thì các thiện Tỳ kheo có thể dời ra ngoài giới ở trên đất tự nhiên mà tiến hành kết tiểu giới nhằm xử lý một trong ba việc trên, ranh giới thì lấy thân thể của Tỳ kheo làm phạm vi tập tăng.

2. Kết – Giải Đại Giới Không Giới Tràng

** Nghi kết đại giới không giới tràng:

Bước 1: ***Xem xét các điều kiện trước khi tiến hành (xứng lượng tiền sự):***

- ***Phạm vi:*** Luật quy định cương giới của tăng không vượt quá 120 dặm (~ 50,112m) hay đường tròn bán kính 50,112m. Cương giới của Ni không vượt quá 2 dặm (~835m) hay đường tròn bán kính 835m; nếu rộng quá sẽ bất lợi cho Ni chúng hoặc dễ gặp các nạn xảy ra, nhưng nếu trong trường hợp đặc biệt, Ni chúng cũng có thể kết cương giới rộng như của tăng.

- ***Cư dân trong giới:*** Nếu trong cương giới có cư dân thì không ảnh hưởng, trong nhiều bộ luật cho phép được kết cả tụ lạc vào trong cương giới. Nhưng giới của Ni thì không được (để không bị ảnh hưởng bởi chuyện nam nữ thế gian).
- ***Trong cương giới có sông:*** trường hợp khi kết giới mà trong cương giới có sông, nếu có thể đi lại thuận tiện được thì có thể kết thông qua sông, và ngược lại thì không được (vì Ni không thể lội nước).
- ***Hai cương giới tiếp xúc nhau (giao thoa):*** Luật quy định hai giới tác pháp không thể nối liền nhau và cũng không thể đan xen, chồng chéo nhau (vì cương giới nào có tác dụng của cương giới đó), mà hai cương giới phải có khoảng cách nhất định; Luật dạy phải cách nhau ít nhất 2 khuỷu tay trở lên (~2m). Tuy nhiên, khoảng cách đó rộng hẹp không quan trọng, miễn là có khoảng cách, và khoảng cách ấy Luật gọi là "trung gian không địa" (khoảng đất trống ở giữa) hoặc "tự nhiên không địa" (đất trống tự nhiên).
- ***Hình dáng cương giới:*** Theo Luật Thiện Kiến và Tỳ Bà Sa Luận nói hình dáng cương giới có

5 loại là hình vuông, hình tròn, hình quả trống, hình bán nguyệt và hình tam giác (nhất phương, nhị viên, tam cổ hình, tứ bán nguyệt, ngũ tam giác). Theo Luận Minh Liễu, cho rằng tùy theo địa hình, địa thế, tùy theo vị trí nơi chốn, tùy theo người ở. Ngoài ra, Luật sư Đạo Tuyên sau khi tổng hợp nhiều quan điểm thì phán định rằng Giới hình nhất định là hình vuông.

Bước 2: ***Dựng mốc giới***

- ***Tiêu, Tướng, Thể:*** Tiêu là mốc, nó được đặt ở các góc của Đại giới; sau này hình dáng của cương giới sẽ do mốc quyết định. Tướng chính là giới tướng hay giới hình (ngoại hình của giới). Thể là diện tích sử dụng bên trong hay nội địa.

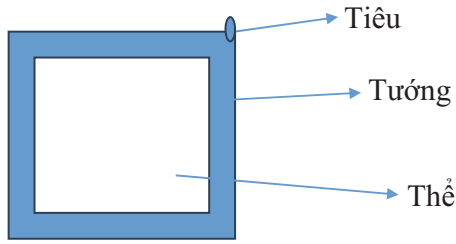

Bước 3: ***Phương pháp xướng tướng:***

- ***Xướng giới tướng bên trong bên ngoài:*** xướng giới tướng bên ngoài nghĩa là căn cứ theo mặt

tường bên ngoài của phạm vi (tường bao), còn xướng tiêu tướng bên trong nghĩa là căn cứ vào mặt tường bên trong của phạm vi. Nếu giới tướng là tường bao thì xướng tiêu tướng trong ngoài đều được, còn nếu ranh giới được liên kết bằng các nhà ở thì xướng tiêu tướng bên trong tương đối khó vì phải xướng xuyên qua tường.

- ***Thẳng qua – theo đường cong:*** Thẳng qua nghĩa là đường thẳng từ A đến B, nếu trường hợp nhiều cua thì phải xướng theo đường cong theo đường cua từ A đến B.
- ***Phương vị xướng tướng:*** Nghĩa là xướng tướng bắt đầu từ góc nào. Theo truyền thống các chùa xưa đều xướng từ hướng Nam, cho nên quy định phương vị xướng tiêu tướng bắt đầu từ góc Đông-Nam. Tuy nhiên, các luật sư nhất trí rằng bất luận chùa hướng nào thì đều lấy theo hướng chánh điện làm chính và phương vị xướng tiêu tướng đầu tiên bắt đầu từ bên trái hướng chánh điện (hướng nhìn ra) và coi đó là góc Đông nam, đi thuận theo chiều kim đồng hồ là Đông nam – Tây nam – Đông bắc – Tây bắc – Đông nam.

Bước 4: ***Phạm vi tập tăng***

- Toàn bộ tăng phải tập hợp trong mốc giới.
- Trong giới của tăng có thể kết giới của ni và ngược lại, tăng ni cùng kết giới không phương ngại lẫn nhau, vì giới của ni đối với tăng và ngược lại thì nó cũng giống như vùng đất tự nhiên. Do vậy, trong giới của tăng nếu có giới của ni thì Tỳ kheo ở trong giới của ni cần phải trở về tập hợp giới của tăng để tác pháp.
- **Lưu ý:** Không được nhận dục. Khi kết giới, tất cả chư tăng phải tập hợp dù duyên sự như pháp cũng không được vắng mặt.

Bước 5: ***Chính thức kết đại giới không giới tràng***

- **Nghi lễ**

  - Khai chung bảng hoặc chỉ cử ba hồi chuông trống Bát nhã.
  - Niệm hương bạch Phật.
  - Tán: Tào khê thủy.

Nhứt phái hướng đông lưu
Quán Âm bình nội trừ tai cựu
Đề hồ quán đảnh địch trần cấu
Dương chi sái xứ nhuận tiêu khô
Yết hầu trung cam lộ
Tự hữu huỳnh tương thấu.

Nam mô Thanh Lương Địa Bồ Tát Ma Ha Tát.
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.
Tụng Đại Bi thần chú.

Tán: Chí tâm tín lễ tăng già da, chúng trung tôn, ngũ đức sư, lục hòa lữ, lợi sanh vi sự nghiệp, án già hồng, hoằng pháp thị gia vụ. Tỵ hiêu trần, thường yến tọa, tịch tịnh xứ, giá thân phục xuế y, sung phúc thải tân vi. Bát giáng long, tích giải hổ, pháp đăng thường biến chiếu, án già hồng, tổ ấn tương truyền phú. Nhược quy y năng tiêu diệt, tiêu diệt bàng sanh khổ.

Nam Mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo (3 lần)

Sám Hối:
Tội tùng Tâm khởi đem tâm sám
Tâm đã tịnh rồi tội liền tiêu
Tội tiêu tâm tịnh thảy đều không
Thế mới thật là chơn sám hối
Nam Mô Cầu Sám Hối Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).
Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Vô Thượng Thậm Thâm Tỳ Ni Pháp
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
Nguyện giải Nhu Lai tỳ ni nghĩa
Nam Mô Khai Luật Tạng Bồ Tát (3 lần).

1. Tác Tiền Phương Tiện:

Vị Yết Ma hỏi: Tăng đã họp chưa?
Vị Thủ chúng đáp: Tăng đã họp.
Hỏi: Hòa hợp không?
Đáp: Hòa hợp.
Hỏi: Người chưa thọ giới Cụ Túc đã ra chưa?
Đáp: Trong đây không có người chưa thọ giới Cụ Túc.
Hỏi: Tăng nay hòa hợp để làm gì?
Đáp: Kết đại giới Yết Ma

2. Vị Hóa Chủ xướng giới tướng:

Xin Đại đức Tăng lắng nghe, tôi Tỳ Kheo (pháp danh…) ở trụ xứ này, xin vì đại Tăng xướng lên các tiêu tướng bốn phương của đại giới. Từ góc Đông nam của trú xứ này, lấy A làm tiêu. Từ đây về Tây, men theo tường ngoài/ trong đến góc Tây nam, lấy B làm tiêu. Từ đây về Bắc, men theo tường ngoài/ trong đến góc Tây bắc, lấy C làm tiêu. Từ đây về Đông, men theo tường ngoài/ trong đến góc Đông bắc, lấy D làm tiêu. Từ đây về Nam, men theo tường ngoài/ trong trở lại đến góc Đông nam, lấy A làm tiêu. Bạch đại tăng tôi đã xướng xong các tiêu tướng của đại giới[5].

---

5 A, B, C, D là tên của một vật nào đó, vd: góc tường... Khi xướng tiêu tướng, người xướng tướng khi chỉ tiêu tướng ở đâu thì phải đi đến đó để chỉ và xướng để đại chúng rõ biết.

3. Bạch Yết Ma:

Vị Yết Ma bạch: *Xin Đại Đức Tăng lắng nghe! Tỳ Kheo ở trú xứ này đã xướng xong các tiêu tướng bốn phương của Đại Giới. Nếu Tăng thấy đúng lúc, Tăng bằng lòng: Tăng nay ở trong mốc giới bốn phương kết đại giới, cùng sống chung, cùng thuyết giới. Bạch như thế, tác pháp có thành không?*

Đại Tăng đáp: *Thành.*

Vị Yết Ma bạch: *Xin Đại Đức Tăng lắng nghe! Tỳ Kheo ở trú xứ này đã xướng xong các tiêu tướng bốn phương của Đại Giới. Tăng nay ở trong mốc giới bốn phương kết đại giới, cùng sống chung, cùng thuyết giới. Các trưởng lão nào bằng lòng: Tăng nay ở trong mốc giới bốn phương kết đại giới, cùng sống chung, cùng thuyết giới thì im lặng. Ai không chấp thuận thì hãy nói lên? Tác pháp có thành không? Tăng đã bằng lòng: ở trong mốc giới bốn phương này kết đại giới, cùng sống chung, cùng thuyết giới xong rồi. Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, việc ấy cứ như thế mà vâng giữ.*

Một số lưu ý khi kiết giới:

- Tốt nhất nên kiết giới vào ban ngày để dễ quan sát ranh giới, mốc giới và người tham gia.
- Đánh chuông tập tăng như thường lệ

- Xung quanh nên bố trí các Sa di/ tịnh nhân canh giữ, phòng ngừa khi làm yết ma có khi Tỳ kheo đi vào trong ranh giới, tránh biệt chúng.
- Tỳ kheo xướng tướng đứng đợi và lễ tăng bốn phía bốn lễ, sau đó đứng đọc to xướng tướng.
- Mặc dù không cho thuyết dục nhưng trong văn vẫn phải hỏi có thuyết dục hay không.
- Nếu cùng lúc kết cả 3 giới (nhiếp tăng, nhiếp y, nhiếp thực) thì có thể đáp chung "Kết giới yết ma", hoặc "Kết đại giới yết ma".
- Người xướng tướng không cần phải xưng tên vì nếu xưng tên rất dễ khiến đại chúng hiểu lầm người xướng tướng là đối tượng yết ma, mà đối tượng yết ma không được tính túc số.
- Khi tiến hành yết ma, nếu không tìm thấy vị tăng thành thạo tác pháp nhưng học hối Sa di làm được thì có thể làm hộ nhưng không được tính tăng số.
- Khi kết giới lần đầu thì phải tiến hành 3 lần (sơ kết tam phiên), nghĩa là kết - giải - kết, vì giới tác pháp nhiếp tăng có uy lực lớn, khi kết giới lần đầu thì các ác quỷ thần bị nhốt trong đó, khiến họ bị khổ não. Do đó, Phật dạy khi kết

giới lần đầu, sau đó phải giải để thả chúng ra rồi mới xướng tướng kết lại, như vậy giới của tăng mới an ổn và vững bền.

- **Giải đại giới không giới tràng:**

1. Tác tiền phương tiện

Thượng tọa hỏi: Tăng đã họp chưa?
Thủ chúng đáp: Tăng đã họp.
Hỏi: Hòa hợp không?
Đáp: Hòa hợp.
Hỏi: Người chưa thọ giới Cụ Túc đã ra chưa?
Đáp: Trong đây không có người chưa thọ giới Cụ Túc.
Hỏi: Tăng nay hòa hợp để làm gì?
Đáp: Yết Ma Giải đại giới

2. Bạch Yết ma Giải đại giới

Thượng Tọa (Yết ma sư) bạch: *"Xin Đại Đức Tăng lắng nghe, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, xin Tăng chấp thuận cho. Nay giải giới trú xứ mà các Tỳ kheo đã cùng sống và cùng thuyết giới. Đây là lời tác bạch, Yết Ma như thế có thành không?"* (hỏi 1 lần)

Đại chúng đáp: "Thành".

Thượng tọa bạch: *"Xin Đại Đức Tăng lắng nghe, nay Tăng giải giới tại trú xứ mà các Tỳ Kheo đã cùng sống, cùng thuyết giới. Các Trưởng lão nào chấp thuận Tăng giải giới tại trú xứ này, nơi cùng sống và cùng thuyết giới thì im lặng. Ai không chấp thuận thì xin hãy nói lên.* (hỏi 1 lần)

"Tăng đã chấp thuận giải giới ở trú xứ này, nơi cùng sống và cùng thuyết giới, vì đã im lặng. Tôi nhận biết như vậy".

3. Kết – Giải Đại Giới Có Giới Tràng

3.1. Khái lược

Giới tràng (hay giới trường) trong văn luật (yết ma) gọi là Tiểu giới để đối lại với Đại giới. Như vậy, hoàn toàn khác với 3 loại tiểu giới khi có nạn.

Về địa điểm: Giới tràng nằm trong đại giới. Tiểu giới nằm trong Giới tự nhiên.

Về tính chất: Giới tràng thì cố định, Tiểu giới (Giới tự nhiên) thì hay thay đổi.

Về đặc điểm: Giới tràng phải dựng mốc; Tiểu giới thì Tỳ kheo làm ranh giới. Giới tràng chỉ khi chư Tăng có nhu cầu thì mới giải; Tiểu giới thì ngược lại, xong việc phải giải ngay.

Giới tràng là nơi để thực hiện những công việc đặc thù không cần đến tập thể (toàn thể), chúng tăng tham dự như tụng giới, sám tội… "Tràng" nghĩa là sân, sân khấu, giống như cái sân ở thế gian, chứa được những bảo vật quý giá, về sau gọi là "Giới đàn".

Về quy tắc: kết đại giới có giới tràng và đại giới không giới tràng cơ bản là giống nhau.

Nếu chỉ làm phép Tăng thì giới tràng rộng tối thiểu phải chứa được 21 người.

Nếu là những việc phải thực hiện có cả hai bộ Tăng Ni, thì phạm vi tối thiểu phải chứa được 41 người, như việc sám tội Tăng tàn của Ni…

Trong giới tràng không lập phòng – xá: vì hầu hết giới tràng thuở đầu được thiết lập ở khu đất trống, riêng biệt, chỉ có điện Phật và hoa quả cây cối, không được sắp đặt phòng Tăng, người ở. Sau này tổ Đạo Tuyên đưa ra ý kiến để thuận tiện tăng sự, cũng có thể thiết lập giới tràng trong nhà.

Trước kết giới tràng sau kết đại giới. Nếu đại giới đã kết trước thì phải giải rồi xướng kết theo trình tự: giới tràng rồi đại giới.

Cần phải lập 3 lớp tiêu tướng: Giới tràng ngoại tướng (ranh giới bên ngoài của giới tràng), Đại giới

nội tướng (ranh giới/ mốc giới bên trong của đại giới), Đại giới ngoại tướng (mốc giới bên ngoài của Đại giới).

Trước giải đại giới, sau giải giới tràng

Trong cuốn Giới Đàn Đồ Kinh có đề cập: hôm trước kết giới, hôm sau giải đại giới và giới tràng, sau đó mới kết lại giới tràng và đại giới (ngắn nhất phải qua 1 đêm để kết được thành tựu).

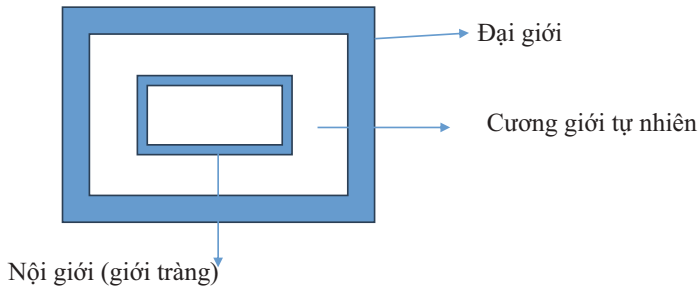

3.2. Nghi thức kết – giải Đại giới có giới tràng

**** Nghi thức kết đại giới có giới tràng**

- **Nghi Lễ**

- Khai chung bảng hoặc chỉ cử ba hồi chuông trống Bát nhã

- Niệm hương bạch Phật.

- Tán: Tào khê thủy

Nhứt phái hướng đông lưu
Quán Âm bình nội trừ tai cựu
Đề hồ quán đảnh địch trần cấu
Dương chi sái xứ nhuận tiêu khô
Yết hầu trung cam lộ
Tự hữu huỳnh tương thấu.

Nam mô Thanh Lương Địa Bồ Tát Ma Ha Tát.
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Tụng Đại Bi thần chú.

Tán: Chí tâm tín lễ tăng già da, chúng trung tôn, ngũ đức sư, lục hòa lữ, lợi sanh vi sự nghiệp, án già hồng, hoằng pháp thị gia vụ. Tỵ hiêu trần, thường yến tọa, tịch tịnh xứ, giá thân phục xuế y, sung phúc thải tân vi. Bát giáng long, tích giải hổ, pháp đăng thường biến chiếu, án già hồng, tổ ấn tương truyền phú. Nhược quy y năng tiêu diệt, tiêu diệt bàng sanh khổ.

Nam Mô Thập Phương Thường Trụ Tam Bảo (3 lần)

Sám Hối:

Tội tùng Tâm khởi đem tâm sám
Tâm đã tịnh rồi tội liền tiêu
Tội tiêu tâm tịnh thảy đều không
Thế mới thật là chơn sám hối

Nam Mô Cầu Sám Hối Bồ Tát Ma Ha Tát (3 lần).

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Vô Thượng Thậm Thâm Tỳ Ni Pháp

Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ

Ngã kim kiến văn đắc thọ trì

Nguyện giải Nhu Lai tỳ ni nghĩa

Nam Mô Khai Luật Tạng Bồ Tát (3 lần).

Bước 1: Kiết Giới Tràng

1. Tác Tiền Phương Tiện

Vị Yết Ma hỏi: Tăng đã họp chưa?

Vị Thủ chúng đáp: Tăng đã họp.

Hỏi: Hòa hợp không?

Đáp: Hòa hợp.

Hỏi: Người chưa thọ giới Cụ Túc đã ra chưa?

Đáp: Trong đây không có người chưa thọ giới Cụ Túc.

Hỏi: Tăng nay hòa hợp để làm gì?

Đáp: Yết Ma Kiết Giới Tràng.

Vị hóa chủ xướng Giới tướng: Xin Đại đức Tăng lắng nghe, tôi Tỳ Kheo (pháp danh…) xin vì đại Tăng xướng lên các tiêu tướng bốn phương của Giới tràng (Tiểu Giới hay giới trường). Từ góc Đông nam của trú xứ này,lấy A làm tiêu. Từ đây

về Tây, đến góc Tây nam, lấy B làm tiêu. Từ đây về Bắc, đến góc Tây bắc, lấy C làm tiêu. Từ đây về Đông, đến góc Đông bắc, lấy D làm tiêu. Từ đây về Nam, trở lại đến góc Đông nam, lấy A làm tiêu. Bạch đại Tăng tôi đã xướng xong các tiêu tướng của Giới tràng[6].

2. Chính Thức Yết Ma

Vị Yết Ma bạch: *"Xin Đại Đức Tăng lắng nghe, Tỳ Kheo Hóa chủ sống lâu ở trú xứ này đã xướng xong các tiêu tướng bốn phương của Tiểu Giới. Nếu thời gian thích hợp, Tăng chấp thuận lấy các tiêu tướng bốn phương này để kiết thành Giới Tràng. Đây là lời tác bạch. Yết Ma như thế có thành không?*

Đại Tăng đáp: Thành.

Vị Yết Ma bạch: *"Xin Đại Đức Tăng lắng nghe. Tỳ Kheo Hóa chủ sống lâu ở trú xứ này đã xướng xong các tiêu tướng bốn phương của Tiểu Giới. Tăng nay ở trong phạm vi của các tiêu tướng bốn phương này kiết làm Giới Tràng. Các Trưởng Lão nào chấp thuận Tăng nay ở trong phạm vi các tiêu*

6 Tương tự như trên: A, B, C, D là tên của một vật nào đó, như góc tường… Khi xướng tiêu tướng, người xướng tướng khi chỉ tiêu tướng ở đâu thì phải đi đến đó để chỉ và xướng để đại chúng rõ biết.

tướng bốn phương của Tiểu Giới này kiết làm Giới Tràng thì im lặng. Ai không chấp thuận thì hãy nói lên. Tăng đã chấp thuận trong phạm vi các tiêu tướng bốn phương này kiết làm Giới Tràng vì đã im lặng. Tôi xin nhận biết như vậy."

Bước 2: Kết đại giới:
(tương tự như kết đại giới không giới tràng)

**** Nghi thức giải đại giới có giới tràng**

Bước 1: Giải đại giới
(tương tự như nghi giải đại giới không giới tràng)

Bước 2: Giải giới tràng

1. Tác tiền phương tiền:

Thượng Tọa hỏi: Tăng đã họp chưa?
Thủ chúng đáp: Tăng đã họp.
Hỏi: Hòa hợp không?
Đáp: Hòa hợp
Hỏi: Người chưa thọ Cụ Túc ra chưa?
Đáp: Trong đây không có người chưa thọ giới Cụ Túc
Hỏi: Tăng nay hòa hợp để làm gì?
Đáp: Yết Ma Giải Giới Tràng.

2. Chính thức yết ma

Thượng tọa bạch: *"Xin Đại Đức Tăng lắng nghe, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, xin Tăng chấp thuận cho. Tăng nay hòa hợp để giải Giới Tràng của Tiểu Giới. Nếu Tăng đến phải thời, Tăng thuận cho, xin giải Giới Tràng của Tiểu Giới, bạch như thế tác bạch có thành không?"*

Đại chúng đáp: "Thành"

Thượng tọa bạch: *"Xin Đại Đức lắng nghe, Tăng nay hòa hợp để giải Giới Tràng của Tiểu Giới, các Đại Đức nào bằng lòng thì im lặng, ai không bằng lòng thì xin hãy nói lên. Tăng đã chấp thuận giải Giới Tràng của Tiểu Giới vì đã im lặng. Tôi nhận biết như thế"*

Chương XII

Pháp An Cư

1. Khái thuật

1.1. Khái niệm:

Phép an cư có nhiều tên gọi khác nhau: Căn cứ vào đặc điểm thời tiết thì gọi là "Vũ an cư"; căn cứ vào mùa thì gọi là "tọa hạ", "hạ tọa", "kết hạ"; căn cứ theo thời gian thì gọi là "Nhất hạ cửu tuần"; căn cứ theo quy chế thì gọi là "Cửu tuần cấm túc" hay "kết chế"; căn cứ theo thành quả an cư thì gọi là "tọa lạp".

1.2. Duyên khởi (nguồn gốc):

An cư là một quy chế quan trọng của Tăng già Phật giáo nhưng không phải là phép riêng của Phật giáo mà nó là truyền thống chung của các tôn giáo Ấn Độ đương thời. Thuở đầu, khi thành lập Tăng đoàn, Phật giáo chưa có chế độ an cư… Do các Tỳ

kheo thường xuyên du hóa, đặc biệt là mùa hạ mưa nhiều, bất lợi cho sự tu hành của tăng chúng, đồng thời vời đến sự báng bổ, cơ hiềm của người tục, nên Đức Phật đã tiếp thu phương pháp an cư truyền thống áp dụng cho chư Tăng.

1.3. Nội dung – ý nghĩa:

An cư tức là an trú vào một nơi, trong thời gian quy định chuyên tâm khích lệ, tinh tấn tu hành để mau chóng chứng thánh quả. Luật sư Nguyên Chiếu thời nhà Tống có giải thích rằng:

"Hình tâm nhiếp tĩnh viết An
Yếu kỳ tại trụ viết Cư".

Nghĩa là:

"Thân tâm tĩnh tại là An
Ở trong thời gian chế định là Cư".

Chư tổ còn dạy: "An cư chính là an tâm trú đạo" hay "An cư là canh điền".

Pháp an cư là quy định bắt buộc do Phật chế, mỗi đệ tử Phật xuất gia đều phải thực hiện, nên được gọi là yếu vụ với ý nghĩa:

+ Vô sự du hành, phương ngại đến việc tu đạo

+ Tổn hại sinh vật, trái với tôn chỉ từ bi của nhà Phật

+ Làm việc sai trái vời lấy cơ hiềm của thế gian

Nên Đức Phật quy định năm chúng xuất gia (Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Thức xoa ma na, Sa di và Sa di ni) mùa hạ phải an cư tu hành. Trong Luật còn nêu rõ: An cư quan trọng ở chỗ phát tâm; thứ nhất, với bản thân phải tinh tấn tu đạo; thứ hai, lợi ích tha nhân (thuyết pháp, gieo trồng phúc điền…) và thứ ba là duy trì - bảo hộ Tăng đoàn khiến cho Tam bảo cửu trụ. Do đó, trong Luật có nói, nếu phát tâm đầy đủ được như trên thì chỉ cần một chân bước vào trong giới an cư cũng thành tựu.

Chúng tăng có kiết hạ an cư và tự tứ mới được tính tuổi đạo và được hưởng những lợi ích (5 lợi ích) trong 1 tháng hoặc 5 tháng nếu thọ y công đức.

1.4. Thời gian an cư

Về cách phân loại thời gian an cư thì các bộ Luật (trừ Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ) đều nhất trí với cách nói "Tiền-hậu an cư". Luật sư Đạo Tuyên thì lại có quan điểm: Tiền-Trung-Hậu an cư (có tiền, có hậu thì phải có trung). Tuy nhiên, pháp sư Đạo Thế cùng thời với ngài Đạo Tuyên thì không đồng ý với cách nói tiền-trung-hậu an cư mà nói chỉ có hai loại an cư. Ngài Huyền Trang lại cho rằng an cư ở Ấn Độ và Trung Quốc giống nhau,

xuất phát điểm chỉ bởi chướng ngại ngôn ngữ nên làm cho nó có vài chỗ sai khác. Luật sư Nguyên Chiếu thời nhà Tống cho rằng trung là hậu, hậu là trung, chỉ là tên gọi khác mà thôi.

Ngài Huyền Trang phân tích tiền an cư từ ngày 16/5 – 15/8, nếu hậu an cư thì từ ngày 16/6 – 15/9. Tứ Phần Luật San Phồn Bổ Khuyết Hành Sự Sao (quyển thượng, phần 4) lấy 16/4 – 15/7 là tiền an cư, ngay ngày sau là Tự tứ. Luật Ma Ha Tăng Kỳ (quyển 27) thì lại lấy ngày 15/7 là ngày Tự tứ. Trong Luật dạy rằng, chỉ có tiền an cư mới được hưởng 5 lợi ích của tháng Ca đề[1] và nói "thưởng tiền phạt hậu", vì hậu an cư không được hưởng lợi ích này.

Luật dạy Tỳ kheo không an cư thì phạm Đột Cát la, còn Ni nếu không tiền an cư thì phạm Đột Cát La, không tiền-hậu an cư phạm Ba Dật Đề. Luật Tứ Phần Ni Sao thì nói giống nhau dù Tăng hay Ni.

---

1 (1) Được chứ vải dư trong nhiều ngày
(2) Lìa y ngủ qua đêm mà không mất y
(3) Cùng chúng Tỳ kheo thọ trai ở nhà cư sĩ mà không phạm lỗi biệt chúng ăn riêng
(4) Được ăn nhiều lần ở nhiều nơi trong một ngày
(5) Được đi ra khỏi trú xứ mà không cần phải thông báo cho những Tỳ kheo khác

Nếu không có tháng nhuận thì tiền - trung - hậu an cư đều là 3 tháng (90 ngày). Nếu tháng 4 hoặc tháng 7 nhuận thì tùy theo, không hạn định 90 ngày mà dài nhất là 4 tháng (120 ngày), ngắn nhất là 3 tháng (90 ngày).

Nhưng nếu nhuận tháng 5 và tháng 6 thì bất luận an cư nào cũng đều phải là 4 tháng (120 ngày).

1.5. Địa điểm an cư

Nhuận tháng 4:

An cư	Kiết hạ	Mãn hạ	Nhật số
Tiền	16/4	16/7	120 ngày
Trung	17/4 ~ nhuận 1/4	16/7 – 30/7	120 ngày
	2/4 nhuận ~ 30/4 nhuận	30/7	119 ~ 91 ngày
	1/5 ~ 15/5	30/7 ~14/8	90 ngày
Hậu	16/5	16/8	90

Nhuận tháng 7:

An cư	Kiết hạ	Mãn hạ	Nhật số
Tiền	16/4	16/7	90 ngày
Trung	17/4 – 1/5	16/7 – 30/7	90 ngày
	2/5 – 15/5	1/8 – 14/8	120 ngày
Hậu	16/5	16/8	120

Những nơi bất lợi cho việc tu hành, học đạo và an toàn tính mạng thì không nên an cư. Trong Luật nói đó là 2 loại nạn là "mệnh nạn" và "phạm hạnh nạn" như: nơi có giặc cướp, mồ mả, đất trống, mãnh thú độc trùng, nguồn sống thiếu thốn…

Nơi an cư như pháp là nơi có đầy đủ 3 điều kiện: có lợi cho tu hành - học đạo, bảo đảm nguồn sống và không có các nạn.

Vd: Tự viện, nhà thế tục, phòng nhỏ, hang núi, dưới gốc cây (không cao quá đầu gối).

1.6. Phân chia phòng xá

Trước an cư thì các cơ sở đều phải phân chia lại phòng xá, nơi ở, vì:

+ Phòng ngừa hành giả an cư tích chứa đồ vật, nảy sinh tâm tham luyến phòng xá, mất đi tâm tu hạnh viễn ly.

+ Phòng xá tự viện nếu chỉ biết ở mà không biết tu sửa thì dễ dẫn đến hư hỏng, hoang phế.

Cho nên Phật chế định an cư phải phân chia phòng xá vì để cho chúng Tăng có nơi an cư tu đạo cũng như có trách nhiệm giữ gìn, tu sửa cho người sau sử dụng.

Tác pháp chia phòng (ưu tiên cho người có công xây dựng, quản lý trước)

+ Phòng xá thì có mới có cũ, có tốt có xấu; căn cứ vào hạ lạp mà phân chia, đồng thời phải để phần dành cho Tỳ kheo khách.

+ Người phụ trách việc phân chia này phải là người có đầy đủ đức và được Tăng sai cử bằng pháp Yết ma.

+ Sa di chúng giới không được hưởng quyền chia phòng, nếu có giám hộ thì chúng tăng sẽ xem xét.

2. Yết Ma An Cư

2.1. Đối thú Yết ma An cư

Bất luận ở trong giới tác pháp hay là nơi già lam (hay tự nhiên tăng già lam giới), hoặc nơi nhà cư sĩ…, trước tiên phải chọn làm phép Đối thú yết ma an cư để an cư. Tự viện hay già lam có đại giới thì phải nương vào phạm vi có đại giới để an cư, không được an cư ở trên giới tự nhiên.

Phép Đối thú an cư chia thành 2 loại (Y chỉ an cư):

2.1.1. Đối thú an cư y xứ bất y nhân

Đây là phép an cư dành cho những bậc Thượng tọa trở lên, vì các Ngài không còn phải nương vào các bậc Luật sư (Ni không có phép này). Nên văn yết ma chỉ có nương vào địa điểm để an cư.

Cách làm: Hai vị Trưởng lão và Tuyên luật sư y chỉ của đại chúng phải tác bạch An cư trước, sau đó sẽ nhận sự tác bạch của đại chúng. Hai vị cùng quỳ và bạch như sau:

"Đại đức nhất tâm niệm. Tôi Tỳ-kheo... nay y Tăng già lam... An cư ba tháng đầu mùa hạ" (bạch ba lần).

2.1.2. Đối thú an cư y xứ tất y nhân

Đây là phép an cư dành cho hàng đại chúng (Ni đồng). Nghĩa là người an cư ngoài việc y chỉ vào địa điểm để an cư, còn phải nương vào bậc Luật sư để an cư.

Cách làm: Hai vị Thượng tọa tác pháp xong, các vị khác theo thứ tự, tác pháp với vị Tuyên luật sư y chỉ hoặc đại chúng cùng lặp lại lời tác bạch của vị Tuyên luật sư 3 lần để cùng tác pháp chung nếu không gian và thời gian bị giới hạn.

"Con Tỳ kheo (Pháp danh là…) nay nương nơi (Điều Ngự tự hoặc tên của tự viện đang tổ chức An cư) Tăng Già Lam, an cư 3 tháng đầu mùa hạ. Nếu phòng xá có hư hoại, con xin sẽ tu bổ". (3 lần)

Thượng Tọa nói: Thiện

Đại chúng đáp: Nhĩ.

Thượng Tọa hỏi: Nương nơi vị nào làm Tuyên luật Sư?

Đáp: Nương nơi Hòa Thượng hay Thượng Tọa (…) làm Tuyên luật sư.

*Thượng Tọa nói: Nếu c*ó điều gì nghi ngờ thì *nên đến hỏi.*

Đáp: Y giáo phụng hành.

*** Kết nghi:**

• Tụng Bát Nhã Tâm Kinh,

• Hồi Hướng:

Kiết Giới công đức thù thắng hạnh
Vô biên thắng phước giai hồi hướng
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sinh
Tốc vãng vô lượng quang Phật sát.
Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền não
Nguyện đắc trí huệ chơn minh liễu
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ
Thế thế thường hành Bồ-tát đạo.
Nguyện sinh Tây Phương Tịnh độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ Vô sinh
Bất thối Bồ-tát vi bạn lữ.
Nguyện dĩ thử công đức
Phổ cập ư nhất thiết
Ngã đẳng dữ chúng sinh
Giai cộng thành Phật đạo.

Phục nguyện:

Lục độ vi tâm, phổ thị vô biên chi phương tiện. Nhị nghiêm thành tánh, quảng khai bất nhẫn chi pháp môn.

Phổ nguyện:

Kiến văn tùy hỷ, khải phát đạo tâm,giới thể trang nghiêm, đồng văn Phật thuyết, đồng diễn Phật âm, đồng ngộ Phật tâm, đồng thành Phật đạo.

Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sinh, thể theo đạo cả, phát lòng vô thượng.

Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sinh, thấu rõ kinh tạng, trí huệ như biển.

Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sinh, thống lý đại chúng, hết thảy không ngại.

Đến bàn Tổ lễ Tổ.

***** Lưu ý:***

+ Nếu an cư nương vào giới tự nhiên của tự viện thì nói là "y… tăng già lam". Nếu nương vào Đại giới của tự viện để an cư thì nói là "y… tự đại giới", và tác pháp an cư phải ở trong giới ấy, không thể tác pháp an cư ngoài giới ấy.

+ Nếu tiền, trung hay hậu an cư thì tùy theo mà lồng vào văn bản.

+ Nếu an cư ở nơi có tự viện thì thêm câu "Nếu phòng xá có hư hoại, con xin sẽ tu bổ". Nếu an cư ở nơi khác thì không cần.

2.2. Tâm niệm an cư

Phép an cư vốn là Yết ma đối thú, nếu Tỳ kheo độc trụ, không có người tác pháp thì Phật cho phép một mình làm pháp an cư. Nhưng nghi thức phải đầy đủ, tâm nghĩ miệng nói, văn cũng giống như đối thú, chỉ không có phần đối đáp ở sau.

Phép yết ma này chỉ dành cho trường hợp Tỳ kheo độc trụ, khi không có người tác pháp đối thú. Nếu biết rằng hôm nay có Tỳ kheo tới hoặc có Tỳ kheo đi ngang qua thì cần phải chờ Tỳ kheo ấy tới để tác pháp Đối thú, nếu không thì Tâm niệm không thành.

Tỳ-kheo Ni phải nương tựa Tỳ kheo để An cư, nên không có pháp tâm niệm An cư của chư Ni.

Tâm niệm không phải chỉ có chí tâm mà còn phải đọc thành tiếng, rõ ràng từng chữ. Luật dạy, nếu không nói hoặc nói nhỏ không rõ thành tiếng thì tác pháp không thành.

Hành giả An cư đến trước bàn thờ Phật, lễ Phật và quỳ xuống tác bạch:

"Con Tỳ kheo... nay y tăng già lam (nói tên trú xứ đang ở…) an cư 3 tháng đầu mùa hạ". (3 lần)

3. Dời hạ khi có nạn

Nạn là những chướng ngại, trở ngại. Trong Phật pháp chia làm hai: mệnh nạn và phạm hạnh nạn.

+ Mệnh nạn chính là nói về những nhân duyên bất lợi cho tính mạng, sức khỏe của hành giả

Vd: những nơi có quỷ thần, ác thú, độc trùng, đạo tặc…

+ Phạm hạnh nạn là những chướng duyên ảnh hưởng đến sự tu hành cũng như giới hạnh của hành giả, hoặc là áp lực bức bách hành giả…

Nếu an cư trong thời gian có nạn thì phải cố gắng tìm nơi an ổn, dẫu có ra ngoài giới qua đêm cũng không phạm phá hạ, nhưng một khi tìm được nơi thích hợp thì phải khởi tâm dừng lại để an cư, như vậy thì pháp hạ vẫn theo mình thành tựu mà không cần phải kiết lại pháp an cư. Nhưng nếu đã an ổn ở nơi ở mới rồi, muốn xuất giới qua đêm phải thọ nhật, nếu không sẽ phạm phá hạ.

Trong khi an cư ở chốn mới, nếu nơi cũ bình yên trở lại cũng không nên quay lại, trừ khi nơi mới có nạn. Nếu an cư mà có nạn duyên nhưng hành giả lại có tâm chểnh mảng, lười biếng, không chịu tìm nơi an cư mới, chỉ cần rời chỗ cũ qua đêm, liền phạm.

Nếu Tỳ kheo/ Tỳ kheo ni an cư ở nhà cư sĩ, lúc đầu họ dự định bảo hộ cho vị đó an cư trong 3 tháng nhưng vì nhân duyên gì đó mà rời chỗ thì Tỳ kheo/ Tỳ kheo ni có thể theo họ rời chỗ cũng không phạm phá hạ.

4. Một số vấn đề trong an cư

Có những trường hợp, Tỳ kheo vãng lai hay Tỳ kheo thường trụ ban đầu định y vào nơi nào đó để an cư nhưng lại quên tác pháp, qua đến mấy ngày mới nhớ tới, mặc dù không tác pháp đúng thời nhưng vì sự phát tâm đã hòa nhất với nơi an cư và Phật dạy vẫn thành tiền an cư, song vẫn phải làm pháp đối thú tiền an cư. Đây được gọi là "phép – quên thành tựu an cư".

Vốn dĩ không muốn an cư ở đây, sau khi được mấy ngày lại muốn an cư thì không cho phép áp dụng cách thức quên để thành tựu an cư mà chỉ có thể tác pháp theo trung hoặc hậu an cư.

Vốn dĩ thời gian tác pháp chỉ có trong 1 ngày (16/4) nhưng vì duyên do nào đó hết đêm 16, sớm ngày 17, khi minh tướng (mặt trời) chưa xuất hiện mà một chân kịp bước vào trong giới (nơi chốn nương vào để tác pháp an cư), dẫu còn chưa kịp tác pháp tiền an cư thì Đức Phật cũng khai cho là

thành tiền an cư. Tuy nhiên, sau khi ổn định vẫn phải tác pháp an cư như bình thường, đối với hậu an cư cũng như vậy. Đây gọi là "phép kịp tới thời gian an cư".

Nếu Tỳ kheo/ Tỳ kheo ni xuất giới, vì lí do nào đó quên không tác pháp thọ nhật, trên đường hoặc ở nơi đến nếu bỗng nhiên nhớ ra mình chưa thực hiện pháp thọ nhật thì phải lập tức trở về, hoặc nếu không thể trở về được thì cho khai tâm/ duyên. Tuy nhiên, trong khóa hạ, không được quá 3 lần quên, nếu không sẽ dẫn đến phá hạ. Nếu tâm lười biếng thì sẽ kết tội phá hạ.

Phép thọ nhật có các loại 7 ngày, 15 ngày, 1 tháng, tuy nói ngày nhưng thật ra là số đêm.

Tỳ kheo xuất giới ngoại chỉ cần quay về giới trong ngày trước khi minh tướng xuất hiện hoặc ngay cả khi trời sáng, một chân bước vào giới thì vẫn thành hạ, không bị phá an cư. Các trường hợp thọ nhật cũng thế, còn nếu ở ngoại giới mà gặp nạn duyên bất ngờ, có thể về giới đúng hạ được thì cũng không phạm phá hạ, nhưng nạn duyên hết thì phải lập tức trở về giới ngay.

Nếu thọ nhật về nhà bị người thân giữ lại thì dẫu có quá ngày thọ nhật thì cũng tính vào nạn duyên, không phá hạ.

Nói chung Tỳ kheo/ Tỳ kheo ni xếp nhau thứ tự hạ lạp lớn nhỏ, đó là lí do tính tuổi hạ. Vì vậy, từ thời Phật cho đến nay, phân chia lợi dưỡng đều theo tuổi hạ. Vì vậy, phá hạ chỉ ảnh hưởng đến tuổi hạ, chứ không ảnh hưởng gì đến ngôi vị trong Tăng.

Nếu Tỳ kheo kết tự viện có kết đại giới tác pháp cùng giới tràng và tiểu giới (tịnh trù, tịnh khố…) thì phải nương vào đại giới an cư chứ không được nương vào giới tự nhiên già lam hay giới tràng để an cư. Vì tuy chúng thuộc trong phạm vi đại giới nhưng lại thuộc về cương giới khác.

Nếu an cư theo đại giới thì không được thọ nhật ở giới tràng hay tiểu giới khác. An cư ở đâu, thọ nhật ở đó.

Nếu trước đây không có đại giới, chỉ nương vào già lam an cư (giới tự nhiên), sau đó chúng tăng kết đại giới và giới tràng trong già lam, thì với tình hình này, bất luận là ở đại giới hay giới tràng đều có thể thọ nhật vì hai ranh giới này nương trên già lam để kết và già lam là nơi mình an cư trước khi kết giới.

Nói rộng ra, ngay khi mình đến trong giới tràng cũng không phá hạ, nhưng qua đêm ở đó thì sẽ phạm tội mất y vì Y giới không bao trùm lên giới tràng. Nhưng nếu không kết Y giới, chỉ nương vào

sự bảo hộ y của già lam, cho dù có vào trong giới tràng cũng không mất y.

Nếu đại giới ban đầu kết nhỏ hơn già lam mà người an cư lại muốn an cư ở già lam, điều đó không được vì Phật quy định phải nương vào đại giới để an cư. Già lam chỉ là giới tự nhiên và đại giới là giới tác pháp, giới tác pháp mạnh hơn giới tự nhiên. Đây chính là nói lên uy lực của giới.

Nếu cương giới của già lam và lan nhã lớn hơn đại giới, không nương vào đại giới mà nương vào già lam/ lan nhã an cư thì không thành an cư và thọ nhật cũng không thành.

Nếu biết tự viện có kết đại giới nhưng không biết có giới tràng hoặc tiểu giới khác, chỉ nương vào đại giới an cư, thế thì giới tràng và tiểu giới khác cũng được bao trùm trong đó.

Trong an cư, nếu đi lại qua các cương giới, nếu qua đêm và không trở về trước minh tướng sẽ dẫn đến phá hạ.

Tỳ kheo ni phải nương vào tăng để an cư, cho đến nương vào một vị Tỳ kheo cũng được, không nương vào tăng an cư dẫn đến vi phạm Bát kỉnh pháp và phạm tội Ba dật đề. Tỳ kheo ni nương tăng an cư trong phạm vi không được quá 20 dặm (~417,6m).

Tuy nói an cư nhưng không có nghĩa là không được xuất giới, nếu có lí do chính đáng vẫn được xuất giới (vì việc Tam bảo, việc tăng đoàn, việc riêng). Chúng pháp yết ma áp dụng thời gian cho 15 ngày hoặc 1 tháng xuất giới. Loại 7 ngày thì có đối thú và tâm niệm.

Nếu Tỳ kheo thì chỉ được phép thọ nhật 7 ngày, còn chúng dưới thì không được nhận phép bằng Chúng pháp yết ma (vì không phải Tỳ kheo).

Trong khóa hạ, số lần thọ nhật không giới hạn nhưng phải bảo đảm yêu cầu "nội đa ngoại thiểu" (ở trong giới nhiều hơn thời gian ở ngoài giới). Thân tuy ra ngoài giới nhưng trong lòng phải luôn nhớ về trong giới, không được buông lung phóng dật, hàng ngày phải theo thời khóa tụng kinh, ngồi thiền… xong việc liền về trong giới chứ không được đợi đến hết thời gian mới về (kỳ mãn phương hồi). Nếu việc xong mà cố ý ở ngoài không về thì hư luống thời gian (lãng phí thời gian), hoặc phá hạ, không thành an cư.

Chương XIII

Pháp Thuyết Giới

1. Khái thuật

1.1. Duyên khởi

Chế độ thuyết giới được Đức Phật tiếp nhận, điều chỉnh và hoàn thiện dựa theo phong tục xã hội và nhu cầu của các đệ tử Phật lúc bấy giờ. Thuyết giới phản ánh rõ duyên khởi và nội hàm của giới luật cũng như lòng từ bi và trí tuệ viên mãn của Đức Phật.

Bố tát có nguồn gốc từ nghi lễ Ấn Độ ngay từ thời Vệ Đà, nghĩa là khi một buổi tế lễ cúng trăng non hay cúng trăng tròn được tổ chức thì một ngày chuẩn bị trước đó gọi là Bố tát và vị tế chủ phải chay tịnh vào ngày này để cho thân tâm thanh tịnh thực hiện nghi lễ. Tuy nhiên, trong đó cũng có ý nhắc nhở, hoàn thiện bản thân.

Phép Bố tát này truyền đến thời Đức Phật, được ngoại đạo sử dụng và có sửa đổi, mở rộng phạm vi cũng như nội dung Bố tát, đó là nhân Bố tát triệu tập tín đồ đến hội họp, ăn uống, cúng dường, giao lưu rất là thân thiết.

Bấy giờ vua Bình Sa thấy vậy, trong lòng rất cảm động và bạch Phật, muốn Phật cho phép các Tỳ kheo cũng làm như vậy và Phật yên lặng đồng ý. Từ đó, Phật quy định chúng tăng mỗi nửa tháng tập trung tại một nơi để Bố tát.

1.2. Tên gọi

Phiên âm tiếng Hán từ chữ phạn là Bố tát, tức dịch là Tịnh trụ, nghĩa là bất thất và y chỉ.

+ Bất thất là vâng giữ không phạm, giới thể thường còn, trụ ở trong giới thanh tịnh.
+ Y chỉ là cấm chế ba nghiệp, an trụ trong giới, ba nghiệp thanh tịnh như pháp mà trụ.

Còn ở trong Luật thì giải thích nhiều nghĩa, ví dụ:

+ Trưởng dưỡng: ở trong giới thanh tịnh, tăng trưởng công đức
+ Tập: chúng tập hợp một nơi
+ Tri: biết phạm hay không phạm
+ Nghi: thích nghi, phù hợp, trung dung (như mỗi nửa tháng, không dài không ngắn)

+ Đồng: bởi vì Bố tát, thánh phàm đều phải thực hiện
+ Cộng trụ: cùng làm yết ma, nghĩa là chuyển nghiệp hoặc – thành thánh pháp (đồng nhất trụ xứ, đồng nhất thuyết giới)
+ Thường: đây là phép thường làm của chúng tăng
+ Hòa hợp: Giới hòa đồng tu

Luật còn giải thích Bát quan trai giới còn được gọi là "Bố tát hộ" (bảo hộ), sám tội cũng gọi là "Bố tát".

1.3. Thời gian thuyết giới

Có thể thực hiện một trong ba ngày 14, 15, 16 và ngày 15 là chính. Trong Yết Ma Chỉ Nam có nói: "Ngày chọn rồi, thời gian thực hiện không được quá sớm vì phòng khi có khách Tỳ kheo tham dự, ngoài thời gian đó ra có thể tiến hành trước Ngọ cho đến đêm".

1.4. Người thuyết giới

Tốt nhất nên thỉnh Thượng tọa tụng giới vì Thượng tọa là hóa chủ của một phương, đức cao chức lớn, thay Phật giáo hóa chúng sanh, cho nên tụng giới sẽ làm người nghe sinh khởi tín tâm, không chỉ có tụng giới mà tác bạch – giáo giới…

thì đại chúng ai nấy đều tuân thủ và làm theo. Nếu cử người trẻ thì hiệu quả sẽ khác (trừ không có bậc Thượng tọa thì mới cử người trẻ hoặc vị Thượng tọan có sức khỏe hay trí nhớ kém thì mới được giao cho Duy na hoặc Tỳ kheo khác.

Tỳ kheo là thân phận đứng đầu bảy chúng, phải có trách nhiệm và nghĩa vụ giáo giới Ni chúng, tốt nhất là cử người tụng được cả hai bộ, nếu không thì một cũng được. Thượng tọa không làm được thì mới phải thứ tọa cho đến các Tỳ kheo.

2. Nội dung – ý nghĩa của Bố tát thuyết giới

Quy chế thuyết giới là hình thức tụng giới do tăng đoàn tổ chức định kỳ mỗi nửa tháng, nhằm kiểm điểm bản thân, có thể phản tỉnh trong lúc tụng giới, tụng xong rồi sẽ phát lộ.

Thuở đầu Bố tát không có thuyết giới và việc thuyết giới trong kỳ Bố tát không phải bắt đầu ngay khi khi chế định Bố tát mà là kết quả của sự hoàn thiện trong một thời gian cùng các nguyên nhân liên quan.

Theo Luật Tứ Phần nói có 5 giai đoạn:

+ ***Bố tát thuyết pháp:*** sau khi tiếp nhận chỉ giáo của Đức Phật, chúng tăng bắt đầu thực hiện Bố tát mỗi nửa tháng 3 ngày: 8 - 14 -15/ 23 – 29

– 30 (28 – 29) nhưng còn chưa biết được nội dung của Bố tát là gì. Các đệ tử tại gia thấy thế cảm thấy không vui và chê trách, Phật chỉ thị bình thường những ngày này chư tăng có thể thuyết pháp và đối với vấn đề thuyết pháp, Đức Phật dạy rất cặn kẽ.

+ ***Bố tát tọa thiền:*** khi Bố tát vào buổi đêm, chúng tăng muốn ngồi thiền, Phật đồng ý là lấy tọa thiền là nội dung cộng tu.
+ ***Thuyết giới trong kỳ Bố tát:*** thuở đầu những đệ tử xuất gia đều là những bậc thượng sĩ, cho nên họ thông đạt Phật pháp và luôn là người thanh tịnh. Về sau tăng đoàn đông dần, căn cơ khác nhau, không chỉ riêng về vấn đề Phật pháp mà ngay cả vấn đề giới luật, Phật cũng khai thị nhiều lần nên Phật dạy trong kỳ Bố tát nên thuyết giới
+ ***Thuyết giới trong ngày Bố tát:*** bấy giờ các Tỳ kheo thường xuyên Bố tát như thế, vất vả mệt mỏi. Ba ngày Bố tát như thế (ngày 8 & 14: thuyết pháp, ngày 15: thuyết giới).
+ ***Thuở đầu Phật đích thân thuyết giới*** (có chỗ nói 12 năm, 20 năm đầu) với hình thức kệ thuyết (lược thuyết), sau đó trong một buổi Bố tát, xuất hiện một vị bất tịnh không phát lộ dẫn đến Phật không thuyết giới nữa và từ đó

giao cho Tăng đoàn tự thuyết giới (vì nếu Phật thuyết giới dẫn đến có những vị thần bảo hộ, nếu những bất tịnh nhân không phát lộ sẽ bị thần Kim Cang đánh vỡ đầu).

Theo ngài Ấn Thuận khi nghiên cứu về vấn đề Bố tát, chia thành 3 giai đoạn:

+ Trong 12 năm đầu, Phật đích thân thuyết giới bằng hình thức kệ tụng, đây là giai đoạn/ thời kỳ Bố tát đầu tiên
+ Do có người phạm giới mà Đức Phật chế giới, từ đó căn cứ theo những giới điều Phật chế mà chúng tăng trong ngày Bố tát tiến hành học tập giới.
+ Sau khi Phật chế định giới điều với số lượng nhất định, đồng thời lại có những người phạm giới không phát lộ, Phật yêu cầu đại chúng cử một vị Thượng tọa tuyên giảng những giới điều cụ thể cho đại chúng

Bố tát là một hội nghị của thân tâm thanh tịnh, để đạt được mục đích này cần phải có một số nội dung tu học đúng pháp đúng luật. Mặc dù ngày nay Bố tát trở thành việc làm chuyên biệt của người xuất gia (Bố tát thuyết giới) nhưng thời Phật, Bố tát là một nửa cơ hội dành cho tín đồ tại gia vì đây là thời gian thích hợp để tuyên giảng định kỳ.

Ngài Ấn Thuận nói: "Trong quá khứ, sự phát triển Phật giáo Ấn Độ, có thể nói từ hiệu quả Bố tát 6 lần 1 tháng. Ngày Bố tát ngoài vấn đề nội bộ tăng đoàn thì còn có các tín đồ tham dự, nên cần phải thuyết pháp, trao giới cho họ để mở rộng giáo đoàn. Bố tát đã trở thành một công việc giáo hóa Phật pháp thường xuyên và tín đồ có cơ hội được tham gia vào đời sống tâm linh tôn giáo. Có thể thấy rằng, Bố tát trong thời kỳ nguyên thủy là một hoạt động đại chúng hóa".

Liên quan đến vấn đề Bố tát thuyết pháp, Đức Phật khai thị:

+ Không được hai gười cùng tòa thuyết pháp (pháp bất nhị tôn)
+ Không được trên tòa thuyết pháp cật vấn lẫn nhau, có vấn đề gì cần trao đổi thì xuống tòa thực hiện.
+ Có thể dùng âm điệu, ca vịnh (nhưng không được duyên tâm vào việc đó) để đọc giới.
+ Trong tăng đoàn phải luân chuyển nhau thuyết pháp để bồi dưỡng năng lực thuyết pháp của từng chúng, đồng thời cũng là trách nhiệm của chúng xuất gia.

Thuyết giới trong ngày Bố tát là sự điều chỉnh hoàn hảo của Phật pháp và đó chỉ là một khâu

trong chuỗi sự kiện Bố tát. Tuy nhiên, thuyết pháp - thuyết giới nó liên quan chặt chẽ đến ý nghĩa thanh tịnh của Bố tát, cũng là yêu cầu của Bố tát. Cho nên, Bố tát thuyết giới cũng đã trở thành một pháp hội trang nghiêm để giáo hóa đồ chúng, tịnh hóa tăng chúng, không chỉ mang ý nghĩa đối với cá nhân mà còn giúp cho sự lớn mạnh và hòa hợp của tăng đoàn. Do vậy, tụng giới - thuyết giới không chỉ là việc tụng thuộc giới điều mà thôi.

3. Thuyết giới nghi quỹ

Thuyết giới là pháp yết ma chúng thực hiện (Chúng pháp yết ma), tức phải được thực hiện từ 4 vị trở lên, nếu trường hợp không đủ 4 người, chỉ có 2 đến 3 người, Phật cho phép Đối thú thuyết giới; còn nếu có 1 người, Phật cho phép Tâm niệm thuyết giới. Bất luận thể loại nào, số lượng người ít hay nhiều, về nghi thức đều phải thực hiện đầy đủ, sau đó mới tiến hành thuyết giới. Sau khi Đối thú xong có thể tụng giới kinh.

Phép Bát kính của Ni quy định, Tỳ kheo ni mỗi nửa tháng phải đến Tăng cầu thỉnh giáo giới, nếu không thực hiện thì phạm tội Ba Dật Đề.

Phép Ni thỉnh giáo chia thành 3 loại:

+ Quảng pháp: Ni phải đủ 5 người trở lên, thanh tịnh hòa hợp (Tăng cũng vậy)

+ **Lược pháp:** Nếu 2 bộ không đủ điều kiện thì sẽ thực hiện phép Lược giáo giới. Khi Tỳ kheo ni sứ đến thỉnh người giáo thọ, bên Tăng không có người kham pháp thì đại Tăng sẽ lược giáo giới và Tỳ kheo ni cũng nhận sắc về tuyên lược giáo sắc.
+ **Vấn tấn pháp:** Nếu 2 bộ có xảy ra trường hợp đặc biệt không thể thực hiện được Yết ma cử người đi cầu thỉnh giáo giới thì Phật cho phép đến trong Tăng lễ bái, thăm hỏi thì cũng không trái với pháp Bát kính. Bên Tăng cũng với tình hình tương tự, không thể tập chúng sai người giáo giới, thuyết giới, làm Yết ma thì cũng thực hiện phép nhận lễ bái, thăm hỏi của Ni và nhắc nhở trực tiếp với câu: "*Không có người giáo giới, Ni chúng nên siêng năng hành đạo, cẩn thận chớ buông lung*". Ni chúng đảnh lễ vâng giữ rồi về.

Trong Luật Tứ Phần có ghi chép tỉ mỉ cách Ni chúng cầu giáo giới, Tỳ kheo giáo giới Ni chúng nhưng không đề cập đến phép Lược giáo giới. Còn các Luật Ngũ Phần, Thập Tụng, Tăng Kỳ… thì có phép Lược giáo giới. Theo các Luật sư thì đời Đường trở đi đã không làm phép Quảng giáo giới nữa. Đến đời Tống, tổ thứ 15 là ngài Nguyên Chiếu

(Chùa Linh Chi) đã căn cứ phép tự tứ, chỉ ra phải Lược giáo giới.

Phép Ni thỉnh giáo giới có 2:

+ ***Trực thỉnh:*** thỉnh đích danh cụ thể
+ ***Tùy thỉnh:*** Tăng lần lượt sai

Dù thỉnh trực tiếp hay tùy thỉnh, đại Tăng vẫn phải làm Yết ma cử.

**** Phép tăng sám hối:**

- Tăng, Ni mỗi nửa tháng thuyết giới, trước tiên phải chuẩn bị sám hối để kiểm điểm xem có ai vi phạm không. Nếu vi phạm thì như pháp phát lộ sám hối. Phật dạy Tỳ kheo, Tỳ kheo ni thanh tịnh mới được thuyết giới, nghe giới. Gọi là phép chuẩn bị sám hối.

- Nếu cả chúng phạm lỗi. Theo luật thì đều phải hướng vào một vị Tỳ kheo thanh tịnh để sám hối, trường hợp này thì phải đợi Tỳ kheo khách tới để sám hối. Nếu không có Tỳ kheo khách thanh tịnh giới thì phải cử 2, 3 vị Tỳ kheo đến những trụ xứ gần hướng vào họ mà sám hối. Sau đó trở về trụ xứ cho chúng sám hối. Nếu không có hoặc thời gian gấp gáp không thể đợi lâu thì Phật khai cho làm phép tăng sám hối. Tập tăng như thường lệ, thầy yết ma bạch đơn bạch:

"Đại đức tăng lắng nghe, tất cả tăng ở đây phạm... tội. Nếu tăng thấy đúng thời, tăng bằng lòng cho tất cả tăng ở đây sám hối. Bạch như vậy, tác bạch có thành không?

**** Phép tăng phát lộ:**

Phép yết ma này cũng dùng cho chúng tăng thực hiện khi cùng phạm tội nhưng khác với phép trước là chúng tăng phạm tội đã biết rõ tội danh (thức tội). Còn ở phép này dành cho những tội còn ngờ gọi là nghi tội. Cho nên phép này có thể gọi là phép tiền phương tiện để được tham dự thuyết giới. Sau này gặp được các luật sư xin quyết nghi rồi như pháp sám hối.

Nghi thức như thường lệ. Thầy yết ma bạch:

"Đại đức tăng lắng nghe, tất cả tăng ở đây đối với tội còn nghi. Nếu tăng thấy đúng thời, tăng bằng lòng, cho chúng tăng ở đây tự quyết nghi tội. Bạch như vậy, tác bạch có thành không?".

**** Nghi thức thuyết giới của Tăng:**

1- Tập tăng
2- Nghi thức lễ Phật, lễ tổ
3- Kiểm chúng số:

Văn bạch: "Bạch Đại đức Tăng, hôm nay là ngày… tháng…, là ngày chúng Tăng Bố tát

thuyết giới. Tôi đã kiểm điểm chúng số, gồm (số lượng) Sa di và (số lượng) Tỳ kheo".

4- Tác pháp riêng cho Sa di

Duy na: "Các Sa di thứ tự xuất ban"

(Các sa di thứ tự bước lên lạy Tam bảo 3 lạy rồi quỳ kính chấp tay)

Thượng tọa giáo giới: "Này các sa di hãy nhất tâm lắng nghe! Thân người khó được, Phật pháp khó gặp. Nay các vị đã được thân người, lại còn được ở trong Phật pháp xuất gia học đạo, đó là điều khó trong khó. Tôi nay vì các vị mà nói lược 10 giới của Sa di, các vị hãy lắng lòng nghe, nếu có phạm phải điều nào thì nên hết lòng sám hối để được thanh tịnh.

(Thượng tọa giáo giới xong)

Tôi đã vì các vị mà nói lược 10 giới của Sa di, các vị nên hộ trì ba nghiệp, cẩn thận chớ buông lung".

Các sa di đồng thanh đáp: "Y giáo phụng hành"

(các Sa di đảnh lễ 3 lạy và lui ra sau tụng giới của mình)

5- Yết ma thuyết giới

Thượng tọa: "Tăng đã họp chưa?"

Duy na: "Tăng đã họp"

Thượng tọa: "Hòa hợp không?"

Duy na: "Hòa hợp"

Thượng tọa: "Người chưa thọ cụ túc đã ra chưa?"

Duy na: "Trong đây không có người chưa thọ giới cụ túc"

Thượng tọa: "Các Tỳ kheo không đến có thuyết dục và thanh tịnh không?"

Duy na: "Không có người gửi dục".

(nếu có thì người thọ dục bước ra và bạch: "Bạch đại đức Tăng lắng nghe, Tỳ kheo tên là… Tăng sự như pháp, gửi dục và thanh tịnh")

Thượng tọa: "Có ai sai Tỳ kheo ni đến cầu giáo giới không?"

(Nếu không thì trả lời: "Trong đây không có Ni đến thỉnh giáo giới". Nếu có thì vị Ni sai bước ra lễ tăng và tác bạch)

Ni thọ sai: "Bạch Đại đức tăng lắng nghe! (tên chùa Ni) Tỳ kheo ni Tăng thanh tịnh hòa hợp. Tăng sai Tỳ kheo ni chúng con… đến trước đại Tăng, đảnh lễ Tăng cầu giáo sắc. Ngưỡng mong chư Đại đức tăng vì ni chúng chúng con mà giáo giới. Từ mẫn cố". (3 lần).

Thượng tọa: "Nay thỉnh cầu khắp trong Tăng từ trên xuống dưới, nhưng không ai đảm nhận việc giáo thọ ni. Tuy nhiên, Tăng có giáo sắc rằng, ni chúng hãy y giới y luật mà hành trì, cẩn thận chớ

có buông lung". (trường hợp trong Tăng không ai đảm nhận việc giáo thọ ni)

Ni thọ sai: "Y giáo phụng hành" (3 lần)

(sau khi Ni thọ sai ra khỏi giới trường)

Thượng tọa: "Tăng nay hòa hợp để làm gì?"

Duy na: "*Yết ma thuyết giới*".

- **Phép hòa tăng thuyết giới**

Tăng, Ni mỗi nửa tháng khi thuyết giới phải dùng phép đơn bạch hòa chúng để chúng tăng biết rõ.

- Người được cử tụng giới bạch hòa tăng: *"Đại đức tăng lắng nghe, nay là ngày 15 (30), tháng… có trăng (không trăng), chúng tăng Bố tát thuyết giới. Nếu tăng thấy đúng thời, tăng bằng lòng, hòa hợp thuyết giới. Bạch như vậy, tác bạch có thành không?"*.

Đại chúng đồng đáp: Thành

Bắt đầu tụng đọc giới kinh

**** Nghi thức thuyết giới của Ni:**

Nghi thức thuyết giới bố tát của ni tương tự như nghi của tăng. Tuy nhiên, khi kiểm chúng số và giáo giới thì có thêm Thức xoa ma na. Và, trước khi tác pháp Yết ma thuyết giới là nhận giáo sắc từ đại Tăng.

* **Phép cầu giáo sắc:** Luật dạy mỗi nửa tháng, Ni chúng phải đến bên đại Tăng cầu giáo giới. Tăng sai người đầy đủ đức chỉ dạy điều chưa nghe.

(1) Ni Tăng yết ma sai người thỉnh giáo thọ

Sau khi Ni Tăng vân tập, tác tiền phương tiện như thông lệ xong,

Tỳ kheo ni Yết ma hỏi: "Trong chúng đây ai có thể làm người thọ sai, sang Đại tăng cầu giáo thọ?"

Đáp: "Tôi Tỳ kheo ni… có thể đi thỉnh cầu giáo thọ"

(2) Tác pháp Yết ma sai người cầu giáo thọ

Văn bạch: *"Đại tỷ tăng lắng nghe! Nếu đã đến lúc Tăng yết ma thì xin chúng tăng hãy bằng lòng, nay sai Tỳ kheo ni…, vì Tỳ kheo ni tăng nửa tháng đến giữa Tỳ kheo tăng để cầu người giáo thọ Ni. Đây là lời tác bạch".*

Đại tỷ Tăng lắng nghe! Tăng sai Tỳ kheo ni... vì Tỳ kheo ni Tăng, nửa tháng đến giữa Tỳ kheo tăng để cầu người giáo thọ Ni. Trong các đại tỷ ai bằng lòng việc Tăng sai Tỳ kheo ni... vì Tỳ kheo ni tăng nửa tháng đến giữa Tỳ kheo tăng để cầu người giáo thọ Ni thì im lặng. Ai không bằng lòng hãy nói ra.

Tăng đã bằng lòng việc Tăng sai Tỳ kheo ni... vì Tỳ kheo ni tăng nửa tháng đến giữa Tỳ kheo tăng để cầu người giáo thọ Ni vì im lặng. Việc này xin ghi nhận như vậy."

Luật dạy, Yết ma sai một người rồi nhưng nên khẩu sai thêm hai người làm bạn đồng hành cùng đến bên Đại tăng để cầu giáo thọ.

(3) Sang Đại tăng cầu giáo giới

Thỉnh nhờ vị Tỳ kheo chuyển lời đến Đại tăng:

Vị sứ ni đến chỗ một vị Tỳ kheo tăng, đảnh lễ 3 lễ và bạch:

"Đại đức nhất tâm niệm! Ni chúng chùa… chúng con hòa hợp, nửa tháng xin đảnh lễ sát chân Tỳ kheo tăng để cầu thỉnh vị giáo thọ cho ni" (3 lần).

Khi được đại Tăng gọi vào giới tràng, vị Ni sai bạch:

"Bạch Đại đức tăng lắng nghe! (tên chùa Ni) Tỳ kheo ni Tăng thanh tịnh hòa hợp. Tăng sai Tỳ kheo ni chúng con… đến trước đại Tăng, đảnh lễ Tăng cầu giáo sắc. Ngưỡng mong chư Đại đức tăng vì ni chúng chúng con mà giáo giới. Từ mẫn cố". (3 lần).

(sau khi đại Tăng ban lời giáo sắc xong, Ni sai đáp: "Y giáo phụng hành" và lui ra, trở về giới tràng Ni)

Về đến giới tràng Ni, vị sứ ni truyền thọ lại giáo sắc của đại Tăng:

"Đại tỷ tăng lắng nghe! Tăng sai tôi, Tỳ kheo ni… đến giữa Tỳ kheo tăng để thỉnh người giáo thọ cho ni. Nhưng chúng tăng không có người nào giáo thọ cho ni. Tuy vậy, Thượng tọa có dạy bảo ni chúng phải nên siêng năng tinh tấn, như pháp hành đạo, cẩn thận chớ có buông lung".

Chư ni chúng đồng thời chấp tay đáp: "Y giáo phụng hành"

***** Một số văn bạch khác dùng trong Bố tát thuyết giới:***

Văn gửi dục:

Người gửi dục: *"Đại đức Tăng (Ni) nhất tâm niệm. Tôi Tỳ kheo (ni)… vì duyên sự…. Tăng sự như pháp, xin gửi dục và thanh tịnh"* (1 lần)

Người nhận dục: Thiện

Người gửi dục: Nhĩ

- **Phép tâm niệm thuyết giới: Phép này dành cho người độc trụ**

Văn bạch: *"Hôm nay là ngày 15 (30), tháng… có trăng (không trăng), là ngày chúng Tăng Bố tát thuyết giới. Tôi Tỳ kheo… thanh tịnh"*. (3 lần)

- **Phép đối thú thuyết giới: Dành cho trú xứ chỉ có một hoặc ba Tỳ kheo.**

Tỳ kheo tác pháp: *"Bạch (hai) Đại đức, xin ghi nhận cho rằng, hôm nay là ngày 15 (30) tháng… có trăng (không trăng), là ngày chúng tăng Bố tát thuyết giới. Tôi Tỳ kheo… thanh tịnh"*. (3 lần)

Những Tỳ kheo còn lại đáp: Thiện

Tỳ kheo tác pháp: Nhĩ.

4. Một số vấn đề trong Bố tát thuyết giới

Người phạm tội trọng Ba la di không được phép tham dự Bố tát thuyết giới (trừ sau khi học hối nhưng không được tính vào tăng số).

Nếu phạm từ Tăng tàn trở xuống, chỉ cần phát lộ với một Tỳ kheo thì đều có thể thạm dự thuyết giới. Còn lại nếu không tham gia dẫn đến phạm biệt chúng và thuyết giới không thành.

Không được thuyết giới cho người thế tục (trừ vị Quốc chủ có thể được nghe, ngoài ra không được nghe).

Nếu có nạn, ngày thuyết giới hay ngày Bố tát không thể tụng trọn vẹn giới bổn được, thì có thể cho phép lược thuyết giới (tùy theo tình hình)

Phương pháp lược thuyết: trước hết về nghi thức tập hợp cũng giống như quảng thuyết, giới sư thăng tòa rồi sẽ quán sát tình hình mà chọn phương pháp

thích hợp, nếu không sẽ kết tội vi chế. Nạn duyên còn chưa gấp thì Giới sư sẽ tụng xong hết tựa giới kinh, sau 3 lần hỏi thì bắt đầu lược, chỉ giới thiệu tên các tụ.

Câu lược: *"Chư Đại đức/ Đại Tỷ, đây là pháp… tăng thường nghe. Chư Đại đức/ Đại tỷ thanh tịnh không"*.

- Trường hợp nạn gấp: sau khi giới sư tụng xong tựa, bỗng phát sinh việc khẩn cấp, đại chúng cần phải rời ngay, giới sư tùy theo đã tụng đến đâu thì tác bạch như sau: *"Đã thuyết đến chỗ…, còn lại Tăng thường nghe"*, sau đó đại chúng rời tòa.

- Trường hợp quá gấp: Giới sư mới yết ma xong, còn chưa kịp tụng tựa mà nạn ập đến thì giới sư bạch: *"Hôm nay ngày 15 Bố tát, ai ấy sửa thân – khẩu – ý chớ buông lung"*, sau đó giải tán.

- Trường hợp nạn đến, giới sư còn chưa kịp làm yết ma đơn bạch thuyết giới mà đại chúng giải tán, như vậy việc thuyết giới không thành tựu, đợi sau khi nạn duyên hết thì phải tập hợp thuyết giới, hoặc đại chúng ra ngoại giới thuyết giới.

Chương XIV

Pháp Tự Tứ

1. Khái thuật

1.1. Duyên khởi

Trong Luật có đề cập, Bấy giờ mùa an cư chúng tăng đặt ra quy ước với nhau: trong mùa an cư không nói chuyện với nhau. Sau khi an cư kết thúc, đến vấn tấn Phật, Phật hỏi han tình hình an cư của đại chúng và chúng tăng đem việc đó bạch với Phật để được Phật khen. Phật nghe được quở trách: "Các người ngu si sao lại học theo pháp ngoại đạo, dê câm (á dương) không nói chuyện".

Như vậy, Phật pháp quý ở chỗ có được thầy giỏi bạn tốt cùng nhau sách tấn, đốc thúc, khích lệ tu hành, nếu đều không nói chuyện thì có lỗi ai chỉ? phạm tội không thể sám. Cho nên, mục đích trong Luật dạy người xuất gia 3 điều: ***"triển chuyển***

tương gián, triển chuyển tương giáo, triển chuyển sám hối". Vì vậy, Phật chế định cho 5 chúng xuất gia sau khi kết thúc an cư, phải thỉnh người 5 đức chỉ lỗi cho mình, có lỗi thì sửa, có tội thì sám, điều phục cái ác, tăng trưởng điều thiện, thâu nhiếp chúng tăng, chung sống hòa hợp thanh tịnh.

1.2. Tên gọi

Tiếng Phạn là Bát-thích-bà-thích-noa, dịch là thọ tuế (nhận tuổi). Cựu dịch là **"tự tứ"**. Ngài Nghĩa Tịnh dịch là "Tùy ý".

Âm Hán còn viết: "Tự ngôn kỷ quá, tùy tha cử tội, cố xưng tự tứ". "Tự" là bản thân, bản thân thấy mình có tội thì phải thành khẩn bộc lộ thú tội. "Tứ" là người khác (người ngũ đức), nếu những lỗi mà mình không nhận thấy thì phải mở lòng nhờ người ngũ đức chỉ cho. Nếu thấy tội sẽ như pháp sám hối, đó là tự tứ.

Tự tứ cũng giống như đại hội Tăng đoàn sau khi kết thúc an cư, thể hiện tinh thần giác ngộ, dạy bảo lẫn nhau trong Phật giáo. Tự tứ trong nghĩa hiện đại là hình thức "phê bình và tự phê bình". Đó là cách làm phù hợp với tinh thần hòa hợp của Tăng đoàn, vừa có lợi cho sự tu tập của mỗi tăng sĩ, vừa có lợi cho sự truyền bá của Phật pháp.

Tự tứ còn được gọi là "Tùy hỷ".

1.3. Thời gian tự tứ

Trong Luật có nói, ngày tự tứ có thể tiến hành trong ba ngày: 14/7, 15/7 và 16/7.

Đối với Ni, vì phải nương vào Tăng an cư, nếu đường sá xa xôi thì an cư sau Tăng một ngày vì còn phải tới Đại tăng cầu giáo giới, nếu thuận lợi trong ngày có thể cùng tự tứ như Tăng.

Phương thức cầu giáo giới tự tứ có thể trực tiếp trong khi Đại tăng giáo giới tự tứ, cũng có trường hợp Đại tăng tự tứ xong Ni mới tới, thì Đại tăng vẫn tập tăng giáo giới bình thường.

Bất luận là tháng nhuận hay không nhuận thì đều phải tự tứ vào 16/7 là chính. Nếu tình hình có nạn thì có thể lùi ngày tự tứ, có Luật nói được lùi tối đa hai tuần, mỗi lần nửa tháng.

Đối với trường hợp đại chúng tinh tấn tu hành có được những kết quả nhất định, đầy đủ điều kiện vật chất cúng dường (có được pháp lạc) thì Phật cũng cho phép tăng ngày tự tứ, kéo dài tối đa một tháng, đến hết ngày 15/8.

Trường hợp có nạn tùy theo mức độ cụ thể mà có thể hoãn/ lùi ngày tự tứ cho phù hợp và chỉ cần nạn hết là tiến hành tự tứ ngay, không cần phải đợi hết thời gian lùi ngày mới làm.

1.4. Người tự tứ

Dù tiền, trung hay hậu an cư đều phải tự tứ nhận tuổi. Theo Luật Tăng Kỳ thì trung-hậu an cư phải theo tiền an cư tự tứ dù chỉ một người (nhưng phải ở hết thời gian trong giới đủ 90 ngày mới được xuất giới).

Trong Luật Tứ Phần, Đức Phật có giải thích nếu có tình hình như trên nên theo Thượng tọa tự tứ. Nếu Thượng tọa lại có người tiền, người hậu thì phải theo Thượng tọa thường trú. Nếu Tỳ kheo thường trụ có tiền, có hậu thì Phật dạy theo số đông.

Tự tứ là phép Yết ma chúng pháp cho nên tất cả tăng chúng đều phải tham gia thực hiện. Người phá hạ tuy không được tuổi hay người không an cư nhưng với ý nghĩa nương Tăng cử tội, nhờ chúng sám hối thanh tịnh nên không phân biệt đây kia, nếu không tới thì biệt chúng và yết ma phi pháp.

1.5. Nhị - ngũ đức tự tứ

1.5.1. Ngũ đức tự tứ - ngũ đức cử tội

Khi tự tứ, chúng Tăng phải cử Tỳ kheo thay mặt Tăng đoàn tiếp nhận tự tứ của từng người, người được cử phải biết pháp, luật, phương cách, uyển chuyển trong các tình huống và có đầy đủ hai loại ngũ đức:

(1) Ngũ đức tự tứ:

+ Không vì tình cảm riêng
+ Không sân hận ai
+ Không khiếp sợ
+ Có sáng suốt
+ Biết ai được tự tứ, ai chưa được tự tứ[1].

(2) Ngũ đức cử tội:

+ Phải cử đúng thời, không cử phi thời (cử tội đúng lúc): phải biết người nào mở lòng chịu nghe chỉ lỗi, người nào ngang ngược không thể cử lỗi.

+ Chân thực, không giả dối: nghĩa là cử tội phải có bằng cớ xác thực, kiến - văn - nghi không được bịa đặt vô căn cứ (đích thân hoặc qua người khác).

+ Vì lợi ích, không vì làm tổn hại người: tự tứ chính là hình thức lợi mình lợi người, mục đích chỉ lỗi là giúp người sám hối thanh tịnh (mỹ danh ngoại dương).

+ Lời nói phải nhẹ nhàng (ái ngữ), không được thô tháo

+ Cử tội là bằng từ tâm, chứ không được nóng giận, từ bi giúp đỡ họ, khiến họ thành tâm thấy lỗi và sám hối, không sinh tâm phiền não oán hận.

1 Những người tam cử nhị diệt là không được tự tứ:
+ Tam cử: Bất kiến tội, bất sám cử và bất xả ác kiến
+ Nhị diệt (diệt tẫn): đuổi vĩnh viễn và đuổi tạm thời.

Bộ Tam Thiên Oai Nghi dạy: *Người ngũ đức tiếp nhận tự tứ của Tỳ kheo xong, đồng thời bản thân mình cũng phải tự tứ bằng cách người ngũ đức hướng vào nhau để tự tứ, không được cầu người khác khi họ tự tứ xong.*

1.5.2. Phép cử người tự tứ

+ Nếu Tăng số từ 6 trở lên, chúng Tăng thực hiện phép sai bằng bạch nhị yết ma, cử một lần hai người và lồng tên vào văn yết ma (cử A Tỳ kheo, cử B Tỳ kheo; không được tiến hành 2 lần, mỗi lần cử 1 người).

+ Nếu trường hợp chúng Tăng đông thì có thể cử một cặp hay nhiều cặp, mỗi cặp 2 người; không được cùng lúc cử 3 người hay 4 người.

+ Trường hợp có 5 người thì phải tiến hành cử 2 lần, mỗi lần 1 người.

+ 2 đến 4 người thì thực hiện Đối thú tự tứ.

+ 1 người thì Tâm niệm yết ma tự tứ (Ni không được, trừ có điều kiện cư sĩ thỉnh tới nhà để an cư cùng một vị Tăng nào đó).

1.5.3. Ngũ đức thực hiện phép tự tứ

+ Nếu không có nạn duyên đặc biệt thì Ngũ đức phải thực hiện quảng tự tứ (>< lược tự tứ), tức nhận tự tứ của từng người một và phải bạch đủ 3 lần.

+ Nếu Ngũ đức lớn hơn mình thì mình phải làm lễ, nếu người tự tứ lớn hơn người Ngũ đức thì người Ngũ đức phải lễ.

+ Hai vị ngũ đức đến lượt thì hướng vào nhau để tự tứ, không đợi chúng tăng tự tứ xong mình mới tự tứ.

2. Nội dung – ý nghĩa

Trong tất cả các Tăng pháp thì ***tự tứ*** và ***kết giới*** là pháp căn bản để nhiếp Tăng và 5 chúng xuất gia đều phải cùng nhau tuân thủ. ***Thuyết giới*** thì mỗi nửa tháng nguyệt cử một lần. Còn tự tứ, sau 3 tháng kiết hạ thì cùng nhau kiểm điểm, gọi đó là niên cử.

An cư là pháp tu hành quan trọng mỗi năm một lần của người xuất gia. Sau an cư, có 4 việc phải làm (tự tứ, giải giới, kết giới, thọ y công đức), trong đó tự tứ là việc làm quan trọng nhất. Tự tứ cũng giống như thuyết giới, ngoài điểm chính yếu là nhiếp Tăng thì nó còn là nền tảng của trụ trì Phật pháp.

Mục đích của ***tự tứ*** và ***thuyết giới*** là giúp cho người xuất gia trở thành người trong sạch đúng nghĩa. Từ đó mới có tăng đoàn thanh tịnh đúng pháp, như vậy chánh pháp mới được trường tồn. Luật nói, tự tứ và thuyết giới thuộc về thanh tịnh

pháp môn, là áo giáp để bảo vệ giới thể, trong sạch hóa giới hạnh.

Tự tứ là yếu quyết của sám hối, vì tu hành là một quá trình liên tục để sửa đổi tâm – hành và chúng ta là phàm phu, hàng ngày đã và đang phạm giới/ giữ giới. Trong quá trình này ngoài việc ý thức của bản thân còn cần đến sức mạnh của Tăng đoàn: khuyên can, dạy bảo, sám hối lẫn nhau. Đó là ý nghĩa chân thực của tự tứ. Đức Phật chế định pháp an cư để đại chúng có thể phát hiện ra vấn đề thông qua việc cử tội cũng như sám hối để thanh tịnh và an lạc, nên tự tứ còn mang ý nghĩa nữa là hoan hỷ (niềm vui).

Nội dung liên quan đến pháp tự tứ vô cùng phong phú và Luật tổ Đạo Tuyên được xem là người rất chú trọng đến pháp này.

3. Tự tứ nghi quỹ

Căn cứ theo túc số mà Yết ma tự tứ gồm có 3 loại:

- **Tâm niệm tự tứ:** Nếu Tỳ kheo sống độc cư, thì phải y phục chỉnh tề đến bàn Phật lễ Phật và quỳ xuống bạch 3 lần để Tự tứ như sau: "*Hôm nay là ngày chúng Tăng Tự tứ, con Tỳ-kheo (...) thanh tịnh*". (3 lần)

- **Đối thú tự tứ** (phép này dành cho từ 2 - 4 vị)

  Văn bạch: "*Nhị (tam) Đại đức nhất tâm niệm! Hôm nay là ngày chúng tăng tự tứ. Tôi Tỳ kheo… thanh tịnh*".

- **Chúng pháp tự tứ:** Chúng pháp tự tứ hay Yết ma tự tứ bao gồm hai thể thức yết ma là Bạch nhị yết ma sai người nhận tự tứ và người được cử nhận tự tứ sẽ làm phép đơn bạch hòa tăng tự tứ (nếu không tính yết ma sai người hành xá-la[2]).

**** Nghi thức tự tứ của Tăng**

1- Tập tăng
2- Nghi thức lễ Phật, lễ tổ
3- Kiểm chúng số
4- Yết ma tự tứ

*** Tiền phương tiện.**

Tăng đã tập họp đầy đủ trong giới trường,
Thượng tọa hỏi: Tăng đã họp chưa?
Duy na đáp: Tăng đã tập họp.
Hỏi: Hòa hợp không?
Đáp: Hòa hợp.
Hỏi: Người chưa thọ giới Cụ túc đã ra chưa?

---

2 Xá-la nghĩa là hành trù (thẻ). Thẻ có 2 loại: thẻ màu trắng dùng để kiểm số chúng và thẻ màu đen dùng để lấy biểu quyết.

Đáp: Đã ra.

Hỏi: Có các Tỳ kheo không đến nhưng gởi dục Tự tứ không?

(Nếu có Tỳ kheo vì lý do sức khỏe không đến dự nhưng nhờ tác bạch thì đáp: "Có Tỳ kheo… xin gởi dục Tự tứ")

Hỏi: Có Tỳ kheo Ni đến thỉnh giáo giới Tự tứ không?

(Nếu không có thì đáp: Không. Nếu có thì đáp: "Có", và cho gọi sứ giả Ni vào. Sứ giả vào đảnh lễ Đại Tăng, tác bạch cầu xin)

*(*Chư Tỳ kheo Ni đảnh lễ ba lạy, quỳ xuống và tác bạch)

"Bạch Đại Đức Tăng, chư Tỳ kheo Ni Tăng an cư kiết hạ 3 tháng đã hoàn mãn, Tăng sai chúng con Tỳ kheo Ni... và Tỳ kheo Ni… đến Đại Tăng vì chư Tỳ kheo Ni Tăng cầu xin Tự Tứ, nếu thấy, nghe và nghi có tội xin Đại Đức Tăng bi mẫn chỉ giáo. Nếu chúng con thấy có tội sẽ như pháp sám hối". (Bạch 3 lần)

(Nếu có Tỳ Kheo nào thấy có điều gì cần chỉ giáo thì nói, nếu không thì im lặng.)

Thượng Tọa khuyến tấn: *"Tất cả Đại Đức Tăng đều im lặng như thế nhận biết là thanh tịnh, chư Ni hãy như pháp Tự tứ, cẩn thận chớ buông lung".*

Sứ giả Tỳ kheo Ni đáp: "Y Giáo Phụng Hành".

(Hoặc Thượng tọa giáo giới ngắn gọn:

"Tri mạc phóng dật"

Đáp: "Y giáo phụng hành". (Đảnh lễ 3 lễ rồi lui ra)

(Sau khi Sứ giả Ni lui ra)

Hỏi: Tăng nay hòa hợp để làm gì?

Đáp: Yết ma Tự tứ.

* **Yết-ma sai người nhận Tự tứ.**

(Các bộ Yết ma qui định rằng Tăng khi làm pháp Yết ma sai người nhận Tự tứ. Người nhận Tự tứ phải có đủ 5 phẩm tính: 1. Không yêu. 2. Không ghét. 3. Không sợ hãi. 4. Không si mê. 5. Biết ai đã Tự tứ và ai chưa Tự tứ)

Hỏi: "Trong chúng có nhân giả nào làm người nhận Tự Tứ không?"

Người có khả năng nhận Tự tứ đáp: "Tôi Tỳ Kheo ... xin kham nhận"

Thượng Tọa bạch Yết Ma Tăng sai: *"Xin Đại Đức Tăng lắng nghe, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay sai Tỳ Kheo ... làm người nhận Tự Tứ. Đây là lời tác bạch. Yết Ma như thế có thành không?"* (hỏi 1 lần)

Đại chúng đáp: Thành.

Thượng Tọa bạch: *"Xin Đại Đức Tăng lắng nghe, Tăng sai Tỳ kheo... làm người nhận Tự Tứ, các Trưởng lão nào chấp thuận Tăng sai Tỳ kheo… làm người nhận Tự Tứ thì im lặng. Ai không chấp thuận thì hãy nói lên"*. (hỏi 3 lần)

"Tăng đã chấp thuận Tăng Tỳ kheo... làm người nhận Tự Tứ vì im lặng, tôi xin nhận biết như vậy".

(*) Lưu ý: Mỗi lần yết ma tăng sai chỉ có thể từ một đến ba vị. Và, phép sai người nhận tự tứ phải được thực hiện bằng hai phép yết ma (một là phép Yết ma sai người nhận Tự Tứ, hai là đơn bạch để hòa Tăng Tự Tứ).

*** Phép đơn bạch tự tứ:**

Các vị Tỳ kheo được thọ sai ra đảnh lễ, một vị đại diện tác pháp tự tứ:

"Đại đức Tăng lắng nghe. Ngày nay trong chúng Tăng tự tứ. Thuận theo Tăng thời đã đến, Tăng bằng lòng nghe cho, Tăng hòa hợp tự tứ. Đây là lời tác bạch".

*** Chính thức Tự tứ.**

Các vị Thượng tọa Tự tứ trước, kế đến theo thứ tự Tự tứ. Nếu Tăng chúng đông mà không gian chật hẹp thì có thể Tự tứ giản lược.

Người tự tứ ra lễ người nhận tự tứ một lễ và bạch:

"Đại đức nhất tâm niệm, hôm nay chúng Tăng Tự tứ, con Tỳ-kheo (...) cũng Tự tứ. Nếu thấy, nghe hoặc nghi con có tội, xin Đại đức thương tưởng chỉ bảo. Nếu con thấy có tội, sẽ như pháp sám hối" (3 lần)

Người nhận Tự tứ nói: Thiện

Người Tự tứ đáp: Nhĩ

Sau khi chúng tăng lần lượt tự tứ xong, các vị nhận tự tứ bước ra giữa tăng, một vị đại diện bạch:

"Tăng nhất tâm tự tứ đã xong".

Tụng Hồi hướng…

**** Nghi thức tự tứ của Ni**

Nghi thức tự tứ của ni tương tự như của tăng. Tuy nhiên có thêm phần yết ma sai sứ ni đến bên đại tăng cầu tự tứ cũng như truyền thọ lại lời của đại tăng về đến giới tràng ni. Phép này được thực hiện trước Yết ma tự tứ.

*** Yết ma sai sứ ni đến giữa đại tăng cầu tự tứ:**

Luật Thập Tụng dạy: Nên sai hai vị Tỳ kheo ni lanh lợi, biết pháp mà đến giữa Đại tăng để cầu tự tứ. Tác bạch hòa tăng như sau:

"Nay chúng tăng hòa hợp để làm gì?"

Đáp: "Yết ma sai Tỳ kheo ni… đến giữa Đại tăng để cầu ba việc tự tứ"

"Đại tỷ tăng lắng nghe! Nếu đã đến lúc tăng yết ma thì tăng hãy bằng lòng việc chúng tăng sai Tỳ kheo ni…, vì Tỳ kheo ni tăng đến giữa Đại tăng để cầu ba việc tự tứ: thấy - nghe - nghi. Tôi xin bạch như vậy".

"Đại tỷ tăng lắng nghe! Nay sai Tỳ kheo ni…, vì Tỳ kheo ni tăng đến giữa Đại tăng để cầu ba việc tự tứ: thấy - nghe - nghi. Trong các Đại tỷ ai bằng lòng việc tăng sai Tỳ kheo ni…, vì Tỳ kheo ni tăng đến giữa Đại tăng để cầu ba việc tự tứ: thấy - nghe - nghi, thì im lặng. Ai không bằng lòng xin nói ra. Yết ma có thành không?"

"Tăng đã bằng lòng sai Tỳ kheo ni… vì Tỳ kheo ni Tăng đến giữa đại Tăng để cầu ba việc tự tứ: thấy - nghe - nghi. Tăng đã bằng lòng vì im lặng, việc này xin ghi nhận như vậy".

***Sứ ni đến bên Đại tăng cầu tự tứ:**

Luật dạy nên khẩu sai 2-3 người để làm bạn cùng đi. Đến bên Đại tăng đảnh lễ Đại tăng rồi chắp tay bạch:

"Bạch Đại đức Tăng! Tỳ kheo ni tăng hạ an cư xong. Tỳ kheo tăng hạ an cư cũng đã xong. Tỳ kheo ni tăng xin cầu Đại tăng nói ba việc tự tứ: thấy, nghe, nghi. Xin Đại đức tăng thương xót chỉ

bảo cho chúng con. Nếu chúng con thấy tội sẽ như pháp sám hối" (3 lần)

Sau khi Sứ ni bạch xong, Thượng tọa cùng Đại tăng sẽ ban lời sách tấn, Tỳ kheo ni thọ sai sau khi nghe lời sách tấn, đáp:

"Y giáo phụng hành" (3 lần)

Sau đó lễ 3 lạy rồi lui ra, trở về giới tràng Ni

Khi Tỳ kheo ni tăng vân tập tự tứ, Tỳ kheo ni thọ sai đến giữa Đại ni mà bạch rằng:

"Bạch Đại tỷ tăng! Tăng sai tôi, Tỳ kheo ni… đến giữa đại Tăng để cầu ba việc tự tứ: thấy - nghe - nghi. Nhưng đại chúng từ trên xuống dưới đều im lặng, không ai thấy nói có tội, bởi vì ni chúng, bên trong biết ngăn ngừa ba nghiệp thân, miệng, ý nên bên ngoài không có ba việc thấy, nghe, nghi; trong ngoài đều thanh tịnh không khuyết phạm. Tuy nhiên, Thượng tọa dạy, mỗi mỗi ni chúng đều nên như pháp mà siêng năng, tinh tấn hành đạo, cẩn thận chớ có buông lung và hãy như pháp mà tự tứ".

Sau khi tuyên xong thì chư ni chấp tay đồng nói:

"Y giáo phụng hành"

Tiếp đến là ni tăng lần lượt tự tứ (nghi quỹ tương tự như nghi quỹ của Tăng đã nói ở trên)

4. Một số vấn đề khi tự tứ

Khi tự tứ có phải (trước hoặc sau) thuyết giới hay không? thì có các quan điểm khác nhau như sau:

+ Theo Luận Minh Liễu thì yêu cầu trước phải thuyết giới, sau mới tự tứ.
+ Theo Luật Tứ Phần thì Phật cho phép không cần thuyết giới khi tự tứ vì tự tứ chính là thuyết giới.
+ Ngài Đạo Tuyên (đời Đường) và ngài Nguyên Chiếu (đời Tống) đưa ra ý kiến có thể thuyết hoặc không, tùy vị Thượng tọa cân nhắc.

Vd: Nếu tăng chúng ít hoặc chỉ có Đối thú hay Tâm niệm thì thời gian tự tứ tương đối ngắn, có thể thuyết giới xong rồi tự tứ hoặc ngược lại. Còn tự tứ thời gian dài thì không cần thuyết giới.

- Vì tự tứ là phép yết ma của chúng nên dù đủ chúng hay không đủ chúng, cho đến cả Tâm niệm thì đều không được tác pháp với người chưa thọ giới cụ túc.
- Khách Tỳ kheo tự tứ nếu ít, khi thường trú đã tự tứ xong thì phải tùy hỷ báo cáo thanh tịnh.
- Nếu khách bằng hoặc nhiều hơn trụ xứ thì phải làm lại tự tứ (có nhiều cách xử lý để đỡ ảnh hưởng, vất vả cho Tăng thường trụ).

- Nếu 4 người trở xuống làm Đối thú tự tứ hoặc đã kết thúc mà ngay ngày hôm đó lại có Tỳ kheo vào trong giới thì phải căn cứ vào số người có mặt trong cương giới mà tự tứ.
- Vd: Nếu trong giới có 4 người tự tứ xong, sau đó lại có 2 khách tới thì lại phải căn cứ vào phép 6 người mà tự tứ hoặc 5 người… Hai người thường trú gặp hai người khách đối thú lại.
- Đối với tiền an cư thì thời gian an cư phải đến hết 15/7 mới được kết thúc. Nếu tự tứ ngày 14 hoặc ngày 15 thì đều không được ra khỏi cương giới. Nếu qua đêm sẽ phá hạ và không được tuổi.
- Tự tứ phải được thực hiện trong đại giới tác pháp an cư, không được đến trong giới tràng mà tự tứ (an cư ở đâu, tự tứ ở đó)…
- Nếu trong bổn giới, Tăng đoàn không hòa hợp hoặc không tiến hành được tự tứ, hoặc có nạn duyên… với tình hình như vậy thì có thể thọ nhật, đến chùa khác tự tứ, chứ không được vô cớ đến tự tứ ở chùa khác.
- Phẩm vật cúng dường cho chư Tăng an cư ở bổn giới, tức là phần thưởng dành cho người an cư ở nơi đó, tùy theo loại an cư mà phân chia cho đều, không được chia cho người không an cư.

Chương XV

Hiện Thân Của Giới Luật

Đức Phật dạy chúng ta sự khác biệt đáng kinh ngạc giữa hình thức bên ngoài của những chuẩn tắc hay giới luật và sự thể hiện hay nội tâm hóa của chúng. Các giới luật xác định các hành động chuẩn mực mà các Tăng sĩ phải thực hiện. Những văn bản và Giới Đàn cung cấp hướng dẫn rõ ràng về những gì tạo nên hành vi đạo đức trong khuôn khổ Luật chế. Năm giới cấm giết người, trộm cắp, tà dâm, nói dối và say sưa là những công thức quy phạm căn bản nhất mà từ đó Phật tử tại gia có thể phát tâm thọ nhiều giới hơn. Các giới tử lặp lại những giới luật này trong các nghi lễ trước khi tuân thủ chúng như những quy tắc để nhắc nhở họ về sự cam kết đối với một lối sống đạo đức.

Các Giới Đàn được tổ chức trang nghiêm chỉ ra rằng có những hệ thống nghi thức để tuân thủ

một cách có đạo đức. Việc hiểu và tôn trọng các nguyên tắc cốt lõi bao gồm việc thực hành này trở nên đơn giản hơn đáng kể. Giới thứ nhất trực tiếp đề cập đến việc không sát sinh và yêu cầu các cá nhân ngừng cố gắng sát hại hoặc làm hại chúng sinh. Hướng dẫn rõ ràng này giúp mọi người thừa nhận tầm quan trọng của bất bạo động và lòng từ bi trong cuộc sống hàng ngày của họ, chẳng những thế mà ngoài việc không sát sanh còn phải phát tâm phóng sanh hay bảo vệ sự sống của tất cả muôn loài chúng sanh. Tương tự như vậy, giới không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rươu nhấn mạnh tầm quan trọng của tính xác thực, cung cấp hướng dẫn cho các cá nhân về cách trau dồi tính chính trực trong suy nghĩ, hành vi và lời nói của họ. Nhờ tính rõ ràng, các quy định này rất dễ hiểu và thiết lập nền tảng vững chắc cho hành vi đạo đức. Người ta thấy một thái độ cứng rắn hay hời hợt theo nghĩa là người ta không hiểu tại sao lại có những quy tắc như thế và người ta chỉ giữ hình thức bên ngoài mà giới luật yêu cầu. Giữ giới không quyết định giá trị thực sự của giới luật chỉ ở mặt hình thức; đúng hơn, việc tiếp nhận chúng sẽ dẫn đến việc tạo ra những suy nghĩ và cảm xúc phù hợp với các nguyên tắc mà chúng chứa đựng. Nội tâm hóa có nghĩa là người ta giữ giới một cách

tinh mật và cẩn trọng vì biết rõ tại sao mình lại làm như vậy. Ví dụ, việc không sát sinh là nuôi dưỡng sự tôn trọng mọi sinh vật và một tư duy từ bi hơn là không lấy đi sự sống. Tương tự như vậy, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu đòi hỏi phải phát triển tính trung thực trong suy nghĩ, lời nói và hành động để luôn tôn trọng và bắt nguồn từ sự tôn trọng sâu sắc đối với nhân phẩm của mình và hạnh phúc an lạc của người cũng như muôn sinh loại.

Điều đáng chú ý là việc tuân theo những giới luật được thấm nhuần và tiếp thọ này trở thành một nguyên tắc sống động hướng dẫn suy nghĩ, lời nói và việc làm chứ không chỉ đơn thuần là hình thức. Điều cần thiết là phải phát huy bất kỳ hình thức phát triển tiến bộ nào về mặt đạo đức và tinh thần. Những người sống theo giới luật có một cuộc sống đạo đức dựa trên sự nhận thức sâu sắc về mối quan hệ qua lại của vạn vật với nhau và hậu quả của hành động của họ, chứ không phải là các quy tắc. Điều này dẫn đến hành động thực sự nhạy cảm và tử tế khi nền tảng của hành vi đạo đức xuất phát từ sự quan tâm chân thành đến người khác thay vì sợ bị trừng phạt hoặc khen thưởng. Do đó, nó cho thấy sự thể hiện tự nhiên của giới luật là sự phản

ánh sự thấu hiểu các giá trị từ bi và trí tuệ trong tâm thức.

Một trong những cách quan trọng nhất để duy trì kỷ luật và sự trong sạch trong cộng đồng là tuân thủ các giới luật một cách nghiêm túc. Một cấu trúc phù hợp càng thiết lập một hệ thống đạo đức chung thì các thành viên càng coi trọng hệ tư tưởng hết sức giá trị này; do đó, Tăng đoàn sẽ phát triển sự gắn kết trong ý niệm thanh tịnh và hòa hợp. Cuối cùng, điều này sẽ dẫn đến động lực bên trong để tạo nên các giá trị tối thượng. Các hoạt động khác ngay cả trong giới Cư sĩ tại gia về những lĩnh vực sinh sống cũng sẽ được giải quyết vấn đề nội tâm hóa này bằng cách nâng cao nhận thức về suy nghĩ và hành động của một người đối với mọi người. Với giới luật, một hành giả có thể đánh giá tốt hơn những hành hoạt của mình, chỉ ra những thiếu sót của mình ở đâu và tiếp tục phát triển các giá trị trí tuệ, từ bi và đạo đức trong chính mình.

Sự khác biệt giữa các quy tắc chính thức và việc áp dụng chúng theo nghĩa thực tế trở nên đặc biệt rõ ràng khi người ta chuyển sang các tình huống khó xử về đạo đức và các vụ án phức tạp. Các trường hợp cụ thể thường yêu cầu có sự hiểu biết chi tiết và áp dụng các quy tắc đó, trong khi các

quy tắc chính thức chỉ đơn giản cung cấp một số mệnh lệnh trực tiếp. Ví dụ, ngay cả khi nguyên tắc trong câu trước cấm giết người, một tình huống có thể nảy sinh là người ta phải xem xét ý định đằng sau một hành động. Bằng cách không gây tổn hại, sự hiểu biết thể hiện dựa trên lòng bi mẫn và sự phủ nhận rõ ràng cho phép người hành nghề sinh sống sử dụng một phương pháp đạo đức đáp ứng cả nội dung lẫn hình thức của giới luật, ngay cả khi điều đó mâu thuẫn với những gì đúng trong những trường hợp đó. Việc áp dụng giới luật một cách hiệu quả nằm ở tính linh hoạt và chiều sâu của chúng trong những điều kiện thay đổi liên tục. Ví dụ Giới không được sát sanh gồm có nhiều chi tiết nhưng căn bản là không được tự mình sát hại, không được xúi dục hay ra lệnh người khác sát hại và cũng không được tán thành sự sát hại đối với bất cứ sự sống nào ngay cả đó chỉ là một vi sinh vật mà với đôi mắt thường không thể nhìn thấy.

Hiện thân của giới luật trong đời sống của một Phật tử có nghĩa là sự tiếp thu sâu sắc các nguyên tắc đạo đức vượt xa mức độ tuân thủ đơn thuần bên ngoài. Điều này nhằm phát triển động cơ bên trong cho cuộc sống thông qua chánh pháp, do đó, hành vi đạo đức chỉ trở thành sự thể hiện tự nhiên các giá

trị của một người sống đúng chánh pháp. Do đó, nó vượt trên sự nhận thức đơn thuần vì nó chính là bản thể của một người đạo đức. Việc nội hóa những khái niệm như vậy là rất quan trọng, vì nó biến những chỉ dẫn bên ngoài thành những điểm la bàn bên trong hướng dẫn hành động một cách hiệu quả theo giáo lý Phật giáo.

Việc lãnh thọ giới luật đòi hỏi phải tích hợp việc thực hành đạo đức với thiền định và trí tuệ. Kết quả là, hiện thân của giới luật chuyển từ sự tuân thủ bên ngoài sang một khung đạo đức nội tại hướng dẫn hành vi theo bản năng nhưng, quan trọng hơn là theo hạnh nguyện. Theo nghĩa đó, hiện thân của giới luật đề cập đến việc sử dụng các nguyên tắc đạo đức một cách thực tế và nhấn mạnh cách các giới luật được nội tâm hóa hỗ trợ một người trong việc theo đuổi sự phát triển định lực và trí tuệ tối thắng.

Đối với người Phật tử, tuân thủ nghiêm mật là ứng dụng đạo đức trong đời sống. Nó hướng dẫn hành vi theo hướng không gây hại, bảo đảm tính trung thực chánh niệm và tỉnh giác, nó không chỉ đơn thuần là một yêu cầu pháp lý đối với hành vi. Một người luôn sống theo những giới luật đạo đức này, được thúc đẩy bởi sức mạnh của lòng từ bi và

trí tuệ, chắc chắn sẽ sống một cuộc sống xứng đáng với sự phát triển tâm linh và sự an lạc nội tâm. Những người sống theo giới luật sẽ luôn có toàn quyền kiểm soát tâm trí và hành động của mình, điều này đặt họ vào trung tâm khát vọng cốt lõi của Phật giáo đó là hoàn toàn xóa bỏ mọi phiền não đau khổ và đạt được giải thoát, giác ngộ viên mãn.

Giới luật như một công cụ rèn luyện nhận thức giúp các cá nhân đạt được sự tự điều chỉnh và nhận thức. Người Phật tử hướng tới mục tiêu vượt lên trên những giới hạn của bản ngã và ham muốn, những thứ được coi là nguyên nhân rõ ràng đưa dẫn đau khổ. Giới luật chính là sức mạnh nội tại có khả năng cho phép chuyển hóa và phát triển tạo ra sự cân bằng tinh tế giữa đạo đức nghiêm ngặt và sự hiểu biết cũng như lòng từ bi, không bị đóng khung trong giáo điều, trong khi thực hiện các hành vi đạo đức nhưng vẫn duy trì một mức độ linh hoạt nào đó.

So sánh và ý nghĩa

Sự so sánh giữa đạo đức nghiêm ngặt và sự hiểu biết và từ bi chứng minh rằng đạo đức Phật giáo không hề tĩnh tại. Ngược lại với nền tảng của sự hiểu biết và từ bi như vậy mà đạo đức nghiêm ngặt

sẽ cung cấp một nền tảng vững chắc cho hành vi đạo đức về phía người thực hành, qua đó hành giả hành trì giới luật biểu hiện sự chính trực về mặt đạo đức và trên thực tế, trí tuệ được hấp thụ sẽ phát triển mức độ linh hoạt và đồng cảm cao hơn, điều này sẽ cho phép các hành giả phản ứng một cách thận trọng trước các tình huống đạo đức phức tạp hơn.

Phẩm chất phân biệt sự thực hành của Phật giáo là nó gắn liền sâu sắc với giới luật. Một người thực sự lĩnh hội được giới luật sẽ thể hiện một cách tự nhiên và sâu sắc hành vi đạo đức sâu sắc. Điều này có thể thực hiện được bằng cách thấm nhuần các giá trị vốn có trong giới luật hơn là tuân thủ các quy tắc. Một hành động như vậy thể hiện tính thực tế hoặc tính xác thực được thúc đẩy không phải bởi sự ép buộc mà bởi lòng từ bi và trí tuệ. Sự chuyển hóa sâu sắc hơn này, trong đó bên trong của hành giả hòa hợp với bên ngoài, là mục tiêu cuối cùng của việc thực hành giới luật.

Sự chuyển đổi này ảnh hưởng đến sự phát triển cá nhân theo nhiều cách. Những người đã lĩnh hội được giới luật sẽ trải nghiệm sự trong sáng hơn, cân bằng cảm xúc hơn và một hướng đi thực sự vững chắc và an định. Họ phát triển khả năng phục

hồi được cải thiện trước nghịch cảnh và những cách tốt hơn để xử lý các tình huống phức tạp trong cuộc sống một cách chính trực. Sự phát triển cá nhân này củng cố hơn nữa mối quan hệ giữa các cá nhân đã phát triển vì một người bắt đầu thể hiện lòng trắc ẩn, trung thực và tôn trọng hơn. Những thay đổi này đạt đến đỉnh cao trong một cộng đồng được ràng buộc bởi những nguyên tắc chung và sự tôn trọng lẫn nhau.

Sự hòa hợp trong cộng đồng là một kết quả thiết yếu khác bắt nguồn từ việc tiếp thu những nguyên tắc như vậy giữa các thành viên cộng đồng. Việc đặt tất cả thành viên cộng đồng vào vị trí trở thành những tấm gương tốt về chuẩn mực đạo đức sẽ nuôi dưỡng tinh thần hòa hợp và hỗ trợ, bảo đảm sự giúp đỡ, tôn trọng và tin cậy lẫn nhau. Bằng cách thúc đẩy sự gắn kết xã hội và nuôi dưỡng các mối quan hệ hợp tác trong cộng đồng, dẫn đến kết quả giảm bớt nhiều xung đột. Lợi ích của việc khuyến khích áp dụng đời sống đạo đức trong mọi lĩnh vực cá nhân và cộng đồng là điều làm tăng khả năng đạt được các mục tiêu chung và những thách thức chung thông qua việc thực hành tập thể hành vi đạo đức của cộng đồng.

Sự cân bằng giữa việc tuân thủ nghiêm ngặt quy tắc và khả năng tự điều chỉnh nội bộ này mang lại những kết quả quan trọng nó cho phép người ta xây dựng một trật tự có hệ thống nhưng đồng thời đủ linh hoạt về bản chất để điều chỉnh phù hợp với nhiều yêu cầu và tình huống bất ngờ mà các nhà hoạt động phải đối mặt. Nó cũng cho phép một người giải quyết những tình huống khó xử về mặt đạo đức bằng sự thận trọng và lòng từ bi, không quá chắc chắn khi đưa ra phán đoán trong khi vẫn đúng với bản chất của các quy tắc.

Những giới luật do Đức Phật chế định là một mô hình thực hành linh hoạt và năng động như một cách tiếp cận hành vi đạo đức càng trở nên hết quan trọng giữa bối cảnh xã hội có quá nhiều bạo động, tranh chấp và tà kiến.

Chương XVI

Đạo Đức Phật Giáo Qua Lăng Kính Giới Luật Học

Phật giáo, là một trong những tôn giáo lớn và có ảnh hưởng sâu rộng trên toàn thế giới, không chỉ dạy con người cách thức tu hành để đạt được giác ngộ mà còn nhấn mạnh đến đạo đức, những nguyên tắc sống tốt đẹp trong cuộc sống hàng ngày. Trong Phật giáo, giới luật đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc định hình nhân cách, lối sống, tư duy… cho đến tầm nhìn của mỗi hành giả giúp duy trì một cuộc sống thanh tịnh, hướng thượng và hướng thiện.

Đạo đức Phật giáo (Buddhist ethics), nói cách khác chính là những triết lý về lẽ sống, hệ thống các nguyên tắc – quy tắc hành xử và giá trị luân lý dựa trên lời dạy của Đức Phật nhằm hướng con người đến một đời sống an định, hạnh phúc, bình ổn cũng như góp phần xây dựng một xã hội hòa bình, công

bằng. Và trong Phật giáo, những nguyên tắc này – được nhìn nhận một cách rõ ràng nhất là qua lăng kính Giới luật học.

Đạo đức Phật giáo được phản chiếu qua từng giới điều mà Đức Phật đã đề ra nhằm giúp con người thanh lọc tâm trí, kiểm soát ngôn ngữ và cải thiện hành vi, hướng tới một cuộc sống lành mạnh, tránh xa điều ác, nuôi dưỡng điều thiện… từ đó mà đạt được sự bình an của nội tâm. Nó không chỉ là những điều răn cấm, mà còn là những hướng dẫn tích cực giúp con người sống đúng với bản chất thiện lương của mình, là kim chỉ nam định hướng cho sự phát triển và trường tồn của Phật pháp. Ngoài các giới điều chuyên biệt dành cho người xuất gia (10 giới Sa di/ Sa di ni, 250 giới Tỳ kheo, 348 giới Tỳ kheo ni…), còn có các giới điều thuộc phạm trù căn bản, buộc mỗi hành giả đều phải tuân theo, không luận là ở vị trí, cương vị nào, được xem là nguyên tắc cơ bản của giới luật Phật giáo:

1. Không sát sinh: Tôn trọng sự sống của mọi loài. Nguyên tắc này nhấn mạnh sự tôn trọng và lòng từ bi đối với tất cả các sinh vật.

2. Không trộm cắp: Tôn trọng tài sản của người khác, khuyến khích lòng trung thực và sự công bằng.

3. Không tà dâm: Sống một cuộc sống tình dục lành mạnh (chỉ áp dụng cho cư sĩ tại gia, với người xuất gia thì cấm dâm dục hoàn toàn), không gây tổn hại đến bản thân và người khác.

4. Không nói dối: Tôn trọng sự thật, giữ gìn lòng trung thực, ngay thẳng và uy tín.

5. Không uống rượu (hay sử dụng chất kích thích): Giữ cho tâm trí tỉnh táo, sáng suốt, tránh xa những chất gây nghiện có thể làm mất kiểm soát hành vi.

Việc thực hành giới luật giúp phát triển đạo đức cá nhân, mỗi một Phật tử sẽ xây dựng cho mình một nền tảng đạo đức vững chắc, từ đó phát triển lòng từ bi, trí tuệ và một lối sống cân bằng, đồng thời giúp kiến tạo một xã hội hài hòa, ổn định. Bởi lẽ, mỗi cá nhân là một phần tử cấu tạo và hoàn thiện bộ máy xã hội. Khi mỗi một cá nhân tuân thủ giới luật, chuẩn mực phép tắc, xã hội sẽ trở nên thái bình, giảm bớt tội phạm và xung đột. Với mỗi người xuất gia, việc trau dưỡng và thực hành giới luật chính là bước đầu tiên và cần thiết cho con đường tu tập và chuyển hóa, giúp người tu hành tránh xa những hành vi sai trái, cám dỗ và tập trung vào việc phát triển tâm linh, củng cố nền tảng vững chắc cũng như tạo ra một môi trường tinh khiết,

giúp người tu hành dễ dàng bước vào trạng thái thiền định sâu hơn. Từ đó, trí tuệ có thể phát triển một cách toàn diện và đúng đắn.

Giá trị thật sự của Đạo đức Phật giáo hay nói cách khác là Giới luật học nằm ở việc nó mang tính phổ cập đến với mọi thành phần trong xã hội, không kể là người xuất gia hay tại gia, thuộc Phật giáo hay không thuộc Phật giáo. Nó là hệ quy chiếu chung cho mọi chuẩn tắc về nhân cách và lối sống của nhân loại, trong bất kỳ thời gian cũng như quốc độ nào, nó cũng sẽ không vì thế mà mất đi giá trị cốt lõi ban đầu. Giới luật ở đây hoàn toàn không phải là thứ ràng buộc, trói giữ con người mà ngược lại, nó là sự tự do - ung dung trong thế giới sống "kỳ hoa dị thảo" mà không cần phải lo sợ, đề phòng trước những cạm bẫy, vũng lầy của vật dục.

Một người tự do thực sự là người hoàn toàn ý thức và làm chủ được mình đang nghĩ gì, nói gì và làm gì… chứ không phải là buông lung trong vô định. Họ biết họ đang ở đâu, nơi vị trí nào và là người thẩm phán quyền lực nhất trong cuộc đời của họ. Do đó, giới luật của Phật giáo vượt ra ngoài ranh giới của tôn giáo, nó – nói cách khác – chính là giáo dục, là vị thầy tối thượng có quyền thay Phật giáo huấn chúng ta. Chính vì thế mà Đức Phật

đã dạy: *"Sau khi ta diệt độ các ông hãy lấy giới luật làm thầy"* (Kinh Di Giáo).

Thông qua giới luật mà nền giáo lý minh triết của Đức Phật càng được sáng ngời hơn bao giờ hết, bởi lẽ, đó không phải là thứ lý thuyết viễn vông được dựng lên bởi một đấng toàn năng ngoài sức tưởng tượng, mà đó chính là một "nền học thuyết Sống", là "giá trị Sống" cho "con người Sống", một con đường dẫn đến siêu thường nhưng lại vô cùng bình phàm, thực tế. Đức Phật dạy *"Không chấp trước nên sống an vui, sống an vui rồi thì đó là Niết bàn"*[1], Niết bàn ngay tại đây và ngay lúc này, do chính mình tạo dựng và có thể có được từ những giây phút thực tại chứ không phải tìm cầu từ một ai hay một nơi nào khác.

Giới luật Phật giáo đánh giá cao tinh thần tự giác, tự kiểm điểm, tự kỷ luật, tự kiểm soát và tự làm mới, nó vạch ra con đường để chúng ta tự quán chiếu và thực hành vì chính lợi ích của mỗi người. Đức Phật không bắt người khác phải tuân theo như một mệnh lệnh bất khả kháng mà là một hướng đi chúng ta có quyền lựa chọn. Do vậy, các giới điều trong giới luật Phật giáo còn mang ý nghĩa là "Biệt giải thoát" (giữ giới nào giải thoát giới đó, trì

1 Kinh Tạp A Hàm, quyển 2

được giới nào thì an vui ở giới đó). Qua đây có thể thấy, giới luật Phật giáo không những là kim chỉ nam cho một lối sống đạo đức mà ngay cả bản thân giới luật cũng chính là Đạo đức, là tính dân chủ và nhân văn cao nhất ngay trong chính nội hàm của nó. Một người trì giới thật sự, càng nghiêm khắc rèn giũa bản thân bao nhiêu lại sẽ càng bao dung với người khác bấy nhiêu, vì ở họ đã phát huy một cách trọn vẹn lòng từ bi, sự tôn trọng cao nhất, một trái tim biết yêu thương và chia sẻ đối với mọi loài. Nơi nào có giới và luật hiện tồn, nơi đó có hài hòa và an lạc.

Trong một thế giới hiện đại đầy cởi mở như ngày nay, việc thực hành và truyền bá đạo đức vừa là cơ hội nhưng cũng lại là thách thức. Nền văn minh vật chất và hưởng thụ càng cao kéo theo đó là sự xuống cấp trầm trọng của các giá trị truyền thống chuẩn mực. Với quan niệm ***"chỉ duy nhất một lần được sống"*** mà con người ngày càng có khuynh hướng chiều chuộng bản thân vô độ, dù cho có phải làm tổn hại đến người khác hay rối loạn trật tự xã hội; hoặc với những áp lực từ công việc và cuộc sống hàng ngày mà con người như thể bị cuốn vào guồng quay bất tận… dẫn đến việc định hình các giá trị đạo đức vì lợi ích chung phần

nào đã bị lệch lạc. Chỉ khi dưới sự trả lời của nhân quả, con người mới thật sự nhìn lại những suy nghĩ và hành vi của mình, nhưng không phải ai cũng có cơ hội để kịp thời điều chỉnh.

Do đó, đứng trước những thách thức to lớn của thời đại, vai trò của giới luật Phật giáo ngày càng cần phải được nêu cao hơn bao giờ hết. Đó là những phương tắc cơ bản, là công thức chung mang lại các giá trị thịnh phồn, ổn định, an lạc ngay cả trong hiện tại và tương lai, phù hợp cho sự phát triển tổng thể của xã hội, đồng thời cũng hợp ứng với cán cân nhân quả. Chỉ khi nền đạo đức toàn triệt ấy được tuyên dương và lưu bố thì con người mới thật sự tìm về được chính mình, sống đúng với Phật tánh, thiện tâm nơi mình và xây dựng một thế giới thái bình lâu dài.

Tóm lại, Giới luật trong Phật giáo không chỉ là những quy tắc giúp điều chỉnh hành vi mà còn là con đường dẫn tới sự phát triển toàn diện về đạo đức và tâm linh. Việc tuân thủ giới luật giúp mỗi người sống một cuộc sống ý nghĩa, an lạc và đạt tới giác ngộ. Trong bối cảnh hiện đại, giới luật vẫn giữ nguyên giá trị và cần được thực hành một cách linh hoạt khéo léo nhưng lại rất nghiêm túc. Mỗi Phật tử cần nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng

của giới luật, không ngừng rèn luyện và thực hành, chuyển hóa bản thân nhằm góp phần kiến tạo một xã hội hài hòa và an lạc.

Việc tuân thủ và thực hành giới luật cần được thúc đẩy và khuyến khích trong mọi thành phần xã hội, từ người cư sĩ tại gia đến trong giới xuất gia tu hành. Nó phải được phát huy từ những tế bào nhỏ nhất của xã hội như gia đình (đạo đức gia đình), trường học (đạo đức học đường), nơi làm việc (đạo đức nghề nhiệp)… cho đến toàn thể cộng đồng, bao gồm cả thế giới.

Trên nguyên tắc bảo vệ sự sống, tôn trọng quyền sở hữu cá nhân, giữ gìn nhân phẩm, đề cao lòng trung thực và nuôi dưỡng một tâm trí tỉnh táo, mỗi người sẽ là mỗi phần tử gieo những hạt giống thiện lành trên mảnh đất chung, làm tươi đẹp hóa thế giới này.

Chương XVII

Kết Luận

Thọ trì giới luật là một tập hợp các lý tưởng và giá trị đạo đức hướng dẫn một cá nhân cũng như một cộng đồng trong cách ứng xử các truyền thống đạo đức vốn có của họ. Giới luật là cơ sở minh thị cho đạo đức nhằm trưởng dưỡng định lực và tuệ giác siêu việt cho các tín đồ, bao gồm cả Phật tử tại gia và tu sĩ xuất gia. Giới luật là một bộ quy tắc, nhằm nuôi dưỡng nhân cách đạo đức, xây dựng sự tự chủ về mặt nhận thức cũng như nói năng và hành động chân chính thánh thiện.

Chính Đức Phật đã chế định những quy tắc này dựa theo những vi phạm của những người theo tu học với Ngài với mục đích kép là điều chỉnh hành vi lỗi lầm của các tăng ni và các tín đồ đồng thời thiết lập trật tự, quy cũ cũng như cung cấp những hướng dẫn cho sự phát triển đức hạnh cho một xã

hội đạo đức và ổn định. Trên thực tế, Đức Phật đã chế định hai bộ giới luật, một đơn giản dành cho người tại gia gồm có 5 giới, 8 giới cũng như một bộ khác bao gồm nhiều quy tắc ứng xử dành cho người xuất gia gồm có 10 giới Sa-di; các học pháp cho Thức-xoa-ma-na, 250 giới cho Tỳ-kheo, 348 giới cho Tỳ-kheo-ni và 58 giới Bồ tát. 58 giới Bồ Tát Giới là thông giới dành cho cả người Phật tử tại gia và xuất gia.

Các giới luật hết sức quan trọng vì chúng giúp ích cho một cá nhân hoặc xã hội nói chung theo nhiều cách. Việc trau dồi văn hóa đạo đức giúp một cá nhân phát triển đức kiên nhẫn, sự tác ý như lý, lòng từ bi và tính trung thực v.v… là nền tảng của một xã hội ổn định. Giới luật cũng là nền tảng thiết yếu để có được tâm thanh tịnh vốn là nhân tố chủ yếu đưa dẫn đến giải thoát giác ngộ. Về mặt xã hội, 5 giới sẽ nuôi dưỡng tinh thần đoàn kết, tin cậy và tôn trọng giữa người Phật tử.

Trong giới luật của Đạo Phật, người ta có thể tìm thấy những chuẩn tắc mà sự thực hành sẽ tạo nên một giá trị tổng thể hết sức thù thắng. Dù đã được Đức Phật chế định từ hơn 2600 năm trước, tuy nhiên các học thuyết đạo đức tạo thành những lời khuyên thực tế vô giá và những hiểu biết sâu

sắc vẫn còn giá trị đối với mọi người trong thời đại đương đại. Những nguyên tắc này vẫn có khả năng hữu hiệu trong việc kiến lập mối tương tác hài hòa, tương kính qua lòng từ bi và trí tuệ, duy trì sự trung thực, hòa bình, bất bạo động vì ảnh hưởng sâu sắc của chúng đối với hành vi đạo đức và phúc lợi tinh thần trong mọi lĩnh vực của cuộc sống.

Kết quả là, giới luật là những định hướng đáng tin cậy để giải quyết những tình huống khó xử về mặt đạo đức mà con người ngày nay phải đối mặt trong thực tế.

Về bản chất, giới luật là những ngọn hải đăng dẫn đường và soi sáng nếp sống đạo đức của con người trong bối cảnh sinh thái khẩn cấp, những tiến bộ công nghệ nhanh chóng đột ngột và sự biến đổi xã hội phức tạp. Giới luật kêu gọi mọi người sống ngay thẳng về mặt đạo đức, tránh điều ác, làm điều thiện và tịnh hóa tâm thức của mình từ đó sống một cuộc sống mang tính xây dựng và có ích cho cả thế giới nhân loại và muôn loài chúng sanh. Sự phát tâm thọ trì giới luật sẽ hồi sinh sức mạnh đạo đức và làm nổi bật khả năng thích ứng của các tiêu chuẩn đạo đức truyền thống.

Việc giữ giới hỗ trợ mạnh mẽ cho sự phát triển tâm linh của người tu tập và rất có lợi cho những

người khác trong cộng đồng. Cốt lõi để giải quyết tất cả các tình huống khó xử về mặt đạo đức tiềm ẩn trong xã hội hiện đại thực sự nằm ở những hướng dẫn nghiêm ngặt của giới luật Phật giáo.

Cộng đồng cư sĩ và Tăng đoàn đầu tư vào việc chia sẻ, thực hiện và quảng bá giới luật ở cấp độ cộng đồng, bảo đảm rằng những tác động tích cực của chúng sẽ mang lại kết quả lâu dài và bền vững.

Các hoạt động đào tạo và tập trung vào việc áp dụng thực tế các giới luật sẽ nâng cao nhận thức của mọi người về khả năng áp dụng và quay về Phật tính vốn đang hiện hữu một cách hằng hữu trong mỗi chúng sanh. Điều đó sẽ cho phép chúng ta, với sự chung tay, cùng nhau giữ những giềng mối đạo đức cao hơn và xây dựng một môi trường văn hóa lành mạnh, một xã hội hòa bình và thức tỉnh hơn nhằm hướng tới trách nhiệm chung được dẫn dắt bởi trí tuệ siêu việt của Đức Phật.

Thư Mục
Tài Liệu Tham Khảo

- Kinh Tăng Chi Bộ
- Kinh Tăng Nhất A Hàm
- Kinh Tạp A Hàm
- Xá Lợi Phất Vấn Kinh
- Kinh Phật Thuyết Trai
- Kinh Ưu Bà Tắc Giới
- Kinh An Lạc
- Kinh Bảo Ngũ
- Kinh Đại Bảo Tích
- Kinh Di Giáo
- Phạm Võng Kinh Bồ Tát Giới Bổn Giảng Ký, Pháp sư Thích Diễn Bồi, Sa môn Thích Trí Minh (dịch),
- Linh Sơn Pháp Bảo Đại tạng Kinh, Ngũ Phần Luật
- Linh Sơn Pháp Bảo Đại tạng Kinh, Tứ Phần Luật (Dharmagupta)

- Linh Sơn Pháp Bảo Đại tạng Kinh, Ma Ha Tăng Kỳ Luật
- Linh Sơn Pháp Bảo Đại tạng Kinh, Luật Thập Tụng
- Tứ Phần Luật Tỳ kheo Ni Sao Ma Ha Tăng Kỳ Luật Tư Ký, Sa môn Đạo Tuyên,
- Đổng Diệp Luật (銅鍱部, S: Tāmraparṇīya, P: Tambapaṇṇiya), Pháp Hiển Đại sư,
- Thiện Kiến Luật Tỳ Bà Sa, Tam tạng Tăng-già-bạt-đà-la (Hán dịch)
- Bồ Đề Tư Lương Luận (菩提資糧論), Tổ Long Thọ (龍樹; Nāgārjuna), Tam tạng Đạt-ma-cấp-đa (達摩笈多, Dharmagupta) (Hán dịch)
- Đại Tỳ Bà Sa Luận, Đại sư Huyền Trang (Hán dịch),
- Đại Trí Độ Luận (Mahàprajnàparamitàsatra), Tổ Long Thọ, Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Hán dịch)
- Du Già Sư Địa Luận, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (Hán dịch),
- Chánh Lượng Bộ Luật Nhị Thập Nhị Minh Liễu Luận (Luận Minh Liễu), Pháp sư Phất-đà-đa-la-đa, Tam tạng Pháp sư Chân Đế (Hán dịch),
- Dị Bộ Tinh Thích, Nguyên Hồng (dịch),
- Pháp Hoa Nghĩa Sớ, Sa môn Cát Tạng,
- Sa Di Luật Giải Yếu Lược, Sa môn Châu Hoằng,

- Yết Ma Chỉ Nam, Chiếu Minh Luật sư (羯磨指南, 炤明)
- Tứ Phần Luật San Bổ Tùy Cơ Yết Ma, Sa môn Đạo Tuyên,
- Tứ Phần Luật San Phồn Bổ Khuyết Hành Sự Sao, Sa môn Đạo Tuyên,
- Vinaya text (2008), part 1, the Mahavagga (abridged) reverence to the Blessed One, the Holy one, the Fully enlightened one, first khandhaka (volume), (the admission to the order of bhikkhus).
- The Life of Buddha as legend and History, Edward J Thomas (2003), Munshiram Manoharlal Publishers, Delhi.
- The Buddhist Monastic Code I, The Patimokkha Rules, Thanissaro Bhikkhu (1994)
- History of Buddhism in India, Tāranātha (2010),
- The Bhikkhuni Pàtimokkha of the Six Schools, Kabilsingh
- Từ điển Phật học online
- Phật Quang Đại Từ Điển, Pháp sư Từ Di (慈怡),

CÙNG TÁC GIẢ

SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN

- Pháp Tu Quan Âm (dịch)
- Trung Luận (dịch)
- Phật Giáo Và Tâm Lý Học Hiện Đại (dịch)
- Bước Vào Thiền Cảnh (dịch)
- Đại Cương Triết Học Trung Quán (dịch)
- Đại Tạng Kinh Nhập Môn (dịch)
- Cẩm Nan Nhân Sinh (dịch)
- The Four Sublime States: Doctrine & Practice in Buddhism.
- Thập Nhị Môn Luận (dịch)
- Phật Giáo Hướng Dẫn Thế Kỷ 21 (dịch)
- Phủ Định Thức & Biện Chứng Pháp Trung Quán (dịch)
- Thiền Trong Nghệ Thuật Bắn Cung (dịch)
- Thơ: Giọt Sương Huyễn Hóa
- Thơ: Hoa Nở Trời Tây

- Lược Sử Thời Gian (dịch)
- Con Đường Dẫn Tới Hạnh Phúc Đích Thực (dịch)
- Tứ Vô Lượng Tâm
- Beginning And Development Of Buddhist Education In Vietnam (Luận Án Tiến Sĩ)
- Dharma Of Leadership: A Journey For Leaders From The Teaching Of The Buddha.
- Taking Refuge In The Buddha, Dharma, Sangha, And Receiving The Five Precepts.
- Buddhist Meditation Practice
- Bát Chánh Đạo: Con Đường Dẫn Đến An Lạc Đích Thực.
- Phật Giáo Và Khoa Học
- Phật Giáo Và Phân Tâm Học
- Phật Giáo Và Xã Hội
- The Key To Happiness: The Buddha way
- Phật Giáo Và Giáo Dục
- Kinh Tứ Thập Nhị Chương (Dịch & Giảng)
- Kinh Bát Đại Nhân Giác (Dịch & Giảng)
- Phật Giáo Và Thiên Nhiên
- Lược Sử Phật Giáo Ấn Độ
- Lược Sử Phật Giáo Tại Canada
- Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới - Cuốn 1
- Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới - Cuốn 2
- Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới - Cuốn 3

- Thiền Chánh Niệm
- Thiền Tứ Niệm Xứ
- Cẩm Nang Thành Lập Tổ Chức Phi Lợi Nhuận hoặc Tự Viện
- The Handbook of Building the Best Nonprofit Organizations or Temple.
- Pháp Môn Niệm Phật
- Mindfulness Meditation
- Tổng quan Lịch Sử Triết Học Phương Tây
- Hoa Nghiêm Khái Luận
- Pháp Hoa Khái Luận
- Tứ Diệu Đế
- Viên Giác Khái Luận / Kinh Viên Giác (Việt dịch)
- Tôn Giáo Là Gì, Phật Giáo Có Phải Là Tôn Giáo Không?
- Giới Luật Phật Giáo

SÁCH SẮP XUẤT BẢN:

- Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới - Cuốn 4
- Tổng Quan Lịch Sử Phật Giáo Thế Giới - Cuốn 5
- Phật Giáo Và Chính Trị
- Phật Giáo Và Nữ Giới
- Phật Giáo Và Nghệ Thuật
- Kinh Tăng Chi Diễn Giảng